



MAKSIM GORKY

TRẦN KHUYẾN - CẨM TIÊU dịch

NHỮNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỦA TÔI

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG



NHỮNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC CỦA TÔI



Tác giả: Maksim Gorki

Người dịch: Trần Khuyến

Cầm Tiêu

Nhà xuất bản Kim Đồng

ebook©vctvegroup

21-07-2018

LỜI GIỚI THIỆU

Những trường đại học của tôi là tác phẩm đầu tiên M.Gorky viết trong thời đại mới – thời đại Xô viết. Gorky sáng tác Những trường đại học của tôi chủ yếu vào năm 1922. Đây là tập cuối trong bộ ba tác phẩm tự thuật của ông. Những trường đại học của tôi phản ánh cuộc sống của Gorky ở Kazan (1884 – 1888) và ở làng Krasnovidovo trên sông Volga (từ tháng 6 đến tháng 9 năm 1888).

Khác với Thời thơ ấu và Kiếm sống, Những trường đại học của tôi là một tùy bút ghi nhanh. Có thể gọi Những trường đại học của tôi là một phòng trưng bày các kiểu chân dung người Nga khác nhau. Nhân vật chính liên kết những bức chân dung đó là Peskov, một chàng thanh niên đang đi tìm chân lí của cuộc sống. Chủ động hoặc ngẫu nhiên do hoàn cảnh bắt buộc, Peskov tiếp xúc với rất nhiều người, những cuộc gặp gỡ thường diễn ra trong một khoảng thời gian ngắn. Có lẽ điều đó đã quyết định cách phác họa nhân vật của Gorky trong Những trường đại học của tôi. Tuy rất ít miêu tả vẻ bề ngoài, song những chi tiết miêu tả vô cùng sắc nét. Trong mỗi bức chân dung, Gorky chỉ lựa chọn một số nét, nhưng là những nét tiêu biểu; ông xếp đặt và làm sáng tỏ những nét ấy khiến cho mỗi hình ảnh trở nên sinh động, tính cách và thế giới nội tâm của từng nhân vật đều nổi bật.

Tên gọi của cuốn sách – Những trường đại học của tôi – rất đáng chú ý. Trường đại học là nơi người ta được học những kiến thức chuyên sâu về một ngành khoa học. Gorky sử dụng số nhiều (“những trường đại học”) để nhấn mạnh không phải chỉ có một trường mà có nhiều trường. “Những trường đại học” này của Gorky là cuộc sống muôn màu muôn vẻ, hồi hả, phức tạp, rắc rối, có những sự kiện nặng nề, đôi khi kì quặc đến quái gở, tươi vui cũng có, mà âm đạm cũng có.

Tên sách không có ý mỉa mai, cũng không có vẻ hài hước, châm biếm, mà vang lên âm điệu bi thảm. Gorky kể cho chúng ta ông đã trải qua “trường đại học đường đời” gian khổ như thế nào khi còn là một thanh niên. Ngôi trường với những con người có tư chất tinh thần, tâm lí khác nhau một cách kì lạ, có những quan điểm về con người, xã hội, nhà nước... nhiều khi trái ngược hoàn toàn.

Chàng thanh niên Peskov khao khát những kiến thức sâu rộng, muốn lĩnh hội chúng một cách có hệ thống, nhưng thực tế phũ phàng đem lại cho trí tuệ ham hiểu biết nhưng còn chưa vững vàng của anh một mớ hỗn độn những ấn tượng, những quan niệm. Nhiều lần Peskov phải băn khoăn thắc mắc sau những cuộc gặp gỡ bất ngờ. Anh phải nghĩ nát óc để tự tìm ra lời giải đáp.

Mỗi người Peskov tiếp xúc trong thời kì ở “những trường đại học” đều đem lại cho anh, khi tích cực, khi thụ động, một bài học đường đời bổ ích. Peskov luôn luôn tìm kiếm, trông chờ ở họ những lời giải đáp cho bao câu hỏi quay cuồng trong đầu óc anh. Chính vì vậy, anh đã gần gũi mọi người, nghe ngóng, quan sát họ. Đây cũng là lí do vì sao ở Những trường đại học của tôi, khác với Thời thơ ấu và Kiếm sống, hầu như hoàn toàn không miêu tả đời sống hằng ngày.

Nhân vật chính của cuốn sách là chàng thanh niên Peskov, nhưng nội dung chính lại xoay quanh những con người mà Peskov tiếp xúc, thế giới nội tâm và thái độ của họ với hiện thực. Peskov không đặt “cái tôi” của mình vào trung tâm của cuộc sống xung quanh. Vấn đề làm anh băn khoăn, lo lắng nhất là làm thế nào để trở thành một người thực sự có ích cho nhân dân mình.

Peskov đã trải qua “những trường đại học đường đời” vào lúc tình hình chính trị nước Nga những năm 80 của thế kỉ XIX vô cùng phức tạp, bắt đầu sau thất bại của phong trào cách mạng dân túy. Vào thời kì này, trong một thời gian nhất định nào đấy, chủ nghĩa Tolstoy trở nên thịnh hành. Một số trí thức dân chủ đã bắt đầu tuyên truyền học thuyết Tolstoy.

Nhưng cũng vào những năm 80, học thuyết cách mạng vĩ đại – chủ nghĩa Marx – đã xuất hiện ở Nga và đang trên đà phát triển mạnh mẽ; nó xua tan bóng tối của chế độ phản động, soi sáng con đường đúng đắn duy nhất để tiến lên. Cũng vào những năm ấy, ở Kazan, người kế tục thiên tài học thuyết Marx – Engels là V. I. Lenin đã trưởng thành về mặt tư tưởng và chính trị. Ở một số thành phố đã thành lập những nhóm Marxist đầu tiên. Một trong những nhóm xuất sắc trong thời kì này là nhóm Kazan do nhà cách mạng nổi tiếng N. E. Fedoseev lãnh đạo.

Vai trò của Fedoseev trong việc tuyên truyền chủ nghĩa Marx và cuộc đấu tranh của ông chống lại phong trào dân túy đã được V. I. Lenin đánh giá cao trong bài báo *Mấy lời về N. E. Fedoseev*, Lenin viết:

“Đối với vùng Povolzhie cũng như đối với một số địa phương thuộc khu vực trung tâm nước Nga, vai trò của Fedoseev rất quan trọng; quần chúng đang ở trong bước ngoặt sang chủ nghĩa Marx và chịu ảnh hưởng rất lớn của nhà cách mạng thiên tài và vô cùng trung thành với sự nghiệp cách mạng ấy.”

Thế giới quan của Peskov trong tác phẩm tuy chưa phát triển thật hoàn thiện, nhưng con đường anh đi đã được phác họa và được xác định. Con đường đó nhất định sẽ dẫn anh đến với giai cấp vô sản, với chủ nghĩa Marx, với cách mạng.

Trong Những trường đại học của tôi, vấn đề nhân dân và giới trí thức chiếm một vị trí quan trọng. Câu hỏi “Làm gì?” thường xuyên được đặt ra trước Peskov lúc còn ở nhà ông ngoại cũng như khi đi kiếm sống giờ đây lại có một ý nghĩa mới mẻ đối với chàng thanh niên.

Thời thơ ấu và niên thiếu, Peskov đã trải qua trường học đường đời gian khổ. Nhưng sau khoảng thời gian cực nhọc ấy, chàng thanh niên đã có ước mơ về cuộc sống tươi đẹp, nhân đạo, với những “con người cao thượng”. Anh đồng ý với lời khuyên nhủ của Yevreinov, một học sinh trung học cũng hay mơ mộng và ngây thơ như anh. Anh đã tới Kazan để thi vào trường đại học. Suốt thời gian khoảng bốn năm sống ở Kazan, trong tâm trí

anh luôn diễn ra cuộc xung đột gay gắt giữa ước mơ viễn vông và hiện thực khùng khiếp.

Cuối cùng, thay cho việc vào học tại trường đại học, để khỏi chết đói, Peskov đành làm phu thợ trên các bến tàu Volga. Tại đây, sống giữa những công nhân khuôn vác, những kẻ giang hồ và kẻ cắp, anh cảm thấy mình “là một thỏi sắt được vùi vào đồng than đỏ rực”. Những “vị giáo sư” đầu tiên của anh trong “trường đại học” muôn hình muôn vẻ: Bashkin – kẻ cắp chuyên nghiệp chuyên bịa ra những bài hát “tàn nhẫn”; Chusov – một tay thợ chuyên làm những việc ám muội như tiêu thụ đồ ăn cắp. Nhiều chàng trai đã ngã theo con đường của “những người thầy” như vậy. Nhưng Peskov đã đứng vững.

Cuộc gặp gỡ với nhà cách mạng Guri Pletnyov đã giúp Peskov có ít nhiều cơ sở vững chắc hơn trong nhận thức. Anh bắt đầu tham gia hoạt động trong một nhóm cách mạng bí mật. Nhưng về sau nhóm này lại biểu lộ sự suy đồi về chính trị của giới trí thức.

Sự kiện quan trọng hơn cả trong thời kì Peskov sống ở Kazan là việc anh tham gia vào nhóm dân túy tụ tập tại cửa hiệu của Derenkov. Ở đây, sau khi tiếp xúc với những sinh viên có đầu óc cách mạng, tư tưởng của Peskov thay đổi nhiều. Nhờ hiểu biết thực tế phong phú, quan niệm của Peskov về nhân dân trái ngược với quan niệm của những người dân túy. Tuy vậy, lòng tin của những người dân túy vào phẩm chất của nhân dân mà họ “tạo ra”, lòng yêu mến của họ đối với nhân dân đã cổ vũ chàng thanh niên, tiếp thêm sức mạnh cho anh.

Peskov bắt đầu thấy rõ hoạt động của giới trí thức tách rời nhân dân sẽ không đưa lại kết quả gì. Lời nói của nhà Marxist Fedoseev đã làm cho Peskov vững tin vào lí tưởng của mình.

Trong những ngày khó khăn đi tìm chân lí ấy, trong lúc nghi ngờ sự đúng đắn của giới trí thức thuộc phái dân túy, Peskov cũng đã làm quen với “những nhà lí luận” khác của cuộc sống. Tuy họ đối địch hẳn với anh, nhưng những cuộc gặp gỡ ấy đối với anh không phải là vô ích. Anh đụng phải thái độ thụ động của những người thợ làm bánh mì, họ “chịu đựng một

cách ngoan cường” tất cả những lời nhạo báng của chủ, có đầu óc vô chính phủ và thái độ hay kêu than. Những lời nói của ông giáo dạy Sử về sự vô nghĩa của cuộc sống và sự vô ích của lao động, rằng người ta đi tìm sự lãng quên, sự an ủi, chứ đâu có phải đi tìm kiến thức – những lời nói ấy đã ảnh hưởng tới Peskov và làm anh sững sốt. Những cuộc tiếp xúc với người theo chủ nghĩa Tolstoy là Klopsky, lão cảnh sát Nikitorich càng làm cho Peskov thêm bối rối.

Thế là Peskov, vào tuổi thanh niên khó khăn nhất, đã ở giữa “đám sương mù” của những tư tưởng và lí thuyết trái ngược, đôi khi phủ định lẫn nhau. Anh thường lạc lối, cảm thấy bất lực trước những bài toán cuộc đời mà anh không thể nào giải nổi. Trong thời gian ấy, những ý nghĩ của anh về cuộc sống “không kém phần nặng nề so với chính bản thân cuộc sống” (thậm chí năm 1887, trong giây phút tuyệt vọng, Peskov đã có ý định tự tử). Thời kì “những trường đại học ở Kazan” của Peskov kết thúc một cách bi thảm như thế.

Mùa hè năm 1888, Peskov cùng với nhà cách mạng thuộc phái dân túy là Romass rời tới làng Krasnovidovo. Một giai đoạn mới trên con đường đi tìm chân lí của chàng thanh niên Peskov bắt đầu. Theo kết cấu của tác phẩm, đó là phần hai của Những trường đại học của tôi.

Cuộc sống thực tế ở nông thôn nước Nga hóa ra hoàn toàn không giống như người ta mô tả trong các bản thuyết trình ở nhà Derenkov. Peskov đụng phải chủ nghĩa cá nhân, bản năng tư hữu đã được nuôi dưỡng hàng trăm năm của chế độ nông nô, sự ngu dốt, thất học, thiếu tin tưởng vào giới trí thức. Ở đây, anh thấy rõ tình cảnh của người nông dân Nga do hoàn cảnh lịch sử gây nên. Ở đây, anh gặp nhiều người, muôn hình muôn vẻ, có trình độ nhận thức rất khác nhau. Trong cuộc mưu sinh gian khổ hằng ngày để kiếm một mẩu bánh mì, trái tim và tâm hồn con người trở nên cắn cỏi.

Nhưng đồng thời, ở mỗi người cũng có nhiều điểm tốt đẹp, dịu dàng, đôi khi là tâm hồn ngây thơ thực sự.

Izot, Barinov, Kukushkin là những con người như vậy. Họ làm cho Peskov nhớ lại một cách sinh động những người mà anh đã gặp trước đây

trong Thời thơ ấu: ngoài đường phố, sau hàng rào nhà ông ngoại; khi Kiếm sống: trên tàu thủy, ở xưởng làm tượng thánh, ở nhà người thầu khoán. Tất cả những người nông dân Nga này “đều sống mò mẫm như những người mù, tất cả đều sợ hãi một cái gì đó, không tin cậy nhau...”

Trong phần này của cuốn truyện, cảm giác vui mừng trước con đường đã tìm thấy, ý thức tham gia vào công việc thực tiễn chứ không chỉ trên sách vở ngày càng tăng.

Peskov hiểu kế hoạch của Romass có điểm hạn chế, nhưng kế hoạch ấy đã thu hút anh vì anh cảm thấy đó là kế hoạch hành động thực tế. Nhưng thực ra đó cũng vẫn chỉ là ý định thể hiện bằng đường lối hoà bình những lí tưởng cũ của phái dân túy, chưa thể giải quyết những nhiệm vụ cách mạng cụ thể đương thời. Chính vì vậy mà Romass đã không đạt được mục đích. Izot bị giết, cửa hiệu của Romass bị bọn phú nông đốt, những người bần nông mà Romass đặt nhiều hi vọng cũng không ủng hộ anh.

Peskov đã rời khỏi làng Krasnovidovo, cảm thấy cần thiết phải đi tìm một học thuyết cách mạng tích cực có khả năng chiếu sáng con đường cách mạng sau này. Thế là trước mắt chúng ta lại xuất hiện những lớp người mới, những sự kiện mới. Tiếp xúc với tầng lớp sinh viên cách mạng, với nông dân, công nhân, Peskov đã có được lòng tin vào khả năng thực tế cải tạo thế giới.

Những trường đại học của tôi là một bài ca lao động. Là người ca ngợi lao động sáng tạo của con người, trong cuốn sách này Gorky đã miêu tả những hình thức lao động khác nhau: lao động chân tay, trí óc và thẩm mỹ.

Lao động chân tay tuy vất vả, cực nhọc, nhưng đồng thời cũng rất vui thú. Cảnh bốc hàng khỏi một chiếc sà lan bị chìm đã được Gorky miêu tả một cách say sưa và thích thú. Trong đó có cả xúc cảm cao độ lẫn sự hùng vĩ, có cả màu sắc rực rỡ lẫn điệu nhạc hùng tráng. Từ bức tranh ấy toát ra khí thế anh hùng đầy chất thần thoại. Nhìn chung, đó là một bức tranh đồ sộ và là một khúc nhạc giao hưởng.

Tác giả đã trực tiếp tham gia vào bản anh hùng ca lao động ấy; nó để lại trong ý thức ông, trong cơ thể ông một niềm vui dào dạt, bất tận. Lần đầu

tiên ông rung cảm với bản trường ca hùng tráng của lao động, hiểu được “thế giới loài người dồi dào biết bao sức mạnh hùng hậu”. Ông cảm thấy những con người ấy là những dũng sĩ trong các truyện thần thoại, họ “có thể nắm lấy những tháp chuông và những gác nhà thờ của thành phố lôi đi đâu thì lôi”.

Bức tranh lao động đã hun đúc tinh thần ông, gây lòng tin không gì lay chuyển nổi vào con người lao động.

Năm 1920, trước những chiến công lao động đầu tiên của nhân dân Xô viết, Gorky đã viết một loạt bài báo và “tọa đàm” về lao động. “Lao động thật là vui vẻ và sáng khoái, không có con đường nào đi tới hạnh phúc đúng đắn hơn là con đường lao động tự do!” Bài báo ngày mùng 1 tháng 5 của Gorky Con đường đi tới hạnh phúc đã kết luận như vậy. Sau khi biết tin ngày mùng 1 tháng 5 công nhân thành phố Kostroma đã xây dựng xong ngôi nhà Nhân dân trong một ngày, Gorky viết trong bài báo Những cuộc tọa đàm về lao động: “Điều đó gần giống như trong truyện thần thoại” và tuyên bố rằng bằng con đường lao động tự do “có thể đạt được những kết quả giống như trong truyện thần thoại”.

Sự tiên đoán của ông trong Những trường đại học của tôi về tấm gương lao động dũng cảm của những người Nga sống trong xiềng xích của chế độ chuyên chế và tư bản phải chăng cũng giống những lời phát biểu tươi sáng của Gorky: “Dường như không gì có thể chống lại sức mạnh điên cuồng và phấn khởi, sức mạnh có khả năng tạo nên những điều kì diệu trên trái đất đầy thành phố và lâu đài tráng lệ như trong truyện thần thoại tiên tri.”

Thời kì “những trường đại học” là một giai đoạn quan trọng trong bước đường phát triển nghệ thuật của Aleksej Peskov – nhân vật chính trong cuốn sách của Gorky. Qua cuộc đời sáng tác của Gorky, nhất là những năm 90, chúng ta thấy thời kì Kazan là một kho tàng phong phú đối với nhà văn. Những ấn tượng của Gorky do “những trường đại học” ở Kazan đem lại là cơ sở cho những tác phẩm rất nổi tiếng như Konovalov, Hai mươi sáu anh chàng và một cô gái, Người chủ, Một chuyện xảy ra trong cuộc đời Makar...

Các nhà văn Xô viết và các nhà văn tiến bộ trên thế giới đã nhiệt liệt đón chào Những trường đại học của tôi. L.Seifullina^[1], M.Prishvin^[2], S.Zweig^[3], R.Rolland^[4] đã viết cho Gorky về ấn tượng mạnh mẽ sau khi đọc cuốn sách của ông và ý nghĩa của nó đối với nền văn học và văn hóa Xô viết.

Những trường đại học của tôi là một trong những tác phẩm của M. Gorky được V. I. Lenin ưa thích. Ngày 28 tháng Giêng năm 1924, khi kể về những ngày cuối đời của Vladimir Ilyich Lenin, N. K. Krupskaja^[5] đã viết cho Gorky như sau: “Chiều chiều tôi thường đọc cho anh ấy nghe những cuốn sách mà anh ấy chọn trong số sách được đưa từ thành phố tới. Anh ấy đã chọn cuốn Những trường đại học của tôi. Lúc đầu anh ấy đề nghị tôi đọc cho anh ấy nghe Korolenko^[6], sau đó là Những trường đại học của tôi.”

Những trường đại học của tôi của M. Gorky là cuốn sách giáo khoa về cuộc sống không bao giờ cũ đối với thanh niên Xô viết và thanh niên toàn thế giới. Đúng như lời M. Prishvin đã viết cho Gorky: “Cuốn sách này là một sự kiện lớn trong nền văn học Nga, lớp thanh niên của chúng ta sẽ học tập theo nó.” Bằng một câu chuyện đơn giản nhưng mạnh mẽ về cuộc đời chàng thanh niên Peskov, cuốn sách dạy chúng ta không sợ khó khăn, dạy chúng ta đấu tranh và chiến thắng.

Khoảng cách giữa thời kì “những trường đại học” của Peskov và ngày xuất hiện đầu tiên của nhà văn M. Gorky trên văn đàn (1892) còn phải trải qua bốn năm gian truân với nhiều chặng đường gian khó, nhưng cuối cùng Peskov cũng đã vượt qua, bởi con người ấy đã bước trên đường đời với “kiến thức đại học” độc đáo – kinh nghiệm sống phong phú, “gói hành lí” trí óc to lớn và lòng tin mãnh liệt vào con người. Với mỗi bước đường đời mới, ở Peskov đã nảy sinh Danko đẩy lòng hi sinh, Chim ưng dũng cảm và Bài ca Chim báo bão kiêu hãnh giương cánh tiếp thêm sức mạnh cho anh.

Trần Khuyển

Thế là tôi lên đường để xin vào trường đại học Kazan^[Z], không thể nào đừng được.

Người gọi cho tôi ý nghĩ xin vào trường đại học là Nikolai Yevreinov, một thanh niên dễ mến, học sinh trung học, đẹp trai, có đôi mắt dịu dàng như mắt phụ nữ. Anh ở trên gác thượng cùng một nhà với tôi. Vì thường gặp tôi cầm sách trên tay nên anh rất chú ý, và chúng tôi đã làm quen với nhau. Ít lâu sau, Yevreinov bắt đầu khẳng định rằng tôi có “những khả năng đặc biệt về khoa học”.

– Cậu vốn sinh ra để phục vụ khoa học. – Anh vừa nói vừa lắc mái tóc dài trông rất đẹp.

Lúc bấy giờ tôi chưa biết rằng ngay cả con thỏ cũng có thể phục vụ cho khoa học, và Yevreinov đã chứng minh rất hùng hồn với tôi rằng các trường đại học đang cần những thanh niên như tôi. Tất nhiên anh có nhắc đến gương Mikhail Lomonosov. Yevreinov nói rằng đến Kazan tôi sẽ ở tại nhà anh, trong suốt mùa thu và mùa đông sẽ học qua chương trình trung học, sẽ thi “mấy môn gì đó” – đây là nguyên văn lời anh nói: “mấy môn gì đó” – vào đại học tôi sẽ được cấp học bổng của nhà nước, và năm năm sau tôi sẽ trở thành “nhà bác học”. Mọi việc đều rất đơn giản, vì Yevreinov mới mười chín tuổi đầu và rất tốt bụng.

Thi trung học xong anh đi trước, khoảng hai tuần lễ sau tôi cũng lên đường.

Lúc tiễn chân tôi, bà tôi dặn dò:

– Cháu đừng có nóng nảy với người khác, lúc nào cháu cũng hăm hăm, cháu trở nên nghiêm nghị và kiêu căng rồi đấy! Cháu giống tính ông ngoại, mà ông cháu thì thế nào? Một ông già đau khổ, càng sống càng đâm ra dần

độn. Cháu phải nhớ điều này: Chúa không hay quở phạt người đời, chỉ có ma quỷ mới thích chuyện đó! Thôi, vĩnh biệt cháu...

Bà tôi đưa tay lau mấy giọt nước mắt lấm tẩm trên hai gò má nhăn nheo màu nâu sẫm và nói:

– Chắc bà cháu ta sẽ không gặp nhau nữa, cháu sẽ đi xa, nay đây mai đó, còn bà thì chẳng sống được bao lâu nữa...

Dạo gần đây tôi luôn sống xa người bà thân yêu và cũng ít khi gặp mặt, nhưng lúc này bỗng nhiên tôi đau đớn cảm thấy rằng tôi sẽ không bao giờ còn được gặp lại con người ấy, con người vô cùng gần gũi và gắn bó với lòng tôi.

Đứng ở đuôi tàu, tôi nhìn thấy bà tôi đứng trên bến, một tay làm dấu thánh giá, còn tay kia cầm góc chiếc khăn san cũ lau mặt, lau đôi mắt đen sẫm long lanh, chan chứa lòng thương yêu vô hạn đối với con người.

Và đây, tôi đã đến một thành phố nửa Tatar, sống trong một gian phòng chật chội tại một ngôi nhà một tầng. Ngôi nhà nhỏ đơn độc nhô lên trên một cái gò ở cuối khu phố nghèo nàn và chật hẹp, một mặt tường giáp với khoảnh đất trống của một ngôi nhà bị cháy, cỏ dại mọc đầy. Giữa những khóm ngải cứu, ngưu bàng và chua me, giữa những bụi cây hương mộc, nổi lên cảnh điêu tàn của một tòa nhà gạch; bên dưới là một cái hầm nhà rộng, nơi trú ngụ và cũng là nơi gửi thân của lũ chó hoang vô chủ. Tôi còn nhớ rất rõ cái hầm nhà ấy, nó là một trong những trường đại học của tôi.

Gia đình Yevreinov – một mẹ và hai con trai – sống nhờ vào món tiền trợ cấp ít ỏi. Ngay từ những ngày đầu mới đến tôi đã được trông thấy cảnh người đàn bà góa bụa bé nhỏ, tiều tụy ấy đi chợ về với vẻ buồn thảm hại, bày các thứ mua được lên mặt bàn trong bếp và giải một bài tính học búa: Phải dùng những mẫu thịt vụn tồi tàn này thế nào để nấu một món ăn ngon đủ cho ba chàng thanh niên khỏe mạnh, chưa kể phần cho chính mình.

Bà là một người trầm lặng. Trong cặp mắt xám của bà đọng lại sự ngoan cường và tuyệt vọng của một con ngựa kiệt sức: Con ngựa kéo chiếc xe lên núi, nó biết rằng không kéo nổi, nhưng vẫn cứ kéo!

Tôi đến đây được khoảng ba ngày thì một buổi sáng, khi hai con bà còn đang ngủ, tôi vào bếp giúp bà gọt khoai, bà khe khẽ và dè dặt hỏi tôi:

- Anh về đây làm gì?
- Cháu về học, cháu xin vào trường đại học.

Đôi lông mày cùng với lớp da trán vàng khè của bà dồn cả lên phía trên, lưỡi dao chạm phải làm đứt ngón tay; bà vừa cho tay vào miệng mút máu vừa ngồi xuống ghế, nhưng lại đứng lên ngay và nói:

- Ôi, quý quá thật...

Bà lấy khăn mùi soa buột ngón tay đứt lại, rồi khen tôi:

- Anh gọt khoai thạo lắm!

Còn phải nói! Rồi tôi kể cho bà nghe về thời tôi làm công trên tàu thủy.
Bà hỏi:

- Anh tưởng thế là đủ để xin vào trường đại học đấy à?

Hồi ấy tôi còn chậm hiểu những lối nói hài hước. Tưởng bà hỏi thật, tôi liền kể cho bà nghe trình tự những việc cần làm để cuối cùng cửa “lâu đài khoa học” phải mở ra trước mặt tôi.

Bà thở dài:

- Ôi dào, Nikolai, Nikolai ơi...

Vừa lúc đó Nikolai cũng bước vào bếp để rửa mặt, vẻ mặt còn ngái ngủ, đầu tóc rối bù và vẫn vui vẻ như mọi ngày.

- Mẹ ơi, giá làm được món măn thăn thì hay tuyệt!
- Được rồi.– Bà mẹ bằng lòng.

Vì muốn phô trương sự hiểu biết của mình về nghệ thuật nấu nướng, tôi mới bảo rằng thịt tồ thế này thì khó mà làm măn thăn được, đã vậy lại ít nữa.

Bà Varvara Ivanovna liền nổi giận và nói mấy câu khá gay gắt khiến hai tai tôi đỏ bừng và như mọc dài thêm ra. Bà vứt bỏ cà rốt lên bàn rồi bỏ ra ngoài. Nikolai nháy mắt ra hiệu và giải thích cho tôi về cử chỉ của bà:

- Bực mình đấy...

Anh ngồi xuống ghế dài và nói với tôi rằng đàn bà thường dễ nổi giận hơn đàn ông, đó là bản tính của họ. Một nhà bác học lớn, người Thụy Sĩ thì phải, đã chứng minh rõ ràng điều đó. John Stuart Mill^[8], một người Anh, cũng đã có ý kiến bàn về vấn đề này.

Nikolai rất thích kèm cặp tôi học, anh tận dụng mọi dịp thuận tiện để nhồi nhét vào óc tôi những điều cần thiết không thể nào thiếu để sống ở đời. Tôi lắng nghe anh như nuốt từng lời; về sau những cái tên Puocault^[9], La Rocherfoucauld^[10] và La Rochejaquelein^[11] cứ lẫn lộn trong đầu óc tôi như tất cả chỉ là một, và tôi không sao nhớ được ai đã lấy đầu ai: Lavoisier^[12] lấy đầu Dumouriez^[13], hay ngược lại? Chàng thanh niên dễ mẫn ấy thành thật mong muốn “dạy cho tôi nên người”. Anh hứa với tôi một cách chắc chắn rằng anh sẽ làm việc đó, nhưng anh không có thì giờ và tất cả những điều kiện khác để dạy tôi học một cách nghiêm chỉnh. Tính ích kỉ và sự nông nổi của tuổi thanh niên không cho phép anh thấy được mẹ anh đã lo toan việc nhà một cách khó nhọc và khôn khéo như thế nào. Em trai anh, một học sinh trung học trầm lặng và khó tính, càng không nhận ra điều đó. Còn tôi thì từ lâu đã tưởng tận những mảnh khéo phức tạp của khoa hóa học và kinh tế học trong nhà bếp, tôi thấy rõ tài tháo vát của người đàn bà hằng ngày phải đánh lừa dạ dày của con cái mình và phải nuôi báo cô một anh chàng có diện mạo đáng ghét và cử chỉ thô bỉ. Dĩ nhiên mỗi mẩu bánh mì mà tôi nhận được giống như một tảng đá đè lên tâm hồn tôi. Tôi bắt đầu đi tìm một công việc gì để làm. Tôi ra khỏi nhà từ sáng sớm để tránh bữa trưa, và những hôm xấu trời thì ngồi lì một chỗ trong gian hầm ở khu đất trống. Tại đây, mũi người mùi hôi thối của xác chó mèo, tai nghe tiếng mưa ào ào và tiếng gió rít, chẳng bao lâu tôi nhận ra trường đại học đối với tôi chỉ là ảo tưởng, giá mà tôi sang Ba Tư có phải khôn ngoan hơn không. Tôi hình dung thấy mình là một thầy phù thủy râu tóc bạc phơ, tìm ra phép trồng được những hạt lúa mì to bằng quả táo, những củ khoai tây nặng hàng pood^[14] và nói chung nghĩ ra được nhiều việc tốt để giúp cho quả đất mà trên đó không chỉ có mình tôi phải lê bước một cách khổ cực ghê gớm như thế này.

Tôi học được cách mơ ước đến những việc mạo hiểm phi thường và những chiến công vĩ đại. Điều đó giúp tôi rất nhiều trong những ngày gian nan của đời mình, và vì những ngày gian nan ấy rất nhiều, nên tôi lại càng giỏi bịa ra những mộng tưởng. Tôi không chờ đợi sự giúp đỡ từ bên ngoài và không hi vọng vào sự may mắn, ngược lại trong người tôi dần dần nảy nở tính bướng bỉnh, và hoàn cảnh sống càng khó khăn thì tôi càng cảm thấy mình vững vàng hơn, thậm chí khôn ngoan hơn. Tôi sớm hiểu rằng con người được tạo nên bởi khả năng chống chọi với nghịch cảnh.

Để khỏi bị chết đói, tôi tìm đến sông Volga, tới các bến tàu thủy là những nơi dễ kiếm được mười lăm, hai mươi kopek. Tại đây – sống giữa những người khuân vác, những kẻ lưu lạc và trộm cắp, tôi cảm thấy mình là một thỏi sắt được vùi vào đồng than đỏ rực, mỗi ngày đem lại cho tôi không biết bao nhiêu ấn tượng sâu sắc, nóng hổi.

Tại những nơi ấy, những con người cuồng vọng, bản tính thô lỗ, quay cuồng trước mắt tôi như một cơn lốc; tôi thích thái độ căm giận, thù ghét, châm chọc của họ đối với mọi thứ trên đời và thái độ vô tâm của họ đối với chính bản thân. Những gì tôi đã trực tiếp trải qua lôi kéo tôi đến gần với những con người ấy, khiến cho tôi muốn hòa mình vào hoàn cảnh đau xót của họ. Những truyện của Bret Harte^[15] và rất nhiều tiểu thuyết “rẻ tiền” mà tôi đã đọc càng khiến tôi có nhiều thiện cảm đối với lớp người ấy.

Gã kẻ cắp chuyên nghiệp Bashkin, trước đây vốn là học sinh trường Sư phạm, đã từng chịu bao nhiêu sự giày vò tàn nhẫn và đang mắc bệnh lao phổi, khuyên tôi một cách hùng hồn:

– Chú mày cứ thẹn thò bên lên y như con gái ấy, hay là sợ mất danh dự? Đối với con gái, danh dự là tất cả giá trị của họ, còn đối với chú mày danh dự chỉ là cái ách. Con bò sờ dĩ hiền lành vì nó có cỏ khô để ăn no bụng.

Tóc hung, râu cạo nhẵn nhụi y hệt một diễn viên, với những cử chỉ nhanh nhẹn và mềm mại của cái thân hình bé nhỏ, Bashkin trông giống một con mèo con. Đối với tôi, gã có thái độ bảo ban, che chở, và tôi nhận thấy gã thành thật mong cho tôi gặp may mắn và hạnh phúc. Là người rất thông

minh, gã đọc khá nhiều sách hay, và thích nhất là cuốn *Bá tước Monte Cristo*.

– Cuốn sách ấy viết vừa có thông điệp, vừa giàu tình cảm. – Gã nói.

Gã rất hám đàn bà và thường kể chuyện về họ, vừa nói gã vừa chép chép miệng một cách ngon lành, lộ rõ vẻ háo hức, và thân hình phờ phạc của gã run lên bần bật. Trong cử động run rẩy đó có cái gì bệnh hoạn khiến tôi kinh tởm, nhưng tôi lắng nghe câu chuyện của gã một cách chăm chú và cảm thấy cái đẹp của nó.

– Đàn bà, đàn bà! – Gã nói như hát, nước da vàng ệch trên khuôn mặt gã đỏ ửng, cặp mắt đen ánh lên vẻ mê thích. – Vì đàn bà, tớ có thể làm tất cả. Đối với họ, cũng như đối với quý sứ vậy, chẳng có gì là tội lỗi cả! Không gì thích thú bằng được sống để yêu đương!

Gã là một tay kể chuyện có tài và có thể dễ dàng sáng tác những bài ca cảm động nói về nỗi đau buồn của mỗi tình bất hạnh để tặng cho các ả gái điếm. Những bài ca của gã được người ta hát ở khắp các thành phố dọc sông Volga, trong số đó phổ biến rộng rãi nhất là bài ca sau đây:

Tôi nghèo mà cũng chẳng xinh

Ăn mặc xoàng xĩnh, thân hình lem nhem

Vì thế nên chẳng ai thèm

Lấy tôi làm vợ để đem về nhà...

Chusov – một con người có nhiều hành động khả nghi – đối xử với tôi cũng rất tốt. Lão ta có vẻ mặt dễ chịu, hay ăn diện và có những ngón tay nhỏ nhắn như tay nhạc công. Tại xóm Admiralty lão có một cửa hiệu nhỏ, bên ngoài treo tấm biển “Thợ sửa chữa đồng hồ” nhưng lão lại làm nghề tiêu thụ đồ ăn cắp.

– Peskov, chú mày đừng học những thói ăn cắp! – Lão ta vừa bảo tôi vừa đưa tay vuốt vuốt bộ râu điểm bạc với dáng điệu oai vệ, cặp mắt ranh mãnh, trơ tráo nheo lại. – Tao thấy chú mày có con đường khác, chú mày là một người cao thượng.

– Thế nào là cao thượng?

– À, cao thượng là người không ghen ghét ai, chỉ có một đức tính là hiếu kì...

Điều đó không đúng với tôi. Tôi hay ghen ghét và ghen ghét nhiều cái. Ngay cả tài nói chuyện của Bashkin cũng kích thích lòng ghen ghét của tôi. Gã có tài nói giọng đặc biệt, giống như người ngâm thơ và hay dùng những cách so sánh, những lối nói bất ngờ. Tôi còn nhớ rõ đoạn đầu một câu chuyện tình của gã như sau:

“Một đêm trời ảm đạm, tờ ngời trong một gian buồng tại thành phố Sviyazhsk nghèo nàn, như con cú vọ trong hốc cây. Đạo ấy vào mùa thu, khoảng tháng Mười, ngoài trời mưa lất phất, gió thổi rít lên giống như một gã Tatar đang lúc bực mình cất tiếng hát ngân nga, tiếng hát kéo dài không dứt: O.o.o.u.u.u...”

... Thế rồi nàng đến, nhẹ nhàng, hồng hào, như một áng mây lúc mặt trời vừa mọc và trong đôi mắt nàng lộ vẻ trong sạch giả dối của tâm hồn. “Anh yêu.” Nàng nói, giọng thành thật. “Em có làm gì không phải với anh đâu!” Tớ biết là nàng nói dối, nhưng tớ lại tin là thật! Lí trí thì biết chắc chắn thế, nhưng tình cảm thì không thể nào không tin được! ”

Gã vừa kể vừa lắc lư người một cách nhịp nhàng, mắt lim dim, tay nhẹ nhàng xoa xoa ngực, chỗ trái tim.

Giọng gã trầm trầm, nhưng lời nói vẫn lạnh lạnh, dường như trong đó có tiếng hót của chim họa mi.

Tôi ghen cả với Chusov, con người ấy nói về Siberia, Khiva và Bukhara thật hay tuyệt, còn nói về cuộc sống của bọn đại giáo chủ thì hài hước và rất cay độc. Một hôm, với vẻ bí mật, lão nói về Aleksandr đệ tam:

– Tên vua ấy đúng là một tên vua nhà nghề!

Tôi có cảm tưởng như Chusov là một “tên độc ác” trong một thiên tiểu thuyết mà người đọc không ngờ về cuối, tên ấy lại hóa thành nhân vật rộng lượng.

Thỉnh thoảng, vào những đêm oi ả, những con người này vượt sông Kazanka, mò về phía cánh đồng cỏ, chui vào các bụi cây, cùng nhau đánh

chén, trò chuyện về việc làm của họ, nhưng thường thường họ bàn luận về cuộc đời phức tạp, về những quan hệ rối ren lạ lùng giữa người này với người khác, đặc biệt là bàn nhiều về đàn bà. Họ nói về đàn bà với vẻ phần nộ, buồn buồn, đôi khi với thái độ mỉa lòng và hầu như lúc nào cũng như nhìn vào bóng tối đầy những sự bất ngờ khủng khiếp. Tôi đã sống với họ hai ba đêm như thế dưới bầu trời đen tối điểm những vì sao mờ mờ, trong hơi nóng ngọt ngào của khu đất trũng mọc đầy liễu đại. Giữa đêm tối tràn ngập không khí ẩm ướt của vùng ven sông Volga, những ánh đèn trên các cột buồm bò ngang dọc như đàn nhện vàng, khối lửa và những vết lửa chiếu những vết loang lỗ vào bờ dốc đen ngòm, đó là ánh đèn từ cửa sổ các quán rượu và nhà ở của thôn Uslon trù phú. Chân vịt của tàu thủy khua động mặt nước; thủy thủ trên dẫy sà lan la hét ầm ĩ, nghe như tiếng chó sói; đâu đó vang lên tiếng búa nện vào sắt; một bài hát ảo não kéo dài, dường như tâm hồn ai đang âm ỉ – nghe tiếng hát ấy một nỗi buồn phủ lên lòng ta như một lớp tro tàn.

Càng buồn chán hơn khi nghe tiếng nói thì thầm của những con người này. Họ suy nghĩ về cuộc sống, và mọi người đều nói về mình, hầu như chẳng ai chịu nghe ai. Hoặc nằm hoặc ngồi dưới các lùm cây, họ hút thuốc, chốc chốc lại nhấp rượu bia hoặc vodka và nhớ về những kỉ niệm xa xôi...

– Ngày trước tôi gặp câu chuyện thế này... – Một người nằm bẹp dưới đất trong bóng tối ban đêm lên tiếng.

Nghe xong câu chuyện, mọi người tán thành:

– Có thể đấy, tất cả đều có thể...

“Đã có”, “thường có”, “có lúc” – tôi lắng nghe và cảm thấy như trong đêm hôm ấy người ta đang sống những giờ phút cuối cùng của đời mình, tất cả đều đã qua và sẽ không còn gì sau đây nữa!

Điều này làm tôi dần dần xa cách Bashkin và Chusov, nhưng dẫu sao tôi vẫn thích họ, và cứ theo logic của tất cả những chuyện tôi đã trải qua, nếu tôi có đi theo con đường của họ thì âu đó cũng là một việc hoàn toàn tất nhiên. Niềm hi vọng tui nhục của tôi muốn được vươn lên, muốn được bắt đầu học tập cũng thúc đẩy tôi đến với họ. Trong những giờ phút đói khát,

giận dữ và buồn chán tôi cảm thấy mình hoàn toàn có thể phạm tội, chống lại không riêng gì “chế độ tư hữu thần thánh”. Nhưng đầu óc lãng mạn của tuổi trẻ đã ngăn tôi không đi chệch con đường mà tôi phải đi. Ngoài tác gia Bret Harte nhân đạo và các tiểu thuyết rẻ tiền, tôi đã đọc khá nhiều sách có giá trị. Những sách đó làm thức tỉnh trong tôi lòng khao khát hướng tới một cái gì tuy chưa sáng tỏ nhưng có ý nghĩa hơn tất cả những điều tôi đã thấy.

Và đồng thời tôi cũng có được những mối quen biết mới, những ấn tượng mới. Trên khu đất trống cạnh nhà Yevreinov, các học sinh trung học tụ tập nhau chơi ki^[16]. Tôi thích nhất là Guri Pletnyov, một người trong bọn họ. Anh có nước da rám nắng, tóc đen nhánh như người Nhật Bản, mặt đầy những chấm đen li ti như xát thuốc súng. Anh luôn luôn vui cười, chơi rất cừ và khi bàn luận thì tỏ ra khôn ngoan. Anh có rất nhiều niềm mông của những tài năng muôn hình muôn vẻ. Cũng như hầu hết những người Nga có tài năng khác, anh sống nhờ vào những gì trời phú, chứ không nghĩ đến việc đẩy mạnh và phát triển chúng. Yêu thích âm nhạc, có một thính giác tinh tường và sự nhạy cảm tuyệt diệu với âm nhạc, anh chơi các loại đàn gusli^[17], balalaika và phong cầm như những nghệ sĩ thực thụ, nhưng không cố gắng để sử dụng được những loại nhạc cụ khác phức tạp hơn, cao cấp hơn. Anh sống nghèo nàn, ăn mặc tồi tàn, nhưng áo quần anh mặc rất hợp với dáng vóc mạnh bạo, với điệu bộ phóng khoáng, với cử chỉ nhanh nhẹn của thân hình gân guốc: một chiếc sơ mi rách, nhàu nát, một cái quần đầy mảnh vá và một đôi ủng gót đã mòn vẹt, có nhiều lỗ thủng.

Anh giống như người vừa mới bình phục sau cơn ốm nặng kéo dài, hoặc như người tù vừa ra khỏi ngục hôm qua. Mọi điều trong cuộc sống đối với anh đều mới mẻ, thích thú, tất cả đều gợi cho anh một niềm vui rạo rức, anh lao giữa cuộc đời như một quả pháo hoa.

Khi biết tôi phải sống vất vả gian nan, anh bảo tôi đến ở chung với anh và gắng học để làm thầy giáo trường làng. Thế là tôi đến ở tại một khu tồi tàn, vui nhộn và kì lạ, gọi là “Marusovka”, mà chắc nhiều thế hệ sinh viên Kazan đã từng quen thuộc. Đó là một ngôi nhà lớn gần như đổ nát ở phố Ribnoryadskaya, hình như nó bị các sinh viên cơ cực, gái điếm và những

người cùng khổ đến nỗi không còn ra hình người nữa chiếm đoạt từ tay bọn chủ. Pletnyov ở ngay ngoài hành lang, dưới cái cầu thang lên gác thượng anh kê một cái giường, và cạnh cửa sổ cuối hành lang thì kê một chiếc bàn và một cái ghế. Đó là tất cả đồ đạc của anh. Hành lang chạy dọc qua trước cửa ba căn phòng, hai phòng đầu các ả gái điếm ở, phòng thứ ba của một nhà toán học mắc bệnh lao phổi trước đây vốn là sinh viên Đại chủng viện. Ông ta cao lêu nghêu, gầy gò, người đầy những lông cứng màu hung, trông thật đáng sợ. Áo quần thì rách bươm và bẩn thỉu, qua những lỗ rách lộ ra màu da xanh xao và cả bộ xương sườn nom rất khủng khiếp.

Dường như ông ta chỉ sống bằng móng tay của mình, gặm chúng đến chảy máu. Ngày đêm ông ta loay hoay vẽ, tính toán và ho luôn mồm, tiếng ho nghe khàn khàn. Các ả gái điếm rất sợ ông ta, cho ông là người mất trí, nhưng vẫn thương hại, đem đặt trước cửa phòng ông bánh mì, trà và đường. Ông nhặt những gói thức ăn ấy từ dưới sàn và mang vào phòng, miệng thở khò khè như một con ngựa mệt nhọc. Nếu các ả gái điếm quên hoặc vì lí do nào đó mà không thể có quà đem cho ông, ông mở cửa gọi vọng ra hành lang, giọng khò khè:

– Bánh mì!

Trong đôi mắt sâu hoắm thành hai cái hố đen ngòm của ông ánh lên niềm kiêu hãnh của một người cuồng si, sung sướng biết mình vĩ đại. Thịnh thoảng có một người gù xấu xí, bé loắt choắt, chân đi khập khiễng đến thăm ông. Người này tóc bạc, đeo cặp kính to trễ xuống trên cái mũi phồng, và luôn luôn nở một nụ cười ranh mãnh trên khuôn mặt vàng ệch trông như một hoạn quan. Họ khép chặt cửa lại, ngồi với nhau hàng giờ, chẳng nói chẳng rằng trong sự yên lặng kì quặc. Chỉ có một hôm, chừng đã khuya, một tiếng thét giận dữ và khàn khàn của nhà toán học làm tôi giật mình tỉnh giấc:

– Tôi bảo đây là nhà tù! Hình học là một cái lồng chim, đúng thế! Một cái bẫy chuột, đúng thế! Nhà tù!

Người gù xấu xí cười the thé, nhắc đi nhắc lại mãi một tiếng gì nghe rất lạ tai, rồi nhà toán học bỗng hét tướng:

– Quý bắt mày đi! Cút!

Khi vị khách của ông ta bước ra hành lang, người thu gọn trong chiếc áo choàng rộng, vừa đi vừa gằm gù rít lên khe khẽ, thì nhà toán học đứng ngay trên ngưỡng cửa, thân hình cao lêu nghêu, dễ sợ, lùa mấy ngón tay vào mớ tóc rối trên đầu và lè nhè:

– Euclid là một thằng ngốc! Một thằng ngốc... Tôi sẽ chứng minh rằng Chúa khôn ngoan hơn tên Hi Lạp ấy cho mà xem!

Rồi ông ta đóng sầm cửa lại, mạnh đến nỗi trong phòng ông có tiếng đồ vỡ loảng xoảng.

Ít lâu sau tôi được biết là con người ấy muốn xuất phát từ toán học để chứng minh sự tồn tại của Chúa, nhưng ông ta đã chết trước khi kịp hoàn thành việc đó.

Pletnyov làm nghề chữa bản in thử ban đêm cho một tờ báo tại một nhà in, kiếm được mỗi đêm mười một kopek, và nếu tôi không kiếm được tiền thì cả hai chúng tôi mỗi ngày đành phải sống với bốn funt^[18] bánh mì, hai kopek nước trà và ba kopek đường. Mà tôi thì không có đủ thì giờ để đi làm: Tôi còn phải học. Tôi học hết sức vất vả, đặc biệt môn ngữ pháp với những quy tắc cứng nhắc và gò bó kì quặc khiến tôi khổ sở. Tôi hoàn toàn không biết làm thế nào đem thứ ngôn ngữ Nga uyển chuyển, sinh động và khó sử dụng ghép vào cái khuôn khổ ngữ pháp ấy. Nhưng, thật thú vị, chẳng bao lâu sau tôi được biết là tôi đã bắt đầu học “quá sớm”, và dù cho có thi đậu làm giáo viên nông thôn thì tôi cũng chẳng được bổ nhiệm vì chưa đủ tuổi.

Pletnyov và tôi ngủ chung một giường, tôi ngủ ban đêm và anh ấy ngủ ban ngày. Cứ sáng sớm anh lại về nhà, người phờ phạc vì thiếu ngủ, gương mặt tối sầm và hai mắt sưng húp. Tôi liền chạy ngay ra quán ăn lấy nước sôi, vì cố nhiên là chúng tôi làm gì có ấm samovar^[19]. Sau đó chúng tôi cùng ngồi bên cửa sổ uống trà với bánh mì. Guri kể cho tôi nghe những tin tức trên báo, đọc các bài thơ vui của nhà văn nghiện rượu chuyên viết văn châm biếm với bút danh là “Quý mặt đỏ”. Thái độ bông đùa của anh với đời làm tôi ngạc nhiên, và tôi cảm thấy anh đối với cuộc đời cũng có một

thái độ như đối với mẹ béo Galkina làm nghề bán quần áo nữ cũ và nghề ma cô.

Anh thuê của mẹ ta một góc dưới cầu thang, nhưng chẳng có gì để trả tiền “phòng”, do đó anh trả bằng những câu pha trò vui vẻ, những bài đàn phong cầm và những bài hát cảm động. Khi anh cất cao giọng hát, đôi mắt anh ánh lên một nụ cười giễu. Thời còn trẻ mẹ Galkina là người hát đồng ca của một ban nhạc kịch, mẹ rất hiểu ý nghĩa của các bài hát. Nhiều khi, từ đôi mắt trơ trẽn, những giọt nước mắt nhỏ chảy giàn giụa xuống hai gò má tái nhợt, mồm mĩm của người đàn bà nghiện rượu và phàm ăn ấy. Mẹ đưa những ngón tay béo mồm lên quệt sạch nước mắt trên má rồi lấy chiếc khăn tay bẩn lau chùi các ngón tay rất cẩn thận.

– Ồ, Guroshka^[20]! – Mẹ thở dài.– Cậu là một nghệ sĩ! Giá mà cậu đẹp trai hơn tí nữa, tôi đã tìm vợ cho cậu! Tôi đã từng mối lái cho bao nhiêu thanh niên trai trẻ với những người đàn bà sâu túi vì cuộc sống cô đơn.

Một trong những “thanh niên” đó ở ngay tầng gác trên đầu chúng tôi. Anh ta là sinh viên, con một người thợ thuộc da, một thanh niên có tầm vóc trung bình, ngực nở, nhưng cặp lông mày nhỏ một cách kì quặc. Người anh ta giống như một hình tam giác mà góc nhọn quay xuống dưới và hơi bị gãy, bàn chân anh nhỏ xíu giống hệt chân đàn bà. Đầu anh cũng bé tí, thụt sâu giữa hai vai và được trang điểm bằng một đám tóc hung. Trên khuôn mặt trắng bệch thiếu máu của anh, đôi mắt lồi xanh lơ nhờ gương to nom như cau có.

Đói khát như một con chó hoang, anh bất chấp cả ý muốn của bố, và phải khó khăn lắm mới tìm cách học xong bậc trung học rồi xin vào đại học. Nhưng anh có giọng trầm rất êm, do đó anh muốn đi học hát.

Mẹ Galkina biết thế và làm mối anh cho một mẹ thương gia giàu có khoảng bốn chục tuổi. Con trai mẹ là sinh viên năm thứ ba đại học, còn con gái đã học xong trung học. Mẹ ta gầy đét, ngực lép kẹp, người ngay đuồn như lính, khuôn mặt khô khan như một nữ tu sĩ khổ hạnh, đôi mắt to xám xịt ẩn sâu trong hai hốc mắt đen ngòm. Mẹ thường mặc đồ đen, đội chiếc

khăn vuông lụa kiểu cổ, hai vành tai mũ đeo lưng lẳng đôi khuyên bằng ngọc thạch màu xanh lục.

Thỉnh thoảng vào quăng chiều tối hoặc sáng sớm mũ đến thăm chàng sinh viên của mũ, và đã nhiều lần tôi được mục kích cảnh người đàn bà ấy vội vàng nhảy xô vào cổng và đi qua sân với những bước quả quyết. Khuôn mặt mũ nom dễ sợ, hai môi mím chặt lại đến nỗi gần như không có, cặp mắt mở to nhìn về phía trước với vẻ lơ đãng, tuyệt vọng, lại có vẻ như mù. Không thể nói rằng mũ xấu xí, nhưng trông người mũ, ta cảm thấy rõ có một trạng thái căng thẳng làm hỏng vẻ người của mũ, làm cho toàn thân mũ như bị căng ra, khuôn mặt mũ như bị siết chặt lại tới mức đau đớn.

– Xem kìa. – Pletnyov nói. – Mũ ta như là người mất trí ấy!

Anh sinh viên rất ghét mũ thương gia ấy, luôn tìm cách lẩn tránh, nhưng mũ cứ theo đuổi anh hết như một tên chủ nợ nhẫn tâm hoặc một tên do thám.

– Tính tôi hay ngượng. – Anh hồi hận nói khi đã ngà ngà say. – Tôi cần hát để làm gì kia chứ? Với bộ mặt và thân hình thế này thì người ta chẳng cho tôi lên sân khấu đâu, chẳng cho đâu!

– Thôi, hãy chấm dứt cái trò vớ vẩn ấy đi! – Pletnyov khuyên.

– Đúng. Nhưng tôi thấy thương hại cho mũ ta! Tôi không thể chịu được, nhưng vẫn thương hại! Giá mà các anh biết được mũ ta đã... Chà!...

Chúng tôi biết, vì có lần đang đêm chúng tôi nghe thấy mũ ấy đứng trên cầu thang cầu khẩn, giọng khàn khàn, run run:

–Hãy vì Chúa... Anh thân yêu! Hãy vì Chúa!

Mũ ta là chủ một nhà máy lớn, có nhà cửa, có ngựa, quyên góp hàng nghìn bạc cho một trường sản khoa, nhưng lại đi van xin sự bố thí ái tình như một kẻ hành khất.

Uống trà xong Pletnyov lăn ra ngủ, còn tôi đi tìm việc làm mãi đến tối mịt mới về, khi Guri sắp phải vào nhà in. Nếu tôi mang về được một ít bánh mì, xúc xích hoặc “lòng luộc” thì chúng tôi chia đôi, và Guri lấy phần mang đi.

Còn lại một mình, tôi đi lang thang dọc theo các hành lang và các góc ngách của ngôi nhà “Marusovka” để xem cách sinh sống của những con người mới lạ đối với tôi. Ngôi nhà này lúc nhúc những người là người và giống như một tổ kiến. Trong nhà xông lên mùi chua hăng hắc và góc nào góc ấy dường như đều ẩn náu những bóng đen dày đặc thù địch với con người. Từ sáng sớm đến tận đêm khuya, tiếng ồn ào không lúc nào ngớt: tiếng máy khâu chạy xành xạch, các nữ diễn viên hợp xướng của ban ca kịch luyện giọng, chàng sinh viên hát lên những âm giai trầm trầm, một diễn viên say rượu gần như mất trí đọc to những lời của vai mình đóng, các ả gái điếm say bí tỉ lè nhè kêu thét như điên loạn. Và trong óc tôi bỗng dựng nây ra một câu hỏi tự nhiên nhưng nan giải: “Những người này làm tất cả những cái đó để làm gì?”

Giữa đám thanh niên nghèo đói ấy có một gã hói đầu, tóc hung, người gân guốc, bụng phệ, chân khăng khiu, mồm rộng, răng giống như răng ngựa, vì vậy mà người ta gọi gã là “Ngựa Hung”. Đã ba năm ròng gã chạy theo việc kiện tụng với họ hàng là những con buôn ở Simbirsk, và tuyên bố với mọi người rằng:

‘Tớ cũng chẳng thiết sống, nhưng tớ sẽ làm cho bọn chúng khuynh gia bại sản! Chúng sẽ phải đi ăn xin tới cùng trời cuối đất, sống vài ba năm bằng của bố thí, sau đó tớ sẽ hoàn lại cho chúng tất cả những gì mà tớ được kiện, sẽ giả lại hết và hỏi: “Thế nào, hờ lữ quý sứ?” Thế mới biết tay!

- Đó là mục đích của đời mày đấy à, Ngựa Hung? – Mọi người hỏi gã.
- Tớ đã để tất cả tâm trí vào việc ấy và không thể làm gì khác nữa!

Suốt ngày gã có mặt ở tòa án địa phương, tòa thượng thẩm, phòng làm việc của luật sư bào chữa, và thường thường cứ chiều tối gã cho xe ngựa chở về nhiều túi nhỏ, gói, chai lọ và tổ chức ngay tại căn phòng bữa thiu với cái trần nhà bị sụt và sàn nhà cong tợn những bữa đánh chén ồn ào. Gã mời đến cả sinh viên lẫn các cô thợ may – tóm lại là tất cả những ai muốn ăn uống no say. Còn Ngựa Hung chỉ uống rượu rum, một thứ rượu hễ dấy ra khăn bàn, áo quần và sàn nhà đều để lại những vết đỏ thẫm không sao tẩy được. Sau khi uống say, gã la lớn:

– Hỡi những con chim thân yêu của ta! Ta yêu các người, các người là những người ngay thẳng! Còn ta là một kẻ đê tiện, độc ác và là một con cá sấu. Ta muốn làm hại họ hàng của ta và nhất định ta sẽ làm được! Trời ơi, ta không muốn sống nữa...

Đôi mắt Ngựa Hung hấp háy một cách đáng thương và khuôn mặt lỗ bịch với hai gò má nhô cao của gã ướt đẫm những giọt nước mắt của một kẻ say. Gã đưa lòng bàn tay lên má lau nước mắt và quệt xuống đầu gối, quần gã lúc nào cũng dính đầy những vết dầu bẩn.

– Các người sống ra sao? – Gã thét to. – Đói rét, ăn mặc tồi tàn... Phải chăng đó là quy luật? Liệu có thể học được cái gì trong cuộc sống ấy? Chao ôi, nếu Hoàng đế mà biết được các người sống như thế này...

Rồi rút trong túi ra một xấp giấy bạc đủ màu, gã bảo:

– Ai cần tiền nào? Cứ lấy đi, anh em ơi!

Các cô ca sĩ và các cô thợ may tranh nhau giật tiền trong bàn tay đầy lông lá của gã, gã cười hô hố và nói:

– Ô, tiền này không phải cho các người! Đây là để cho anh em sinh viên!

Nhưng anh em sinh viên không lấy.

– Lấy tiền của anh làm khí gì cơ chứ! – Con trai bác thợ thuộc da giận dữ quát to.

Một hôm, lúc đang say, gã tự tay mang sang cho Pletnyov một xấp giấy bạc mười rúp vò nát thành một cục giấy cứng, gã vứt lên bàn rồi bảo:

– Đấy, có cần không? Tớ chẳng cần...

Rồi gã nằm lăn trên giường của chúng tôi, gằm lên và khóc nức nở đến nỗi phải đổ nước lạnh cho gã giã rượu. Khi gã ngủ thiếp đi, Pletnyov cố vuốt mớ giấy bạc cho phẳng nhưng không sao vuốt được, chúng dính chặt vào nhau đến nỗi phải đem nhúng nước mới gỡ được từng tờ.

Căn phòng bẩn thỉu, ám khói, có những ô cửa sổ nhìn sang bức tường đá của ngôi nhà bên cạnh, chật chội, ngột ngạt, ồn ào và dễ sợ. Ngựa Hung la hét to hơn tất cả mọi người. Tôi hỏi gã:

- Sao anh lại sống ở đây mà không ở khách sạn?
- Anh bạn thân mến ạ, ở đây thích chứ! sống với các anh tôi thấy ấm áp trong lòng...

Anh con trai bác thợ thuộc da xác nhận:

–Đúng đấy, con Ngựa Hung ạ! Tôi cũng thế! Giá mà ở nơi khác chắc tôi đã chết nghèo rồi!

Ngựa Hung bảo Pletnyov:

–Đánh đàn đi! Hát đi!

Đặt chiếc đàn gusli lên đầu gối, Guri cất tiếng hát.

Hỡi vàng hồng, hãy mọc lên đi, mọc lên đi...

Giọng hát của anh êm dịu thấm sâu vào lòng người.

Cả phòng im lặng, mọi người đều trầm ngâm lắng nghe những lời ca ai oán và tiếng nhạc nhẹ nhàng của những dây đàn gusli.

– Chà, anh hát hay quá! – Anh chàng tình nhân tội nghiệp của mẹ thương gia lâm bẫm.

Giữa những người trú ngụ kì lạ của ngôi nhà cũ kĩ ấy, Guri Pletnyov, một con người lanh lợi vui vẻ, đóng vai Ông Thiện trong các câu chuyện thần thoại. Tâm hồn anh được tô điểm bằng nhiều màu sắc rực rỡ của tuổi thanh xuân, nó chiếu rọi cuộc sống bằng những đốm pháo hoa của những câu vui đùa tế nhị, những bài hát hay, những lời chế giễu sâu cay đối với các thói hư tật xấu của người đời bằng những câu chuyện táo bạo về sự dối trá thô bỉ ở đời. Anh vừa tròn hai mươi tuổi, trông bề ngoài như một cậu thiếu niên, nhưng mọi người ở ngôi nhà này đều xem anh là người mà trong giờ phút khó khăn có thể chỉ bảo họ những lời khuyên sáng suốt và lúc nào cũng đủ sức giúp đỡ họ bằng cách nào đó. Những người tốt bụng yêu mến anh, kẻ xấu lại sợ anh, và thậm chí cả lão cảnh sát Nikiforich cũng luôn luôn chào hỏi Guri bằng nụ cười của con cáo già.

Sân nhà “Marusovka” là một “hành lang” dốc nối hai phố Ribnoryadskaya và Staro–Gorshechnaya với nhau. Tại phố thứ hai này,

trạm gác của lão Nikiforich nằm gọn ở một góc đường, cách cổng khu nhà chúng tôi một quãng.

Lão ta là cảnh sát trưởng của khu phố. Đó là một lão già cao, gầy gò, ngực đeo đầy mẽ đay, gương mặt thông minh, có nụ cười xã giao và đôi mắt quý quýet.

Lão rất chú ý đến ngôi nhà ồn ào này, cả những người cũ và những người sắp dọn đến. Mỗi ngày có đến mấy lần lão xuất hiện ở sân ngôi nhà. Dáng vẻ chải chuốt, lão bước đi chậm rãi và nhìn vào cửa sổ các căn buồng với con mắt của người coi vườn bách thú nhìn các lồng thú. Mùa đông năm ấy tại một căn buồng đã xảy ra vụ bắt bớ, người bị bắt là chàng sĩ quan cụt một tay Smirnov và anh lính Muratov. Cả hai đều là những người được tặng huân chương Thánh George và đã từng tham gia cuộc viễn chinh Akhal–Teke do Skobelev chỉ huy^[21]. Người ta cũng bắt cả Zobnin, Ovsyankin, Grigoryev, Krylov và một người nữa vì họ mưu tính lập một nhà in bí mật. Để thực hiện việc này, vào giữa ngày Chủ nhật, Muratov và Smirnov đã vào nhà in của Klyuchnikov trên một phố đông người để đánh cắp bộ chữ in. Khi đang làm việc đó thì họ bị bắt. Và một đêm khác, bọn hiến binh lại đến ngôi nhà “Marusovka” bắt đi một người cao lênh khênh, nét mặt lúc nào cũng cau có mà tôi gọi là “Gác Chuông Lang Thang”. Sáng hôm sau, khi biết tin đó, Guri xúc động mạnh, anh vò rối mớ tóc đen nhánh và bảo tôi:

– Thế đấy, Maksimich, mẹ cha nó, hãy chạy nhanh đến...

Sau khi giải thích cho tôi biết phải đi đâu, anh nói thêm:

– Coi chừng, phải cẩn thận đấy! Có thể gặp bọn mật thám ở đấy...

Nhiệm vụ bí mật được giao phó này làm tôi sung sướng vô ngần, và tôi chạy như bay đến xóm Admiralty. Đến đây, trong căn xưởng tối om của người thợ đồ đồng, tôi gặp một thanh niên tóc quăn có đôi mắt xanh biếc khác thường. Anh đang hàn một cái xoong, nhưng trông anh không giống một người thợ. Trong góc xưởng, cạnh máy dập, một bác thợ già bé lắt choắt có mớ tóc bạc buộc gọn bằng sợi dây da nhỏ đang đánh bóng một cái vôi nước.

Tôi hỏi bác thợ đồ đồng:

–Xưởng bác có việc làm không?

Bác già cúi kính trả lời:

” Xưởng thì có việc, nhưng không có việc cho mày!

Anh thanh niên đưa mắt nhìn thoáng qua tôi rồi lại cúi xuống cái xoong. Tôi đưa chân khẽ chạm vào chân anh, anh ngạc nhiên và giận dữ trở cặp mắt xanh nhìn tôi chăm chăm, tay anh nắm chặt cán xoong như sắp sửa ném tôi. Nhưng khi thấy tôi nháy mắt ra hiệu, anh điềm tĩnh bảo:

– Thôi đi đi, đi đi...

Sau khi nháy mắt ra hiệu cho anh một lần nữa, tôi liền ra ngoài cửa đứng chờ. Anh thanh niên tóc quăn vươn vai đứng lên, bước ra theo và lặng thinh vừa nhìn tôi vừa hút thuốc.

– Anh là Tikhon phải không?

– Phải!

–Pyotr bị bắt rồi.

Anh cau mày tỏ vẻ bức tức, đưa mắt nhìn khắp người tôi.

– Pyotr nào?

– Pyotr cao lêu nghêu nom giống như thầy phụ lễ ấy.

– Sao nữa?

– Chỉ có thể thôi.

– Thế tôi liên quan gì tới Pyotr, tới thầy phụ lễ và những việc đó? – Anh thợ đồ đồng hỏi, và cách hỏi của anh làm cho tôi quả quyết rằng anh ta không phải là dân thợ. Tôi chạy về, trong lòng lấy làm kiêu hãnh vì đã hoàn thành xong nhiệm vụ được giao phó. Đó là lần tham gia hoạt động “bí mật” đầu tiên của tôi.

Guri Pletnyov là người gần gũi với những hoạt động ấy, nhưng khi tôi yêu cầu cho tôi tham gia những công việc đó, anh trả lời:

–Anh bạn ạ, việc ấy đối với anh còn quá sớm! Anh học đi đã...

Yevreinov giới thiệu tôi với một người bí mật. Việc giới thiệu này được tiến hành rất thận trọng, khiến tôi cảm thấy hẳn phải có một điều gì hết sức hệ trọng. Yevreinov đưa tôi ra ngoài ô thành phố, đến cánh đồng Arskoye. Trên đường đi, anh cho tôi biết trước rằng việc giới thiệu này đòi hỏi tôi phải thật cẩn thận. Cần phải giữ bí mật. Sau đấy Yevreinov chỉ cho tôi một bóng người nhỏ, mờ mờ, đang chậm rãi bước đi giữa cánh đồng vắng vẻ. Anh nhìn quanh, khẽ nói:

–Anh ấy đấy! Cậu cứ đi theo sau và khi nào anh ấy đứng lại thì đến gần và bảo: “Tôi là người mới đến...”

Những điều bí mật lúc nào cũng thú vị, nhưng trong trường hợp này tôi cảm thấy buồn cười: Giữa một ngày nắng chói oi ả, trên cánh đồng, một con người bé nhỏ đơn độc đang lao đảo đi như một ngọn cỏ tàn úa, và tất cả chỉ có thế! Sau khi đuổi kịp anh ta ngay chỗ cổng nghĩa địa, tôi nhìn thấy trước mặt tôi là một chàng thanh niên có khuôn mặt gầy gò, bé nhỏ với đôi mắt nghiêm nghị, tròn xoe như mắt chim. Anh mặc chiếc áo khoác thể dục màu xám kiểu học sinh trung học, nhưng hàng cúc đồng sáng loáng đã đứt hết, thay vào đó là những chiếc cúc xương đen, trên chiếc mũ lưỡi trai cũ nát của anh còn in vết một chiếc phù hiệu. Nói chung, trong con người anh ta có một cái gì non nớt, dường như anh cố làm ra vẻ ta đây là người lớn.

Chúng tôi ngồi giữa hàng mộ chí, dưới bóng những khóm cây um tùm. Anh ta nói bằng giọng khô khan và ra vẻ quan trọng. Nói chung tôi không ưa anh ta chút nào. Bằng một giọng nghiêm trang, anh hỏi tôi đã đọc những gì và đề nghị tôi tham gia học tập trong nhóm do anh tổ chức. Tôi đồng ý và chúng tôi chia tay nhau. Anh ta ra trước, sau khi cẩn thận quan sát cánh đồng vắng tanh.

Trong nhóm tôi còn có ba bốn thanh niên khác tham gia, tôi là người trẻ nhất và hoàn toàn chưa được chuẩn bị gì cho việc nghiên cứu cuốn sách của John Stuart Mill có lời chú thích của Chernyshevsky^[22]. Chúng tôi tụ tập tại phòng riêng của Milovsky, một học sinh trường Sư phạm. Sau này anh ta viết truyện ngắn lấy bút danh là Yeleonsky, và sau khi sáng tác được độ năm tập thì anh tự sát. Biết bao người tôi gặp đã tự nguyện lìa bỏ cuộc đời!

Anh ta là một người trầm lặng, biết suy nghĩ đắn đo, nói năng thận trọng. Anh sống trong căn hầm một ngôi nhà bẩn thỉu và làm nghề thợ mộc để “cân bằng thể xác và linh hồn”. Tiếp xúc với anh thật chán ngấy. Cũng giống như tác phẩm của Mill, những cuốn sách anh ta viết không hấp dẫn tôi tí nào. Chẳng bao lâu, những nguyên lý cơ bản của kinh tế học đã trở nên quen thuộc với tôi. Tôi đã nắm được chúng một cách trực tiếp, chúng đã được ghi trên da thịt tôi. Tôi cảm thấy hình như chẳng cần viết đến một pho sách dày với những lời lẽ khó hiểu như vậy để bàn về điều mà bất kì ai từng tốn sức để “kẻ khác” sống yên ổn và sung sướng cũng đều thấy rõ. Với một tâm trạng vô cùng căng thẳng, tôi phải ngồi suốt hai ba giờ liền trong gian hầm nồng nặc mùi hồ dán, đảo mắt nhìn những chú bọ đất bò ngang dọc trên bức tường bẩn thỉu.

Một hôm, người giảng bài của nhóm đến muộn hơn bình thường, chúng tôi tưởng anh không đến bèn đi mua một chai rượu vodka, bánh mì và dưa chuột về tổ chức một bữa đánh chén nho nhỏ. Bỗng ngoài cửa sổ thoáng qua cái ống quần xám xịt của thầy. Chúng tôi vừa kịp giấu chai rượu xuống gầm bàn thì anh đã vào đến nơi và bắt đầu giải thích những kết luận sáng suốt của Chernyshevsky. Tất cả ngồi im như phỗng, lo sợ chẳng may người nào trong chúng tôi vô ý chạm chân vào làm đổ chai rượu. Cuối cùng, chính thầy giáo làm đổ, anh nhìn xuống bàn và im lặng, chẳng nói nửa lời. Chà, giá như anh cứ gắt mắng om lên lại dễ chịu hơn!

Sự im lặng, nét mặt nghiêm nghị và đôi mắt nheo lại đầy vẻ bức tức của anh làm tôi hết sức bối rối. Liếc nhìn những gương mặt đỏ nhừ vì xấu hổ của các bạn, tôi cảm thấy mình là kẻ tội đồ chống lại thầy giáo và hết sức ái ngại, mặc dù việc mua rượu không phải là do tôi bày ra.

Đọc sách mãi chán quá, tôi muốn ra ngoài, đi đến một xóm Tatar, nơi ở của những con người dị dạng, tốt bụng có cuộc sống đặc biệt trong sạch. Họ nói tiếng Nga lơ lớ, nghe đến buồn cười. Tối tối, từ trên các đỉnh tháp cao vọng xuống tiếng gọi đi lễ nhà thờ lạ lùng của các muezzin^[23]. Tôi cảm thấy những người Tatar có một cuộc sống khác hẳn, xa lạ đối với tôi, không

giống như cái cuộc sống mà tôi biết – một cuộc sống không hề đem lại cho tôi điều gì thú vị.

Tôi bị lôi cuốn tới sông Volga, đến với khúc nhạc của cuộc sống lao động, khúc nhạc ấy mãi đến nay vẫn làm ngây ngất lòng tôi. Tôi còn nhớ như in cái ngày mà lần đầu tiên tôi rung cảm với bản trường ca hùng tráng của lao động.

Ở gần Kazan có một chiếc sà lan lớn chở hàng Ba Tư và phải đá ngầm bị thủng đáy. Phường phu khuân vác cho tôi nhập bọn để bốc dỡ hàng khỏi sà lan. Độ ấy vào tháng Chín, gió từ miền thượng lưu thổi mạnh về, trên mặt sông xám xịt, sóng chồm lên giập dữ, gió điên cuồng đánh tan những ngọn sóng, rắc xuống sông một trận mưa lạnh buốt. Phường khuân vác này có khoảng năm chục người, ủ rũ đứng ngồi trên sàn một chiếc sà lan trống rỗng, họ cuộn mình trong những chiếc chiếu gai và vải bạt. Một chiếc tàu kéo nhỏ dắt chiếc sà lan, thờ hồng hộc và ném vào trong mưa từng bó lửa đỏ.

Trời tối sầm. Bầu trời ướt sũng, đen kịt bao trùm mặt sông. Anh em phu khuân vác cầu nhàu và chửi bới, nguyên rửa mưa, gió và cuộc sống. Họ uể oải bò trên sàn sà lan, cố tìm chỗ tránh mưa và rét. Tôi cảm thấy những con người ngái ngủ này không thể làm việc, không thể cứu được khối hàng hóa sắp bị đắm.

Vào quãng nửa đêm thì chúng tôi tới chỗ chiếc sà lan bị mắc cạn và cho chiếc sà lan rỗng áp mạn vào chiếc sà lan bị va phải đá ngầm. Người phường trưởng, một lão già độc ác mặt rỗ, tính giảo quyệt, ăn nói sỗ sàng, có đôi mắt và cái mũi điều hâu, đưa tay giật chiếc mũ lưỡi trai ướt sũng trên cái đầu hói xuống và kêu the thé như giọng đàn bà:

– Hãy cầu kinh đi, anh em ơi!

Trong đêm tối, trên sàn sà lan, anh em phu khuân vác dồn nhau lại thành một đồng đen ngòm và gào lên như một đàn gấu. Người phường trưởng cầu kinh xong trước, hét:

– Đốt đèn lên! Ra tay đi thôi, anh em ơi! cố làm cật lực vào nhé! Chúa sẽ ban phước lành cho, bắt đầu đi!

Và những con người nặng nề, uế oải, ướt lướt thướt ấy bắt đầu “ra tay”. Giống như khi xông vào chiến đấu, họ nhảy ùa sang sàn và lao xuống hầm chiếc sà lan bị chìm với những tiếng reo hò, gào thét và những lời đùa bỡn. Xung quanh tôi, những bao gạo, những kiện nho khô, da thuộc, lông cừu bay nhẹ nhàng như những chiếc gối bông. Những thân hình vạm vỡ vừa chạy đi chạy lại vừa khích lệ nhau bằng tiếng kêu la, tiếng huýt sáo, tiếng chửi bới độc địa. Khó mà tin được rằng những người đang làm việc một cách nhẹ nhàng, vui vẻ và say sưa đó lại chính là những con người chậm chạp, cau có vừa mới đây còn buồn rầu than thở về cuộc đời, về mưa rét. Mưa càng nặng hạt, trời càng lạnh giá, gió càng thổi mạnh làm những chiếc áo cánh bay tung, vạt áo tốc ngược lên đầu, hở cả bụng. Trong đêm tối mưa gió, dưới ánh sáng yếu ớt của sáu ngọn đèn, những lớp sóng người đen ngòm lao đi vun vút, chân nện thành thịch trên sàn sà lan. Họ làm việc như thể thèm khát lao động, như từ lâu họ đã chờ đợi nỗi vui thích được chuyển từ tay người này sang tay người kia những bao nặng hàng bốn pood, vác những kiện hàng trên lưng mà chạy băng băng. Họ vừa làm vừa cười đùa vui vẻ, say mê như trẻ con, với một khoái cảm ngây ngất mà chỉ những lúc ôm ấp phụ nữ mới cảm thấy ngọt ngào hơn thôi.

Một gã râu ria xồm xoàm, người to lớn, mặc áo khoác ngoài, mình ướt đầm và nhầy nhụa – có lẽ là chủ nhân của số hàng hóa hoặc là người thay mặt chủ nhân – bất thần kêu to, vẻ kích động:

– Này anh em, ta đặt giải thưởng một thùng rượu đấy! Các tướng cướp ạ, hai thùng cũng được! Làm nhanh lên!

Lập tức từ bốn phía trong đêm tối có mấy tiếng gào to:

– Ba thùng chứ!

– Ba thùng thì ba! Cứ làm khỏe vào!

Và cơn gió lốc lao động lại càng cuộn cuộn nổi lên mạnh mẽ hơn.

Tôi cũng khuân, cũng kéo, cũng ném, rồi lại chạy, lại khuân; và tôi cảm thấy rằng cả bản thân tôi lẫn mọi vật xung quanh đều quay cuồng trong một điệu vũ sôi nổi, rằng những con người ấy có thể làm việc một cách vui vẻ và hăng say lạ thường, không mệt mỏi, không tiếc sức mình, quên cả thán,

năm; rằng họ có thể nắm lấy những tháp chuông và những gác nhà thờ của thành phố lôi đi đâu thì lôi.

Đêm hôm ấy tôi đã sống trong một niềm vui mà trước kia tôi chưa hề nếm trải, trong thâm tâm tôi muốn được sống suốt đời trong trạng thái phấn khởi gần như điên cuồng ấy của lao động. Ngoài mạn tàu, sóng nước như nhảy múa, mưa quất xuống sàn sà lan, gió rít trên mặt sông, và trong bóng tối nhờ nhờ của buổi bình minh, những con người gần như trần truồng, mình ướt đẫm, vẫn chạy đi chạy lại tới tấp và không biết mệt mỏi, reo hò, cười nói, say sưa với sức mạnh và lao động của mình. Rồi bỗng nhiên một cơn gió mạnh xé toang khối mây đen nặng nề, trên mảnh trời xanh thẫm và rực rỡ lóe lên một tia sáng mặt trời hồng tươi. Những “con thú” vui vẻ ấy đồng thanh reo vang, đón chào tia sáng, làm rung rung hàng lông ướt đẫm trên những cái mõm đáng yêu. Tôi muốn ôm hôn những “con thú hai chân” vô cùng thông minh và nhanh nhẹn, vô cùng say sưa quên mình trong lao động ấy.

Dường như không gì có thể chống lại sức mạnh điên cuồng và phấn khởi, sức mạnh có khả năng tạo nên những điều kì diệu trên trái đất đầy thành phố và lâu đài tráng lệ như trong truyện thần thoại tiên tri thường nói đến. Sau khi ngắm nhìn lao động của con người trong chốc lát, tia sáng mặt trời không thẳng nổi lớp mây dày, nặng nề, lại chìm sâu vào mây như một đứa bé chìm trong biển cả, và cơn mưa nhỏ bỗng chốc biến thành trận mưa rào.

– Nghỉ đi thôi!

Có người kêu lên, nhưng mọi người giậm dừ đáp lại:

– Xong rồi hãy nghỉ!

Và dưới trời mưa như trút, trong gió lớn, những con người mình gần trần như nhộng ấy làm việc không ngơi tay đến tận hai giờ chiều, cho đến khi chuyển xong toàn bộ hàng hóa. Họ làm tôi kính phục nhận thức rằng: Thế giới loài người thật dồi dào biết bao sức mạnh hùng hậu!

Sau đó mọi người lên tàu và ngủ thiếp đi như những kẻ say rượu. Đến Kazan, họ nhảy ụp lên bãi cát như một dòng nước bùn đen ngòm và kéo

nhau vào quán rượu uống cạn ba thùng rượu vodka.

Trong quán, gã kẻ cắp Bashkin bước đến trước mặt tôi, ngắm nghía tôi và hỏi:

– Họ kéo mày đi làm những gì?

Tôi phần khởi kể lại cho gã công việc tôi làm, gã lắng nghe rồi thở dài, khinh bỉ nói:

– Đồ ngốc! – Và còn tệ hơn nữa.– Đồ ngu!

Rồi huyết sáo, uốn éo thân hình như một con cá, gã lách đi giữa những dãy bàn kê sát nhau, nơi anh em phu khuân vác vừa ăn uống ồn ào xong. Trong một góc quán có người cất giọng lạnh lạnh hát một bài ca tục tũ.

Hây, chuyện xảy ra vào lúc nửa đêm

Một tiểu thư đi dạo trong vườn, hây!

Hàng chục tiếng gào theo vang lên đình tai kèm những tiếng vỗ tay đôm đốp xuống mặt bàn:

Người tuần tra thành phố đứng rình

Thấy tiểu thư đang nằm giữa tênh hênh...

Trong quán lại nổi lên những tiếng cười hô hố, tiếng huyết sáo và những lời nói trơ trẽn táo tợn mà có lẽ trên đời này không gì có thể bì được.

Có người giới thiệu tôi với Andrej Derenkov, chủ một cửa hiệu bán thực phẩm nhỏ. Cửa hiệu này nằm khuất ở cuối một dãy phố nghèo nàn, chật hẹp, trên một cái cống đầy rác rưởi.

Derenkov là một người bé nhỏ, bị liệt một cánh tay, mặt mũi hiền lành, có bộ râu vàng óng và cặp mắt thông minh. Anh ta có tủ sách quý nhất trong thành phố,, gồm toàn sách cấm và sách hiếm. Sinh viên các trường ở Kazan và những người có đầu óc cách mạng đã từng đọc sách ở đây.

Cửa hiệu của Derenkov nằm trong một ngôi nhà xép thấp, giáp với ngôi nhà của một gã bị hoạn làm nghề đổi bạc. Từ cửa hiệu có cửa thông vào một gian phòng lớn được chiếu sáng yếu ớt nhờ chiếc cửa sổ trông ra sân. Phía sau gian phòng này, đi sâu vào nữa, là một cái bếp chật hẹp. Đằng sau bếp, trong một phòng phụ tối tăm giữa nhà xép và nhà chính, có một cái kho ở trong góc, và đó chính là nơi cất giấu cái tủ sách hết sức bí mật. Một phần của tủ sách đã được chép tay vào những quyển vở dày, như *Những hức thư lịch sử* của Lavrov, *Làm gì?* của Chernyshevsky, một số bài báo của Pisarev^[24], Ông vua đói^[25] Ngón giáo hoạt... Tất cả những bản chép đó đều đã qua tay nhiều người đọc và rất nhàu nát.

Lần đầu tiên tôi tới cửa hiệu, Derenkov đang bận tiếp khách hàng, anh gật đầu ra hiệu bảo tôi đi về phía cửa thông vào phòng. Tôi bước vào và thấy ở góc phòng, trong bóng tối lơ mờ, một ông già bé nhỏ nom giống như bức chân dung Serafim của Sarov đang quỳ và cầu nguyện một cách kính cẩn. Nhìn ông già, tôi cảm nhận được một điều gì lạ lùng và kì quặc.

Người ta nói với tôi rằng Derenkov là một người thuộc phái “dân tụy”^[26]. Theo quan niệm của tôi thì người theo phái dân tụy là người cách

mạng, mà người cách mạng thì không được tin vào Chúa. Tôi cảm thấy ông già mộ đạo ấy là một người thừa trong ngôi nhà này.

Cầu nguyện xong, ông già cẩn thận vuốt mớ tóc và chòm râu bạc, chăm chú nhìn tôi rồi nói:

– Lão là cha của Andrej. Còn anh là ai? À, ra vậy đấy! Lão lại cứ nghĩ anh là một sinh viên cải trang.

– Thế sinh viên cải trang để làm gì ạ? Tôi hỏi.

– Ôi dào. – Ông già khẽ đáp. – Dù có cải trang thế nào đi nữa thì Chúa cũng vẫn biết!

Ông lão bỏ xuống bếp. Tôi ngồi bên cửa sổ và suy nghĩ.

Bỗng tôi nghe thấy tiếng kêu:

– Thì ra anh ta đấy!

Một cô gái vận đồ trắng đang đứng ở cửa bếp. Mái tóc vàng óng của cô cắt ngắn; trên khuôn mặt mũm mĩm, tái nhợt, ánh lên cặp mắt xanh như đang mỉm cười. Trông cô rất giống những thiên thần vẽ trong các bức tranh rẻ tiền.

– Tại sao anh lại hoảng hốt thế? Chẳng lẽ trông tôi đáng sợ lắm sao?

Cô ta nói giọng the thé, run run, rồi thận trọng và chậm chạp bước lại phía tôi, tay vịn vào tường hệt như đang đi trên một sợi dây tròng trành căng trong không khí chứ không phải đang đi trên mặt sàn cứng. Dáng đi vụng về đó càng khiến cô giống như người của một thế giới khác. Toàn thân cô rung lên như có những mũi kim đâm vào chân, như thể bức tường đang thiêu đốt những cánh tay mũm mĩm trẻ con của cô. Cả đến những ngón tay cũng đờ ra một cách kì lạ.

Tôi im lặng đứng trước mặt cô. Một sự bối rối lạ lùng và nỗi thương hại sâu sắc xâm chiếm tâm hồn tôi. Trong căn phòng tối này tất cả đều thật kì lạ.

Cô gái ngồi xuống ghế một cách thận trọng, dường như sợ chiếc ghế bay đi mất. Bằng những lời lẽ không thể giản dị hơn, cô kể với tôi rằng cô mới

bắt đầu đi lại được đến hôm nay là hôm thứ năm, trước đấy cô phải nằm liệt giường gần ba tháng trời: Cô bị liệt chân tay.

– Đó là một thứ bệnh thần kinh. – Cô mỉm cười nói.

Tôi còn nhớ, lúc đó tôi muốn cô giải thích bệnh trạng của cô một cách khác. Bệnh thần kinh – điều đó thật quá đơn giản đối với một người con gái như vậy và ở trong một căn phòng kì lạ như vậy, một căn phòng trong đó tất cả mọi đồ vật đều như đang nép vào tường một cách sợ sệt: Ở góc phòng, trước các tượng thánh, ngọn đèn thờ cháy rất sáng, bóng những dây xích bằng đồng bò một cách thản nhiên trên chiếc bàn ăn lớn phủ khăn trắng.

– Tôi đã nghe nói rất nhiều về anh, thành thử tôi muốn gặp xem anh như thế nào. – Giọng cô trong trẻo như giọng trẻ con.

Cô gái ấy ngắm nghía tôi bằng con mắt thật là đáng sợ, cặp mắt xanh của cô ta như muốn xuyên thấu tất cả. Với một người con gái như vậy, tôi không thể nói chuyện được vì không biết nói như thế nào. Tôi bèn im lặng ngắm nghía những bức chân dung của Herzen^[27], Darwin^[28], Garibaldi^[29].

Từ ngoài cửa hiệu, một thiếu niên trạc tuổi tôi chạy vào, tóc vàng hoe, cặp mắt ranh mãnh. Anh ta biến mất vào trong bếp sau khi kêu lên bằng giọng trầm bổng:

– Chị mò ra đây làm gì, chị Mariya?

– Thằng em tôi đây, Aleksej ạ.– Cô gái nói. – Còn tôi đang học lớp sản khoa thì bị ốm. Tại sao anh lại im lặng thế? Anh ngượng phải không?

Andrej Derenkov đi vào, cánh tay bị liệt đút trong ngực áo. Anh ta im lặng vuốt mái tóc mềm mại của cô em gái, xoa cho bù lên và hỏi tôi đến vì việc gì.

Lát sau, một cô gái tóc quăn màu hung, thân hình cân đối, mắt xanh lá mạ bước vào phòng. Cô ta nghiêm nghị nhìn tôi rồi khoác tay cô gái vận đồ trắng kéo đi và nói:

– Đủ rồi, Mariya!

Mariya – cái tên đó thật không hợp với cô gái, đối với cô nó có phần hơi thô thiển.

Tôi cũng đi ra, lòng xao xuyến lạ kì. Sau đó một hôm, buổi tối, tôi lại ngồi trong căn phòng ấy. Tôi muốn tìm hiểu xem người ta sống như thế nào trong căn phòng này? Họ sống thật là kì lạ.

Ông già Stepan Ivanovich đáng mến, dịu dàng, râu tóc bạc phơ, người trắng bệch, thường ngồi ở góc nhà nhìn ra, cặp môi thâm động đậy, miệng khẽ mỉm cười như muốn yêu cầu:

– Đừng động chạm đến tôi!

Trong con người ông già có cái vẻ sợ hãi của loài thỏ và linh cảm lo âu về những điều bất hạnh. Điều đó tôi thấy rất rõ.

Andrej bị liệt một tay, thường mặc chiếc áo màu xám có dính dầu và bột ở ngực cứng như vỏ cây, đi lại trong phòng, người nghiêng nghiêng, miệng cười ngượng nghịu như đứa trẻ vừa được tha thứ sau một trò nghịch ngợm. Aleksej, một thanh niên lười biếng, cục cằn, giúp anh bán hàng. Đứa em trai thứ ba là Ivan học ở trường Sư phạm, nó ở kí túc xá và chỉ về nhà vào những ngày lễ. Đó là một thiếu niên bé nhỏ, ăn mặc sạch sẽ, đầu chải bóng mượt giống như một viên chức già. Cô Mariya đau ốm ở đâu đó trên gác thượng, ít khi xuống dưới nhà, và cứ mỗi khi cô ta xuống thì tôi lại cảm thấy lúng túng, hết như tôi bị trói buộc bởi những sợi dây vô hình vậy.

Công việc nội trợ trong gia đình Derenkov do một mẹ cùng ở chung với lão chủ nhà bị hoạn đảm nhiệm. Đó là một người đàn bà cao gầy, có bộ mặt như một con búp bê bằng gỗ với cặp mắt nghiêm nghị của một nữ tu sĩ độc ác. Cô Nastya mũi nhọn, tóc hung, con gái mẹ cũng ở đây. Mỗi khi cô ngược cặp mắt xanh nhìn đàn ông, hai cánh mũi của cô lại rung rung.

Nhưng những người chủ thực sự trong căn nhà Derenkov lại là các sinh viên của trường đại học, của Đại chủng viện và Viện Thú y. Họ thường tụ tập tại đây trong những cuộc hội họp ồn ào. Đó là những người biết quan tâm đến nhân dân Nga, luôn luôn lo lắng cho tương lai của nước Nga. Thường xuyên bị kích động bởi những bài báo, những kết luận của các cuốn sách vừa đọc xong, những sự kiện trong sinh hoạt của thành phố và

của trường đại học, tối tối, từ khắp các phố của Kazan, họ kéo đến tụ họp tại cửa hiệu nhỏ bé của Derenkov để tham gia vào những cuộc tranh cãi gay gắt, và để thì thầm nhỏ nhỏ với nhau trong các góc nhà. Họ mang theo những cuốn sách dày cộp, rồi vừa thọc ngón tay vào các trang sách vừa la hét để bảo vệ những chân lí mà mình ưa thích.

Tất nhiên tôi không hiểu rõ lắm về các cuộc tranh luận ấy. Đối với tôi, chân lí đã biến đi trong những lời lẽ dài dòng giống như váng mỡ trong nồi xúp lỏng bông của người nghèo. Một số sinh viên làm tôi liên tưởng tới những ông già thông thái thuộc giáo phái miền Volga, nhưng tôi hiểu rằng tôi đang gặp những con người sẵn sàng để khiến cuộc sống thay đổi tốt đẹp hơn. Và tuy lòng chân thành của họ bị chìm ngập giữa những làn sóng dữ dội của lời nói, nó không tiêu tan trong đó. Những vấn đề mà họ định giải quyết tôi đều hiểu rõ, và tôi cảm thấy chính bản thân mình cũng say mê với việc giải quyết những vấn đề ấy. Tôi thường có cảm tưởng là trong lời nói của anh em sinh viên cũng vang lên những ý nghĩ thầm kín của tôi, và đối với những con người đó, thái độ của tôi gần như hân hoan, giống một tên tù binh được người ta hứa trả tự do.

Còn họ thì nhìn tôi hệt như những người thợ mộc nhìn một khúc gỗ có thể dùng để làm một đồ vật không đến nỗi tầm thường.

– Một thiên tài tự phát! – Họ giới thiệu tôi cho nhau với một niềm tự hào giống như những đứa trẻ lang thang đầu đường xó chợ đưa cho nhau xem một đồng năm kopek bằng đồng bắt được ở ngoài đường. Tôi không thích người ta gọi tôi là “thiên tài”, là “người con của nhân dân”. Tôi cảm thấy mình là một đứa con nuôi của cuộc sống; và đôi lúc tôi nhận thấy rất rõ sức mạnh của cái lực lượng chi phối sự phát triển tâm hồn tôi. Chẳng hạn, có hôm nhìn thấy trên cửa sổ hiệu sách một tác phẩm với nhan đề bí ẩn *Cách ngôn và phương ngôn*^[30] tôi nảy ra ý muốn đọc cuốn sách ấy, tôi bèn hỏi sinh viên Đại chủng viện cho tôi mượn cuốn này.

– Gớm thật! – Vị chủ giáo tương lai, con người có cái đầu giống như người da đen – tóc xoăn, môi dày, răng to – thốt lên một cách mỉa mai. – Người anh em ạ, đó chỉ là một thứ nhảm nhí mà thôi. Người anh em hãy

đọc những gì người ta đưa cho, còn những lĩnh vực không thích hợp với người anh em thì đừng có chỗ mũi vào!

Giọng nói thô lỗ kiểu lên mặt dạy đời này khiến tôi rất bực mình. Tất nhiên tôi đã mua cuốn sách đó, tiền thì một phần do tôi kiếm được ở các bến tàu, một phần vay của Andrej Derenkov. Đó là cuốn sách đáng kể đầu tiên mà tôi đã mua, cho đến bây giờ tôi vẫn còn giữ được.

Nói chung, đối với tôi, mọi người đối xử khá nghiêm khắc. Khi tôi đọc xong cuốn *Khoa học xã hội nhập môn*, tôi có cảm tưởng là tác giả đã cường điệu vai trò của các bộ lạc chăn nuôi trong việc tổ chức đời sống văn hóa, còn những người lang thang giàu óc sáng tạo và những người săn bắn thì bị ông ta lãng nhục. Tôi nói lại những điều hoài nghi của tôi với một sinh viên ngữ văn; anh này sau khi cố tạo cho bộ mặt đàn bà của mình một vẻ oai vệ, liền nói với tôi hàng giờ về vấn đề “quyền phê bình”.

– Muốn có quyền phê bình, cần phải tin vào một chân lí nào đó. Anh tin vào cái gì? – Anh ta hỏi tôi.

Anh ta đọc sách cả ở ngoài đường phố; đi trên vỉa hè, anh ta thường úp mặt vào sách, đến nỗi đâm cả vào mọi người. Những lúc vật vã trong cơn sốt phát ban, tại căn gác xép của mình, anh ta vẫn la lên:

– Đạo đức phải là sự phối hợp một cách hài hòa giữa yếu tố tự do và yếu tố cưỡng bức, một cách điều hòa... điều hò...ò...à...

Là một người dịu dàng, ốm dờ vì thiếu ăn quanh năm, kiệt sức vì dai dẳng tìm kiếm chân lí vĩnh cửu, anh ta không hề biết một thú vui nào khác ngoài đọc sách. Và mỗi khi anh cảm thấy mình đã dung hòa được những mâu thuẫn giữa hai trí tuệ mạnh mẽ, cặp mắt đen đáng yêu của anh mỉm cười sung sướng như một đứa trẻ con. Khoảng mười năm sau khi sống ở Kazan tôi lại gặp anh ở Kharkov, lúc này anh đã trải qua năm năm đi đày ở Kem và quay lại học ở trường đại học. Tôi có cảm tưởng anh là một người sống giữa hằng hà sa số những tư tưởng trái ngược nhau. Lúc sắp chết vì bệnh lao, anh vẫn cố sức dung hòa Nietzsche với Marx. Vừa khạc ra máu và thở khò khè, anh vừa đưa những ngón tay lạnh giá dính nhớp nháp nắm lấy cánh tay tôi:

– Không có sự tổng hợp thì không thể sống được!

Anh chết trong toa xe điện trên đường đến trường đại học.

Tôi đã thấy không ít những kẻ tử vì đạo như vậy. Đối với tôi hình ảnh của họ thật là thiêng liêng.

Khoảng hai chục người như vậy thường tụ họp tại căn nhà của Derenkov, trong đó có cả một người Nhật, sinh viên Đại chủng viện, tên là Panteleimon Sato. Thành thạo lại thấy xuất hiện một người cao lớn, ngực nở, râu rậm, tóc húi theo kiểu Tatar. Anh ta như bị khâu chặt vào chiếc áo khoác dài màu xám có móc cài đến tận cằm. Thường thường anh ngồi trong góc nhà, hút một cái tẩu ngắn và bằng cặp mắt xám, điềm đăm nhìn mọi người vẻ như thăm dò. Cặp mắt của anh thường dừng lại trên mặt tôi một cách chăm chú. Tôi cảm thấy rằng con người nghiêm nghị đó đang thầm đánh giá tôi trong óc. Và không hiểu sao tôi thấy sợ anh ta. Sự im lặng của anh ta làm tôi ngạc nhiên. Tất cả mọi người xung quanh đều nói to, nói nhiều, nói mạnh. Và những lời nói càng vang lên gay gắt chừng nào thì tất nhiên tôi càng thích chừng ấy. Một thời gian rất lâu tôi vẫn không biết được rằng trong những lời nói gay gắt thường ẩn những ý nghĩ tầm thường và giả dối. Chàng lực sĩ râu rậm này im lặng suy nghĩ điều gì?

Mọi người gọi anh ta là “Khokhol”^[31] và có lẽ ngoài Andrej ra không ai biết tên thật của anh là gì. Ít lâu sau tôi được biết rằng con người đó vừa mới bị đi đày ở tỉnh Yakutsk về không lâu, anh đã sống ở đấy mười năm trời. Sự kiện này càng khiến tôi chú ý đến anh hơn, nhưng vẫn không giúp tôi đủ can đảm làm quen với anh, mặc dầu tôi không phải là người nhút nhát, rụt rè, trái lại tôi mắc phải cái bệnh hay tò mò, cái gì cũng muốn biết và càng biết được sớm càng tốt. Tính đó suốt đời đã cản trở không cho tôi chuyên chú hẳn vào một công việc gì.

Khi mọi người nói về nhân dân, tôi kinh ngạc và thấy thiếu tự tin, cảm thấy rằng về vấn đề này tôi không thể nghĩ như họ được. Đối với họ, nhân dân là hiện thân của sự sáng suốt, của cái đẹp tinh thần và của sự lương thiện, là một cái gì thống nhất toàn vẹn và có tính chất gần như thần thánh, là đầu mối của tất cả những gì đẹp đẽ, công bằng, vĩ đại. Tôi chưa từng

thấy thứ nhân dân như vậy. Tôi đã thấy những người thợ mộc, phu khâu vác, thợ nề; tôi biết Yakov, Osip, Grigori. Nhưng ở đây người ta lại nói đến một thứ nhân dân thuần nhất và tự đặt mình xuống dưới thứ nhân dân ấy, phụ thuộc vào ý chí của nó. Còn tôi thì cho rằng chính họ đã thể hiện trong con người họ vẻ đẹp và sức mạnh của tư tưởng, trong con người họ tập trung và đang rực cháy ý chí nhân đạo tốt đẹp đối với cuộc sống, đối với việc tự do xây dựng cuộc sống theo những quy tắc mới nào đó của lòng nhân đạo.

Quả là tôi đã không thấy lòng nhân đạo trong những con người bé nhỏ cùng chung sống với tôi trước đây. Còn ở đây thì nó vang lên trong mỗi lời nói, rực cháy trong mỗi khóe mắt.

Những lời nói của những con người tôn sùng nhân dân ấy đã tưới vào trái tim tôi như một trận mưa rào mát mẻ, và cả những loại sách ngây thơ nói về cuộc sống tối tăm của nông thôn, về những bần nông khốn khổ cũng đã giúp tôi rất nhiều. Tôi cảm thấy rằng phải yêu con người thật say sưa, thật nồng nhiệt mới có thể có được một sức mạnh cần thiết để tìm ra và hiểu được ý nghĩa của cuộc sống. Tôi bèn không nghĩ đến mình nữa và bắt đầu để ý đến mọi người nhiều hơn.

Andrej Derenkov, với vẻ tin cậy, nói cho tôi biết toàn bộ số tiền ít ỏi mà anh thu được trong việc buôn bán là dùng để giúp đỡ những người nào tin rằng “Hạnh phúc của nhân dân là trên hết”. Hệt như một thầy phụ lễ trung thành được hầu hạ đức tổng giám mục, anh hay quanh quẩn bên cạnh họ và không giấu được vẻ hân hoan trước sự thông minh lanh lợi của những con người chuộng sách vở ấy. Anh thường mỉm cười sung sướng, nhét cánh tay bị liệt vào trong ngực áo, còn bàn tay kia thì xoắn bộ râu mềm mại và hỏi tôi:

– Khá đấy chứ? Tài thật!

Và cứ mỗi lần chàng sinh viên thú y Lavrov, anh chàng có giọng nói kì lạ, nghe quang quác như tiếng ngỗng kêu, phản đối ý kiến của những người thuộc phái dân túy thì Derenkov lại sợ hãi nhắm mắt lại, miệng lẩm bẫm:

– Thật là đồ gây sự!

Thái độ của Derenkov đối với các sinh viên thuộc phái dân túy cũng giống thái độ của tôi, còn thái độ của các sinh viên đối với anh ta thì tôi có cảm tưởng giống như thái độ thô lỗ và thiếu tôn trọng của những ông chủ đối với người hầu hoặc kẻ tôi tớ trong các quán rượu. Bản thân Derenkov không nhận thấy điều này. Thường thường, sau khi tiễn khách ra về, anh giữ tôi ở lại. Chúng tôi quét lại phòng rồi nằm trên tấm thảm bằng nỉ trải ngay trên sàn, thì thào trò chuyện thân mật với nhau rất lâu trong bóng tối, dưới ánh sáng lờ mờ của ngọn đèn thờ. Với niềm vui thầm lặng của một tín đồ, anh nói với tôi:

– Cứ có được hàng trăm, hàng nghìn những người tốt như vậy để họ giữ tất cả những địa vị trọng yếu ở nước Nga thì lập tức họ sẽ làm thay đổi cả cuộc sống!

Anh ta hơn tôi đến mười tuổi; tôi nhận thấy rằng anh rất thích cô Nastya tóc hung và anh cố không nhìn vào cặp mắt như thách thức của cô ta. Khi có người ngoài, anh thường nói với cô bằng giọng hơi khô khan như giọng ra lệnh của ông chủ, nhưng lại tiễn cô bằng cái nhìn rất buồn. Còn những khi nói chuyện riêng với cô, anh thường mỉm cười, vẻ bối rối và rụt rè, tay giật giật bộ râu.

Cô em gái nhỏ của anh cũng thường ngồi trong góc nhà quan sát những cuộc đấu khẩu. Bộ mặt non nớt của cô căng lên nom rất buồn cười mỗi khi phải chú ý quá, hai mắt cô mở to, và cứ mỗi lần những lời nói đặc biệt gay gắt vang lên thì cô lại thở dài thật to, hết như bị người ta vẩy nước lạnh vào người. Anh chàng sinh viên y khoa tóc hung cứ luẩn quẩn bên cạnh cô như một con gà trống đường bộ. Anh ta hay nói với cô bằng giọng gần như thì thầm có vẻ bí mật và nhú lông mày ra vẻ quan trọng. Tất cả những cảnh đó nom thật hết sức thú vị.

Nhưng mùa thu đã đến, cuộc sống không có công việc ổn định đã trở thành điều không thể chịu đựng được đối với tôi. Mải mê với tất cả những điều đang diễn ra xung quanh, càng ngày tôi càng làm việc ít hơn và phải đi ăn ghẹ người khác. Mà miếng ăn như vậy thì bao giờ cũng rất khó nuốt, cần

phải tìm “chỗ trú” cho mùa đông, và tôi đã tìm được ở lò bánh mì của Vassili Semyonov.

Giai đoạn này của cuộc đời tôi đã được tôi tả lại trong các truyện ngắn *Người chủ, Konovalov, Hai mươi sáu anh chàng và một cô gái*. Thật là một thời kì vất vả! Nhưng cũng lại là một thời kì đã dạy cho tôi nhiều bài học.

Thế xác đã cực nhọc, tinh thần còn nặng nề hơn.

Từ khi tôi bước chân xuống hầm của xưởng làm bánh, lập tức mọc lên một “bức tường quên lãng” giữa tôi với những con người mà nhìn thấy họ và nghe họ nói đã trở thành điều cần thiết đối với tôi. Không có ai trong bọn họ đến xưởng gặp tôi cả, còn tôi phải làm việc mười bốn giờ một ngày, cũng không thể đến chỗ Derenkov vào những ngày thường được. Những ngày lễ thì tôi hoặc là ngủ, hoặc là ở nhà với các đồng nghiệp. Một số người ngay từ những ngày đầu đã nhìn tôi như nhìn một thằng hề ngộ nghĩnh, số khác thì yêu quý tôi một cách ngây thơ như những đứa trẻ yêu quý một người biết kể những chuyện cổ tích thú vị. Chỉ ma quỷ mới biết được là tôi đã nói gì với những người đó, nhưng dĩ nhiên tôi đã nói tất cả những điều có thể gợi lên cho họ niềm hi vọng vào một cuộc sống khác dễ chịu và có ý nghĩa hơn. Thỉnh thoảng tôi thành công trong việc đó, và hễ cứ nhìn thấy những tia buồn bã nhen lên trên gương mặt húp híp và trong các khóe mắt của họ bùng lên tia lửa bức tức và giận dữ, tôi lại thấy vui sướng và tự hào nghĩ rằng tôi đang làm “công tác quần chúng”, đang “giáo dục” họ.

Nhưng tất nhiên thường là tôi cảm thấy bất lực với sự thiếu hụt về kiến thức của mình. Tôi không thể trả lời được ngay cả những vấn đề đơn giản nhất trong cuộc sống và trong đời sống hằng ngày. Những lúc ấy tôi thấy mình như bị ném vào một cái hố tối om, dưới đó mọi người lúc nhúc như những con giòi mù, chỉ cốt sao lãng quên được thực tại và đi tìm sự lãng quên đó trong các quán rượu, trong những cánh tay ôm ấp lạnh giá của bọn gái điếm.

Hằng tháng, việc đi chơi nhà thổ đã thành thông lệ vào ngày lĩnh lương. Một tuần trước ngày hạnh phúc này, mọi người đã công khai mơ ước niềm

khoái lạc đó. Và sau khi sống qua ngày ấy rồi, họ còn kể cho nhau nghe rất lâu về những khoái cảm mà họ đã trải qua. Trong các cuộc nói chuyện ấy, người ta thường đem khoe khoang một cách trắng trợn năng lực tình dục của mình. Họ nhạo báng phụ nữ một cách tàn nhẫn, vừa nói vừa khạc nhổ ra vẻ kinh tởm.

Nhưng, thật kì lạ! Tôi có cảm giác rằng đằng sau tất cả những câu chuyện ấy tôi đã nghe thấy sự buồn bã và hổ thẹn. Tôi nhận thấy rằng tại các “nhà giải muộn phiền” ấy, nơi mà với một rúp có thể mua được một người đàn bà trong suốt cả một đêm, bạn bè tôi đã hành động một cách bối rối, ngượng ngập giống như những kẻ có lỗi. Tôi cảm nhận được điều đó rất rõ ràng. Một số người lại hành động một cách hết sức lỗ mãng và táo tợn, và tôi cảm thấy sự lỗ mãng, táo tợn ấy đầy cố tình và giả dối. Quan hệ trai gái hấp dẫn tôi một cách kinh khủng, tôi đã quan sát tất cả những chuyện đó với con mắt sắc sảo đặc biệt. Bản thân tôi chưa được hưởng sự âu yếm của phụ nữ, và điều đó đã đưa tôi vào một tình thế khó chịu: Cả chị em phụ nữ lẫn bạn bè đều nhạo báng tôi một cách cay độc. Chẳng bao lâu sau, mọi người thôi không mời tôi đến các “nhà giải muộn phiền” nữa, họ bảo thẳng với tôi:

- Thôi, người anh em, đừng đi với chúng tớ nữa.
- Tại sao?
- Chẳng sao cả! Đi với cậu không tiện.

Tôi ngẫm nghĩ rất nhiều, cảm thấy những lời ấy có ý nghĩa nào đó khá quan trọng đối với tôi, nhưng tôi cũng chẳng tìm được lời giải thích nào rõ ràng hơn.

- Ô, cái thằng này! Đã bảo đừng đi mà lại! Đi với mày chán lắm...

Chỉ có Artem vừa mỉm cười vừa nói:

- Cứ y như có mặt cha cố hay bố già vậy.

Bọn con gái ban đầu chế giễu sự dè dặt của tôi, sau họ hỏi tôi với vẻ bức tức:

- Anh ghê tởm chúng tôi lắm à?

Terezia Boruta, một “cô gái” Ba Lan bốn mươi tuổi, đẹp, ăn mặc lộng lẫy, là “quản gia” ở “nhà giải muộn phiền”. Mẹ nhìn tôi bằng cặp mắt tinh nhanh như mắt chó nòi và nói:

– Thôi, chúng mình buông tha anh ta, các bạn ạ! Anh ta nhất định là có nhân tình rồi, phải không? Khỏe mạnh như thế thì ắt có nhân tình giữ chân chứ còn gì nữa!

Mẹ nghiện rượu, thường uống say bí tỉ. Lúc say trông mẹ thật đáng ghét, nhưng những lúc tỉnh mẹ làm cho tôi phải ngạc nhiên bởi thái độ chín chắn trong lối hành xử với mọi người và sự bình tĩnh tìm tòi ý nghĩa những hành vi của họ.

– Cái bọn kì quặc nhất định phải là bọn sinh viên Đại chủng viện.– Mẹ kể chuyện cho bạn bè của tôi. – Ai lại làm như thế này với bọn con gái bao giờ: Chúng nó sai sát xà phòng lên sàn nhà, bắt một đứa con gái cởi trần truồng nằm bò xuống, chân tay đặt lên đĩa, rồi chúng đẩy đặng đít xem trượt đi có xa không. Cứ thế, hết đứa con gái này đến đứa con gái khác. Đó, như vậy để làm gì nhỉ?

– Mẹ chỉ nói láo thôi! – Tôi nói.

– Ô, không phải đâu! – Terezia kêu lên, giọng điềm tĩnh không có vẻ gì bực tức.

Trong sự điềm tĩnh đó như có cái gì nghẹn lại.

– Mẹ bịa ra chuyện đó chứ gì!

– Một người con gái đời nào bịa ra chuyện như vậy được? Chẳng lẽ tôi điên hay sao? – Mẹ hỏi, hai mắt tròn xoe.

Mọi người lắng nghe cuộc tranh luận của chúng tôi một cách hết sức chăm chú. Còn Terezia vẫn cứ kể chuyện về các trò chơi của những ông khách bằng giọng thản nhiên của người chỉ muốn tìm hiểu xem người ta làm chuyện đó để làm gì.

Những người nghe chuyện nhổ nước bọt tỏ vẻ ghê tởm, họ chửi rửa anh em sinh viên bằng những lời tục tằn. Nhận thấy mẹ Terezia đang gây lòng thù hận đối với những con người mà tôi yêu mến, tôi liền nói rằng anh em

sinh viên là những người yêu nhân dân, mong muốn những điều tốt cho dân.

– Đó là những sinh viên đại học ở phố Voskresenskaya, còn đây là tôi nói về các sinh viên Đại chủng viện ở Arskoye Polye! Bọn sinh viên ấy đứa nào cũng mỡ côi cả, mà trẻ mỡ côi thì lớn lên nhất định phải ăn cắp hoặc lêu lổng, phải thành người xấu, vì bọn mỡ côi ấy, chúng có bị ràng buộc vào cái gì đâu

Những câu chuyện kể bằng giọng đằm thắm của mẹ “quản gia” cùng những lời than phiền độc ác của bọn con gái về các anh em sinh viên, về các viên chức và nói chung về những “giới thanh cao” đã gây nên trong bạn bè tôi không chỉ lòng thù địch mà cả một tình cảm gần như vui thích; nó biểu hiện bằng những lời:

– Vậy ra những người có học lại tồi hơn chúng ta!

Tôi đau khổ và cay đắng khi phải nghe những lời đó. Tôi nhận thấy rằng tất cả nước bẩn của thành phố đều dồn vào những căn phòng chật hẹp, tranh tối tranh sáng này, hết như dồn vào những cái hố trũng. Nó được đun sôi trên một ngọn lửa đầy khói và đầy sự thù hận, độc ác, rồi lại chảy ngược về thành phố. Trong những xô xỉnh này, nơi bản năng và sự chán chường cuộc sống đã đẩy người ta vào, tôi biết được những tiếng vô nghĩa trở thành các bài hát cảm động về nỗi lo âu và đau khổ của tình yêu, những chuyện bịa đặt quái gở về cuộc sống của “người có học” cùng thái độ giấu cợt và thù ghét đối với những điều người ta không hiểu đã nảy sinh ra sao. Và tôi nhận thấy rằng các “nhà giải muộn phiền” là những trường đại học mà từ đó các bạn của tôi học được những kiến thức hết sức độc địa.

Tôi đã từng xem những cô gái làng chơi đi đi lại lại trên mặt sàn bẩn thỉu, uể oải kéo lê hai chân. Những tấm thân nheo của họ nhún nhảy một cách kinh tởm theo tiếng rít dai dẳng của cây đàn phong cầm hoặc theo tiếng kêu giòn kích động của dây đàn dương cầm. Nhìn họ, tôi nảy ra những ý nghĩ không rõ ràng nhưng đầy lo lắng. Tất cả những cảnh tượng xung quanh tôi tạo nên một nỗi buồn chán, nó đầu độc tâm hồn tôi bằng ý muốn bất lực chạy trốn đến một nơi nào đấy.

Ở xưởng, khi tôi bắt đầu kể rằng có những người đang đi tìm một cách vô tư con đường đến tự do, hạnh phúc cho nhân dân, mọi người liền phản đối:

– Đấy, bọn con gái chẳng vừa kể chuyện đấy còn gì!

Và họ nhạo báng tôi một cách không thương tiếc bằng những lời cay độc vô liêm sỉ. Còn tôi thì như một con chó con hay gậy gỗ, cảm thấy mình cũng ngu ngốc và bạo dạn không kém gì những con chó lớn, tôi nổi xung lên. Khi bắt đầu hiểu rằng những ý nghĩ về cuộc sống cũng nặng nề không kém gì chính bản thân cuộc sống, đôi lúc tôi thấy như trong tâm hồn mình bùng lên những tia lửa căm thù đối với những con người có sự nhẫn nhục gan lì mà tôi làm việc cùng. Điều làm tôi đặc biệt tức giận là khả năng chịu đựng của họ, sự tuyệt vọng đến gần như ngoan ngoãn phục tùng những lời nhạo báng điên rồ của lão chủ say rượu.

Nhưng – như thể trời định – chính trong những ngày nặng nề đó tôi đã được làm quen với một tư tưởng hoàn toàn mới mẻ, tuy về căn bản nó đối địch với những suy nghĩ của tôi, nhưng dù sao nó cũng đã làm cho tôi rất bối rối.

Vào một đêm bão tuyết, khi những cơn gió rít độc ác như muốn xé tan bầu trời thành những mảnh vụn và những mảnh ấy rơi lả tả xuống mặt đất, bị vùi dưới những lớp bụi băng, khi cuộc sống trên trái đất dường như kết thúc, mặt trời đã bị dập tắt, không bao giờ còn mọc nữa – vào một đêm như vậy, trong ngày xưng tội của tuần chay, tôi từ nhà Derenkov trở về xưởng. Hai mắt nhắm nghiền, tôi đi ngược chiều gió, băng qua lớp không khí xám xịt, mù mịt, quay cuồng như đang sôi sục. Bỗng tôi vấp phải một thân người nằm chắn ngang vỉa hè và ngã bổ nhào. Cả hai chúng tôi cùng thốt lên tiếng chửi; tôi chửi bằng tiếng Nga, còn người kia thì bằng tiếng Pháp.

– Ô, đồ quý...

Tính tò mò của tôi bị kích thích. Tôi nâng người đàn ông dậy, đỡ ông đứng lên. Dáng người ông thấp bé, mảnh khảnh. Ông vừa đẩy tôi ra vừa thét một cách giận dữ:

– Mũ của tao, quý tha ma bắt mày đi! Trả mũ tao đây! Tao chết cóng bây giờ!

Tìm thấy chiếc mũ trong đồng tuyết, tôi giữ sạch rồi đội lên cái đầu lỏm chớm tóc của ông. Nhưng ông giật mũ xuống, rồi vừa khua mũ vừa chửi bằng hai thứ tiếng và đuổi tôi:

– Cút đi!

Bỗng, ông ta lao chúi về phía trước và chìm trong cơn bão tuyết sôi sục. Đi tiếp, tôi lại bắt gặp ông ta đang đứng, hai tay ôm cái cột đèn gỗ với ngọn đèn đã tắt, miệng lải nhải:

–Lena, anh chết mất... Ôi, Lena...

Hình như ông ta say rượu, và có lẽ ông ta sẽ chết rét nếu như tôi cứ để mặc ông ngoài đường. Tôi bèn hỏi xem nhà ông ở đâu.

– Đây là phố nào nhỉ? – Ông kêu lên, gần như phát khóc. – Tôi không biết đi lối nào cả.

Tôi ôm ngang thắt lưng ông và kéo đi, vừa đi vừa hỏi xem nhà ông ở đâu.

– Ở Bulak! – Ông lắp bắp, người run lên. – Ở Bulak... Ở đó có nhà tắm công cộng... Ngôi nhà...

Ông bước lão đảo, loạng choạng, cản trở bước chân tôi. Tôi nghe tiếng hai hàm răng ông đập vào nhau.

– Si tu savais...(Nếu mi biết...) – Người đàn ông vừa lắp bắp vừa đẩy tôi ra.

– Ông nói gì thế?

Ông ta dừng lại, giơ tay lên, nói rành rọt và – như tôi cảm nhận được – có vẻ tự hào:

– Si tu savais où je te mène... (Nếu mi biết ta đưa mi đi đâu...)

Rồi ông nhét mấy ngón tay vào miệng, lão đảo như sắp ngã. Tôi ngồi xuống, xốc ông lên lưng và cõng đi. Ông tì cằm vào đầu tôi, càu nhàu:

– Nếu mi biết... Nhưng tôi đang chết cóng đây. Trời ơi...

Đến Bulak, khó khăn lắm tôi mới hỏi được ông ta xem ông ở nhà nào. Cuối cùng, chúng tôi chui vào phòng ngoài của một chái nhà nhỏ ẩn sâu trong sân, giữa làn lốc tuyết mịn mù. Ông ta sờ soạng cửa, gõ một cách thận trọng và thì thầm:

– Suyt...! Khẽ chứ...

Người mở cửa là một người đàn bà mặc áo choàng đỏ, tay cầm ngọn nến đang cháy. Bà ta nhường lối cho chúng tôi, lặng lẽ lánh sang một bên, rồi rút ở đâu ra một cái kính cầm tay và bắt đầu chăm chú quan sát tôi.

Tôi bảo bà ta rằng hai tay ông ấy có lẽ đã bị lạnh cóng rồi, cần cởi quần áo cho ông và đỡ ông đi nằm.

– Thế à? – Bà ta hỏi bằng giọng ngân vang và trẻ trung.

– Nên nhúng hai tay vào nước lạnh...

Bà ta im lặng, cầm chiếc kính chỉ vào góc nhà. Tại đấy, trên một cái giá vẽ có đặt bức tranh họa cảnh sông và cây cối. Tôi ngạc nhiên liếc nhìn nét mặt người đàn bà, nét mặt lạnh lùng kì lạ. Bà ta đi lại góc phòng, đến bên chiếc bàn đặt ngọn đèn có chao màu hồng đang tỏa sáng. Bà ta ngồi xuống, lấy trên mặt bàn một lá bài và bắt đầu ngắm nghía nó.

– Bà không có rượu vodka ư? – Tôi hỏi to.

Người đàn bà không trả lời, tiếp tục sắp xếp những lá bài trên mặt bàn. Người đàn ông mà tôi đưa về ngồi trên ghế tựa, đầu gục xuống ngực, hai bàn tay đỏ bừng buông thõng. Tôi đặt ông ta nằm xuống đi vắng và bắt đầu cởi quần áo cho ông. Tôi chẳng hiểu gì cả. Cứ như đang sống trong giấc mơ. Bức tường trước mặt tôi, phía trên đi vắng, kín mít toàn ảnh chụp, giữa những tấm ảnh lấp lánh một vòng hoa vàng quăn nơ trắng, cuối dải nơ có đề những chữ vàng:

KÍNH DÂNG GILDA VÔ SONG^[32]

– Quý tha ma bắt anh đi, nhẹ tay chứ! – Người đàn ông rên rỉ khi tôi bắt đầu xoa hai tay cho ông ta.

Người đàn bà ngồi im lặng xếp các quân bài một cách chăm chú. Gương mặt với chiếc mũi nhọn của bà trông như mặt chim; cặp mắt to không hề

chớp rục sáng. Lúc này bà đang dùng hai bàn tay như tay thiếu nữ vò rối bù mớ tóc bạc của mình – mớ tóc lộng lẫy hết như một mớ tóc giả – và hỏi khe khẽ nhưng nghe rất vang:

– Có gặp Misha không, Georgiys?

Georgiys đẩy tôi ra, ngồi dậy thật nhanh, hấp tấp nói:

– Nhưng hẳn đã đi Kiev rồi.

– Phải, đi Kiev. – Người đàn bà nhắc lại, mắt vẫn không rời những lá bài.

Giọng bà ta nghe đều đều và lạnh lùng.

– Hẳn sắp sửa trở về đây...

– Thế à?

– Ờ, thật đấy! Sắp sửa...

– Thế à? – Người đàn bà nhắc lại.

Georgiys, quần áo cởi còn dở dang, liền nhảy xuống sàn, và chỉ với hai bước nhảy đã quỳ dưới chân người đàn bà, miệng nói gì đó với bà ta bằng tiếng Pháp.

– Tôi yên tâm rồi. – Người đàn bà trả lời bằng tiếng Nga.

– Em biết không, anh bị lạc! Bão tuyết, gió kinh khủng. Anh đã tưởng mình bị chết cồng. – Georgiys hấp tấp kể, vừa nói vừa vuốt bàn tay đang đặt trên đầu gối của người đàn bà.

Ông ta trạc bốn mươi tuổi. Gương mặt đỏ với cặp môi dày và hàng ria đen của ông có vẻ như đang sợ hãi, hoảng hốt. Ông vuốt mạnh mớ tóc bạc trên cái đầu tròn xoe của mình, nói với giọng mỗi lúc một tỉnh táo hơn.

–Mai chúng ta đi Kiev. – Người đàn bà nói, không ra hỏi, cũng không ra bảo.

– Ừ, mai đi! Vả lại em cũng cần phải nghỉ ngơi. Sao em không đi nằm đi, khuya lắm rồi...

– Misha hôm nay không tới à?

– Ồ, không đâu! Bão tuyết thế này... Thôi em đi nằm đi...

Ông ta cầm ngọn đèn trên bàn và dẫn người đàn bà vào một cái cửa nhỏ nằm phía sau tủ sách. Tôi ngồi một mình rất lâu, không nghĩ ngợi gì cả, chỉ lắng nghe giọng nói khe khẽ, khàn khàn của ông ta. Những bàn tay lông lá xù xì kéo lết trên mặt kính cửa sổ. Ngọn nến rụt rè phản chiếu ánh sáng trong vũng tuyết tan. Gian phòng chất đầy đồ đạc, một mùi ấm áp kì lạ bao trùm khắp phòng làm quên lãng mọi ý nghĩ.

Và đây, Georgiys xuất hiện, bước lảo đảo, hai tay cầm cây đèn. Chao đèn đập khe khẽ vào thông phong.

– Bà ấy đi ngủ rồi.

Ông ta đặt ngọn đèn lên bàn, đứng ở giữa phòng với vẻ dăm chiêu, và không nhìn tôi, ông cất tiếng:

– Hừ, biết nói thế nào? Không có anh có lẽ tôi chết mất... Cảm ơn! Anh là ai?

Ông ta nghiêng đầu, chăm chú lắng nghe tiếng động ở phòng bên và rùng mình.

– Vợ ông đấy à? – Tôi hỏi nhỏ.

– Vợ. Tất cả, toàn bộ cuộc đời của tôi đấy! – Ông ta nói dứt quãng, không to lắm, hai mắt nhìn xuống sàn.

Rồi ông lại đưa hai bàn tay vuốt tóc thật mạnh.

– Uống trà nhé?

Ông lơ đãng đi về phía cửa ra vào, nhưng dừng lại vì ông chợt nhớ ra rằng đĩa hầu gái ăn cá bị bội thực đã được đưa đi nhà thương rồi.

Tôi đề nghị đặt ấm samovar, ông gật đầu đồng ý và – có lẽ quên rằng quần áo trên người đang cởi dở dang – cứ thế đi chân không trên mặt sàn ướt, dẫn tôi vào một căn bếp nhỏ. Đứng tựa lưng vào bếp lò, ông ta nhắc lại:

– Không có anh có lẽ tôi bị chết cồng rồi, cảm ơn!

Bỗng ông rùng mình, nhìn tôi chăm chặp bằng cặp mắt mở to, vẻ sợ hãi:

– Khi ấy thì vợ tôi sẽ thế nào? Trời ơi...

Nhìn qua khe cửa tối om, ông ta nói nhanh, giọng trầm thì:

– Anh thấy đấy, vợ tôi ốm. Đứa con trai của vợ tôi là một nhạc công ở Moskva đã tự tử, vậy mà vợ tôi vẫn chờ đợi nó, đã gần hai năm trời nay rồi...

Sau đó, lúc chúng tôi uống trà, bằng những lời khác thường, rời rạc, ông kể rằng người đàn bà kia là một địa chủ, còn ông là thầy giáo dạy Lịch sử. Ông gia sư cho con trai bà, rồi đem lòng yêu bà. Người đàn bà bỏ chồng – một bá tước người Đức – và đi hát trong đoàn ca kịch. Họ sống rất hạnh phúc, mặc dù người chồng trước vẫn tìm mọi cách để phá hoại cuộc đời bà.

Ông kể, cặp mắt nheo nheo, nhìn chăm chặp vào một cái gì đó trong bóng tối chập chờn của căn bếp bẩn thỉu với những tấm ván sàn mục nát cạnh bếp lò. Trà nóng quá, ông uống tí một, bị phỏng lưỡi, mặt ông nhăn lại, cặp mắt tròn xoe chớp chớp vẻ sợ hãi.

– Anh là ai? – Ông ta hỏi lại một lần nữa. – Ủ, thợ làm bánh mì, công nhân. Lạ thật! Không có vẻ gì giống cả. Thế nghĩa là thế nào?

Giọng ông có vẻ như bản khoản. Ông nhìn tôi một cách hoài nghi bằng con mắt của một người bị săn đuổi.

Tôi kể sơ qua về tôi.

– Thế à? – Ông khẽ thốt lên. – À, ra thế...

Và bỗng tươi tỉnh hẳn, ông hỏi:

– Anh có biết câu chuyện cổ tích *Chú vịt xấu xí* không? Đã đọc chưa?

Mặt ông méo xệch đi. Ông bắt đầu nói với vẻ phẫn nộ, giọng nói khàn khàn của ông lên cao một cách không tự nhiên, gần như rít lên, làm tôi rất ngạc nhiên.

– Chuyện ấy hấp dẫn thật! Vào tuổi anh tôi cũng nghĩ: Không hiểu mình có phải là thiên nga không? Và rồi thì... Đáng lẽ phải vào học viện, thì lại vào đại học. Cha tôi, một linh mục, từ bỏ tôi. Ở Paris tôi nghiên cứu những trang sử đau thương của nhân loại, lịch sử tiến bộ của loài người. Tôi đã viết, phải.Ồ, sau tất cả những cái đó...

Ông bắt đầu câu chuyện, lắng tai nghe một chút và sau đó kể tiếp:

– “Tiến bộ” – đó chẳng qua chỉ là chuyện loài người bịa ra để tự an ủi mà thôi! Cuộc sống vô nghĩa lí, mất hết ý nghĩa. Không có chế độ nô lệ thì không có tiến bộ, không có đa số chinh phục thiểu số thì loài người sẽ dừng lại trên đường đua của mình. Muốn cải thiện cuộc sống, muốn giảm nhẹ lao động, nhưng kết quả là chúng ta làm cho cuộc sống thêm phức tạp, lao động thêm nặng nhọc. Dùng công xưởng và máy móc để chế tạo thêm máy móc, điều đó thật là ngu xuẩn! Công nhân mỗi ngày một đông, trong khi đó thì chỉ cần nông dân sản xuất ra lúa mì là đủ. Lúa mì – đó là tất cả những gì cần giành lấy ở thiên nhiên bằng lao động. Nhu cầu của con người càng ít bao nhiêu thì người ta càng hạnh phúc bấy nhiêu, càng nhiều ước vọng bao nhiêu thì càng ít tự do bấy nhiêu.

Có thể những lời đó không hoàn toàn như vậy, nhưng quả thực ý nghĩ khiến người ta phải choáng váng ấy tôi mới được nghe lần đầu, nhất là lại rõ nét, trần trụi nhường ấy. Sau một hồi la hét vì xúc động, ánh mắt ông rụt rè dừng lại trên cánh cửa thông vào các phòng bên trong. Ông nghe ngóng động tĩnh một phút rồi thì thầm với một vẻ gần như giận dữ:

– Anh nên biết, điều mỗi người cần không nhiều lắm đâu: một mẫu bánh mì và một người đàn bà...

Sau khi nói về đàn bà bằng giọng thì thầm có vẻ bí mật, bằng những từ ngữ tôi chưa từng biết và những câu thơ tôi chưa từng đọc, ông ta bỗng giống như gã ăn cắp Bashkin.

– Beatrice, Fiammetta, Baura, Ninon^[33]. – Ông thì thầm nhắc đến những cái tên không quen thuộc đối với tôi và kể chuyện những ông vua, những thi sĩ si tình. Ông đọc thơ Pháp, vừa đọc vừa giơ cánh tay khẳng khiu để trần đến tận khuỷu đánh nhịp theo. – Ái tình và đói rét đang thống trị thế giới.

Tôi nghe thấy giọng thì thầm sôi nổi và sức nhớ ra rằng câu này đã được in bên dưới nhan đề một cuốn sách nhỏ mang tính cách mạng: *Ông vua đói*. Điều đó khiến tôi càng cảm thấy lời nói của ông có ý nghĩa trọng đại.

– Người ta đi tìm sự lãng quên, sự an ủi, chứ đâu có đi tìm kiến thức!

Ý kiến đó khiến tôi hoàn toàn kinh ngạc.

Khi tôi rời khỏi căn bếp, trời đã sáng. Chiếc đồng hồ nhỏ treo trên tường chỉ sáu giờ hơn. Tôi lội qua những đống tuyết giữa sương mù u ám, nghe tiếng rít của bão tuyết và nhớ lại những lời la hét dữ tợn của con người bơ phờ kia. Tôi thấy những lời nói của ông đã ngưng lại đâu đó trong cổ họng mình, khiến tôi nghẹt thở. Tôi không muốn trở về xưởng và trông thấy những người đồng nghiệp kia nữa. Tuyết bám khắp người, tôi cứ tha thân trên những con đường trong xóm Tatar, mãi cho đến lúc trời sáng hẳn và giữa những đợt sóng tuyết đã bắt đầu thấp thoáng bóng người dân của thành phố.

Tôi không bao giờ gặp lại ông giáo ấy nữa, và tôi cũng không muốn gặp ông ta. Nhưng sau này, còn nhiều lần tôi nghe thấy người ta nói cuộc sống là vô nghĩa và lao động là vô ích. Đó là lời của những lũ khách thất học, những kẻ lang thang không nhà không cửa, những người theo “chủ nghĩa Tolstoy”^[34] và những người có học vấn cao. Linh mục, giáo sư thần học, nhà hóa học nghiên cứu về chất nổ, nhà sinh vật học theo thuyết “hoạt lực mới”^[35] và nhiều người khác nữa cũng nói như vậy. Nhưng những tư tưởng ấy không khiến tôi sững sốt như lần đầu tiên nữa.

Mãi tới hai năm trước – hơn ba mươi năm sau cuộc trò chuyện đầu tiên về vấn đề này – tôi bỗng được nghe cũng những ý nghĩ đó bằng cũng những lời nói đó từ miệng một người quen cũ của tôi, một công nhân.

Một lần, tôi và anh ta có dịp “tâm tình”. Con người ấy – “nhà chính trị giáo quyệt” như anh thường vừa tự xưng vừa nhếch mép cười một cách buồn bã – đã nói với tôi bằng một lòng thành thật mạnh dạn mà có lẽ chỉ những người Nga mới có được:

– Aleksej Maksimich thân mến ạ, tớ chẳng cần gì hết, nào học viện, nào khoa học, nào máy bay... đều chẳng để làm gì cả, toàn là vô dụng! Chỉ cần một xí yên tĩnh và một mụ đàn bà để khi nào muốn thì hôn hít và được hôn lại một cách thành thật, bằng tâm hồn và thể xác, như vậy đó. Cậu lí luận theo kiểu người trí thức, cậu không còn là người của chúng tớ nữa mà đã bị mê hoặc rồi. Đối với cậu, tư tưởng cao quý hơn con người. Có phải cậu

nghĩ như người Do Thái, rằng con người sinh ra là để cho ngày Sabbath^[36] phải không?

– Người Do Thái họ không nghĩ như vậy...

– Có quý biết được chúng nghĩ như thế nào, cái bọn ngu dốt ấy. – Anh ta trả lời, cầm mẩu thuốc lá ném xuống sông và đưa mắt dõi theo.

Chúng tôi ngồi bên bờ sông Neva, trên chiếc ghế băng đá hoa cương trong một đêm thu trăng sáng. Cả hai chúng tôi đều khổ sở vì một ngày lo lắng vô ích, vì cái ước vọng bướng bỉnh nhưng vô ích: Muốn làm được một điều gì tốt, có ích.

– Cậu đi với chúng tớ, nhưng cậu không phải là người của chúng tớ, tớ muốn nói như vậy đấy! – Anh ta khẽ nói tiếp, giọng dẫn đo. – Bọn trí thức thích phiền nhiễu, từ bao thế kỉ nay chúng gắn với những cuộc nổi loạn. Chúa Jesus là một kẻ mơ mộng đã nổi loạn vì những lí tưởng xa lạ nào thì bọn trí thức cũng nổi loạn vì những mộng tưởng viễn vông như thế. Hễ cứ có một kẻ ôm mộng tưởng nổi loạn là lập tức có bọn vô dụng, đê tiện, vô lại đi theo ngay. Tất cả chỉ vì tức giận mà thôi, vì chúng thấy trong cuộc sống không có chỗ đứng cho chúng. Người công nhân khởi nghĩa vì cách mạng, họ cần đạt được sự phân phối công bằng các công cụ và sản phẩm lao động. Sau khi hoàn toàn giành được chính quyền, anh tưởng họ sẽ tán thành thành lập nhà nước đầy phông? Không đời nào! Tất cả sẽ đi mỗi người mỗi ngã, và mỗi người sẽ chỉ lo tìm cho mình một xó yên tĩnh...

Anh nói đến kĩ thuật ư? Nó chỉ tổ siết chặt thêm cái thòng lọng trên cổ chúng tôi, trói buộc chúng tôi chặt hơn mà thôi. Không, cần phải được giải phóng khỏi lao động vô ích. Con người muốn yên ổn. Nhà máy và khoa học không đem lại sự yên ổn. Mỗi người cần không nhiều lắm. Việc gì tôi phải xây dựng thành phố khi mà tôi chỉ cần một ngôi nhà nhỏ! Nơi nào người ta sống chồng chất lên nhau, nơi đó có nào ống dẫn nước, nào cống rãnh, nào đèn điện. Hãy cứ thử sống không có những thứ đó xem, thật dễ chịu biết bao! Không, chúng ta thừa nhiều thứ lắm. Và tất cả những thứ đó đều là do bọn trí thức tạo nên. Chính vì thế mà tôi nói bọn trí thức là loại người có hại.

Tôi lại nhấn mạnh rằng không dân tộc nào biết phủ nhận ý nghĩa cuộc sống một cách sâu sắc và kiên quyết như những người Nga.

– Một dân tộc có tâm hồn phóng khoáng nhất. – Anh bạn tôi mỉm cười.
– Nhưng anh đừng giận. Tôi nói đúng đấy. Hàng triệu người của chúng ta đang nghĩ như vậy, nhưng họ không biết nói ra thôi... cần tổ chức cuộc sống một cách giản đơn hơn, như vậy cuộc sống sẽ nhân từ với con người ta hơn...

Tôi biết rõ lịch sử diễn biến tư tưởng của con người đó; anh ta chưa bao giờ là một người theo “chủ nghĩa Tolstoy”, cũng chưa từng tỏ ra có xu hướng theo chủ nghĩa vô chính phủ.

Sau cuộc nói chuyện với anh ta, bất giác tôi nghĩ: Sẽ thế nào đây nếu như quả thật hàng triệu người Nga chịu đựng những khổ sở nặng nề của cách mạng chỉ vì họ ấp ủ sâu trong lòng niềm hi vọng được giải phóng khỏi lao động? Lao động ít nhất mà hưởng thụ nhiều nhất – điều đó, giống như tất cả những gì không thể thực hiện được, giống như bất kì điều không tưởng nào, có sức quyến rũ và hấp dẫn vô cùng mãnh liệt.

Tôi nhớ lại một bài thơ của Henrik Ibsen:

Tôi là người theo chủ nghĩa bảo thủ?

Ồ, không!

Suốt đời tôi thế nào, tôi vẫn là thế đó;

Tôi không muốn di chuyển những quân cờ,

Tôi muốn xáo trộn cả bàn cờ.

Tôi chỉ nhớ có một cuộc cách mạng,

Cuộc cách mạng ấy ưu việt hơn những cuộc sau này,

Nó có thể phá tan tất thảy,

Đương nhiên, tôi muốn nói đến Đại Hồng Thủy,

Nhưng, ngay khi đó, ma quỷ cũng bị lừa,

Anh biết đấy, Noah đã trở thành kẻ độc tài.

Ồ, nếu như có thể, với chiến binh và những nhà hùng biện,

*Tôi sẽ không từ chối giúp anh,
Hãy dẫn Đại Hồng Thủy đến nhanh,
Tôi sẽ vui lòng phóng thủy lôi!*

Cửa hiệu của Derenkov đem lại khoản thu nhập không đáng kể, nhưng số người và số “việc” cần đến sự giúp đỡ vật chất thì cứ mỗi ngày một tăng.

“Cần phải nghĩ ra cách gì mới được.” Chắc Andrej sẽ nói vậy, tay mân mê bộ râu vẻ lo lắng, cũng có thể anh sẽ nở nụ cười cười hời hợt hoặc khẽ thở dài.

Tôi có cảm tưởng rằng con người đó tự coi mình như một kẻ bị kết án khổ sai vô thời hạn, buộc phải giúp đỡ mọi người, và tuy đã thuận theo hình phạt ấy, đôi lúc nó vẫn làm cho anh ta đau khổ.

Nhiều lần, bằng những lời lẽ khác nhau, tôi hỏi:

‘Tại sao anh lại đi làm cái việc ấy?’

Hình như anh không hiểu câu hỏi của tôi, nên thường trả lời chệch sang câu hỏi “Để làm gì?” Anh nói một cách sách vở và khó hiểu về cuộc sống nặng nề của nhân dân, về sự cần thiết của giáo dục, của kiến thức.

- Thế người ta có thích kiến thức và có tìm đến kiến thức không?
- Ồ, hẳn là có. Tất nhiên! Ngay cả anh cũng thích, phải không?
- Đúng, tôi thích. Nhưng tôi còn nhớ những lời của ông giáo dạy Sử: “Người ta đi tìm sự lãng quên, sự an ủi, chứ đâu có phải đi tìm kiến thức.”

Đối với những thanh niên tuổi mười bảy, tiếp xúc với những tư tưởng sâu sắc như vậy chỉ có hại. Các ý tưởng họ cùn dần qua những cuộc tiếp xúc ấy, và bản thân họ thì cũng chẳng thu nhận thêm được gì.

Tôi bắt đầu nghĩ rằng lúc nào tôi cũng chỉ thấy có mỗi một cảnh tượng: Người ta thích những câu chuyện hay chỉ vì những câu chuyện đó cho phép người ta quên đi cái cuộc sống nặng nề nhưng quen thuộc trong khoảng một tiếng đồng hồ. Chuyện càng “khoác” nhiều bao nhiêu thì người ta càng say mê lắng nghe nó bấy nhiêu. Cuốn sách hay nhất là cuốn sách mà trong đó có nhiều chuyện được bịa khéo léo. Nói tóm lại, tôi như kẻ đang mò mẫm trong một đám sương mù dày đặc.

Derenkov quyết định mở cửa hiệu bánh mì. Tôi còn nhớ, khi ấy người ta tính toán một cách vô cùng chính xác là cứ với mỗi rúp bỏ ra thì cửa hiệu phải được lãi ít nhất là ba mươi lăm kopek. Tôi làm phụ tá cho người thợ chính, và với tư cách là “người của mình”, tôi phải theo dõi không cho người đó ăn cắp bột, trứng, bơ hay bánh mì thành phẩm.

Và thế là tôi được chuyển từ căn hầm lớn bẩn thỉu sang một căn hầm nhỏ, sạch sẽ hơn – giữ gìn căn hầm sạch sẽ là trách nhiệm của tôi. Thay cho một nhóm bốn mươi người, trước mặt tôi chỉ có một người.

Người ấy có tóc mai bạc, chòm râu ngắn, nhọn, mặt gầy, da sạm màu bồ hóng, hai mắt đen vẻ đăm chiêu và một cái miệng kì lạ, nhỏ xíu hệt như mõm cá vược, cặp môi mỏng, chum chúm tựa đang hôn ai. Trong đôi mắt sâu thăm thẳm ánh lên một vẻ giễu cợt.

Dĩ nhiên là bác ta ăn cắp. Ngay đêm làm việc đầu tiên bác đã đem giấu một chục trứng, gần một cân rưỡi bột funt và một miếng bơ to.

– Những thứ ấy đem đi đâu thế?

– Đem cho một cô nàng. – Bác ta nói một cách thân mật, sống mũi nhăn lại. – Cô em xi...inh ra phết!

Tôi cố thuyết phục để bác ta thấy rằng ăn cắp là tội lỗi. Nhưng, hoặc vì tôi không đủ tài hùng biện, hoặc vì chính tôi cũng không tin chắc lắm vào những điều tôi định chứng minh, thành thử lời nói của tôi chẳng có hiệu lực gì.

Nằm trên hòm bột ngắm những ngôi sao qua cửa sổ, bác thợ làm bánh lẩm bẩm với vẻ ngạc nhiên:

– Nó dạy mình! Mới gặp lần đầu mà đã định dạy nhau. Mà tuổi mình lại chẳng gấp ba tuổi nó ấy à. Thật là buồn cười...

Bác ta ngắm nghía các vì sao và hỏi:

– Hình như tôi đã gặp chú ở đâu rồi thì phải. Trước chú làm việc cho ai? Cho Semyonov à? Chỗ bọn làm loạn ấy à? Ồ, thế ra tôi thấy chú trong giấc mơ...

Mấy hôm sau tôi nhận ra con người đó có thể ngủ bao nhiêu cũng được và ở bất kì chỗ nào, thậm chí đứng tựa vào cái xèng bỏ bánh vào lò cũng ngủ được. Khi ngủ, bác ta rướn cặp lông mày lên và nét mặt bác thay đổi một cách kì lạ, vẻ kinh ngạc và mĩa mai. Đề tài bác ta ưa thích là chuyện về các kho của và những giấc mơ. Bác ta nói một cách tin tưởng:

– Tôi nhìn thấu suốt được trái đất. Nó cũng như chiếc bánh nướng vậy, trong ruột đầy những kho của: Hòm và lọ đựng tiền chôn khắp nơi. Nhiều lần tôi nằm mơ thấy một nơi quen thuộc, như nhà tắm chẳng hạn, ở góc, phía dưới có chôn một hòm đựng toàn bát đĩa bằng bạc. Tôi thức dậy giữa đêm và đi ra đào. Đào được khoảng một arshin^[37] rưỡi thì thấy than vụn và một cái đầu lâu chó. Đấy, của đấy!... Bỗng, xoảng! Kính cửa sổ vỡ tan, và một bà nào đó hét âm lên: “Làng nước ôi, trộm!” Tất nhiên là tôi chạy mất, nếu không người ta nện cho như tử. Thật là buồn cười!

Tôi thường được nghe câu đó: “Thật là buồn cười!” Nhưng Ivan Kozmich Lutonin không cười, chỉ có cặp mắt bác nheo lại trông như mỉm cười, chân mũi nhăn, hai lỗ mũi nở rộng ra.

Những giấc mơ của bác không li kì, chúng cũng buồn tẻ và vô nghĩa như thực tại vậy. Và tôi không hiểu tại sao bác ta kể chuyện về những giấc mơ thì say sưa như thế, mà lại không thích nói về cuộc sống xung quanh?^[38]

Cả thành phố xôn xao vì chuyện một cô gái, con một nhà buôn chè giàu có, bị cưỡng ép gả gán, sau khi làm lễ cưới đã tự sát bằng súng. Đi đưa đám cô ta có một đám đông thanh niên hàng mấy nghìn người. Anh em sinh viên đọc diếu văn trước mộ cô, và cảnh sát đến giải tán họ. Trong cửa hiệu bên cạnh lò bánh, mọi người bàn tán âm ỉ về tấn bi kịch này. Gian phòng phía trong cửa hiệu chật ních các sinh viên. Những giọng sôi nổi, những lời gay gắt vọng vào căn hầm của chúng tôi.

– Tại lúc bé người ta ít cho cô ta ăn đòn quá đấy mà! – Lutonin nói rồi kể với tôi. – Tôi mơ thấy mình đang bắt cá chép dưới hồ, bỗng một viên cảnh sát xuất hiện. “Đứng lại! Anh to gan thế à?” Không biết chạy đi đâu, tôi liền lặn xuống nước, thế là tỉnh dậy...

Tuy cuộc sống thực dường như diễn ra ở đâu đâu bên ngoài tầm chú ý của bác ta, chẳng bao lâu bác cũng bắt đầu cảm thấy rằng trong cửa hiệu có cái gì khác thường. Phụ trách việc buôn bán là mấy ả chẳng có năng lực bán buôn, suốt ngày ngồi đọc truyện. Đó là cô em gái của chủ hiệu và bạn cô ta – một ả to béo, má hồng, có đôi mắt dịu dàng. Anh em sinh viên thường tới đây, ngồi rất lâu trong căn phòng phía trong cửa hiệu, la hét hoặc thì thầm với nhau những chuyện gì đó. Ông chủ ít khi có mặt, còn tôi – anh chàng phụ việc – lại thành ra quản lí của cửa hiệu.

– Chú có họ với ông chủ à? – Lutonin hỏi. – Hay ông ta định nhắm chú làm em rể đấy? Không phải à? Thật là buồn cười. Thế bọn sinh viên chúng nó cứ quanh quẩn ở đây làm gì? Vì có các cô tiểu thư... Hừ... Được, có thể là thế... Có điều các cô cũng chẳng lấy gì làm đẹp lắm... Xem chừng các chú sinh viên đến để ăn bánh hơn là vì thích các cô...

Hầu như ngày nào cũng vậy, cứ vào khoảng năm, sáu giờ sáng là ở ngoài đường, bên cửa sổ lò bánh lại xuất hiện một cô gái thấp lè tè. Như được chấp lại từ hai nửa hình cầu có kích thước khác nhau, cô ta nom giống một cái túi đựng dưa hấu. Ngồi đu đưa hai bắp chân trần trên cái hố trước cửa sổ, cô ta vừa ngáp vừa gọi:

– Vanya!

Đầu cô trùm một chiếc khăn sặc sỡ. Những mớ tóc quăn vàng óng tuột khỏi khăn, xõa xuống cái trán thấp, lò xò thành những vòng tròn nhỏ trên cặp má đỏ phình phính như hai quả bóng đồ chơi và chọc vào cặp mắt ngái ngủ. Cô đưa hai bàn tay bé nhỏ uể oải gạt những lọn tóc ở trên mặt, xò ngón tay ra một cách ngộ nghĩnh, hệt như một đứa trẻ sơ sinh. Lạ thật! Có thể nói chuyện gì với một cô gái như vậy? Tôi đánh thức bác thợ dậy. Bác ta hỏi cô:

– Đến rồi à?

– Thì anh thấy đấy!

– Có ngủ được không?

– Hừ, sao lại không?

- Có mơ thấy gì không?
- Không nhớ...

Trong thành phố thật là yên tĩnh. Tuy vậy, đâu đó vẫn nghe tiếng chổi quét sân, tiếng chim sẻ vừa thức dậy hót ríu rít. Những tia nắng ấm áp buổi bình minh rọi vào kính cửa sổ. Tôi rất thích những phút trầm ngâm suy tư khi bắt đầu một ngày mới. Bác thợ thò cánh tay lông lá qua cửa sổ, cầu vào bắp chân cô gái. Cô thờ ơ để yên, không mím cười, chỉ chớp chớp cặp mắt cừ non.

- Peskov, lấy bánh sữa ra đi, được rồi đấy!

Tôi lôi những lá sắt trong lò ra, bác thợ vợ lấy một chục chiếc cả plyushka, sloika và saika^[39] ném vào vạt váy của cô gái. Cô này cầm chiếc bánh nóng bỏng chuyển từ tay nọ sang tay kia và nhe những chiếc răng vàng như răng cừu ra để cắn bánh. Bị bỏng, cô rên rỉ xuýt xoa vẻ bức tức.

Bác thợ ngăm ngía cô và nói:

- Kéo gấu váy xuống, rõ không biết dơ...

Và khi cô ả đi khỏi, bác khoe với tôi:

- Đã thấy chưa? Y như một con cừu tơ vậy, cứ là quần tít hết. Tớ ấy mà, chú em ạ, là người ưa sạch sẽ, tớ không có thềm đám các bà, tớ chỉ đi lại với bọn con gái thôi. Con này là con thứ mười ba của tớ đấy! Nó là con nuôi lão Nikiforich.

Nghe giọng nói khoái trá của bác ta, tôi nghĩ: “Mình cũng sẽ sống như thế sao?”

Tôi lấy mẻ bánh mì trắng bán theo cân ra khỏi lò rồi xếp lên một tấm gỗ dài độ mười mười hai chiếc bánh tròn và vội vã đem ra cửa hiệu của Derenkov. Trở lại, tôi lấy độ hai pood bánh mì và bánh sữa xếp đầy vào một cái lẵng và chạy đến Đại chủng viện để kịp bữa trà sáng của sinh viên. Tại đây, trong một phòng ăn rất rộng, tôi đứng ở cửa ra vào, đưa bánh cho các sinh viên mua theo lối “ghi sổ nợ” và “trả tiền ngay”. Tôi đứng nghe những tranh luận của họ về Tolstoy. Gusev, một trong những giáo sư của Viện, là kẻ thù cuồng bạo của Lev Tolstoy. Đôi khi trong lẵng của tôi, phía

dưới chõng bánh, có những tập sách mỏng; tôi phải bí mật nhét những tập sách ấy vào tay một sinh viên nào đấy. Thỉnh thoảng anh em sinh viên cũng giấu sách và thư từ vào lãng của tôi.

Mỗi tuần một lần, tôi phải đi xa hơn nữa, tới “Nhà điên”, nơi bác sĩ thần kinh Bekhterev thường giảng bài và dùng người bệnh để minh họa. Một hôm ông ta cho các sinh viên xem một người mắc bệnh hoang tưởng. Khi người đó xuất hiện ở cửa giảng đường, mặc đồ trắng, đầu đội cái mũ giống như một chiếc bít tất dài, bất giác tôi mỉm cười. Nhưng người đó bỗng dừng lại một giây bên cạnh tôi và nhìn vào mặt tôi. Tôi lùi lại, dường như trái tim tôi bị ánh mắt sắc lẹm và đen nhánh của anh ta đâm xuyên. Và suốt quãng thời gian Bekhterev vừa giật giật bộ râu vừa nói chuyện một cách kính cẩn với người bệnh, tôi lấy tay xoa mặt nhè nhẹ, dường như khuôn mặt tôi bị một lớp bụi nóng bỏng thiêu đốt.

Người bệnh nói bằng giọng trầm khàn, anh ta yêu cầu điều gì đó; từ ống tay áo choàng, vẻ dọa dẫm, anh ta giơ cánh tay khẳng khiu với những ngón tay dài. Tôi có cảm tưởng toàn thân anh ta dài ra một cách kì lạ rồi lớn lên vô tận, và với cánh tay đen sạm ấy, anh không cần rời khỏi chỗ cũng sẽ với được tới tôi, nắm lấy cổ họng tôi. Từ hai hốc mắt đen sì trên bộ mặt gầy gò, cái nhìn xuyên thấu của cặp mắt đen ánh lên vẻ hăm dọa và hống hách. Có khoảng hai chục sinh viên quan sát người đàn ông đội chiếc mũ kì dị đó. Một số ít mỉm cười, còn đa số nhìn một cách chăm chú và buồn rầu. So với cặp mắt như muốn thiêu cháy tất cả của anh ta thì những đôi mắt của các sinh viên có vẻ bình thường quá. Anh ta trông thật đáng sợ, và trong anh có một điều gì thật oai nghiêm – quả như thế!

Giữa sự im lặng như tờ của đám sinh viên, giọng ông giáo sư vang lên rành rọt. Mỗi câu hỏi của ông lại làm cho người bệnh có giọng nói khàn khàn thốt lên những tiếng kêu hăm dọa. Giọng nói đó hình như vọng ra từ dưới sàn nhà, từ những bức tường trắng im lìm như chết. Dáng điệu của người bệnh chậm chạp và trịnh trọng như một đức giám mục.

Đêm hôm ấy, tôi làm một bài thơ về người bị bệnh hoang tưởng. Tôi gọi anh ta là “vị chúa tể của mọi chúa tể, người bạn và cố vấn của Chúa”. Và

rất lâu sau, hình ảnh của người đó cứ luẩn quẩn bên tôi, quấy rầy cuộc sống của tôi.

Tôi làm việc từ sáu giờ tối cho đến gần trưa hôm sau, buổi trưa thì phải ngủ bù nên chỉ có thể đọc sách vào những lúc rảnh tay giữa buổi làm việc: sau khi nhào bột xong, chờ cho bột chua, và sau khi đã cho bánh vào lò. Tôi càng nắm được bí quyết nghề nghiệp bao nhiêu thì bác thợ làm bánh lại càng làm việc ít bấy nhiêu. Bác ta “dạy bảo” tôi, giọng nói thân mật lộ vẻ ngạc nhiên:

– Chú có năng lực làm việc đấy, một hai năm nữa chú sẽ trở thành thợ làm bánh. Thật là buồn cười. Chú còn trẻ, người ta sẽ không nghe lời chú và không kính trọng chú đâu...

Trước sự ham mê đọc sách của tôi, thái độ của bác có vẻ không đồng tình:

– Giá chú đừng đọc sách, nên đi ngủ thì hơn. – Bác ta khuyên tôi với vẻ sẵn sàng ân cần, nhưng không khi nào bác hỏi tôi đọc sách gì.

Những giấc mộng và ước mơ về các kho của cùng cô ả béo tròn và lùn tịt đã hoàn toàn choán lấy bác. Cô ả thường lui tới vào ban đêm. Những lúc đó thì hoặc bác ta đưa cô ả ra gian ngoài, chỗ để những bao bột, hoặc nếu trời lạnh thì bác ta nhả sống mũi lại và bảo tôi:

– Hãy ra ngoài độ nửa tiếng.

Tôi vừa bước ra vừa nghĩ: “Sao mà thứ tình yêu này khác với tình yêu được miêu tả trong sách đến thế...”

Cô em gái của ông chủ sống trong một căn buồng nhỏ phía sau cửa hàng. Tôi thường đun nước bằng ấm samovar cho cô, nhưng tôi cố làm thế nào để ít giáp mặt cô nhất; đứng trước cô tôi thấy lúng túng. Đôi mắt trẻ thơ của cô vẫn làm tôi khó chịu như những lần gặp gỡ đầu tiên. Trong đáy mắt cô tôi nghi có một nụ cười, và tôi cảm thấy đó là một nụ cười giễu cợt.

Sức lực quá dồi dào khiến tôi thành ra vụng về. Nhìn tôi vụng và kéo những bao nặng hàng năm poody bác thợ nói với vẻ thương hại:

– Sức lực của chú bằng ba người khác, nhưng sự khéo léo thì không có. Tuy chú cao nhưng dù sao cũng chỉ là một con bò đực...

Mặc dầu đọc khá nhiều sách, yêu thơ và đã bắt đầu làm thơ, tôi vẫn cứ nói bằng những “lời của mình”. Tôi cảm thấy chúng nặng nề, cục cằn, nhưng tôi cảm tưởng rằng chỉ bằng những lời đó tôi mới diễn đạt được những ý tưởng vô cùng lộn xộn của mình. Đôi khi tôi cố tình ăn nói lỗ mãng vì muốn phản kháng điều gì đó xa lạ với tôi và khiến tôi tức giận.

Một trong những người thầy của tôi là anh sinh viên khoa toán từng trách tôi:

– Có quý biết được là anh ăn nói như thế nào. Không phải bằng lời, mà bằng những quả tạ!...

Nói chung, chính tôi cũng không ưa tôi, đó là điều thường thấy ở lứa tuổi thiếu niên. Tôi thấy mình buồn cười và lỗ mãng. Gương mặt với hai gò má cao trông giống người Kalmyk^[40], còn giọng nói thì thường không chịu nghe theo tôi tí nào cả.

Cô em gái của ông chủ đi lại nhanh nhẹn và khéo léo như một con chim én bay trong không trung. Tôi có cảm giác những cử động nhẹ nhàng đó trái ngược với thân hình mềm nhẽo và béo tròn của cô. Có điều gì không thực trong điệu bộ và dáng đi của cô, một điều gì như cố ý. Giọng cô vang lên vui vẻ, cô rất hay cười. Nghe tiếng cười trong trẻo đó, tôi nghĩ cô muốn khiến tôi quên đi ấn tượng đầu tiên của tôi về cô. Nhưng tôi lại không muốn quên. Tôi rất quý trọng sự khác thường, tôi cần biết rằng nó có thể xảy ra, rằng nó hiện đang tồn tại.

Thỉnh thoảng cô hỏi tôi:

– Anh đang đọc gì thế?

Tôi trả lời rất ngắn gọn và muốn hỏi lại cô:

– Thế cô cần biết điều đó để làm gì?

Một hôm, bác thợ làm bánh vừa vỗ về cô ả lùn tịt vừa nói với tôi bằng giọng say rượu:

– Hãy ra ngoài kia một lát. Ồ, sao chú mày không vào với con em lão chủ ấy, còn chờ gì? Ngay bọn sinh viên...

Tôi dọa sẽ dùng quả cân đập vỡ đầu bác ta nếu bác còn nói những lời như thế nữa. Nói rồi tôi bỏ ra phòng ngoài, leo lên ngòi trên các bao bột. Qua khe cửa khép không chặt, tôi nghe thấy tiếng Lutonin:

– Việc gì anh phải cáu với nó? Suốt ngày nó chỉ đọc sách và sống như một thằng điên vậy...

Ở phòng ngoài, chuột kêu chí chóc và chạy rậm rịch, ở trong lò bánh thì cô gái nức nở và rên rỉ. Tôi bước ra sân. Ngoài trời mưa phùn lất phất. Tuy vậy, tôi vẫn thấy ngọt ngào, không khí nồng nặc mùi cháy rừng khét lẹt. Đã quá nửa đêm từ lâu. Những ô cửa sổ của ngôi nhà đối diện hiệu bánh vẫn còn mờ sáng. Trong những căn phòng đèn thấp không tỏ lắm, có tiếng hát vọng ra:

Chính thánh Varlami

Trên đầu vàng rực ánh hào quang

Từ trên cao nhìn xuống phía họ

Mỉm cười...

Tôi cố hình dung cảnh Mariya Derenkova nằm trong lòng tôi giống như cô ả của bác thợ làm bánh nằm trong lòng bác ta. Nhưng tôi cảm nhận sâu sắc rằng điều đó là không thể được, thậm chí còn rất kinh khủng nữa.

Suốt đêm cho tới sáng

Nó vừa uống rượu vừa hát

Và, ôi!... Nó còn...

Làm gì đó nữa...

Tiếng “ôi” ồ và trầm nổi lên mạnh mẽ giữa bản đồng ca. Tôi cúi xuống, chống hai tay lên đầu gối và nhìn vào ô cửa. Qua tấm rèm đặng ten tôi trông thấy một căn hầm hình vuông. Những bức tường màu xám được chiếu sáng bằng ngọn đèn nhỏ đặt dưới cái chụp màu xanh da trời. Trước đèn, một cô gái đang ngồi viết, mặt quay về phía cửa sổ. Cô ta ngẩng đầu lên và lấy chiếc quần bút màu đỏ sửa lại mớ tóc mai. Cặp mắt cô ta nheo

lại, nét mặt như mỉm cười – Cô chậm chạp gấp thư, thè lưỡi liếm dọc mép phong bì và dán lại. Rồi, sau khi ném phong thư lên mặt bàn, cô ta giơ ngón tay nhỏ xíu – nhỏ hơn ngón tay út của tôi – để dọa nó. Nhưng rồi cô lại cầm phong thư lên, cau mày xé phong bì, đọc lại, rồi cho vào một phong bì khác, dán kín, cúi lom khom trên mặt bàn để để địa chỉ, rồi cầm phong thư vung lên trong không khí như vẩy một lá cờ trắng. Cô vừa lượn vòng tròn, vung vẩy hai tay, vừa đi vào góc phòng, chỗ có kê chiếc giường của cô. Sau đó cô ta lại đi ra từ trong góc, lúc này cô đã cởi áo ngoài, hai vai cô tròn như những chiếc pyushka. Cô cầm ngọn đèn trên bàn và biến mất vào góc phòng. Mỗi khi ta quan sát một người nào đó khi họ đang ở một mình, ta thường cảm thấy người ấy có vẻ điên rồ. Tôi vừa đi lại trong sân vừa nghĩ: Kì quặc thay cuộc sống của cô ả này những khi chỉ có mình cô trong cái hang của cô.

Nhưng mỗi khi chàng sinh viên có bộ tóc hung đến thăm cô và ngồi xuống thì thầm với cô điều gì đó, toàn thân cô co rúm lại, nom nhỏ hơn ngày thường. Cô vừa nhìn anh chàng vừa mỉm cười rụt rè, hai tay giấu sau lưng hoặc dưới gầm bàn. Tôi không ưa anh chàng tóc hung. Rất không ưa.

Bước đi lảo đảo, khăn trùm kín mít, cô gái lùn đi ra và nói bằng giọng khò khè:

– Vào đi...

Bác thợ làm bánh vừa xúc bột trong thùng ra vừa kể cho tôi nghe cô nhân tình của bác biết chiều chuộng và dẻo dai như thế nào. Còn tôi thì nghĩ: “Rồi mình sẽ ra sao đây?”

Tôi có cảm tưởng rằng đâu đây, phía sau góc nhà kia có một nỗi bất hạnh đang chờ đợi tôi.

Công việc kinh doanh của hiệu bánh mì thuận lợi đến nỗi Derenkov bắt đầu tìm một lò bánh khác rộng hơn và quyết định mượn thêm một thợ phụ việc nữa. Điều đó rất tốt. Tôi phải làm quá nhiều việc, tôi mệt đến ngu cả người.

– Đến lò bánh mới chú sẽ làm phụ việc trưởng. – Bác thợ hứa với tôi. – Tôi sẽ nói để người ta trả cho chú mười rúp một tháng. Đúng thế!

Tôi hiểu rằng có tôi làm phụ việc trưởng thì bác ta có lợi. Bác không thích làm việc, còn tôi thì làm việc một cách tự nguyện. Sự mệt nhọc có lợi đối với tôi, nó dập tắt những nỗi lo lắng của tâm hồn, kiềm chế những đòi hỏi dai dẳng của bản năng. Nhưng nó lại không cho phép tôi đọc sách.

– Chú quảng sách đi như thế rất tốt. Để chuột nó gặm đi cho rồi! – Bác thợ nói. – Mà chẳng lẽ chú không bao giờ nằm mê thấy gì à? Có lẽ có thấy, nhưng chú giấu đấy thôi! Thật là buồn cười. Kể chuyện ngủ mê là việc vô thường vô phạt nhất, chẳng có gì đáng lo ngại cả...

Bác thợ bánh cư xử với tôi rất thân mật, thậm chí có vẻ như kính trọng nữa. Hay bác sợ tôi là tay chân của chủ? Dù sao điều đó cũng không ngăn trở bác ăn cắp hàng một cách thường xuyên.

Bà tôi qua đời. Tôi biết tin bà mất bảy tuần sau ngày chôn cất, qua bức thư của một đứa em họ. Bức thư ngắn, không có một dấu phẩy nào, thông báo rằng trong lúc đi ăn xin ở bậc thềm nhà thờ bà tôi bị ngã gãy chân. Đến ngày thứ tám thì mắc chứng hoại thư. Về sau tôi được biết rằng hai thằng và một con em họ tôi – tất cả đều trẻ và khỏe mạnh – cùng với con cái của chúng đã sống ăn bám bà lão già bằng của bố thí mà bà đi xin được. Chúng cũng không biết đi mời thầy thuốc nữa.

Bức thư viết:

“Người ta chôn bà ở nghĩa địa Petropavlovsk chỗ đã chôn mọi người thuộc nhà ta chúng em cùng những người hành khất đi đưa đám họ thương bà và họ khóc. Ông cũng khóc ông đuổi chúng em về còn ông thì ở lại bên cạnh mộ chúng em nấp trong bụi cây nhìn ông khóc ông bảo ông cũng sắp chết thôi.”

Tôi không khóc, nhưng tôi nhớ rằng lúc đó bỗng một luồng băng giá choán lấy tôi. Đêm hôm ấy, ngồi trên đống củi ở ngoài sân, tôi rất muốn kể cho ai đó về bà tôi, nói với người ấy rằng bà tôi là một người tốt bụng và khôn ngoan như thế nào, bà là một người mẹ của tất cả mọi người. Tôi đã mang trong lòng cái nguyện vọng đau khổ đó rất lâu nhưng không biết kể với ai, và thế là những điều ấy không được nói ra, cứ dần dần tàn lụi.

Nhiều năm sau, tôi nhớ lại những ngày này khi đọc một truyện ngắn rất chân thật của A. E Chekhov kể về một bác đánh xe ngựa nói chuyện với con ngựa về cái chết của con trai mình. Tôi tiếc rằng trong những ngày rất buồn đó xung quanh tôi không có ngựa, cũng không có chó, và tôi không nghĩ ra cách san sẻ nỗi đau khổ với đàn chuột. Ở lò bánh có rất nhiều chuột, và tôi đã sống hòa hợp với chúng.

Lão cảnh sát Nikiforich bắt đầu lượn xung quanh tôi như một con điều hâu. Người lão ta cân đối, khỏe mạnh, đầu hói bóng như bạc, bộ râu rậm được xén tỉa chăm chút.

Vừa chép miệng một cách ngon lành lão vừa nhìn tôi hệt như nhìn vào một con ngỗng bị cắt tiết trước lễ Giáng sinh.

– Tôi nghe nói anh thích đọc sách lắm phải không? – Lão hỏi. – Thí dụ như những sách gì? Chẳng hạn *Sự tích các thánh* hoặc *Kinh thánh* đã đọc chưa?

Tôi đã đọc *Kinh thánh*, cũng đã đọc cả *Sứ đồ tuần giáo*. Điều đó khiến Nikiforich ngạc nhiên, và có lẽ đã làm lão ta bối rối.

– Thế à? Đọc sách là một việc hợp pháp và có ích! Thế còn những tác phẩm của bá tước Tolstoy, anh đã đọc bao giờ chưa?

Tôi cũng đã đọc Tolstoy, nhưng lại không phải là những tác phẩm mà viên cảnh sát chú ý.

– Đó có thể nói là những tác phẩm mà ai cũng biết. Đẳng này nghe nói có một số tác phẩm mà trong đó ông ta chống lại các cha cố. Giá được đọc những tác phẩm ấy thì tốt!

Tôi cũng đã đọc “một số tác phẩm” mà viên cảnh sát nói đến qua những bản in bằng một loại máy in thô sơ. Nhưng tôi thấy chúng có vẻ buồn tẻ, và tôi biết rằng không nên thảo luận với cảnh sát về những tác phẩm ấy.

Sau một vài lần vừa đi vừa nói chuyện ngoài phố, lão già bắt đầu mời tôi:

– Lúc nào đến chỗ tôi uống chén trà nhé!

Tất nhiên tôi hiểu lão muốn gì ở tôi, nhưng tôi vẫn muốn đến chỗ lão chơi. Tôi hỏi ý kiến những người hiểu biết, tất cả đều cho rằng nếu tôi từ chối nhã ý của lão cảnh sát thì sẽ có thể làm tăng thêm mối nghi ngờ của lão đối với lò bánh.

Và thế là tôi đến chơi nhà Nikiforich. Chiếc lò sưởi Nga chiếm một phần ba diện tích gian phòng hẹp như cái cối chóc, một phần ba nữa kê chiếc giường đôi khuất sau tấm rèm bằng vải hoa, trên giường chất rất nhiều gối bọc trong những áo gối bằng vải điều. Khoảng còn lại kê một cái tủ đựng bát đĩa, một cái bàn, hai chiếc ghế tựa và một chiếc ghế dài bên dưới cửa sổ. Nikiforich ngồi trên chiếc ghế dài, áo ngoài phanh ra, tấm thân của lão che kín cái cửa sổ nhỏ độc nhất của gian phòng. Cạnh tôi là vợ lão, một cô ả trạc hai mươi tuổi, ngực nở nang, má đỏ, cặp mắt giảo quyệt và dữ tợn có một màu kì lạ, hơi tím tím. Cặp môi đỏ tươi của cô ta dẩu ra, vẻ đỏng đảnh, giọng nói gắt gỏng và khô khan.

– Tôi được biết, – lão cảnh sát nói, – đứa con gái nuôi của tôi là Sekleteya thường lại đăng lò bánh của các anh. Thật là một đứa con gái trụ lạc và đê tiện. Mà đàn bà, tất cả đều là lũ đê tiện hết.

– Tất cả à? – Vợ lão hỏi lại.

– Tất!

Nikiforich khẳng định một cách cương quyết, những chiếc mề đay bị lão lắc kêu lèng xèng hết như tiếng ngựa rung yên cương, uống cạn chén trà, lão nhắc lại với một vẻ thú vị:

– Từ đứa con gái đầu đường xó chợ hèn kém... và thậm chí cho đến cả các bà hoàng cũng đều đê tiện và trụ lạc! Nữ hoàng Sheba^[41] đã từng đi hàng hai nghìn versta^[42] qua sa mạc đến với vua Solomon để truy hoan. Cả nữ hoàng Ekaterina cũng thế, tuy rằng được gọi là Đại đế...

Lão kể tỉ mỉ chuyện một anh thợ đốt lò nào đó chỉ ngủ một đêm với nữ hoàng mà được phong tất cả các tước từ trung sĩ cho đến đại tướng. Vợ lão vừa chăm chú nghe chuyện vừa liếm môi và đưa chân hích vào chân tôi

dưới gầm bàn. Nikiforich nói một cách rất uyển chuyển, bằng những lời thú vị. Rồi không hiểu bằng cách nào, lão chuyển sang vấn đề khác:

– Chẳng hạn ở đây có một sinh viên học năm thứ nhất tên là Pletnyov.

Vợ lão thở dài và nói chen vào:

– Không đẹp trai, nhưng dễ thương!

– Ai?

– Ông Pletnyov.

– Thứ nhất, hẳn không phải là “ông”. Hẳn sẽ là “ông” khi nào hẳn tốt nghiệp. Còn bây giờ thì chỉ là sinh viên thôi, hạng ấy chúng ta có hàng nghìn đứa. Thứ hai, dễ thương là thế nào?

– Vui. Trẻ.

– Thứ nhất, thằng hề ở rạp hát cũng vui...

– Thằng hề vì tiền mà làm trò vui.

– Suyt! Thứ hai, ngay đến con chó già cũng đã có lúc là một con chó con.

– Thằng hề chẳng khác gì một con khi...

– Suyt, tôi đã bảo, mình chẳng chú ý gì cả! Mình có nghe không đấy?

– Có nghe.

– Thế thì được...

Sau khi bắt vợ phải phục tùng, Nikiforich khuyên tôi:

– Này, cứ thử làm quen với Pletnyov xem, anh ta là một người rất hay!

Vì lão đã bắt gặp tôi với Pletnyov ở ngoài phố có lẽ không chỉ một lần, thành thử tôi bảo:

– Chúng tôi có quen biết nhau.

– Thế à? Ra thế...

Giọng lão có vẻ bực dọc. Lão cử động một cách hùng hổ, làm mề đay kêu lêng xêng. Còn tôi thì tỏ ra dè chừng, vì tôi được biết Pletnyov đang in những giấy tờ gì đó bằng hectograph (một loại máy in).

Mụ đàn bà vừa lấy chân hích tôi vừa châm chọc lão già một cách tinh quái. Còn lão ta vừa làm điệu bộ quan trọng vừa nói màu mè như một con công xòe ra cái đuôi sắc sỡ. Những trò tinh nghịch của vợ lão làm tôi không nghe được, và một lần nữa tôi không biết giọng nói của lão đã thay đổi từ lúc nào. Nó trở nên khề hơn, oai nghiêm hơn.

– Một sợi dây vô hình, anh có hiểu không? – Lão hỏi tôi và nhìn vào mặt tôi bằng cặp mắt tròn xoe hệt như đang kính hải.– Hãy coi đức Hoàng đế như một con nhện...

– Ôi, ông nói gì lạ thế?– Mụ đàn bà kêu lên.

– Mụ im đi! Đồ ngốc! Đó là nói cho dễ hiểu, chứ không phải để lãng mạ đâu, giống ngựa cái ạ! Dọn ấm samovar đi.

Lão cau mày, nheo hai mắt lại và nói tiếp bằng giọng oai nghiêm:

– Sợi dây vô hình tựa như một cái mạng nhện. Nó đi từ trái tim đức Hoàng đế Aleksandr III, đi xuyên qua các ngài bộ trưởng, xuyên qua các ngài tỉnh trưởng và qua tất cả các cấp xuống cho đến tận tôi, và thậm chí đến tận người lính cuối cùng. Sợi dây đó ràng buộc tất cả, liên kết tất cả. Chính nhờ sức mạnh vô hình của nó mà ngai vị của Sa hoàng được giữ vững đời đời. Nhưng bọn Ba Lan, Do Thái và những người Nga bị mụ nữ hoàng Anh láu cá mua chuộc lại tranh thủ cố sức giật đứt sợi dây đó bất cứ khi nào có cơ hội, chúng làm như chúng vì nhân dân vậy!

Lão vươn qua bàn, cúi sát vào mặt tôi và thì thầm hỏi bằng giọng hăm dọa:

–Hiểu chưa? Thế thì được rồi! Tại sao tôi lại nói với anh điều đó? Lão thợ làm bánh của anh khen anh là một anh chàng thông minh, thật thà và luôn luôn sống một mình. Nhưng ở hiệu bánh mì của các anh thường có bọn sinh viên lui đến. Đêm đêm chúng ngồi trong phòng con Derenkov. Nếu chỉ có một đứa thì khỏi phải nói. Nhưng đằng này lại đông là thế nào? Hả? Tôi nói không phải để chống lại bọn sinh viên. Hôm nay hẳn là sinh viên, nhưng ngày mai hẳn là bạn của ông biện lí. Sinh viên là những người tốt, chỉ có điều chúng vội vàng đóng vai trò của chúng quá sớm. Những kẻ

thù của nhà vua thì lại đang xúi giục chúng! Hiểu không? Tôi còn cần phải nói cho anh...

Nhưng lão chưa kịp nói thì cửa ra vào đã mở toang. Một ông già mũi đỏ bé nhỏ bước vào. Mái tóc quăn của ông ta được buộc bằng một sợi dây da nhỏ. Ông già cầm trong tay một chai rượu vodka và cũng đã uống say khướt.

– Ta ngã một ván cờ chứ? – Ông già vui vẻ hỏi, và lập tức người ông toát lên một vẻ khô hài.

– Đây là ông nhạc, thân sinh ra nhà tôi. – Nikiforich nói với vẻ bực dọc, khó chịu.

Mấy phút sau tôi cáo từ ra về. Mụ đàn bà tinh quái vừa khép cửa vừa véo tôi và nói:

– Mây đỏ như lửa ấy kìa!

Trên trời, một đám mây nhỏ vàng rực đang tan dần.

Tôi không muốn làm mất lòng các thầy giáo, nhưng dù thế nào tôi cũng phải công nhận rằng viên cảnh sát đã giải thích cho tôi về tổ chức bộ máy nhà nước một cách mạch lạc và rõ ràng hơn các thầy. Ở một nơi nào đó, có một con nhện, và từ đấy phát đi một “sợi dây vô hình” siết chặt, ràng buộc tất cả cuộc sống. Chẳng bao lâu tôi đã bắt đầu cảm nhận được ở khắp nơi những chiếc thòng lọng chắc chắn của sợi dây đó.

Khuya hôm ấy, sau khi đóng cửa hiệu, cô chủ gọi tôi lên phòng và bằng một giọng trịnh trọng báo cho tôi biết cô được giao nhiệm vụ tìm hiểu xem lão cảnh sát đã nói gì với tôi.

– Ôi, trời ơi!

Cô ta kêu lên lo lắng sau khi nghe báo cáo tỉ mỉ. Rồi, như một con chuột, cô chạy từ góc phòng nọ sang góc phòng kia, vừa chạy vừa lắc đầu lia lịa.

– Thế nào, lão thợ làm bánh không moi được gì ở anh cả chứ? Con nhân tình của lão vốn là họ hàng với Nikiforich mà, phải không? Cần phải tổng cổ lão đi mới được.

Tôi đứng tựa lưng vào khung cửa và đưa mắt liếc nhìn cô. Cô thốt ra tiếng “nhân tình” sao mà quá dễ dàng. Điều đó khiến tôi không thích. Tôi cũng không thích quyết định đuổi bác thợ làm bánh của cô.

– Phải rất cẩn thận đấy! – Cô ta nói.

Và cũng giống mọi lần, cái nhìn của cô như bám chặt vào người khiến tôi bối rối. Tôi có cảm tưởng như nó đang hỏi tôi một điều gì mà tôi không thể hiểu nổi. Lúc này, cô dừng lại trước mặt tôi, hai tay giấu sau lưng.

– Tại sao lúc nào anh cũng cau có thế?

– Bà tôi mới mất gần đây.

Chuyện đó với cô có vẻ buồn cười. Mím cười, cô hỏi:

– Anh yêu bà anh lắm phải không?

– Phải. Cô không cần gì nữa chứ?

– Không.

Tôi đi ra. Đêm hôm ấy tôi làm một bài thơ, trong đó tôi nhớ có một câu ngang bướng như sau:

“Cô muốn như ai nhưng chẳng được...”

Lúc này anh em sinh viên quyết định nên ít lui đến hiệu bánh hơn. Không được gặp họ, tôi hầu như mất hẳn dịp hỏi han những điều tôi không hiểu trong các cuốn sách mà tôi đọc. Tôi bèn ghi những thắc mắc vào một quyển vở. Nhưng một hôm, một quá, tôi ngủ thiếp đi trên quyển vở, và bác thợ làm bánh đã đọc hết những điều tôi ghi chép. Bác ta đánh thức tôi, hỏi:

– Chú viết cái gì thế này? “Tại sao Garibaldi không đuổi vua đi?” Garibaldi là ai? Mà chẳng lẽ lại có thể đuổi nhà vua đi được à?

Bác ta giận dữ ném quyển vở xuống mặt hòm bột, rồi leo lên nóc lò sưởi. Từ trên đó bác ta càu nhàu:

– Hãy nói xem nào! Nó muốn đuổi vua đi cơ đấy! Thật là buồn cười! Chú mình hãy vứt những dự định vớ vẩn ấy đi. Sách với chả vở! Năm năm trước ở Saratov những loại độc giả như thế này chẳng bị hiến binh nó bắt như bắt chuột ấy là gì! Chẳng cần thế này cũng đã đủ để lão Nikiforich để ý

chú mình rồi. Chú hãy xếp cái chuyện đuổi vua chúa của chú lại. Nó không giống như những con chim bồ câu của chú mình đâu!

Bác ta nói với thiện ý, nhưng tôi không thể đáp lại bác như tôi muốn. Tôi bị cấm nói chuyện với bác về những “vấn đề nguy hiểm”.

Trong thành phố người ta chuyền tay nhau một cuốn sách nhỏ đã làm mọi người xao xuyến. Người ta đọc nó và tranh cãi với nhau. Tôi nhờ anh sinh viên thú y Lavrov kiếm cho tôi một cuốn, nhưng anh ta trả lời một cách không chắc chắn:

– Ô, không được, anh bạn ạ, đừng có mong đợi chuyện ấy! Tuy vậy, có lẽ nay mai người ta sẽ tổ chức đọc cuốn sách ấy tại một địa điểm nào đó, có thể tôi sẽ đưa anh đến đấy...

Vào nửa đêm “ngày Đức Mẹ lên Trời” tôi đi trên cánh đồng Arskoye. Trong bóng tối tôi dõi theo bóng của Lavrov – anh ta đi trước tôi khoảng năm mươi sajen^[43] Cánh đồng vắng vẻ, tuy vậy, theo lời khuyên của Lavrov, tôi vẫn “đề phòng cẩn thận”: Tôi huýt sáo và hát khe khe, làm ra vẻ như một anh công nhân “chuyển choáng hơi men” vậy. Trên đầu tôi, những đám mây đen trôi chậm chạp và mặt trăng như một quả bóng vàng lăn giữa mây trời. Dưới ánh trăng, những vùng tối bao phủ mặt đất, những vũng nước phản chiếu ánh sáng, lấp lánh ánh bạc ánh thép. Sau lưng tôi, thành phố như gào thét giận dữ.

Người dẫn đường của tôi dừng lại bên hàng rào một khu vườn phía sau Đại chủng viện. Tôi vội vã rảo bước cho kịp anh ta. Chúng tôi im lặng leo qua hàng rào, băng qua một khu vườn rậm rạp. Mỗi lần đụng phải cành cây, những giọt nước lớn rỏ xuống người chúng tôi. Cả hai dừng lại bên bức tường của một ngôi nhà, khe khe gõ vào cánh cửa sổ đóng kín. Một người để râu cầm mở cửa sổ, phía sau người ấy là một khoảng tối om và không nghe thấy một tiếng động nào cả.

- Ai đấy?
- Ở chỗ Yakov lại.
- Leo vào đi.

Trong bóng tối om om, tôi cảm nhận được sự có mặt của nhiều người, nghe tiếng quần áo sột soạt và tiếng bước chân, tiếng ho khe khẽ, tiếng nói chuyện thì thầm. Một ánh diêm bùng lên chiếu sáng khuôn mặt tôi. Tôi nhìn thấy một số bóng đen ngồi trên sàn nhà giáp tường.

– Đủ cả rồi chứ?

– Đủ.

– Kéo rèm che các cửa sổ lại cho ánh sáng khỏi lọt qua khe cửa.

Một giọng bực tức nói to:

– Thằng cha nào nghĩ ra sáng kiến nhét chúng ta vào trong cái nhà bỏ hoang thế này?

– Khẽ chứ!

Phía góc phòng người ta đốt lên một ngọn đèn nhỏ. Căn phòng trống rỗng, không có bàn ghế. Chỉ có hai cái hòm, phía trên đặt một tấm ván, trên đó có năm người ngồi giống như những con quạ đen đậu trên hàng rào. Ngọn đèn cũng đặt trên một chiếc hòm dựng đứng. Trên sàn nhà sát tường có ba người nữa, và trên bệ cửa sổ có một người ngồi – một thanh niên để tóc dài, thân hình gầy gò xanh xao. Ngoài anh ta và người để râu ra, những người khác tôi đều biết cả. Bằng một giọng trầm, người để râu nói rằng anh ta sẽ đọc cuốn sách nhỏ Những ý kim bất đồng giữa chúng tado Georgi Plekhanov, một người “nguyên thuộc nhóm Ý dân”^[44] viết.

Trong bóng tối một người nào đó ngồi ở trên sàn la lên:

– Chúng tôi biết rồi!

Bầu không khí huyền bí làm tôi hồi hộp một cách dễ chịu. Sự huyền bí luôn đem lại cảm giác phấn khích. Tôi thấy mình như một tín đồ trong giờ làm lễ buổi sáng ở nhà thờ, và tôi nhớ đến các mộ hầm^[45] cùng những tín đồ đầu tiên của đạo Thiên Chúa. Giọng đọc trầm và khàn khàn bao trùm căn phòng, từng lời vang lên rành rọt.

– Toàn những chuyện nhảm nhí! – Một người ngồi ở góc phòng lại la lên.

Ở phía ấy, trong bóng tối, một vật gì bằng đồng trông tựa như chiếc mũ sắt của lính thành La Mã lấp lánh mờ mờ và huyền ảo. Tôi đoán đấy là ống thông hơi của lò sưởi.

Trong phòng vang lên những giọng nói trầm trầm, những tiếng nói sôi nổi lẫn lộn trong bóng tối hỗn độn. Không còn hiểu được là ai nói gì nữa. Phía trên đầu tôi, từ trên bệ cửa sổ có tiếng người hỏi to, giọng giễu cợt:

– Chúng ta có định đọc hay không đây?

Đó là tiếng của chàng thanh niên xanh xao tóc dài. Tất cả mọi người im bật, chỉ còn nghe thấy giọng trầm trầm của người đọc. Những ánh diêm bùng lên, những đốm lửa thuốc lá đỏ hồng lấp lánh chiếu sáng những khuôn mặt đăm chiêu và những cặp mắt nheo lại hoặc mở to.

Buổi đọc sách kéo dài đến mệt lử cả người, tôi không thể nghe thêm được nữa, mặc dầu tôi rất thích những lời lẽ sắc sảo và đầy nhiệt tình ấy, chúng được xếp đặt một cách dễ dàng và đơn giản thành những ý tưởng rành mạch.

Thình lình, gần như bất ngờ, giọng người đọc bị cắt ngang, khắp phòng vang lên những tiếng hét phẫn nộ.

- Đồ phản bội!
- Những lời sáo rỗng!...
- Đó là sự bán bố đối với những người anh hùng đã đổ máu.
- Sau khi Generalov và Ulyanov^[46] bị xử tử...

Từ trên bệ cửa sổ lại vang lên giọng nói của chàng thanh niên:

– Các vị ơi, có nên thay những lời chửi rủa bằng cách phản đối nghiêm chỉnh và thực sự không nhỉ?

Tôi không ưa những cuộc tranh luận và không quen nghe tranh luận. Tôi rất khó theo dõi những thay đổi bất thường của dòng tư tưởng bị kích động và thái độ tự ái lộ liễu của những người tranh luận luôn làm cho tôi bực mình.

Chàng thanh niên từ trên bệ cửa sổ cúi xuống hỏi tôi:

– Anh là Peskov, thợ làm bánh mì phải không? Tôi là Fedoseev^[47]. Chúng ta có lẽ nên làm quen với nhau. Thực ra ở đây cũng chẳng có việc gì đâu, không khí ồn ào này kéo dài còn chán, mà ích lợi thì chẳng được là bao. Ta đi thôi chứ?

Tối đã được nghe nói về Fedoseev như là người đứng đầu của một nhóm thanh niên rất quan trọng. Tôi thấy ưa khuôn mặt xanh xao vẻ căng thẳng và cặp mắt sâu của anh ta.

Trong khi đi với tôi qua cánh đồng, anh hỏi tôi có quen ai trong số các công nhân không, tôi đang đọc sách gì, tôi có nhiều thì giờ rồi không. Rồi anh nói thêm:

– Tôi có nghe nói về cái cửa hiệu bánh mì ấy của anh. Anh đi làm một việc vớ vẩn như thế thì kì lạ thật. Anh làm như vậy để làm gì?

Ít lâu nay chính tôi cũng thấy việc đó không đem lại ích lợi gì. Tôi bèn đem ý nghĩ ấy nói với anh. Những lời của tôi khiến anh rất vui mừng. Anh bắt tay tôi thật chặt và mỉm cười rạng rỡ, anh báo cho tôi biết ngày kia anh sẽ rời đi độ ba tuần lễ, và khi trở về anh sẽ cho tôi biết chúng tôi sẽ gặp nhau như thế nào và ở đâu.

Việc buôn bán của cửa hiệu bánh mì phát triển hết sức tốt, nhưng công việc của riêng tôi thì càng ngày càng tồi. Chúng tôi đã chuyển sang lò bánh mới, trách nhiệm của tôi lại càng tăng hơn. Tôi phải làm việc ở lò bánh, đưa bánh đến các nhà, đến Đại chủng viện và trường “các thiếu nữ quý tộc”. Các cô gái vừa chọn bánh sữa trong lãng vừa gửi cho tôi những mẫu giấy, và nhiều khi trên những tờ giấy rất đẹp tôi đã kinh ngạc đọc thấy những lời lẽ trắng trợn viết bằng nét chữ trẻ con. Trong lòng tôi nhen lên một cảm giác lạ lùng mỗi khi đám tiểu thư vui nhộn, ăn mặc sạch sẽ, hai mắt sáng, quây xung quanh lãng bánh, rồi vừa nhăn mặt một cách ngộ nghĩnh vừa dùng những bàn tay bé nhỏ hồng hộc lục bới đống bánh. Tôi nhìn họ và cố đoán xem ai đã viết cho tôi những dòng chữ trắng trợn, những dòng chữ mà có lẽ họ không hiểu được ý nghĩa xấu xa của chúng? Nhớ lại những “nhà giải muện phiền” bản thiêu, tôi nghĩ:

– Chẳng lẽ “sợi dây vô hình” từ những nhà đó kéo dài cả đến tận đây sao?

Một trong số các cô – một cô gái tóc đen, ngực nở, tóc tết đuôi sam dày, chặn tôi lại ở hành lang và nói khẽ, giọng hấp tấp:

–Tôi sẽ cho anh mười kopek nếu anh chuyển hộ tôi bức thư này theo địa chỉ trên thư.

Cặp mắt đen, dịu dàng của cô giàn giụa nước mắt. Cô nhìn tôi, hai môi mím chặt, má và tai đỏ bừng. Tôi từ chối mười kopek với một vẻ cao thượng, còn bức thư thì tôi cầm và đưa đến cho con trai ông thẩm phán tòa thượng thẩm, một sinh viên cao lêu nghêu với cặp má đỏ của người bị bệnh lao phổi. Anh ta lặng lẽ và đăm chiêu đếm mấy đồng tiền lẻ rồi đưa cho tôi năm mươi kopek. Khi tôi bảo là cái đó đối với tôi không nghĩa lí gì, anh ta liền đút tiền vào túi quần. Nhưng anh ta nhét trượt, thành thử tiền vãi tung ra sàn nhà.

Anh ta bối rối nhìn theo những đồng năm và bảy kopek lăn khắp mọi nơi, hai tay cọ vào nhau mạnh đến nỗi những đốt ngón tay kêu răng rắc. Rồi anh ta vừa thở dài khó nhọc vừa lắp bắp:

– Làm thế nào bây giờ? Thôi, từ biệt! Tôi cần phải suy nghĩ...

Tôi không biết anh ta đã nghĩ được gì, nhưng tôi rất thương hại cô gái. Ít lâu sau cô ta biến khỏi trường, và khoảng mười lăm năm sau tôi gặp cô dạy học tại một trường trung học ở Crimea. Cô mắc bệnh lao phổi, và cô nói về mọi việc ở đời bằng giọng độc ác không thương tiếc của một con người đã từng bị cuộc đời lãng nhục.

Sau khi đưa bánh xong, tôi đi ngủ. Buổi tối tôi làm việc ở lò bánh để đến nửa đêm đem bánh sữa ra cửa hiệu. Cửa hiệu nằm ở gần nhà hát thành phố, xem biểu diễn xong khán giả thường rẽ vào ăn bánh nóng. Sau đó tôi đi nhào bột để làm bánh mì cân và bánh mì Pháp. Mà nhào bằng tay mười lăm hai mươi pood bột không phải là chuyện đùa.

Rồi tôi lại ngủ độ hai, ba giờ và lại đi đưa bánh.

Cứ như thế – ngày này qua ngày khác.

Nhưng lúc này tôi đã mắc phải cái bệnh ngứa ngáy không thể nào chịu nổi: muốn đi gieo rắc những hạt giống của “lí trí, lương thiện, vĩnh cửu”. Là một người dễ gần gũi mọi người, tôi biết kể chuyện một cách sinh động. Trí tưởng tượng của tôi là do kinh nghiệm sống và những điều tôi đọc được trong sách tạo nên. Không cần quá nỗ lực tôi cũng có thể xây dựng một câu chuyện hay mà cốt chuyện là “sợi dây vô hình” uốn khúc quanh co từ một sự kiện thường ngày. Tôi có quen biết mấy công nhân ở nhà máy Krestovnikov và Alafuzov. Đặc biệt gần gũi đối với tôi là bác thợ dệt già Nikita Rubtsov, một người đã từng làm việc qua hầu khắp các nhà máy dệt của nước Nga, một tâm hồn thông minh, hoạt bát.

– Đã năm mươi bảy năm nay bác đi trên trái đất này, Aleksej Maksimich của bác ạ! Chàng lang thang trẻ tuổi, con thoi mới của ta ời!

Bác nói bằng giọng nghẹn ngào, đôi mắt màu xám nheo cười sau cặp kính râm. Hai mắt kính của bác nối với nhau bằng một sợi dây đồng tự làm lấy, vì thế trên sống mũi và phía tai bác nổi lên những vết ô xít đồng màu xanh. Những người thợ dệt gọi bác là “người Đức” vì bác cạo râu cằm nhưng để lại một hàng ria mép dài và một nhúm râu bạc phía dưới môi dưới. Bác người tầm thước, ngực nở, nét mặt chất chứa một niềm vui chua xót.

– Bác thích đi xem xiếc. – Bác vừa nói vừa ngả cái đầu hói mập mạp sang vai trái. – Người ta dạy ngựa khéo đấy chứ? Súc vật mà thế đấy! Thật là khoan khoái! Bác nhìn những con vật ấy một cách kính phục và tự nhủ: Hừ, như vậy thì cũng có thể dạy cho con người biết sử dụng lí trí của họ chứ. Những người làm xiếc mua chuộc súc vật bằng đường, còn chúng ta, tất nhiên chúng ta có thể mua được đường ở cửa hàng. Đối với con người thì cần phải có chất đường cho tâm hồn, đó là sự âu yếm. Anh bạn trẻ ạ, như vậy tức là cần phải hành động bằng âu yếm, chứ không phải bằng thanh củi như đã thành thông lệ giữa chúng ta với nhau đâu. Có phải không?

Bản thân bác cũng chẳng âu yếm gì mọi người. Bác thường nói với họ bằng giọng gần như khinh bỉ và có vẻ giễu cợt. Trong những cuộc tranh

luận, bác thường phản đối bằng những tiếng hét ngắn, cố tình chọc tức đối thủ một cách trắng trợn. Tôi làm quen với bác trong một quán rượu, lúc mọi người sắp sửa nện cho bác một trận, và người ta cũng đã đấm bác hai quả rồi, lúc ấy tôi nhảy vào kéo bác ra.

– Họ đánh cụ có đau không? – Tôi hỏi trong khi đi cùng bác trong bóng tối, dưới làn mưa phùn mùa thu.

– Hừ, thế mà cũng gọi là đánh à? – Bác đáp một cách thờ ơ. – Khoan đã, tại sao anh lại gọi ta bằng “cụ”?

Thế là từ đó chúng tôi quen nhau. Ban đầu bác thường chế giễu tôi một cách hóm hỉnh và ranh mãnh, nhưng khi tôi kể cho bác nghe “sợi dây vô hình” có vai trò như thế nào trong cuộc sống của chúng ta, bác liền thốt lên, vẻ đăm chiêu:

– Thì ra chú mày không phải đứa ngốc đâu! Chà, chú mày cũng gồm đấy nhỉ?...

Và từ đấy bác bắt đầu đối xử với tôi âu yếm như một người cha, thậm chí bác còn gọi tôi bằng tên và chữ lót nữa.

– Aleksej Maksimich của bác, chiếc kim nhỏ yêu quý của bác! Những ý kiến của cháu đúng đấy, nhưng sẽ chẳng có ai tin cháu đâu, vô ích.

– Bác có tin không?

– Bác chỉ là một con chó đực cộc đuôi, vô chủ. Còn thiên hạ thì là những con chó bị xích, đuôi người nào cũng đầy những gai ngứa bành: nào vợ, con, nào đàn phong cầm, nào giày dép. Mà con chó nào thì cũng đều yêu cái cũi của nó cả. Họ chẳng tin cháu đâu. Bọn các bác ngày xưa ở xưởng Morozov cũng thế thôi! Đứa nào đi đầu là đứa ấy bị chúng nó nện cho vào trán. Mà trán thì có phải như mông đít đâu, đau lâu lắm.

Bác ăn nói khác đôi chút sau khi làm quen với anh thợ nguội Yakov Shaposhnikov, một công nhân của xưởng Krestovnikov. Yakov bị bệnh lao phổi, anh biết chơi ghi ta và biết nhiều về *Kinh thánh*. Anh đã từng làm cho bác Rubtsov phải kinh ngạc bởi thái độ phủ nhận Chúa một cách quyết liệt.

Yakov thường vừa khạc nhổ ra khắp xung quanh những cục máu từ hai lá phổi ruỗng vừa chứng minh một cách chặt chẽ và say sưa:

– Thứ nhất: Tôi được tạo ra hoàn toàn không phải “theo hình ảnh Chúa”. Tôi chẳng am hiểu gì, chẳng có khả năng làm một việc gì, và hơn nữa cũng chẳng phải là một người tốt. Không, tôi không phải là một con người tốt!
Thứ hai: Chúa không hề biết tôi khổ sở như thế nào, hoặc biết mà không giúp được, hoặc có thể giúp được nhưng không muốn giúp.
Thứ ba: Chúa không phải là toàn trí toàn năng, cũng chẳng phải là tử tế gì. Nói đơn giản hơn là không có Chúa! Đó là chuyện bịa, tất cả đều là chuyện bịa, toàn bộ cuộc sống đều là bịa đặt cả, đừng có hòng đánh lừa được tôi!

Thoạt tiên Rubtsov kinh ngạc không nói được một lời nào. Sau đó, mặt bác xám lại vì tức giận và bắt đầu chửi rủa một cách tục tằn. Nhưng Yakov vẫn dùng lời lẽ trang nghiêm của những đoạn trích trong *Kinh thánh* để tước vũ khí của bác, bắt bác phải im lặng và co mình lại một cách thận trọng.

Khi nói, Shaposhnikov trông thật đáng sợ. Gương mặt anh gầy, da ngăm ngăm, tóc quăn và đen giống như người Gypsy, phía sau cặp môi xanh xanh lấp lánh hai hàm răng như răng chó sói. Cặp mắt đen của anh nhìn chăm chăm vào mặt đối phương. “Khó có thể chịu đựng nổi cái nhìn nặng nề có sức bẻ gãy tất cả ấy” nó làm tôi nhớ lại cặp mắt của người bị bệnh hoang tưởng.

Trong lúc cùng tôi trở về từ chỗ Yakov, Rubtsov cau có nói:

– Chưa thấy ai phản đối Chúa trước mặt bác bao giờ. Bác chưa từng khi nào nghe thấy chuyện đó cả. Chuyện gì bác cũng đã nghe nói, nhưng chuyện như vậy thì không. Tất nhiên con người ấy không sống được lâu đâu. Chà, thật là đáng thương! Anh chàng cứ đổ mắt tía tai... Lạ thật, chú mình ạ, thật lạ quá!

Bác làm thân với Yakov rất nhanh. Bác trở nên sôi nổi và hoạt bát, luôn dùng mấy ngón tay lau hai con mắt đau.

– Hừ... – Bác vừa mỉm cười vừa nói. – Như thế tức là cho Chúa về vườn à? Hừm. Chiếc kim nhỏ của bác ạ, nếu nói về vua thì bác có ý kiến

khác. Đối với bác, vua không phải là một trở ngại, vấn đề không phải ở nơi vua mà là ở bọn chủ. Vua nào bác cũng có thể chịu được, ngay đến cả Ivan Grozny^[48]. Nếu muốn, xin ngài cứ ngồi đấy mà trị vì, chỉ cần cho bác được xử lão chủ, thế thôi! Nếu cho phép, bác sẽ đánh dây xích vàng buộc ngài vào ngai, sẽ cầu nguyện cho ngài...

Sau khi đọc xong cuốn *Ông vua đói*, bác bảo:

– Mọi điều đều rất đúng.

Lần đầu tiên nhìn thấy một cuốn sách nhỏ in bằng thạch bản, bác hỏi tôi:

– Ai viết cho cháu đây? Viết rõ thật. Cháu bảo với anh ta là bác cảm ơn.

Rubtsov có một lòng ham mê hiểu biết không giới hạn. Bác hết sức chăm chú nghe những lời nhạo báng Chúa cay độc của Shaposhnikov. Bác thường ngồi hàng giờ để nghe tôi nói chuyện về sách. Rồi bác cười phá lên một cách vui vẻ, đầu ngả ra sau, yếm hầu bạnh ra, nói với vẻ khâm phục:

– Trí óc con người tài thật! Ôi, tài thật!

Bản thân bác đọc sách rất khó khăn; cặp mắt đau đã ngăn trở bác. Nhưng bác hiểu biết khá nhiều, và bác thường làm tôi ngạc nhiên vì sự hiểu biết đó.

– Trong số người Đức, có một anh chàng thợ mộc thông minh lạ thường. Kể cả nhà vua cũng phải mời anh ta đến hỏi ý kiến.

Sau một số câu hỏi, tôi hiểu ra là bác nói về Bebel^[49].

– Sao bác lại biết được chuyện đó?

– Biết chứ! – Bác đáp cộc lốc và đưa ngón tay út lên gãi cái đầu hói mấp mô.

Cuộc sống hỗn độn và cực khổ không làm Shaposhnikov bận tâm. Anh hoàn toàn bị thu hút vào công việc đả phá Chúa, nhạo báng thần thánh. Anh đặc biệt căm thù các tu sĩ.

Một hôm Rubtsov thân mật hỏi anh:

– Yakov, sao chú mình chỉ cứ hò hét chống Chúa mãi thế?

Anh lại càng la hét dữ tợn hơn:

– Thì còn có gì cản trở tôi nữa kia chứ, hả? Đã gần hai chục năm nay tôi tin Chúa, tôi đã sống trong sự khiếp sợ Chúa. Tôi đã chịu đựng vì không được tranh cãi: Mọi sự đều do Đấng tối cao. Tôi đã phải sống một cách trói buộc. Đọc kĩ *Kinh thánh* tôi mới biết toàn là chuyện bịa cả! Toàn là bịa hết, Nikita ạ!

Rồi anh vung tay lên hệt như muốn giật đứt “sợi dây vô hình” và nói gần như khóc:

– Xem đây, vì thế tôi chưa già mà đã sắp chết rồi đây!

Tôi còn quen một số người khá thú vị nữa. Tôi hay chạy đến lò bánh mì của Semyonov gặp các bạn cũ. Họ đón tiếp tôi một cách hân hoan và sẵn sàng nghe chuyện của tôi. Còn Rubtsov thì ở xóm Hải quân, Shaposhnikov lại ở xóm Tatar, rất xa phía bên kia sông Kaban, người nọ cách người kia khoảng năm versta, nên tôi rất ít có dịp gặp họ. Họ thì lại không thể đến gặp tôi vì tôi không có chỗ nào để tiếp khách cả. Hơn nữa, lão thợ làm bánh mới, một lão lính đã về hưu, thường hay đi lại với bọn hiến binh. Sân sau của sở hiến binh giáp với sân nhà chúng tôi, nên những bộ “quân phục xanh” oai vệ thường leo qua hàng rào để sang mua bánh mì trắng cho đại tá Gangardt và mua bánh mì đen cho bản thân họ. Và còn một điều nữa: Người ta khuyên tôi không nên “xuất đầu lộ diện” nhiều quá để khỏi thu hút sự chú ý không cần thiết của mọi người đối với hiệu bánh.

Tôi nhận thấy công việc của tôi đang dần dần mất hết ý nghĩa. Càng ngày người ta càng không đếm xỉa đến lỗ lãi của việc buôn bán, cứ việc lấy tiền ở két ra một cách bừa bãi đến nỗi đôi khi không còn gì để trả tiền bột nữa, Derenkov vừa vuốt râu vừa mỉm cười một cách chán nản:

– Chúng ta đến vỡ nợ mất thôi!

Anh ta sống cũng khổ. Cô Nastya có bộ tóc quăn màu hung, đang “bụng mang dạ chửa”, lúc nào cũng găm gừ như một con mèo dữ tợn, thường nhìn mọi vật và mọi người bằng cặp mắt xanh tức giận.

Cô ta hay đắm sầm vào Andrej như thể không trông thấy anh. Andrej vừa mỉm cười như kẻ mắc lỗi vừa né đường cho cô ta đi và thở dài.

Thình thoảng anh phàn nàn với tôi:

– Mọi sự chẳng ra cái quái gì cả! Cái gì thiên hạ cũng lấy mất. Thật không còn ra làm sao! Mình vừa mới mua nửa tá bút tất, thế mà chúng đã biến mất ngay lập tức!

Câu chuyện bút tất ấy thật là buồn cười. Nhưng tôi không cười. Tôi thấy rõ con người giản dị, vô tư ấy vất vả như thế nào để cố xây đắp một sự nghiệp có ích. Nhưng những người xung quanh lại có thái độ coi thường và thiếu quan tâm đối với sự nghiệp ấy, họ tìm cách phá hoại nó. Derenkov không mong đợi lời cảm ơn của những người mà anh đã phục vụ, nhưng anh có quyền đòi hỏi ở họ một thái độ săn sóc và thân mật hơn. Anh đã không nhận được thái độ đúng mực ấy. Còn gia đình anh thì tan vỡ nhanh chóng. Ông cụ thân sinh trở nên u uất do những nỗi sợ hãi phát sinh từ tôn giáo. Đứa em trai ham mê tửu sắc. Cô em thì đối xử với anh như một người xa lạ, và hình như cô ta có chuyện gì không được vui với gã sinh viên tóc hung. Tôi thường thấy mắt cô sưng húp vì khóc nhiều, và tôi bắt đầu căm ghét gã sinh viên.

Tôi cảm thấy tôi yêu Mariya Derenkova. Tôi cũng đã từng yêu một cô bán hàng trong cửa hiệu của chúng tôi tên là Nadezhda Shcherbatova, một cô gái đầy đà, má đỏ, thường xuyên nở nụ cười dịu dàng trên cặp môi đỏ tươi. Nói tóm lại là tôi đã biết yêu. Tuổi đời, tính tình và cuộc sống phức tạp của tôi đòi hỏi tôi phải tiếp xúc với phụ nữ. Và việc đó đối với tôi không phải là quá sớm, có thể nói là muộn. Tôi cần sự âu yếm của phụ nữ, hoặc chỉ là sự để ý thân mật thôi cũng được. Tôi cần thổ lộ tâm sự, cần được thấu hiểu những ý nghĩ rời rạc rối mù và những ấn tượng lộn xộn của tôi.

Tôi vốn không có bạn bè. Những người nhìn tôi như nhìn một “vật liệu cần được chế biến” không gây được cảm tình nơi tôi, và không thể khiến tôi cởi mở. Cứ mỗi khi tôi bắt đầu nói những điều họ không thích, họ liền khuyên:

– Hãy gác chuyện ấy lại!

Guri Pletnyov bị bắt và bị giải đến nhà tù Kresty ở St. Petersburg. Người đầu tiên thông báo với tôi tin đó là Nikiforich, khi lão gặp tôi ngoài đường vào một sáng sớm. Lão đi về phía tôi, vẻ mặt đăm chiêu và trịnh trọng, ngực đeo đủ tất cả mẽ đay như thể vừa đi duyệt binh về. Lão giơ tay lên vành mũ và im lặng đi ngang qua mặt tôi. Nhưng liền ngay đó, lão dừng lại, và bằng một giọng gắt gỏng, lão nói vào gáy tôi:

– Guri Alexandrovich bị bắt đêm qua...

Rồi lão phẩy tay, nhìn quanh và nói thêm, giọng nhỏ hơn:

– Thế là đi đòi một chàng trai!

Tôi cảm thấy trong cặp mắt ranh mãnh của lão long lanh những giọt nước mắt.

Tôi biết Pletnyov cũng đoán trước được việc mình sẽ bị bắt. Chính anh đã báo trước cho tôi chuyện đó và khuyên tôi và Rubtsov không nên gặp anh. Anh cũng thân với Rubtsov như với tôi vậy.

Nikiforich nhìn xuống chân và hỏi bằng giọng buồn bã:

– Sao không lại đăng tôi chơi?

Buổi chiều, tôi đến nhà lão. Lão vừa ngủ dậy, đang ngồi trên giường uống kvass^[50]. Vợ lão lom khom vá quần bên cửa sổ.

– Ấy, thế đây! – Viên cảnh sát vừa nói vừa gãi bộ ngực đầy lông và đăm chiêu nhìn tôi. – Hẳn bị bắt rồi. Người ta tìm thấy ở nhà hẳn cái xoong hẳn vẫn dùng để nấu mực viết truyền đơn chống nhà vua.

Rồi lão nhổ nước bọt xuống sàn và thét vợ bằng giọng giận dữ:

– Đưa quần đây!

– Một tí nữa. – Mụ vợ trả lời, không ngẩng đầu lên.

– Bà ấy thương xót, khóc lóc. – Lão già đưa mắt về phía vợ và nói. – Tôi cũng thương hại. Nhưng một gã sinh viên thì có thể làm gì để chống lại nhà vua kia chứ?

Lão vừa mặc quần áo vừa nói:

– Tôi phải ra ngoài một lát... Đun ấm samovar đi, mình.

Vợ lão vẫn đứng yên nhìn ra cửa sổ. Nhưng khi lão vừa khuất sau cánh cửa, mẹ liền quay phắt lại, giơ nắm đấm về phía cửa, nhe răng, nói với vẻ hết sức độc ác:

– Hừ, đồ quý già!

Khuôn mặt mẹ sưng húp vì khóc. Mắt trái gần như bị một vệt tím bầm lớn che kín. Mẹ chồm lên, đi đến bên bếp lò, cúi xuống chiếc ấm samovar và rít:

– Tôi sẽ lừa lão ta, lừa cho lão phải gằm lên! Gằm như một con chó sói ấy. Anh đừng có tin lão ta, đừng có tin một lời nào của lão cả! Lão định tóm anh đấy. Lão nói láo, lão chẳng thương hại ai cả đâu. Lão đang nhử anh thôi! Lão biết hết mọi chuyện của các anh. Lão sống bằng cái nghề ấy mà lại. Săn người là thú ham mê của lão...

Mẹ tiến sát đến bên tôi và nói bằng giọng van xin:

– Anh không thể âu yếm em sao?

Tôi vốn không ưa mẹ đàn bà này, nhưng con mắt sắc sảo của mẹ nhìn tôi với vẻ buồn chua chát khiến tôi ôm lấy mẹ và bắt đầu vuốt những sợi tóc cứng, rối bù và nhờn nhờn.

– Bây giờ lão đang theo dõi ai thế?

– Những người nào ở quán trọ đường Ribnoryadskaya ấy.

– Có biết tên là gì không?...

Mẹ mỉm cười trả lời:

– Để em bảo với lão những điều anh hỏi em! Lão ta về đấy... Lão tìm ra tung tích Guroshka rồi...

Và mẹ nhảy đến bên bếp lò.

Nikiforich đem về một chai rượu vodka, mứt và bánh mì. Chúng tôi ngồi vào bàn uống trà. Marina ngồi cạnh tôi, mời tôi ăn với thái độ âu yếm đặc biệt, con mắt lạnh của mẹ nhìn vào mặt tôi. Còn chồng mẹ thì khuyên tôi:

– Sợi dây vô hình đó ở trong tim, trong xương tủy người ta. Có giỏi cứ thử giăng, thử đứt nó xem nào? Vua đối với nhân dân là Chúa!

Và đột nhiên lão hỏi:

– Anh là người đọc nhiều sách, thế anh đã đọc sách *Phúc âm* chưa? Sao, theo ý anh thì những điều viết trong đó có đúng cả không?

– Tôi không biết.

– Theo tôi, có những cái thừa. Mà không phải ít đâu. Chẳng hạn như nói về những người nghèo khổ: Đó là những người nghèo khổ hạnh phúc. Nhưng họ hạnh phúc ở chỗ nào? Nói như thế có sai đôi chút. Nói chung là những chỗ nói về người nghèo có nhiều cái khó hiểu lắm. Cần phải phân biệt người nghèo với người bị lâm vào cảnh nghèo. Người nghèo tức là người xấu! Còn người bị lâm vào cảnh nghèo thì có thể là một người bất hạnh, cần phải suy xét như vậy. Như thế tốt hơn.

– Tại sao?

Lão im lặng, nhìn tôi một cách tò mò. Sau đó, bằng một giọng rành rọt và chắc chắn, lão bắt đầu nói ra những ý nghĩ mà có lẽ lão đã ngẫm rất lâu:

– Trong sách *Phúc âm* nói nhiều đến sự thương hại quá, mà thương hại là một điều tai hại. Tôi nghĩ như vậy. Sự thương hại đòi hỏi những chi phí rất lớn cho những con người vô dụng, thậm chí những người có hại nữa. Nào là trại nuôi người tàn tật, nhà tù, nhà thương điên. Chính ra cần giúp đỡ những người khỏe mạnh, lành lặn để họ khỏi hao phí sức lực một cách vô ích. Đằng này chúng ta lại đi giúp đỡ những con người yếu đuối. Chẳng lẽ có thể biến người yếu thành người khỏe được sao? Vì cái trò vô bổ ấy mà những người khỏe thì yếu đi, còn những người yếu thì cứ ngồi trên cổ họ mãi. Đó, vấn đề là ở đó! Có nhiều cái cần được quan niệm lại. cần phải hiểu rằng cuộc sống từ lâu đã bác bỏ sách *Phúc âm* rồi. Nó có đường đi của nó. Đó, anh đã thấy vì sao mà Pletnyov đi đời rồi chứ? Vì lòng thương hại. Chúng ta đi bố thí cho bọn ăn mày, còn các sinh viên thì để cho họ mất mạng. Đạo lí ở chỗ này là đâu, hả?

Lần đầu tiên tôi được nghe những ý nghĩ đó dưới một hình thức sắc sảo như vậy, tuy trước kia tôi cũng đã từng va vấp với chúng. Chúng có sức sống dai dẳng hơn và phổ biến hơn người ta thường nghĩ. Bảy năm sau, khi đọc về Nietzsche tôi nhớ lại rất rõ triết lí của lão cảnh sát Kazan này. Nhân

tiện tôi cũng nói thêm: Những điều mà tôi chưa từng thấy trong cuộc sống thì cũng ít khi tôi gặp trong sách vở.

Lão già “săn người” vẫn vừa nói vừa dùng mấy ngón tay gõ vào mép khay đựng chén để đệm nhịp cho lời nói. Bộ mặt khô khốc của lão nhăn lại, vẻ nghiêm nghị. Nhưng lão không nhìn tôi mà nhìn vào cái ánh đồng sáng như gương trên chiếc ấm samovar được đánh bóng loáng.

– Đến giờ ông phải đi rồi đấy.

Mụ vợ đã hai lần nhắc lão, nhưng lão không đáp lại mụ. Lão vẫn cứ xâu hết lời này đến lời khác vào cái sợi dây tư tưởng của lão. Bỗng nhiên dòng tư tưởng của lão chảy theo một hướng khác, bất ngờ đến nỗi tôi không nhận ra được.

– Anh là một thanh niên không đến nỗi ngu ngốc, chữ nghĩa lại thông thạo, chẳng lẽ nghề làm bánh lại xứng với anh sao? Làm việc cho Nga hoàng, anh cũng có thể kiếm ra bằng ấy tiền hoặc hơn...

Tôi vừa nghe lão vừa nghĩ cách làm thế nào báo được cho những người không quen biết ở đường Ribnoryadskaya rằng Nikiforich đang theo dõi họ.

Trong một quán trọ, có một người mới bị đi đày ở Yalutorovsk về tên là Sergei Somov. Tôi từng được nghe người ta kể rất nhiều chuyện thú vị về con người đó.

– Những người thông minh cần phải sống với nhau như ong mật hoặc ong vò vẽ ở trong tổ ấy. Vương quốc của Nga hoàng...

– Trông kìa, chín giờ rồi. – Mụ đàn bà nói.

– Quý thật!

Nikiforich đứng lên, cài khuy áo khoác.

– Ồ, không sao, ta sẽ đi xe ngựa. Từ biệt người anh em! Cứ đến chơi, đừng ngại...

Khi từ trong đồn đi ra, tôi cương quyết tự nhủ sẽ không bao giờ đến “thăm” Nikiforich nữa. Tôi ghê tởm lão già, tuy rằng ở lão có nhiều cái lí thú. Những lời nói của lão về tác hại của lòng thương đã tác động đến tôi

rất nhiều và ăn sâu vào tâm trí tôi. Tôi cảm nhận được trong những lời nói đó có một phần sự thật, nhưng tiếc thay sự thật ấy lại bắt nguồn từ một viên cảnh sát.

Những cuộc tranh luận về vấn đề này xảy ra luôn, trong đó đặc biệt có một cuộc tranh luận đã tác động tới tôi rất mạnh mẽ.

Trong thành phố bỗng xuất hiện một người theo “chủ nghĩa Tolstoy” – đó là người theo chủ nghĩa Tolstoy đầu tiên tôi mà gặp. Ông ta có dáng người cao, bộ râu đen như râu dê và cặp môi dày như người da đen. Lưng ông ta hơi gù, mắt luôn nhìn xuống đất, thỉnh thoảng cái đầu hơi hói lại ngẩng lên với một điệu bộ rất dứt khoát, đồng thời cặp mắt đen và ướt rục lên ánh nhìn nồng nhiệt. Trong cái nhìn sắc sảo của ông ta có vẻ gì như cắn hờn. Cuộc nói chuyện được tổ chức tại nhà một giáo sư đại học. Tôi dự có rất đông thanh niên. Và giữa đám thanh niên ấy có một ông cổ đạo bé nhỏ, gầy gò, dáng người thanh nhã, đồ đạc sĩ thần học. Ông ta mặc một chiếc áo dài đen bằng lụa. Chiếc áo đó càng làm nổi bật khuôn mặt đẹp, nhợt nhạt, rạng rỡ một nụ cười khô khan cùng cặp mắt xám và lạnh.

Người theo chủ nghĩa Tolstoy nói rất lâu về sự bền vững vĩnh cửu của những chân lí vĩ đại trong sách *Phúc âm*. Giọng ông ta hơi khàn. Qua những lời đó có thể cảm thấy sức mạnh của một lòng tin chân thành. Kèm theo lời nói, cánh tay trái lông lá của ông ta làm điệu bộ giống như chém vào không khí, còn tay phải thì đút trong túi.

- Kịch sĩ. – Có tiếng thì thầm trong góc, bên cạnh chỗ tôi ngồi.
- Đúng, rất giống ở rạp hát...

Trước đó không lâu tôi có đọc một cuốn sách hình như của Draper^[51] nói về cuộc đấu tranh của Thiên Chúa giáo chống lại khoa học. Và tôi có cảm tưởng như người đang nói đây là một trong số những người tin một cách cuồng nhiệt vào khả năng có thể cứu vớt được thế giới bằng sức mạnh của tình yêu, những người vì lòng từ bi đối với mọi người mà sẵn sàng xả thịt họ ra và đem thiêu trên đồng lửa.

Ông ta mặc một chiếc sơ mi trắng với hai ống tay rộng, khoác bên ngoài là một cái áo choàng đã cũ, xám xám. Điểm đó cũng khiến ông ta khác biệt với mọi người. Cuối bài thuyết giáo, ông ta la lên:

– Vậy các bạn đi theo Jesus hay Darwin?

Ông ta ném câu hỏi đó hết như ném một hòn đá vào góc nhà, nơi đám thanh niên đang ngồi chen chúc, cũng là nơi những cặp mắt của các chàng trai cô gái đang nhìn ông với vẻ sợ hãi và vui sướng. Câu chuyện của ông ta có lẽ đã làm tất cả sững sốt. Mọi người im lặng, cúi đầu đăm chiêu. Ông ta đảo mắt nhìn khắp lượt bằng cái nhìn náy lửa và nói thêm bằng giọng nghiêm nghị:

– Chỉ có bọn Pharisee^[52] mới toan kết hợp hai nguyên lí không thể dung hòa được với nhau ấy mà thôi. Và khi kết hợp hai nguyên lí ấy, chính chúng đã tự dối mình một cách đáng ô nhục, đồng thời dùng sự dối trá để làm hư hỏng mọi người...

Ông cố đạo bé nhỏ đứng dậy, cẩn thận hất hai ống tay áo ra sau, rồi bằng một giọng nhịp nhàng, vẻ lịch sự hiểm độc và một nụ cười khoan dung, lên tiếng:

– Ý kiến của ông về những người Pharisee có lẽ hơi tầm thường. Nó không những thô bạo, mà còn hoàn toàn sai lầm...

Tôi hết sức kinh ngạc thấy ông ta bắt đầu chứng minh rằng những người Pharisee là những người bảo vệ chân chính và trung thực di huấn của nhân dân Do Thái, rằng nhân dân đã luôn luôn đi theo họ để chống lại quân thù.

– Chẳng hạn hãy đọc Flavius Josephus^[53]...

Người theo chủ nghĩa Tolstoy đứng phắt dậy. Cánh tay vung cao như muốn chém nát và tiêu diệt Flavius, ông ta thét:

– Ngay bây giờ vẫn có những kẻ đi theo kẻ thù để chống lại bè bạn. Nhân dân không tự nguyện, họ bị người ta xua đuổi, cưỡng bức. Flavius của ông thì có nghĩa lí gì đối với tôi?

Ông cố đạo bé nhỏ và những người khác đã xé vụn vấn đề chủ yếu của cuộc tranh luận ra thành từng mảnh, vấn đề đó thế là biến mất.

– Chân lí và tình yêu. – Người theo chủ nghĩa Tolstoy thét lên, cặp mắt ông ta ánh lên vẻ căm hờn và khinh bỉ.

Tôi cảm thấy mình như người say vì tiếng nói, không nắm được ý nghĩa những tiếng ấy nữa. Mặt đất dưới chân tôi như đu đưa trong cơn lốc của tiếng nói, và tôi thường thất vọng nghĩ rằng trên trái đất thật không có kẻ nào ngu ngốc và bất tài như tôi.

Người theo chủ nghĩa Tolstoy vừa lau mồ hôi trên khuôn mặt đỏ bừng vừa thét lên dữ tợn:

– Vứt sách *Phúc âm* đi, quên nó đi thì khỏi bị nó lừa! Cứ đem đóng đinh Jesus vào thánh giá một lần nữa đi! Như thế lại trung thực hơn!

Trước mặt tôi hiện lên một câu hỏi sừng sững như một bức tường: Làm sao đây? Nếu cuộc sống là một cuộc đấu tranh không ngừng cho hạnh phúc trên trái đất, vậy thì lòng nhân từ và yêu thương chẳng phải chỉ làm trở ngại cho thắng lợi của cuộc đấu tranh đó hay sao?

Tôi được biết tên của người đàn ông theo chủ nghĩa Tolstoy là Klopsky, biết cả chỗ ở của ông ta nữa, chiều hôm sau tôi bèn đến nhà ông ta. Ông ta sống nhờ nhà hai cô địa chủ. Khi tôi đến, ông đang ngồi với họ trong vườn, bên một chiếc bàn, dưới bóng một cây bồ đề cổ thụ. Ông ta mặc quần trắng, áo sơ mi cũng màu trắng phanh ra để lộ bộ ngực lông lá đen sì. Trông người ông ta dài thuôn thuôn, cử chỉ vụng về, vẻ mặt khô khan, thật phù hợp với tưởng tượng của tôi về những đạo sĩ vô gia cư, những người đi truyền bá chân lí.

Ông ta cầm chiếc thìa bằng bạc múc phúc bồn tử với sữa ở đĩa lên, nuốt một cách ngon lành và chếp chếp cặp môi dày.

Cứ nuốt xong, ông ta lại thổi phù phù cho những giọt sữa trắng nhỏ li ti bắn khỏi hàng ria mép thưa như ria mèo. Hai cô gái, một cô đứng bên bàn để phục dịch ông ta, cô kia đứng tựa lưng vào thân cây bồ đề, hai tay khoanh trước ngực, mắt mơ màng nhìn lên bầu trời bụi bặm, nóng bức. Cả hai đều mặc áo dài mỏng màu tím và giống nhau đến nỗi gần như không thể phân biệt được.

Bằng một giọng dịu dàng và dễ dãi, ông ta nói với tôi về sức mạnh sáng tạo của tình yêu. Ông ta nói rằng cần phải làm nảy nở trong tâm hồn mình tình cảm đó – cái duy nhất có khả năng “ràng buộc con người với tinh thần của thế giới”, với tình yêu tản mạn khắp mọi nơi trong cuộc sống.

– Chỉ có cái đó mới có thể ràng buộc được con người! Không yêu thì không thể hiểu được cuộc sống. Còn những kẻ nói quy luật của cuộc sống là đấu tranh, đó là những tâm hồn mù quáng, tất yếu sẽ bị diệt vong. Lửa không thể thắng được lửa thì sức mạnh của cái ác cũng không thể thắng được cái ác!

Khi hai cô gái ôm nhau và đi về phía ngôi nhà ở sâu trong vườn thì con người đó nheo mắt nhìn theo họ và hỏi tôi:

– Còn anh là ai?

Sau khi nghe tôi nói xong, ông ta gõ mấy ngón tay xuống mặt bàn, bắt đầu nói. Ông ta nói rằng con người ở đâu cũng vẫn là con người, và điều cần đạt tới không phải là thay đổi địa vị xã hội mà là giáo dục lòng yêu đối với mọi người...

– Con người ở địa vị càng thấp bao nhiêu thì càng gần với chân lí thật sự của cuộc sống, với sự sáng suốt khôn ngoan bấy nhiêu...

Tôi hơi hoài nghi sự am hiểu của ông ta về “sự sáng suốt khôn ngoan” ấy, nhưng tôi im lặng không nói. Tôi cảm thấy nói chuyện với tôi, ông ta có vẻ chán ngán. Ông ta nhìn tôi bằng cái nhìn như muốn xua đuổi, miệng ngáp, hai tay chắp sau gáy, chân duỗi thẳng, hai mắt nhắm nghiền vẻ mệt mỏi, miệng lẩm bẫm như đang mơ mơ màng màng:

– Phục tùng tình yêu... Quy luật của cuộc sống...

Giật mình, hai tay khua khua như muốn nắm lấy vật gì trong không khí, ông ta hoảng hốt nhìn chăm chăm vào tôi:

– Cái gì thế? Xin lỗi, tôi mệt quá!

Ông ta lại nhắm mắt, và, như đang cơn đau, ông ta nghiến chặt răng, hai hàm răng nhe ra. Môi dưới của ông ta trể xuống, môi trên vênh lên, những sợi ria mép thưa thớt xanh xanh dựng đứng.

Tôi ra về, đem theo lòng ác cảm đối với con người đó và mối hoài nghi lơ mơ về sự thành thực của ông ta.

Mấy hôm sau, một buổi sáng khi tôi đem bánh mì đến cho khách quen – một ông phó giáo sư sống độc thân và rất nát rượu – tôi lại gặp Klopsky. Chắc hẳn suốt đêm ông ta không ngủ, da nâu sạm, cặp mắt đỏ ngầu và sưng húp. Tôi có cảm tưởng như ông ta đang say rượu. Ông phó giáo sư to béo say khướt, mặc đồ lót, tay cầm cây đàn ghi ta, ngồi trên sàn nhà giữa đồng bàn ghế, chai rượu và quần áo bẩn. Ông ta ngồi lắc lư, miệng la:

– Lòng nhân... nhân từ...

Klopsky thét, giọng gay gắt và giận dữ:

– Không có lòng nhân từ! Chúng ta sẽ chết mục vì tình yêu hoặc sẽ bị nghiền bẹp trong cuộc đấu tranh cho tình yêu – tất thảy đều như nhau cả: số chúng ta phải chết...

Ông ta nắm lấy vai tôi, dẫn tôi vào phòng và nói với ông phó giáo sư:

– Đây, thử hỏi anh này xem anh ta muốn gì? Hỏi xem: Anh ta có cần tình yêu đối với mọi người không?

Ông phó giáo sư nhìn tôi bằng cặp mắt nhòa lệ và cười:

– Anh ấy là người bán bánh mì! Tôi còn nợ tiền anh ta.

Ông ta lão đảo, thọc tay vào túi, rút ra một chiếc chìa khóa và đưa cho tôi:

– Đây, lấy cả đi!

Nhưng ông theo chủ nghĩa Tolstoy đã đỡ lấy chiếc chìa khóa ở tay ông phó giáo sư và phẩy tay bảo tôi:

– Đi đi! Sau hãy lấy tiền.

Nói rồi ông ra cầm những cái bánh mì có nhân của tôi quăng lên chiếc đi văng ở góc nhà.

Ông ta không nhận ra tôi, và điều đó làm tôi thấy dễ chịu. Ra về, tôi mang theo trong tâm trí những lời nói về cái chết do tình yêu của ông ta và mang trong lòng một nỗi chán ghét đối với ông ta.

Ít lâu sau, tôi nghe nói ông ta tỏ tình với một trong hai cô gái chủ nhà nơi ông ta ở, và ngay hôm đó cũng tỏ tình với cô kia. Hai chị em tâm sự với nhau, và niềm vui sướng đã biến thành nổi tức giận chống lại tình nhân. Họ nhìn người quét sân bảo ông đạo sĩ ái tình ấy lập tức cuốn gói ngay khỏi nhà họ. Từ đó ông ta biến mất khỏi thành phố.

Ý nghĩa của tình yêu và lòng nhân từ trong cuộc sống – một vấn đề đáng sợ và phức tạp – đã xuất hiện trước mắt tôi rất sớm. Thoạt đầu nó xuất hiện trong tâm hồn tôi dưới hình thức một cảm giác lơ mơ nhưng sâu sắc về mối bất hòa; sau đó trở nên rõ rệt, dứt khoát, rõ ràng: “Vai trò của tình yêu như thế nào?”

Tất cả những điều tôi đã đọc đều chứa đầy tư tưởng của Cơ Đốc giáo, của chủ nghĩa nhân đạo cùng những lời kêu gào lòng thương hại. Cuộc sống đã mở ra trước mắt tôi như một sợi dây xích vô tận của sự thù địch và tàn bạo như một cuộc tranh chấp liên tục và bản thủ nhằm đoạt lấy những vật nhỏ mọn. Riêng tôi, tôi chỉ cần có sách vở, tất cả những cái khác đều không có ý nghĩa gì dưới con mắt tôi.

Chỉ cần bước ra phố và ngồi ở công một giờ đồng hồ là đủ hiểu rằng tất cả những con người đó – những người đánh xe ngựa, quét sân, thợ thuyền, viên chức, nhà buôn – tất cả đều sống khác tôi và những người mà tôi yêu mến, họ mong muốn những cái khác, họ theo đuổi mục đích khác. Còn những người mà tôi kính trọng và tin tưởng thì lại cô độc, xa lạ một cách kì quái. Họ như những người thừa sống giữa thiên hạ, giữa công việc bản thủ và ranh mãnh của đàn kiến cần cù xây đắp cái tổ cuộc sống. Cuộc sống đó đối với tôi hoàn toàn ngu xuẩn và buồn tẻ đến chết được. Đã nhiều lần tôi nhận thấy rằng người ta chỉ nhân đức và giàu tình thương trong lời nói mà thôi, còn trên thực tế thì họ phục tùng cái trật tự chung của cuộc sống mà chính họ cũng không nhận thấy.

Tôi cảm thấy rất khó sống.

Một hôm chàng bác sĩ thú y Lavrov, người vàng bụng và sừng húp vì bệnh phù, vừa thở vừa bảo tôi:

– Phải tàn nhẫn hơn nữa, cho thiên hạ khổ sở vì nó, cho mọi người không thể chịu đựng được nó nữa, giống như cái mùa thu đáng nguyên rủa này này!

Lúc đó là đầu mùa thu, một mùa thu mưa rét, đầy bệnh tật và những vụ tự tử. Lavrov cũng tự đầu độc bằng kali xyanua, anh không muốn đợi đến khi bệnh phù giết chết anh.

– Chữa cho súc vật, rồi lại chết như súc vật! – Bác thợ may Mednikov, chủ nhà của chàng bác sĩ thú y, nói trong lúc đi đưa đám anh ta.

Bác gầy gò, mộ đạo, thuộc tất cả những bài hát ca ngợi Đức Mẹ. Bác hay đánh con cái – một đứa con gái lên bảy và một thằng con trai mười một tuổi học trung học – bằng roi da chập ba, còn vợ thì bác dùng gậy tre đánh vào hai bắp chân.

Bác thường than thở:

– Quan tòa quả trách tôi là bắt chước cái lối đó của người Trung Quốc, nhưng suốt đời tôi chưa hề thấy người Trung Quốc bao giờ, ngoài những hình vẽ trên các tấm biển và các bức tranh.

Một trong số những thợ làm của bác ta có biệt danh là “chồng mù Dunka” – một người lúc nào cũng rầu rĩ, hai chân thì cong – đã nói về ông chủ của mình như sau:

– Tôi rất sợ những kẻ đã thơn thớt đầu lưỡi lại còn mộ đạo! Người nóng tính thì thấy ngay, và ta luôn luôn có thời giờ để lẩn tránh họ, còn kẻ thơn thớt đầu lưỡi thì họ trườn lên người anh, vừa xảo trá vừa lén lút, tựa như một con rắn nham hiểm trườn trên bãi cỏ rồi bất thành linh cắn vào chỗ sơ hở nhất của tâm hồn anh. Tôi sợ những kẻ thơn thớt đầu lưỡi lắm...

Trong những lời của “chồng mù Dunka” – một gã ton hót mềm mỏng, ranh mãnh, được Mednikov yêu mến – có phần nào sự thật.

Đôi khi tôi cảm thấy những người ăn nói ngọt ngào cũng giống như những đám rêu; họ làm cho trái tim đá của cuộc sống tươi, mềm và thêm màu mỡ. Nhưng thường thường, trong khi quan sát rất nhiều người như vậy, nhìn sự thích ứng khéo léo của họ đối với những điều dễ tiện cùng tính

dễ thay đổi và thiếu kiên định của tâm hồn và những lời than vãn dai dẳng nghe như tiếng muỗi kêu, tôi thấy mình giống một con ngựa bị buộc chân đứng giữa đám ruồi trâu.

Đó là những điều tôi đã nghĩ lúc ở nhà lão cảnh sát đi ra.

Gió rít, những ngọn đèn đường run rẩy, có cảm giác như bầu trời đen xám đang rung động và rắc xuống mặt đất những hạt mưa tháng Mười lâm râm như bụi. Một ả gái điếm ướt lướt thướt kéo một anh chàng say rượu đi trên phố. ả nắm tay anh ta, vừa kéo vừa giật, còn anh chàng thì lăm bắm điều gì đó và nức nở. Người đàn bà nói, giọng khàn khàn và mệt mỏi:

– Cái số của anh nó như thế...

“Đó!” Tôi nghĩ. “Mình cũng đang bị một người lôi đi đẩy vào những xô xinh ghê tởm và chỉ cho mình xem những cái bẩn thỉu, buồn rầu và đủ thứ người kì quặc. Cái đó làm mình mệt nhoài cả người.”

Có thể không hẳn là tôi nghĩ đúng những lời đó, nhưng quả ý nghĩ ấy đã bùng lên trong óc tôi. Chính vào buổi tối buồn bã đó, lần đầu tiên tôi cảm thấy sự mệt mỏi của tâm hồn, cảm thấy như trong tim tôi có một đám mốc ăn mòn. Từ giờ phút đó trở đi tôi bắt đầu thấy mình ngày một tồi hơn. Tôi bắt đầu nhìn mình với cặp mắt của người đứng ngoài, cặp mắt lạnh nhạt, xa lạ và thù địch.

Tôi nhận thấy hầu như trong mỗi người đều có sự kết hợp vụng về và lộn xộn của những mâu thuẫn, không những trong lời nói và hành động, mà cả trong tình cảm nữa. Trò đùa kì quái của những mâu thuẫn trong tình cảm đó đặc biệt đè nặng lên tôi. Tệ hơn nữa, ngay cả tâm hồn tôi cũng cảm nhận được trò đùa ấy. Tôi bị lôi kéo về mọi phía: đàn bà và sách vở, công nhân và giới sinh viên vui nhộn. Nhưng tôi chưa kịp tiến về phía nào cả, cứ sống “nay đây mai đó”, quay tít như một con quay. Và một cánh tay vô hình, nhưng rất khỏe, đã dùng một chiếc roi vô hình quất vào người tôi, làm bỏng rát cả da thịt.

Nghe nói Yakov Shaposhnikov phải vào nằm nhà thương, tôi bèn đi thăm anh ta. Nhưng đến đó, một mụ đàn bà to béo, méo mồm, đeo kính và trùm

khăn trắng để thò ra hai cái tai đỏ như bị luộc chín, bảo tôi bằng một giọng khô không khốc:

– Chết rồi.

Thấy tôi không rời đi mà lại cứ đứng lì ra, mụ cáu tiết tiết:

– Sao, còn muốn gì nữa?

Tôi cũng nổi xung:

– Mụ là đồ ngốc.

– Nikolai! Đuổi nó đi!

Nikolai đang dùng giẻ lau những sợi dây đồng. Hắn thét lên một tiếng và lấy một sợi quần vào lưng tôi. Tôi bèn ôm lấy hắn, đem ra đường và đặt vào vũng nước cạnh cửa nhà thương. Thái độ của hắn đối với việc đó có vẻ bình thản. Hắn ngồi một phút không nói gì, hai mắt tròn xoe nhìn tôi, sau đó đứng dậy và bảo:

– Hừ, mà là đồ chó má!

Tôi đi đến vườn Derzhavin, ngồi xuống chiếc ghế dài bên cạnh bức tượng nhà thơ. Tôi cảm thấy rất muốn làm một việc gì độc ác, xấu xa, khiến cho nhiều người phải xông đến đánh tôi, để tôi có quyền đánh họ. Nhưng mặc dầu là ngày lễ, trong vườn rất vắng và xung quanh không có một bóng người. Chỉ có giólồng lộn, xua đuổi những chiếc lá khô và làm tờ quảng cáo bị bong bay phần phật trên cột đèn.

Hoàng hôn trong vắt, lạnh lẽo bao trùm khu vườn. Bức tượng đồng sừng sững trước mắt tôi. Nhìn bức tượng, tôi nghĩ: Một con người cô đơn đã từng sống trên trái đất này – đó là Yakov, con người đó đã dùng tất cả sức mạnh của tâm hồn để tiêu diệt Chúa và đã chết một cách bình thường, rất bình thường! Trong điều đó có cái gì rất nặng nề, rất đáng giận.

“Còn Nikolai chỉ là một thằng ngốc. Đáng lẽ hắn phải đánh nhau với tôi hoặc gọi cảnh sát giải tôi về đồn...”

Tôi đến chỗ Rubtsov. Bác ta đang ngồi trước một ngọn đèn nhỏ, bên cạnh cái bàn trong căn buồng chật hẹp như cũi chó, đang vá áo.

– Yakov chết rồi.

Ông già giơ bàn tay cầm kim khâu lên, có lẽ định làm dấu thánh, nhưng rồi chỉ xua tay, luồn sợi chỉ và khế văng tục.

Sau đó bác càu nhàu:

– TỰ trung thì tất cả chúng ta rồi cũng sẽ chết, đó là cái lệ thường ngu xuẩn. Đúng như thế đấy, chú mình ạ! Anh ta thế là chết rồi. Ở đây có một lão làm nghề đúc xanh chảo, lão ta cũng đi tong rồi. Mới chủ nhật trước thôi, bọn cảnh binh bắt lão. Guri đã giới thiệu bác với lão ta. Thật là một tay thông minh! Lão có qua lại ít nhiều với bọn sinh viên. Cháu có nghe nói gì không? Bọn sinh viên nổi loạn, có đúng thế không? Này, khâu hộ bác cái áo một tí, bác chẳng nhìn thấy quỷ gì cả...

Bác đưa cho tôi cái áo rách tã cùng cái kim đã khâu chỉ, còn bác thì chấp hai tay sau lưng, bắt đầu đi lại quanh phòng. Vừa đi bác vừa ho và càu nhàu:

– Ngọn lửa nhỏ lúc thì bùng lên ở chỗ này, lúc thì bùng lên ở chỗ kia. Nhưng bị quỷ sứ thổi tắt hết, và cảnh buồn tẻ trở lại. Thành phố này là một thành phố bất hạnh. Ta phải đi khỏi đây trong lúc tàu thủy hãy còn chạy được.

Bác dừng lại, gãi đầu và hỏi:

– Nhưng đi đâu cơ chứ? Chỗ nào cũng đến rồi. Phải, đâu cũng đi rồi, và cơ thể cũng tàn tạ rồi.

Bác nhổ nước bọt và nói thêm:

– Cuộc sống như thế đấy, chó má thật! Sống mãi, sống mãi, nhưng cả thể xác lẫn tâm hồn đều chẳng thu nhận được cái gì...

Bác im lặng, đứng trong góc nhà cạnh cửa ra vào như nghe ngóng điều gì. Sau đó bác bước lại phía tôi với một dáng điệu cương quyết và ngồi lên mép bàn.

– Aleksej Maksimich của bác, bác nói với cháu điều này nhé: Yakov đã sử dụng một cách vô ích trái tim lớn của mình vào việc chống lại Chúa. Dù là Chúa hay Nga hoàng thì cũng đều không thể trở nên tốt hơn được nếu như bác phản đối họ. Điều cần làm là làm sao cho mọi người biết tự giận

mình và vứt bỏ cái cuộc sống đê tiện của mình đi. Như thế đối Ôi, bác già rồi, muộn mất rồi, chẳng bao lâu nữa bác sẽ mù hẳn. Khổ quá, chú mình ạ! Khâu xong rồi à? Cảm ơn... Ta ra quán uống chén trà đi...

Trên đường đến quán, bị vấp trong bóng tối, bác nắm lấy vai tôi, miệng lẩm bẩm:

– Hãy nhớ lấy lời bác: Người ta không chịu đựng mãi đâu, đến một lúc nào đó họ sẽ nổi giận và sẽ bắt đầu phá hết – họ sẽ đập nát tất cả những cái nhỏ nhen của họ thành tro bụi cho mà xem! Họ không chịu đựng mãi đâu...

Chúng tôi không đến quán vì giữa đường gặp một tốp thủy thủ đang bao vây một nhà thổ. Ở cổng vào có công nhân của xưởng Alafuzov canh giữ.

– Ngày lễ nào ở đây cũng có đánh nhau! – Rubtsov nói, vẻ hài lòng, bác tháo kính ra và khi nhận thấy trong số những người bảo vệ ngôi nhà có cả các bạn đồng nghiệp của mình, bác liền tham gia ngay vào trận chiến, miệng hò hét cổ vũ. – Xưởng ta đâu, giữ vững hàng ngũ nhé! Hãy đề bẹp lũ ếch nhái ấy đi! Bắt lấy con cá chép này! Ê... ê!

Thật lạ lùng và buồn cười khi thấy ông già thông minh ấy hành động với vẻ say sưa và nhanh nhẹn như vậy. Bác len vào đám thủy thủ tàu sông, gạt những nắm tay của họ ra và lấy vai thúc ngã họ. Những người đang đánh nhau không có vẻ gì là giận dữ, đánh nhau một cách vui vẻ, để phô trương sự dũng mãnh và dư sức của mình. Đám người đen sì chen chúc ở trước cổng, dồn anh em công nhân vào đó. Tiếng gõ gậy răng rắc. Những tiếng hét sôi nổi vang lên.

– Đánh cái tên tướng hói đầu kia đi!

Có hai người leo lên mái nhà, và từ trên đó họ cất tiếng hát một bài nhịp nhàng, hùng mạnh:

Chúng tôi không phải kẻ trộm, kẻ bịp bợm, kẻ cướp

Chúng tôi là những thủy thủ, những người đánh cá!

Tiếng còi cảnh sát rít lên, trong bóng tối lấp lánh những chiếc khuy đồng. Dưới chân bùn nước lép nhép. Nhưng từ trên mái nhà tiếng hát vẫn vang lên:

Chúng tôi quăng lưới dọc theo hai bờ khô cạn

Quăng lưới vào các hiệu buôn, các kho thóc, kho đồ.

– Khoan, không được đánh những người đã ngã...

– Ông nội ơi, cẩn thận đấy!

Một lúc sau, Rubtsov, tôi và năm người nữa – cả thù lẫn bạn – bị giải về đồn. Bóng tối tĩnh mịch của đêm thu tiễn chúng tôi với những tiếng hát hùng mạnh:

Ôi, chúng tôi tóm được bốn chục chú cá măng

Có thể đem về khâu áo da để mặc!

– Những con người trên sông Volga thật tốt biết bao! – bác Rubtsov nói với vẻ khâm phục.

Bác xì mũi, khạc nhổ không ngớt và thì thầm bảo tôi: “Cháu trốn đi! Tìm dịp mà trốn! Cháu bỏ vào đồn này làm gì?”

Tôi, và theo sau tôi là một chàng thủy thủ nào đó cao lêu nghêu, chạy bổ vào một cái ngõ, nhảy qua một hàng rào, rồi một hàng rào nữa. Và từ đêm đó tôi không bao giờ gặp lại Nikita Rubtsov thông minh và yêu quý nhất của tôi nữa.

Quanh tôi trở nên vắng vẻ. Những phong trào phản đối của sinh viên bắt đầu nổ ra. Ý nghĩa của những phong trào ấy tôi không hiểu, duyên cớ vì sao tôi cũng không rõ. Tôi chỉ nhìn thấy những cảnh nhốn nháo vui mắt mà không cảm nhận được những tấn bi kịch ở bên trong. Và tôi đã nghĩ rằng vì cái diễm phúc được học tập ở trường đại học, tôi có thể chịu đựng được ngay cả những sự hành hạ, Giả sử nếu như người ta bảo tôi: “Cho mày đi học đấy, nhưng muốn thế mỗi Chủ nhật mày phải để chúng tao lấy gậy đánh cho mày một trận ở giữa quảng trường Nikolayevskaya!” có lẽ tôi cũng nhận điều kiện ấy.

Đến xưởng bánh mì của Semyonov, tôi nghe nói anh em công nhân sắp sửa đi tới trường đại học để đánh anh em sinh viên.

– Chúng ta sẽ dùng tạ để nện! – Họ nói với vẻ ác ý đầy sáng khoái.

Tôi liền tranh luận, cãi nhau với họ. Nhưng bỗng chốc tôi cảm thấy, gần như với một nỗi khiếp sợ, rằng tôi không có ý muốn, không đủ lời để bảo vệ anh em sinh viên.

Tôi còn nhớ, tôi bước ra khỏi căn hầm như một người bị đánh đến tàn tật, với một nỗi buồn không sao dập tắt nổi, một nỗi buồn đủ sức giết chết con người ta.

Đêm hôm ấy tôi ngồi trên bờ sông Kaban. Vừa nhặt đá ném xuống dòng nước đen ngòm, tôi vừa suy nghĩ và nhắc đi nhắc lại mãi mãi tiếng:

“Ta làm gì đây?”

Vì buồn, tôi bắt đầu học kéo vĩ cầm. Đêm đêm tôi kéo đàn trong cửa hàng, làm cho người gác đêm và đàn chuột bị quấy rầy. Tôi thích âm nhạc và bắt đầu học nhạc rất say mê. Nhưng một hôm, trong lúc tôi ra ngoài, thầy giáo – một tay kéo vĩ cầm trong dàn nhạc nhà hát – đã mở két tiền mà tôi không khóa. Khi trở vào, tôi thấy hai túi anh ta nhét đầy những tiền. Nhìn thấy tôi ở cửa, anh ta vươn cổ, gương bộ mặt chán ngắt, nhả nhụi về phía tôi và nói khề:

– Này, đánh đi!

Cặp môi anh ta run run; từ hai con mắt trắng đã lặn ra những giọt nước mắt nhờn như dầu và to một cách kì lạ.

Tôi muốn nện cho anh chàng kéo vĩ cầm ấy một trận. Để khỏi làm điều đó, tôi ngồi thụp xuống sàn nhà, giấu hai nắm đấm xuống dưới đùi và ra lệnh cho anh ta trả tiền vào két. Anh ta lôi hết tiền ở túi ra và đi ra cửa. Nhưng rồi anh ta dừng lại và nói bằng một giọng cao vút nghe khủng khiếp và rất ngu xuẩn:

– Cho tôi xin mười rúp!

Tôi cho anh ta tiền, nhưng bỏ không học vĩ cầm nữa.

Đến tháng Chạp thì tôi quyết định tự tử. Tôi đã thử mô tả lí do của quyết định này trong truyện ngắn *Một chuyện xảy ra trong cuộc đời Makar*. Nhưng tôi đã không thành công: Câu chuyện vụng về, kém hấp dẫn và thiếu sự chân thực nội tại. Theo tôi, chính việc hoàn toàn thiếu chân thực ấy

là một ưu điểm của nó. Những sự kiện là có thực, nhưng dường như không phải tôi giải thích những sự kiện ấy, và câu chuyện có vẻ không phải nói về tôi. Nếu không kể đến giá trị văn học, đối với tôi câu chuyện đó vẫn khá thú vị: Dường như tôi đã có thể tự chế ngự được bản thân mình.

Tôi mua ở chợ một khẩu súng lục của người đánh trống đã nạp sẵn bốn viên đạn. Tôi tự bắn vào ngực, định bắn trúng tim, nhưng viên đạn chỉ xuyên qua phổi. Một tháng sau, tôi rất ngỡ ngàng, thấy mình ngu xuẩn đến cực độ, tôi lại đến làm việc ở hiệu bánh mì.

Nhưng làm ở đây không được bao lâu, tới cuối tháng Ba, vào một buổi chiều, khi từ lò bánh mì đi tới cửa hiệu, tôi trông thấy Khokhol trong phòng của cô bán hàng. Anh ta ngồi trên một chiếc ghế cạnh cửa sổ, hút điếu thuốc lá to với vẻ dăm chiêu, mắt chăm chú nhìn đám khói.

– Anh có rồi không? – Anh ta không chào mà hỏi thẳng tôi.

– Rồi độ hai mươi phút thôi.

– Mời anh ngồi xuống đây, chúng ta nói chuyện với nhau một lát.

Như mọi khi, anh mặc chiếc áo bằng loại vải “bao tải” bó chặt lấy người, bộ râu vàng óng buông thõng xuống bộ ngực nở, trên vầng trán bướng bỉnh nhô ra một mớ tóc cứng cắt ngắn, chân đi đôi ủng nặng nề kiểu bần nông, từ đôi ủng tỏa ra mùi si nồng nặc.

– Này! – Anh ta nói khe khẽ, vẻ bình thản. – Anh có muốn đến chỗ tôi ở không? Tôi ở làng Krasnovidovo cách đây bốn mươi năm versta xuôi theo dòng sông Volga. Tôi có một cửa hiệu nhỏ ở đó, anh sẽ giúp tôi trong việc buôn bán, việc này làm anh mất một chút ít thì giờ thôi. Tôi có nhiều sách hay, tôi sẽ giúp anh học tập. Anh đồng ý chứ?

– Vâng.

– Tới thứ sáu này, vào lúc sáu giờ sáng mời anh đến bến tàu Kurbatov, hỏi thăm chiếc thuyền từ Krasnovidovo tới, chủ thuyền là Vassili Pankov. Tuy vậy, tôi sẽ có mặt ở đó và đón anh. Thôi, tạm biệt!

Anh ta đứng dậy, chìa bàn tay to lớn ra bắt tay tôi, còn tay kia rút từ túi áo ngực ra chiếc đồng hồ quả quýt bằng bạc nặng trình trịch và nói:

– Chúng ta đã kết thúc câu chuyện trong vòng sáu phút! À, tên tôi là Mikhailo Antonovich, họ là Romass. Như thế nhé.

Anh bước ra khỏi cửa, không hề ngoái lại, bước đi có vẻ rắn chắc, thân hình cường tráng nặng như đúc ấy di chuyển một cách nhẹ nhàng.

Hai ngày sau tôi đi thuyền tới Krasnovidovo.

Băng trên sông Volga vừa bắt đầu tan, trên mặt sông những tảng băng lớn lờm chờm màu xám bập bênh trôi theo dòng nước đục. Chiếc thuyền vượt lên trước những tảng băng, băng cọ sát vào mạn thuyền kêu ken két và bị phá tan ra thành những tinh thể nhọn hoắt. Một làn gió từ thượng nguồn thổi về như nô đùa, xua lớp sóng vào bờ. Ánh mặt trời lấp lánh làm lóa mắt, những chùm tia sáng nhỏ sáng loáng phản chiếu từ phía sườn những tảng băng màu xanh nhạt như thủy tinh. Chiếc thuyền chất đầy thùng gỗ lớn, bao tải, hòm gỗ đang căng buồm chạy. Trên bánh lái là chàng bần nông trẻ tuổi Pankov, mặc chiếc áo sang trọng bằng da cừu thuộc trên ngực có thêu một dải nhỏ nhiều màu.

Khuôn mặt anh trầm tĩnh, cặp mắt trông có vẻ lạnh lùng, tính anh lặng lẽ và ít giống một bần nông. Kukushkin, một cố nông của Pankov, cầm chiếc sào có móc ở đầu, đứng dạng chân phía mũi thuyền. Đó là một cố nông xấu xí, đầu tóc rối bù, mặc chiếc áo rách rưới, thắt dây thùng ngang lưng, đầu đội chiếc mũ nhàu nát kiểu cổ đạo, khuôn mặt đầy vết tím bầm và sây sát. Anh lấy chiếc sào dài đẩy những tảng băng, miệng chửi rủa với giọng khinh miệt:

– Tránh ra... Bò đi đâu đấy...

Tôi cùng Romass ngồi dưới cánh buồm, trên những chiếc hòm, anh nói khẽ với tôi:

– Những bần nông không thích tôi, nhất là bọn phú nông! Cả anh nữa, rồi cũng sẽ bị họ ghét như vậy.

Kukushkin đặt chiếc sào dưới chân, ngang mạn thuyền, rồi quay khuôn mặt tàn tật về phía chúng tôi và nói với vẻ thích thú:

– Nhất là ông cố đạo, Antonich ạ, ông ta không thích anh đâu...

– Đúng thế. – Pankov xác nhận.

– Đối với hẳn, con chó đốm ấy, anh dường như một miếng xương mắc trong cuống họng!

– Nhưng tôi cũng có bè bạn, và họ cũng sẽ là bạn của anh. – Khokhol nói tiếp.

Trời lạnh. Nắng tháng Ba còn rất dịu. Trên bờ sông những cành cây trụi lá đen sẫm đu đưa, ở một đôi nơi trong các khe và dưới những bụi cây trên bờ sông dốc còn sót lại những đám tuyết mịn như nhung. Khắp mặt sông là những tảng băng giống như một đàn cừu trắng đang ăn cỏ. Tôi cảm thấy mình như đang sống trong một giấc mơ.

Kukushkin vừa nhồi thuốc vào tẩu vừa triết lí:

– Anh không phải là vợ lão cha cố ấy, điều đó thì khá rõ rồi. Nhưng việc của hẳn là phải yêu mến chúng sinh, điều ấy đã ghi rõ trong sách, có phải thế không?

– Thế ai đã đánh anh? – Romass mỉm cười hỏi.

– Lũ đốn mạt nào đó, chắc là bọn kẻ cắp. – Kukushkin nói với vẻ khinh bỉ. Sau đó anh nói tiếp với giọng kiêu hãnh. – Không, không phải thế, có một hồi bọn pháo thủ đã đánh tôi, chuyện đó có thật! Tôi cũng không hiểu rõ tại sao tôi còn sống sót đến ngày nay nữa.

– Vì sao họ đánh anh? – Pankov hỏi.

– Anh định hỏi chuyện hôm qua hay là chuyện bọn pháo thủ?

– Phải, hôm qua ấy?

– Hừm, làm sao có thể hiểu được người ta đánh vì tội gì? Dân địa phương chúng tôi giống như những con dê, hơi một tí là húc luôn! Họ coi chuyện đánh nhau như cơm bữa ấy.

– Tôi nghĩ rằng... – Romass nói. "... Họ đánh anh vì tội lăm mồm, anh ăn nói thiếu thận trọng.

– Có lẽ thế! Tính tôi hay tò mò, có thói quen cái gì cũng hỏi. Hễ nghe được chuyện gì mới là tôi vui mừng không thể tả được.

Mũi thuyền đụng mạnh vào một tảng băng, hai bên mạn thuyền nghe ào ào rất dữ tợn. Kukushkin lão đảo nắm vội chiếc sào. Pankov nói về trách móc:

– Anh hãy để ý tới công việc một chút, Stepan ạ!

– Anh cũng đừng nói chuyện với tôi nữa! – Kukushkin vừa đẩy những tảng băng ra vừa lăm bắm. – Tôi không thể cùng một lúc vừa làm công việc của mình vừa nói chuyện với anh...

Họ tranh cãi không có vẻ gì giận dữ. Romass nói với tôi:

– Ruộng đất ở đây xấu hơn so với ở Ukraina của chúng tôi, nhưng con người thì tốt hơn. Toàn là những người tài giỏi!

Tôi chú ý nghe anh và rất tin anh. Tôi thích tính điềm tĩnh và lời nói đều đều, giản dị, xác đáng của anh. Tôi có cảm giác con người này hiểu biết nhiều và anh rất trân trọng bạn bè. Tôi thích nhất là anh không hỏi tại sao tôi tự sát! Nếu là người khác ở địa vị anh thì họ đã hỏi từ lâu rồi. Mà tôi đã chán ngấy cái câu hỏi ấy. Và cũng khó mà trả lời. Có quý mới biết được tại sao tôi quyết định tự sát. Giá Khokhol có hỏi thì có lẽ tôi sẽ trả lời rất dài dòng và ngớ ngẩn. Tôi không bao giờ muốn nhớ lại chuyện ấy nữa, nhất là khi ở trên dòng sông Volga vừa đẹp, vừa phóng khoáng và lấp lánh này.

Chiếc thuyền bơi sát bên bờ lở; con sông phình rộng về bên trái, nước tràn vào bờ cát của cánh đồng cỏ. Có thể nhìn thấy rõ nước sông dâng lên, vỗ oà oạp và làm rung rinh những bụi cây ven bờ, dòng nước lũ mùa xuân trong sáng chảy âm âm, gặp nước sông ở những chỗ đất trũng và khe đất. Mặt trời như mỉm cười, và trong ánh nắng lấp lánh, những đàn quạ mỏ vàng với bộ lông đen nhánh như thép vừa làm tổ vừa kêu quang quác về bận rộn. Ở chỗ có ánh nắng, đám cỏ xanh mơn mớn mọc lên tươi tốt. Thân thể thì lạnh nhưng trong lòng như có một niềm vui lặng lẽ và cũng nảy sinh những mầm hi vọng tươi sáng, dịu dàng, mùa xuân trên trái đất thật là đẹp.

Đến trưa, thuyền của chúng tôi tới Krasnovidovo. Trên một quả núi cao bị cắt dựng đứng có một ngôi nhà thờ nóc sơn màu xanh da trời. Phía sau nhà thờ là những ngôi nhà gỗ đẹp và chắc chắn nối đuôi nhau chạy dài theo sườn núi. Những mái nhà lợp ván vàng và những lớp rạ như gấm thêu bóng loáng. Thật là giản dị và đẹp mắt.

Đã bao nhiêu lần tôi ngắm nghía ngôi làng này mỗi khi đi tàu thủy ngang qua.

Khi tôi cùng Kukushkin bắt đầu dỡ hàng ở thuyền xuống, Romass vừa chuyển cho tôi các bao tải từ trên thuyền vừa nói:

– Anh thì chắc là phải khỏe!

Và không nhìn tôi, anh hỏi tiếp:

– Không đau ngực chứ?

– Không đau chút nào.

Tôi rất cảm động với câu hỏi tế nhị của anh. Vì tôi rất không muốn để những bần nông biết chuyện tôi định tự sát.

– Sức của anh có thể nói là khỏe quá mức. – Kukushkin ba hoa. – Anh người tỉnh nào? Nizhny – Novgorod à? Thiên hạ thường chê các anh là sống bằng đường sông nước. Và còn có một câu nữa: “Chà, hãy xem chim hải âu từ đâu bay tới.” Câu đó cũng nói về các anh đấy!

Một bần nông cao, gầy, đi chân đất, mặc áo cánh, quần dài, có bộ râu cằm loãn xoắn, đội chiếc mũ lông rậm, mái tóc hơi hung hung, rảo bước từ trên đồi xuống. Anh ta đi theo bờ dốc, trên đám đất sét nhão nhoẹt, giữa những dòng suối lấp lánh như bạc. Thình thoảng anh ta lại bị trượt chân và bước loạng choạng.

Khi tới gần bờ, anh nói bằng giọng vang vang và dịu dàng:

– Chào các bạn đã về.

Anh nhìn quanh, nhắc một chiếc sào to lên, rồi lại nhắc một chiếc khác, sau đó gác đầu hai chiếc sào lên mạn thuyền rồi nhẹ nhàng nhảy lên thuyền và ra lệnh cho chúng tôi:

– Giẫm chân vào đầu sào kéo trượt từ mạn thuyền xuống, rồi đón lấy thùng nhé. Anh bạn trẻ, lại đây đỡ một tay.

Anh đẹp như trong tranh và nom rất khỏe. Cặp mắt xanh biếc sáng một cách nghiêm nghị trên khuôn mặt hồng hào với chiếc mũi to, hơi cao của anh.

– Izot, khéo không bị cảm lạnh đấy. – Romass nói.

– Ai, tôi ấy à? Đừng lo.

Sau khi lăn thùng dầu hỏa lên bờ, Izot chăm chú nhìn tôi và hỏi:

– Anh đến làm người quản lí à?

– Thử đấu với hăn một trận xem. – Kukushkin gợi ý.

– Người ta lại đánh vỡ cái mặt mặt của anh rồi à?

– Biết làm thế nào với quân ấy được?

– Quân nào?

– Bọn đánh mình ấy...

– Chà! – Izot thở dài và quay về phía Romass. – Xe ngựa sắp xuống đây. Tôi đã trông thấy các anh bơi thuyền từ đằng xa. Bơi khá lắm. Antonich, anh đi về đi! Để tôi ở lại đây trông hàng cho.

Rõ ràng là anh ta đối xử với Romass rất thân mật và ân cần, thậm chí có vẻ như che chở, mặc dù Romass hơn anh đến chục tuổi.

Nửa giờ sau tôi đã ngồi trong gian phòng sạch sẽ và rất tiện nghi của một căn nhà gỗ mới xây, vách còn sặc mùi nhựa cây và xơ đay. Một người đàn bà linh lợi, có cặp mắt sắc sảo dọn bàn để sửa soạn bữa ăn trưa. Khokhol lấy sách từ trong va li ra, đặt lên giá sách ở cạnh lò sưởi.

– Phòng của anh ở trên gác xép. – Anh nói.

Qua cửa sổ trần có thể nhìn thấy một vùng trong làng, đối diện với căn nhà gỗ của chúng tôi là một cái khe, ở đó có những mái nhà tắm nhô lên giữa các bụi cây. Bên kia khe là các khu vườn và cánh đồng đen sẫm lượn theo những sườn dốc đất mềm và kéo dài về phía khu rừng xanh xa xa phía chân trời. Một bàn nông mặc quần áo xanh ngồi trên nóc nhà tắm, tay cầm

riều, tay giơ lên che mắt nhìn xuống phía sông Volga. Bánh xe ngựa kêu ken két. Một con bò rống lên có vẻ mệt nhọc. Tiếng suối réo âm âm. Một bà lão mặc toàn đồ đen từ cổng một căn nhà gỗ bước ra, vừa ngoái đầu lại phía cổng vừa nói với giọng dọa nạt:

– Chúng mày muốn chết đấy phỏng!

Nghe thấy tiếng bà, hai đứa trẻ đang lấy đá và bùn chặn dòng suối liền ba chân bốn cẳng chạy mất. Bà lão nhặt chiếc dăm gỗ vụn ở dưới đất lên, nhổ toẹt vào đó rồi ném xuống suối. Sau đó bà đưa bàn chân đi đôi ủng của nam giới giẫm nát “công trình xây dựng” của bọn trẻ và đi xuống phía sông Volga.

Ở đây tôi sẽ sống ra sao?

Người ta gọi tôi đi ăn trưa. Dưới nhà, Izot ngồi bên bàn, duỗi hai chân dài ngoẵng ngoẵng với đôi bàn chân đỏ tía ra và đang nói gì đó, nhưng trông thấy tôi anh chợt im bật.

– Anh làm sao thế? – Romass cau mày hỏi. – Nói đi chứ!

– Tôi đã nói hết rồi, không có gì để nói nữa. Có nghĩa là chúng ta đã quyết định như thế; chúng ta sẽ tự khắc phục. Đi đâu là anh phải mang theo súng lục hoặc một chiếc gậy to. Trước mặt Barinov anh nói phải thận trọng, lưỡi hăn và Kukushkin như lưỡi đàn bà ấy. Còn anh bạn trẻ, anh có thích đi đánh cá không?

– Không.

Romass bắt đầu nói về sự cần thiết phải tập hợp các bần nông, những người chủ vườn nhỏ lại, lôi họ ra khỏi bàn tay bọn lái buôn. Izot chăm chú nghe rồi nói:

– Thế nào rồi bọn cường hào cũng chẳng để anh sống yên đâu.

– Chúng ta thử xem sao.

– Đấy rồi xem!

Tôi nhìn Izot và nghĩ bụng:

“Chắc hẳn Karonin^[54] và Zlatovratsky^[55] đã lấy những bần nông như thế này viết thành truyện đấy.”

Phải chăng tôi đã được tham gia vào một việc quan trọng và bây giờ tôi sẽ hoạt động cùng với những người có sự nghiệp chân chính?

Ăn xong, Izot nói:

– Mikhailo Antonovich, anh không nên vội vàng, việc tốt thường không thể hấp tấp được, cần phải từ từ!

Khi anh đi khỏi, Romass nói về trầm ngâm:

– Anh ấy là một người thông minh, chân thật. Tiếc rằng học vấn thấp, mới biết đọc vỡ vễ thôi. Nhưng anh ấy kiên quyết học. Anh hãy giúp đỡ anh ấy nhé!

Romass vừa giới thiệu cho tôi giá các mặt hàng ở cửa hiệu vừa kể chuyện đến tận tối mịt:

– Tôi bán rẻ hơn so với hai chủ hiệu khác trong làng. Tất nhiên điều đó làm họ không thích. Họ làm những chuyện đê mạt đối với tôi, định đánh tôi. Tôi sống ở đây không phải vì tôi thích hay vì buôn bán có lời, mà là vì những lí do khác. Ý định ấy cũng giống như hiệu bánh mì của các anh...

Tôi bảo rằng tôi cũng đoán được điều đó.

– Đúng... Cần phải dạy cho mọi người trí sáng suốt, phải không?

Cửa hiệu đã đóng, chúng tôi cầm đèn đi đi lại lại bên trong. Ngoài đường cũng có ai đó đi đi lại lại, rón rén trên bùn, thỉnh thoảng trèo lên bậc cửa một cách nặng nhọc.

– Đấy, anh có nghe thấy không? Có tiếng người đi lại! Đó là Migun, một bần nông sống độc thân, một con vật độc ác. Hắn thích làm điều ác giống như một cô gái đẹp thích làm đom. Anh nói chuyện với hắn phải thận trọng và không chỉ riêng với hắn, mà nói chung...

Sau đó, Romass trở về phòng, ngồi hút thuốc, tựa cái lưng to lớn vào thành lò sưởi và nheo mắt lại, nhả những làn khói qua bộ râu. Chậm rãi ghép những tiếng rời rạc thành những câu nói giản dị và trong sáng, anh kể rằng đã từ lâu anh nhận thấy tôi tiêu phí tuổi thanh xuân một cách vô ích.

– Anh là một người có tài năng, bản chất ngoan cường và chắc là có những mong muốn tốt đẹp. Anh cần phải học tập, nhưng làm sao đừng để

sách vở che khuất mắt những người xung quanh. Có một ông già thuộc giáo phái nào đó nói một câu rất đúng: “Bất cứ điều gì giáo huấn nào cũng đều ở con người mà ra.” Điều mà thực tế cuộc sống dạy cho anh thì đau khổ hơn những điều học được trong sách. Cách dạy của thiên hạ thường thô bạo, nhưng điều anh học được bằng cách ấy sẽ mãi mãi in sâu trong tâm khảm.

Anh nói những điều đã quen thuộc với tôi, rằng trước hết cần phải thức tỉnh trí tuệ của nông dân. Nhưng trong những lời quen thuộc ấy tôi nắm được ý nghĩa sâu sắc hơn, và dường như là mới mẻ đối với tôi.

– Sinh viên ở chỗ anh hay ba hoa về tình thương yêu nhân dân, tôi có nói với họ về việc này như sau: Không thể yêu nhân dân được đâu. “Yêu nhân dân” chỉ là lời nói suông...

Nụ cười của anh thấp thoáng sau bộ râu, anh nhìn tôi với vẻ tò mò rồi bắt đầu đi bước một trong phòng và nói tiếp, giọng chắc nịch, oai nghiêm:

– Yêu có nghĩa là tán thành, khoan dung, không dám nhận xét, dễ tha thứ. Cái đó chỉ cần thiết với đàn bà thôi. Còn đối với nhân dân, có thể nào không nhận thấy sự dốt nát của họ, tán thành những ý nghĩ sai lầm của họ, khoan dung đối với bất cứ sự đê tiện nào của họ, tha thứ tính tàn bạo của họ? Có thể như thế không?

– Không.

– Đấy! Ở chỗ anh tất cả mọi người đều đọc và hát “những bài phổ thơ của Nekrassov^[56]”. Nay, anh biết không, chỉ dựa vào Nekrassov thì không thể làm nên trò trống gì đâu. cần phải khuyên bảo những bần nông: “Người anh em ạ, tuy bản chất anh là người tốt nhưng anh sống tồi tàn và không biết làm gì để cho cuộc sống của anh trở nên dễ chịu hơn, tốt đẹp hơn. Con thú rừng có lẽ còn biết chăm sóc mình một cách khôn ngoan hơn anh, con thú rừng còn biết bảo vệ mình giỏi hơn anh. Thế mà các anh, những bần nông, đã sản sinh ra tất cả. Phái quý tộc, giới tu hành, các nhà bác học, vua chúa, tất cả đều là những bần nông ước đây. Anh có thấy không? Đã hiểu chưa? Vậy thì anh hãy học cách sống để người ta khỏi làm nhục anh...”

Anh đi xuống bếp, bảo bà đầu bếp đặt ấm samovar.

Sau đó anh đưa cho tôi xem những cuốn sách của anh – hầu hết là sách khoa học, trong đó có những tác giả sau: Buckle^[57], Lyell^[58], Lecky^[59], Lubbock^[60], Taylor^[61], Mill, Spencer^[62], Darwin, trong số các tác giả Nga có Pisarev, Dobrolyubov^[63], Chernyshevsky, Puskin, *Chiến hạm Pallada* của Goncharov^[64], tác phẩm của Nekrassov.

Anh đưa bàn tay to lớn vuốt ve những cuốn sách với vẻ âu yếm hết như vuốt ve những con mèo con, rồi anh nói với giọng vô cùng xúc động:

– Toàn là những sách hay cả đấy! Đây là một cuốn sách rất hiếm đã bị sở kiểm duyệt ra lệnh đốt. Anh muốn biết thực chất nhà nước là gì thì hãy đọc cuốn sách này!

Anh đưa cho tôi cuốn sách *Leviathan* của Hobbes^[65].

– Cuốn sách này cũng nói về nhà nước nhưng dễ hiểu hơn, vui hơn!

Thì ra cuốn sách vui ấy là cuốn *Quốc vương* của Mackiaveli^[66].

Trong lúc uống trà, anh kể vắn tắt về bản thân: Anh là con một người thợ rèn ở tỉnh Chernigov, đã từng làm công nhân tra dầu máy cho xe lửa ở ga Kiev, ở đó anh đã làm quen với các nhà cách mạng, đã tổ chức một nhóm công nhân tự học, vì vậy anh bị bắt và phải ngồi tù khoảng hai năm, sau đó anh bị đày tới vùng Yakutsk mười năm trời.

” Lúc đầu tôi sống cùng với dân Yakutsk, trong một ulus^[67]. Tôi tưởng tôi chết mất. Anh có biết không, mùa đông ở đây lạnh đến nỗi óc người cũng phải đông lại. Ở đây có trí tuệ cũng bằng thừa. Sau đó, tôi nhận thấy: Đây đó rải rác có người Nga sinh sống, tuy không nhiều, nhưng dù sao vẫn có! Hình như để người Nga khỏi quá buồn chán, người ta đã chu đáo bổ sung thêm những người mới đến. Họ toàn là người tốt. Trong số đó có cả chàng sinh viên Vladimir Korolenko^[68] – bây giờ anh ta cũng đã trở về rồi. Một thời gian tôi với anh ta sống với nhau rất thân, sau đó chúng tôi xa nhau. Chúng tôi có rất nhiều điểm hợp nhau, nhưng tình bạn không thể chỉ dựa trên sự hợp nhau. Anh ta là một người chín chắn, ngoan cường, có khả năng làm mọi việc. Thậm chí anh ta biết họa cả tượng thánh, cái đó thì tôi không thích. Bây giờ nghe nói anh ta viết cho các tạp chí khá lắm.

Anh nói chuyện rất lâu, đến tận nửa đêm. Có lẽ anh muốn ngay tức khắc đặt tôi bên cạnh anh một cách vững chắc. Lần đầu tiên tôi cảm thấy không gì vui sướng bằng có bầu có bạn. Sau lần định tự tử, con mắt tôi nhìn bản thân mình khác hẳn. Tôi thấy mình rất nhỏ bé, hình như có tội với ai đó, và tôi sống một cách hổ thẹn. Có lẽ Romass hiểu điều đó, anh đã cởi mở lòng mình một cách nhân từ và tự nhiên. Anh đã uốn nắn tôi. Đó thật là một ngày không bao giờ quên.

Chúng tôi mở cửa hiệu để bán hàng vào ngày Chủ nhật, sau buổi lễ sáng. Ngay khi ấy những bần nông kéo đến hiên nhà chúng tôi. Người đầu tiên tới là Matvei Barinov, bản thiêu, đầu tóc rối bù, tay dài như tay khi, vẻ nhìn lơ đãng với cặp mắt đẹp như mắt phụ nữ.

– Có nghe thấy tin gì ở ngoài thành phố không? – Anh ta hỏi sau khi chào.

Rồi không chờ trả lời, anh ta quay về phía Kukushkin và kêu lên:

– Stepan! Mấy con mèo của anh lại vừa xơi mất một con gà trống nữa!

Tiếp theo, anh ta kể rằng viên tổng đốc vừa mới từ Kazan đi St. Petersburg để yết kiến nhà vua và tâu xin vua ra lệnh đuổi tất cả dân Tatar đến Caucasus và Turkestan. Anh khen ngợi viên tổng đốc:

– Một con người thông minh! Am hiểu công việc của mình...

– Tất cả những chuyện ấy đều do anh bịa đặt ra cả. – Romass điềm tĩnh nhận xét.

– Tôi ấy à? Bao giờ?

– Tôi không biết...

– Antonich, sao anh thiếu tin tưởng ở con người đến thế? – Barinov nói vẻ trách móc và lắc đầu ra vẻ thương hại. – Tôi thương những người Tatar lắm, sống ở Caucasus phải quen mới được.

Một người bé nhỏ, gầy gò, mặc chiếc áo rách rưới thừa hưởng từ người khác, rón rén lại gần. Chứng kinh giật khiến khuôn mặt xám của ông ta méo xệch đi, cặp môi thâm sì mấp máy thành một nụ cười đau đớn. Con

mắt trái sắc sảo của ông ta chớp liên tục, phía trên là cặp lông mày bạc trắng rung rung, bị những vết sẹo cắt ngang.

– Chào anh Migun! – Barinov nói giọng giễu cợt. – Đêm hôm qua anh đã xoáy được những gì?

– Xoáy được tiền của anh. – Migun đáp, giọng lạnh lạnh, sau khi ngả mũ chào Romass.

Pankov – chủ nhà, đồng thời là người láng giềng của chúng tôi – từ trong sân bước ra. Anh ta mặc chiếc áo vest, cổ quàng khăn đỏ, đi đôi giày calosi^[69] bằng cao su, ngực đeo sợi dây bạc giống như dây cương ngựa. Anh chăm chú nhìn Migun bằng cặp mắt giận dữ.

– Con quý già ạ, anh mà trèo vào vườn nhà tôi thì tôi sẽ lấy cọc nện què chân cho mà xem!

– Bắt đầu câu chuyện thường lệ... – Migun điềm tĩnh nói, thở dài rồi tiếp. – Nếu không đánh người khác thì sống làm sao được?

Pankov bắt đầu chửi mắng Migun, nhưng Migun vẫn nói:

– Tôi đã già là thế nào? Mới có bốn mươi sáu tuổi đầu...

– Hôm lễ Giáng sinh vừa rồi anh đã năm mươi ba tuổi. – Barinov thét lên. – Chính anh cũng nói là năm mươi ba tuổi! Tại sao lại nói dối?

Ông lão Suslov^[70], một người đã có tuổi có bộ râu dài, cùng chàng đánh cá Izot đi tới. Thế là có khoảng mười người tụ tập với nhau. Khokhol ngồi trên bậc tam cấp, cạnh cửa ra vào, miệng ngậm tẩu, im lặng nghe câu chuyện của đám bần nông. Họ ngồi ở bậc tam cấp và trên những ghế dài nhỏ đặt ở hai bên.

Một ngày giá lạnh rục rờ. Trên bầu trời xanh biếc vẫn ám hơi giá buốt của mùa đông có những đám mây trôi nhanh. Ánh nắng và bóng râm lung linh tấp nập trong các dòng suối và vũng nước, lúc chói lòa, lúc như vuốt ve cặp mắt bằng vẻ mềm mại như nhung. Những cô gái ăn mặc diêm dúa như những con công nhớn nhở trên đường phố, xuôi về phía sông Volga. Khi bước qua vũng nước, họ xách gấu váy lên, để lộ những chiếc giày nặng trĩu. Nhiều em nhỏ vác những chiếc cần câu dài trên vai chạy lảng

xăng. Một toán bần nông bệ vệ vừa đi vừa liếc nhìn đám bần nông ngồi ở cửa hiệu chúng tôi và lạng lẽ nhắc chiếc mũ lưỡi trai hoặc mũ nỉ lên chào.

Migun cùng với Kukushkin thân mật bàn bạc một vấn đề không rõ ràng: Ai đánh đau hơn – lái buôn hay địa chủ? Kukushkin chứng minh là lái buôn, còn Migun thì bảo vệ phương án địa chủ. Giọng nói lạnh lạnh của Migun át giọng nói rời rạc của Kukushkin.

– Cụ thân sinh ra ông Fingerov từng xách râu Napoleon Bonaparte. Còn ông Rngerov có lần đã nắm lấy cổ áo lông cừu của hai người, dang tay ra và đập trán họ vào nhau đánh bốp một cái – thế là xong! Cả hai đều nằm thẳng cẳng.

– Đánh thế thì ai mà chẳng ngãi – Kukushkin tán thành nhưng nói thêm.
– Nhưng dù sao thì lái buôn vẫn ăn khỏe hơn địa chủ...

Ông lão Suslov đáng kính ngồi ở bậc tam cấp trên cùng cũng than phiền:

– Này Mikhailo Antonovich, bần nông trên trái đất này trở nên yếu đuối lắm rồi. Dưới thời địa chủ không ai được phép sống vô ích, mỗi người đều bị gắn chặt vào công việc...

– Thế thì bác hãy đệ đơn xin người ta lập lại quyền chiếm hữu nông nô đi. – Izot trả lời ông lão.

Romass im lặng nhìn Izot và gõ tấu thuốc lá vào tay vịn của tam cấp.

Tôi chờ xem khi nào Romass sẽ bắt đầu nói. Và trong khi lắng nghe câu chuyện rời rạc của đám bần nông, tôi cố tưởng tượng xem Khokhol sẽ nói những gì. Tôi có cảm tưởng rằng anh đã bỏ lỡ nhiều dịp tốt để xen vào câu chuyện của họ. Nhưng anh im lặng một cách thờ ơ và ngồi không nhúc nhích như một bức tượng gỗ, mắt theo dõi làn gió thổi trên các vũng nước làm thành những vết gợn lăn tăn và xua đuổi những đám mây, dồn chúng lại thành một đám đen kịt. Trên sông có tiếng còi tàu, ở phía dưới vẳng lên tiếng hát the thé của các cô gái và tiếng đàn phong cầm. Một gã say rượu đi xuôi xuống phố. Gã vừa đi vừa nấc và la hét, hai tay múa may, chân cong cong một cách không tự nhiên, rồi ngã vào vũng nước. Đám bần nông mỗi lúc nói một chậm rãi hơn, trong lời nói của họ lộ ra vẻ chán nản. Tôi cũng

cảm thấy một nỗi buồn thâm lắng bởi bầu trời lạnh lẽo đang báo trước một cơn mưa! Tôi nhớ lại cảnh ồn ào không ngớt của thành phố, những âm thanh muôn màu muôn vẻ của nó, những bóng người thấp thoáng trên các đường phố, giọng nói rất nhanh của họ đầy những lời có sức kích động lòng người.

Trong lúc uống trà buổi tối, tôi hỏi Khokhol xem anh thường nói chuyện với những bần nông vào lúc nào.

– Nói về cái gì chứ?

– A. – Khokhol nói sau khi chăm chú nghe tôi. – Anh nên biết là nếu như tôi nói với họ về chuyện ấy, hơn nữa lại nói ở ngoài đường, thì tôi sẽ lại bị tổng đến chỗ những người Yakutsk.

Anh nhồi thuốc vào tẩu và hút, khói thuốc lập tức bao quanh anh. Anh bắt đầu nói một cách bình tĩnh và đáng ghi nhớ rằng bần nông vốn dè dặt, hay hoài nghi. Họ sợ chính bản thân, sợ người láng giềng, sợ nhất là người ngoài. Họ được hưởng tự do chưa quá ba mươi năm^[71], những người nông dân thuộc lứa tuổi bốn mươi sinh ra đã làm nô lệ và hẳn còn nhớ điều đó. Tự do là gì – cái ấy thực khó hiểu. Nói nôm na thì tự do có nghĩa là ta sống theo ý ta. Nhưng ở đâu cũng có bọn quan trên, bọn này cản trở cuộc sống. Nga hoàng đã chiếm đoạt nông dân của bọn địa chủ, thế là bây giờ Nga hoàng thành chủ nhân duy nhất của tất cả nông dân. Một lần nữa câu hỏi trên lại được đặt ra: Thế thì tự do là gì? Đột nhiên một ngày kia Nga hoàng sẽ giải thích tự do nghĩa là gì. Bần nông rất tin tưởng vào Nga hoàng, chủ nhân duy nhất của tất cả đất đai và mọi của cải. Nga hoàng đã chiếm đoạt nông dân của bọn địa chủ thì cũng có thể chiếm đoạt tàu thủy và cửa hiệu của bọn lái buôn. Bần nông là người của Nga hoàng. Họ hiểu rằng nhiều chủ thì khổ, một chủ vẫn tốt hơn. Họ chờ đợi cái ngày Nga hoàng sẽ tuyên bố với họ ý nghĩa của tự do. Khi ấy thì ai muốn lấy gì thì lấy. Tất cả đều mong chờ ngày ấy đến; ai nấy đều sợ, đều sống bo bo giữ miếng, họ sợ lỡ mất cái ngày quyết định sẽ phân chia lại cho toàn thế ấy. Và họ sợ ngay chính bản thân: Họ muốn lấy thật nhiều, và có rất nhiều cái để lấy, nhưng lấy như thế nào? Tất cả đều cùng muốn lấy một thứ. Thêm vào đó khắp nơi

có vô số bọn quan thù địch ra mặt đối với bần nông và cả với Nga hoàng nữa. Nhưng không có quan trên cũng không được, mọi người sẽ đánh nhau, giết nhau mất.

Một làn gió giật dữ hất những hạt mưa xuân ào ào vào cửa kính. Bóng tối xám xịt tỏa ra trên đường phố. Trong tâm hồn tôi cũng có điều gì ảm đạm và buồn buồn.

Giọng nói bình tĩnh, khe khẽ của Khokhol lại vang lên với vẻ trầm tư:

– Cần khêu gọi những bần nông để họ dần học cách giành lấy chính quyền của Nga hoàng về tay mình, cần nói với họ rằng nhân dân phải có quyền lựa chọn cấp trên trong tầng lớp của mình: Cả cục trưởng cảnh sát, cả tổng đốc lẫn Nga hoàng...

– Cái đó phải chờ một trăm năm nữa!

– Thế anh tưởng đến ngày lễ Ba Ngôi sẽ làm xong tất cả cái đó ư? – Khokhol nghiêm nghị hỏi.

Buổi tối anh đi đâu không rõ. Khoảng mười một giờ khuya tôi nghe ngoài đường có tiếng súng nổ gần đâu đây. Tôi liền lao vào bóng tối, giữa trời mưa, và gặp Mikhailo Antonovich đang đi về phía cổng. Bóng đen to lớn ấy tránh những dòng nước một cách thông thả và cẩn thận.

– Anh ra làm gì? Tôi vừa bắn đấy mà...

– Bắn ai?

– Vừa có một bọn người nào đó cầm gậy gộc xông về phía tôi. Tôi bảo: “Đứng lại, không tao bắn!”, nhưng họ không nghe. Thế là tôi bắn luôn một phát chỉ thiên, cũng chẳng làm hại ai cả...

Anh đứng ở phòng ngoài, vừa cởi áo vừa lấy tay vuốt bộ râu ướt và thở phì phì như ngựa.

– Thì ra đôi ủng chết tiệt này của tôi đã rách! Cần phải thay đôi khác thôi. Anh có biết lau súng lục không? Anh lau giùm, kéo gi mất. Lấy dầu hỏa mà lau...

Vẻ bình tĩnh không gì lay chuyển nổi, ánh nhìn ngoan cường và lạng lẽ của cặp mắt xám của anh làm tôi khâm phục. Anh bước vào phòng, vừa

chải râu trước gương vừa khuyên ngăn tôi:

– Anh đi lại trong làng phải cẩn thận hơn nữa, nhất là những ngày lễ và buổi tối. Chắc là họ cũng muốn đánh cả anh nữa đấy. Nhưng khi đi ra khỏi nhà anh chớ mang theo gậy gộc, cái đó chỉ tổ chọc tức bọn côn đồ và có thể gây cho chúng ý nghĩ là anh sợ. Sợ quái gì! Chính bọn chúng mới là tội nhất gan.

Tôi bắt đầu sống rất dễ chịu, mỗi ngày lại mang tới cho tôi một điều mới mẻ và quan trọng. Tôi bắt đầu say mê đọc sách khoa học tự nhiên. Romass chỉ bảo cho tôi:

– Maksimich ạ, trước hết và tốt hơn hết anh cần phải biết cái đó, trí tuệ ưu tú nhất của loài người đã được đúc kết thành khoa học.

Mỗi tuần Izot đến chỗ chúng tôi ba lần vào buổi tối, tôi dạy anh tập đọc và viết. Lúc đầu anh có vẻ thiếu tin tưởng tôi, hay cười tủm, nhưng sau một số buổi học anh đã nói với giọng chân thật:

– Anh giảng khá lắm! Giá anh đi làm nhà giáo thì...

Rồi bỗng nhiên anh đề nghị:

– Nom anh có vẻ khỏe lắm! Nào, chúng ta thử dùng gậy kéo co xem ai khỏe?

Chúng tôi lấy chiếc gậy dưới bếp lên rồi cả hai ngồi xuống sàn, bàn chân tì vào nhau, người nọ cố nhắc người kia lên khỏi sàn. Khokhol cười mỉm và thúc giục chúng tôi.

– Thế nào? Cố lên chứ!

Cuối cùng Izot đã nhắc được tôi lên. Điều đó có lẽ càng làm cho anh có thêm thiện cảm với tôi.

– Không sao cả, anh khỏe lắm! – Izot an ủi tôi. – Thật đáng tiếc là anh không thích nghề đánh cá, nếu không thì cùng đi với tôi ra sông Volga. Ban đêm trên sông Volga đẹp như cảnh thiên đường vậy!

Anh học rất chuyên cần, tiến bộ khá nhanh và chính anh cũng lấy làm lạ. Có lần, trong giờ học, đột nhiên anh đứng dậy, lấy quyển sách trên giá

xuống, nhếch cao lông mày, đọc đôi ba dòng. Rồi anh đỏ mặt nhìn tôi và nói vẻ sững sốt:

– Tôi có thể đọc được rồi, mẹ kiếp, thật là kì quái!

Rồi anh nhắm mắt nhắc lại:

Tiếng chim rền trên bình nguyên u buồn

Như tiếng người mẹ khóc trên mồ con...

– Thấy chưa?

Mấy lần anh khe khẽ hỏi tôi, vẻ thận trọng:

– Người anh em thử giảng cho tôi rõ như thế là thế nào nhỉ? Người ta nhìn vào những đường nét này, thế mà chúng hợp lại thành tiếng, và tôi biết được những tiếng đó – những tiếng mà chúng ta thường dùng. Làm sao tôi biết được chúng? Không ai nói thầm với tôi những tiếng ấy cả. Giá là những bức tranh thì đã đành. Đẳng này hình như chính ý nghĩ của người ta được in sẵn trên giấy. Thế là thế nào?

Tôi biết trả lời anh ra sao? Câu nói “Không biết” của tôi đã làm anh buồn phiền.

– Trò phù thủy! – Anh vừa nói vừa thở dài và soi những trang sách lên ánh sáng.

Anh có cái vẻ ngây thơ đáng yêu, trong sáng và trẻ con. Anh thường gọi tôi nhớ đến hình ảnh bần nông đáng yêu được tả trong sách. Như hầu hết những người đánh cá, anh là một con người mơ mộng, yêu dòng sông Volga, thích những đêm tĩnh mịch, thích cảnh cô đơn, thích cuộc sống trầm tư.

Anh nhìn lên các vì sao và hỏi:

– Khokhol nói rằng ở trên ấy có thể có người giống như chúng ta, anh thấy có đúng không? Giá ra hiệu được cho họ để hỏi xem họ sống ra sao nhỉ? Có lẽ họ sống sướng hơn chúng ta và vui vẻ hơn...

Thực ra thì anh hài lòng với cuộc sống của mình. Anh nguyên là một đứa trẻ mồ côi, một bần nông sống độc thân hành nghề đánh cá âm thầm và

mong muốn cuộc sống của mình không phụ thuộc vào ai cả. Nhưng hình như anh có ác cảm đối với các bần nông, anh thường khuyên ngăn tôi:

– Anh đừng tưởng họ hiền lành. Họ là bọn người láu cá, giả dối, chớ tin họ! Hôm nay họ đối với anh thế này, nhưng ngày mai lại thế khác. Người nào cũng chỉ biết có mình thôi, còn công việc chung họ coi là việc khổ sai.

Anh thường nói về bọn “cường hào” với vẻ căm phẫn, một sự căm phẫn rất xa lạ đối với con người có tâm hồn dịu hiền như anh:

– Tại sao bọn chúng nó giàu có hơn kẻ khác? Vì chúng nó khôn ngoan hơn. Chớ má thật, nếu như anh là một người thông minh thì anh nên nhớ rằng: Nông dân phải sống thân ái, hợp lại thành một bầy thì mới có sức mạnh! Nhưng đảng này họ lại đem chia năm xẻ bảy làng xóm ra như thể chẻ củi ấy, thế cơ chứ! Chính họ lại là kẻ thù của họ. Đó là một đám người tàn ác. Khokhol đã phải khổ sở vì bọn họ...

Izot đẹp trai, khỏe mạnh, được phụ nữ rất thích, và thường họ không để cho anh yên.

– Tất nhiên về mặt này tôi rất được chiều chuộng. – Anh nói với vẻ hối hận chân thật. – Đối với các ông chồng thì chuyện đó thật đáng bực mình, nếu ở địa vị họ chính tôi cũng phải bực mình. Nhưng không thể nào không thương hại phụ nữ được, họ như linh hồn thứ hai của mình vậy. Họ sống không có ngày nghỉ, không có sự âu yếm; họ làm việc quần quật như một con ngựa, ngoài ra không có gì hơn. Các ông chồng không có thì giờ để yêu thương họ, còn tôi thì lại là một người rỗi rãi. Nhiều bà vợ, ngay trong năm đầu về nhà chồng, đã bị các ông chồng cho ăn đấm. Đứng về mặt này tôi có tội lỗi, bởi vì tôi đã trêu ghẹo họ. Lúc đó tôi chỉ yêu cầu họ có một điều: Xin các mục chớ có tức giận nhau, tôi đủ sức cho tất cả các mục! Các mục đừng có ghen tị nhau, tôi coi tất cả các mục đều như nhau tuốt, tôi thương hại tất cả...

Anh vừa mỉm cười ngượng ngịu qua bộ râu vừa kể:

– Có lần suýt nữa thì tôi đã gỡ gạc được một bà, bà ấy từ thành phố về biệt thự nghỉ mát. Bà ta rất đẹp, da trắng như sữa, tóc óng như tơ, đôi mắt nhỏ xanh biếc và hiền hậu. Tôi bán cá cho bà ấy và cứ nhìn mãi. “Anh

muốn cái gì?” Bà ta hỏi. “Tự bà biết.” Tôi đáp. “Thôi được.” Bà ta nói. “Đến đêm tôi sẽ tới chỗ anh, anh chờ nhé!” Đến đêm, quả bà ấy đến thật. Chỉ phải cái bà ấy ngại muối thôi. Muối đã đốt bà ấy, kết quả chẳng ăn thua gì cả. Bà ấy nói: “Tôi không thể chịu nổi, muối đốt tận quá.” Và suýt nữa bà ấy khóc. Hôm sau chồng bà ấy đến, hẳn làm thâm phán thâm phiec gì đó. Thì ra các bà là như thế. – Anh kết thúc với vẻ buồn buồn và trách móc. – Muối đã quấy rầy cuộc sống của họ...

Izot rất khen ngợi Kukushkin:

– Anh để ý mà xem, Kukushkin là một bần nông có lòng tốt! Người ta không ưa anh ấy, thế là sai! Đúng, anh ấy có tính ba hoa, nhưng ai mà hoàn hảo cả?

Kukushkin không có ruộng đất, anh ta lấy phải một mụ bần nông nghiện rượu, người tuy nhỏ, nhưng rất ranh mãnh, khỏe mạnh và độc ác. Anh ta bán nhà cho một người thợ rèn, còn chính anh thì sống ở nhà tắm và làm thuê cho Pankov. Kukushkin rất thích tin tức, khi nào không có tin tức gì mới là anh ta tự bịa ra những mẩu chuyện khác nhau, ghép chúng lại thành một câu chuyện.

– Mikhailo Antonovich, anh có nghe đồn gì không? Tên cảnh sát ở Tinkovo đã bỏ nghề đi tu rồi. Hẳn bảo hẳn không muốn đánh đập bần nông nữa, đánh thế là đủ rồi!

Khokhol nghiêm nghị nói:

– Tất cả bọn quan trên sẽ bỏ các anh mà đi hết.

Kukushkin vừa gỡ những cuộn rơm, cỏ khô và lông gà trong mớ tóc rối bù màu hạt dẻ, vừa trầm ngâm:

– Không phải tất cả bọn họ đâu, chỉ có những người có lương tâm thôi. Những người đó tất nhiên cảm thấy khổ sở với cái nghề của mình. Antonich, tôi thấy hình như anh không tin vào lương tâm thì phải. Nhưng nếu thiếu lương tâm thì dù người ta có bộ óc lớn cũng không thể sống nổi! Anh hãy nghe tôi kể một câu chuyện...

Kukushkin bắt đầu kể về một mụ địa chủ “rất thông minh” nào đó:

– Trước đây có một mục đàn bà tàn ác đến nỗi ngay cả quan tổng đốc, mặc dù chức vị khá cao, cũng phải tới thăm mục ta. Quan tổng đốc nói với mục: “Thưa bà, để đề phòng bất trắc bà nên cẩn thận hơn, bởi vì tin đồn về sự độc ác của bà đã truyền tới cả St. Petersburg rồi đấy!” Tất nhiên là mục ta mời rượu quan tổng đốc rồi mới nói: “Ông cứ yên tâm mà về, tôi không thể thay đổi được tính tình của tôi đâu!” Qua ba năm lẻ một tháng, bỗng nhiên mục ta triệu tập các bần nông và nói: “Tất cả ruộng đất của tôi bây giờ thuộc về các người, xin từ biệt các người, mong các người tha lỗi cho tôi, tôi sẽ...”

– Đi tu. – Khokhol nhắc.

Kukushkin chăm chú nhìn Romass và xác nhận:

– Đúng, để trở thành tu viện trưởng! Chắc anh đã nghe câu chuyện này rồi chứ gì?

– Tôi chưa hề nghe.

– Thế sao anh biết?

– Tôi biết anh rồi mà.

Con người hay mơ tưởng hảo ấy vừa lắc đầu vừa lắp bắp:

– Anh không tin mọi người tí nào cả...

Những câu chuyện của Kukushkin thường là như thế này: Những người xấu và độc ác đều sẽ chán làm điều ác và “mất tích”, nhưng thường thì Kukushkin hay cho họ đi tu như ném rác vào hố rác vậy.

Anh ta thường có những ý nghĩ đột ngột và kì quái; bỗng nhiên anh cau mày và tuyên bố:

– Chúng ta chiến thắng người Tatar thì được ích gì, người Tatar giỏi hơn chúng ta!

Nhưng có ai nói gì đến người Tatar đâu, lúc ấy đang nói về việc tổ chức một nhóm các chủ vườn.

Romass kể chuyện Siberia và chuyện gã phú nông ở vùng đó, nhưng bỗng nhiên Kukushkin lăm bắm vẻ dăm chiêu:

– Cái giống cá mè nếu độ hai, ba năm không ai bắt thì chúng có thể sinh sôi đến nỗi làm biển tràn ra khỏi bờ và sẽ gây ra nạn lụt lớn cho thiên hạ. Thật là một giống cá sinh sôi nảy nở khá nhanh!

Cả làng đều coi Kukushkin là một người hảo huyền, những câu chuyện và những ý nghĩ kì quái của anh khiến những bần nông tức giận, họ chửi rủa và chế giễu anh, nhưng họ vẫn luôn luôn nghe anh với vẻ thú vị và chăm chú, dường như chờ đợi được thấy một chân lí nào đó trong những chuyện bịa của anh.

– Thăng cha ba hoa.

Những người đứng tuổi gọi anh như vậy, chỉ có anh chàng hay diện Pankov là nói có vẻ chín chắn:

– Stepan là một người bí ẩn...

Kukushkin là một người rất tài ba, anh biết đóng thùng gỗ, đắp lò sưởi, biết nuôi ong, dạy các bà nuôi gà vịt, làm thợ mộc rất khéo, việc gì anh cũng có thể làm được, mặc dù anh làm chậm và có vẻ miễn cưỡng. Anh rất thích mèo, trong nhà tắm của anh có tới hàng chục con to, nhỏ, béo mập. Anh cho chúng ăn quạ khoang, quạ đen, luyện cho mèo ăn gà vịt, do đó người làng càng ghét anh hơn: Mèo của anh cắn chết cả gà con lẫn gà mẹ. Các bà hàng xóm liền săn đuổi mèo của Stepan và đánh một cách không thương xót. Ở nhà tắm của Kukushkin thường nghe thấy tiếng kêu the thé giận dữ của các bà chủ, nhưng cái đó không hề làm anh bối rối.

– Các mụ ngốc lắm, mèo là giống vật đi săn khéo hơn cả chó. Tôi luyện cho chúng quen săn gà vịt, rồi chúng ta sẽ nuôi hàng trăm con đem bán, số tiền thu được sẽ đem biếu các người, các người thật là ngốc!

Kukushkin trước đây có biết đọc biết viết, nhưng đã quên hết cả, bây giờ anh không muốn ôn lại nữa. Vốn là một người thông minh, anh có thể nắm được ý chủ đạo trong các câu chuyện của Khokhol nhanh hơn những người khác.

– Đúng, đúng. – Anh vừa nói vừa nhăn nhó như một đứa bé nuốt viên thuốc đắng. – Có nghĩa là Ivan Grozny^[72] không có hại gì đối với đám dân

quên.

Kukushkin, Izot và Pankov thường đến chỗ chúng tôi vào buổi tối và nhiều khi ngồi đến tận nửa đêm để nghe Khokhol kể chuyện về tình hình thế giới, về sinh hoạt của các nước khác, về phong trào cách mạng của các dân tộc. Pankov rất thích cuộc cách mạng Pháp.

– Đó mới thực là sự thay đổi cuộc sống.– Anh tán thành.

Cha của Pankov là một phú nông có cái bưôu to ở cổ và có cặp mắt tròn xoe trông rất đáng sợ. Hai năm trước Pankov đã từ bỏ cha và “tự ý” lấy một cô gái mồ côi, cháu họ của Izot. Anh rất khắt khe với vợ, nhưng lại cho cô ta ăn mặc quần áo tinh thành. Cha anh nguyên rủa anh vì tính ngỗ nghịch ấy, và mỗi khi đi qua ngôi nhà gỗ mới làm của con, ông thường nhổ nước bọt với vẻ giận dữ. Pankov đã cho Romass thuê nhà và xây thêm một cửa hiệu trái với ý muốn của bọn phú nông ương làng, vì vậy bọn họ rất thù ghét anh: Bề ngoài anh đối với họ có vẻ lãnh đạm, khi nói về họ anh thường tỏ thái độ khinh bỉ, và khi tiếp xúc với họ thì thô bạo, giễu cợt. Cuộc sống nông thôn đã làm anh cảm thấy nặng nề.

– Giá tôi biết nghề thủ công thì tôi sẽ ra quách thành phố ở...

Anh có thân hình cân xứng, thường ăn mặc rất sạch sẽ, luôn luôn giữ vẻ trang trọng và rất hay tự ái. Anh có đầu óc thận trọng và hay hoài nghi.

” Anh làm công việc này xuất phát từ lòng mình hay có tính toán? – Anh thường hỏi Romass như vậy.

– Thế theo anh thì thế nào?

– Không, anh nói đi.

– Theo anh thì đảng nào tốt hơn?

– Tôi không biết! Còn theo anh thì sao?

Khokhol cứ gặng mãi, buộc bản nông ấy phải tự nói ra.

– Tất nhiên, tốt hơn cả là xuất phát từ lí trí: Lí trí khiến con người làm việc một cách tỉnh táo, có lí trí thì công việc sẽ được tiến hành chắc chắn. Còn tình cảm chỉ tổ dẫn chúng ta đi chệch đường mà thôi. Nếu chỉ dựa vào

tình cảm thì có lẽ tôi sẽ gây nên nhiều tai họa! Tôi sẽ thiêu ngay lão cha cố để dạy cho lão biết: Chớ có nhúng tay bừa vào công việc của người khác!

Trong làng này có một lão cha cố độc ác, mặt như chuột chù, lão ta đã can thiệp vào mối mâu thuẫn giữa Pankov với cha anh, nên anh rất ghét.

Lúc đầu hình như Pankov có ác cảm và một thái độ gần như thù địch với tôi, thậm chí cách anh gọi tôi như là chủ gọi người ở vậy. Nhưng thái độ ấy chẳng bao lâu đã biến mất, mặc dầu tôi cảm nhận được vẻ hoài nghi ngấm ngầm của anh đối với tôi, còn tôi cũng chẳng ưa gì Pankov.

Tôi còn nhớ mãi những buổi tối trong căn phòng nhỏ và sạch sẽ có vách bằng gỗ cây ghép lại. Cửa sổ đóng kín mít, trên chiếc bàn kê ở góc phòng có một ngọn đèn, cạnh đó là một người có vầng trán cao, đầu trọc, râu dài, người đó nói:

– Thực chất của cuộc sống là ở chỗ làm sao cho con người ngày càng khác xa với súc vật...

Có ba bần nông chăm chú nghe, tất cả đều có cặp mắt trong sáng và khuôn mặt thông minh. Izot thường ngồi yên không nhúc nhích, tựa như đang lắng nghe điều gì ở phía xa mà chỉ một mình anh nghe thấy. Kukushkin liên tục trở mình như bị muỗi đốt, còn Pankov thì vừa lấy tay nhổ những chiếc râu màu vàng óng vừa lặng lẽ suy nghĩ:

– Nghĩa là dù sao thì vẫn cần phải phân chia người ta thành các đẳng cấp.

Điều tôi rất thích ở Pankov là anh không bao giờ ăn nói một cách lỗ mãng với Kukushkin, cố nông của anh. Anh chú ý nghe những chuyện bịa đặt ngộ nghĩnh của con người mơ mộng ấy.

Sau khi kết thúc buổi nói chuyện, tôi trở về căn gác thượng của mình và ngồi cạnh ô cửa sổ để ngó, nhìn xuống dưới ngôi làng đã ngủ say và cánh đồng lặng như tờ. Ánh sao lấp lánh xuyên thủng màn đêm, những ngôi sao đó càng gần mặt đất thì trông lại càng xa xôi thêm. Sự yên lặng đã đè nặng lên tâm hồn tôi, ý nghĩ của tôi cứ tràn lan theo khoảng không gian vô tận,

tôi nhìn thấy hàng ngàn thôn xóm cũng lặng lẽ bám chặt lấy mặt đất bằng phẳng như cái làng của chúng tôi vậy. Bốn bề đều tĩnh mịch, yên lặng.

Sự trống trải của đêm tối bủa vây tôi như hàng ngàn con đĩa vô hình bám chặt lấy tâm hồn tôi. Dần dần tôi rơi vào cơn mộng mị, thấy mình yếu đuối, bất lực, một nỗi lo âu mơ hồ len lỏi vào trái tim tôi. Tôi chỉ là một sinh linh bé nhỏ và không đáng kể trên trái đất này...

Cuộc sống làng quê trong con mắt tôi không có gì vui vẻ. Tôi thường nghe nói và đọc được trong sách rằng ở nông thôn người ta sống lành mạnh và chân thành hơn ở thành thị. Nhưng ở đây tôi nhìn thấy những bản nông phải làm việc quần quật suốt ngày, nhiều người trong số họ không lấy gì làm khỏe mạnh, phải làm việc quá sức và hầu như không có người nào vui vẻ cả. Những người thợ thủ công và công nhân ở thành thị làm việc cũng vất vả không kém, nhưng họ sống vui vẻ hơn và không kêu ca phàn nàn về cuộc sống buồn tẻ chán ngán như những con người luôn cau có này. Tôi cảm thấy cuộc sống của người nông dân không hề đơn giản, luôn phải hết sức để ý đến ruộng đất và dùng nhiều mảnh khóe tinh vi trong cư xử. Một cuộc sống ngu muội, ai cũng sống mò mẫm như những người mù, tất cả đều sợ hãi một cái gì đó, họ không tin cậy nhau, đối xử với nhau như lang sói.

Tôi không thể hiểu được vì sao họ lại giữ mãi ác cảm với Khokhol, Pankov và những người “của chúng tôi”, những người muốn xây dựng một cuộc sống dựa trên các nguyên tắc của lí trí.

Tôi thấy rõ ưu thế của dân thành thị, khát khao hạnh phúc của họ, óc tìm tòi mạnh bạo, những nhiệm vụ và mục đích khác nhau của họ. Thường thường, vào những đêm như vậy, tôi hay nhớ đến hai thị dân.

Tấm biển này treo trên lối ra vào nhỏ hẹp của một cửa hiệu nhỏ, giữa hai cửa sổ đầy bụi. F. Kalugin có một cái bấu trên cái đầu hói lơ thơ mấy sợi tóc vàng, mắt đeo kính lúp, ngồi bên cửa sổ. Bác ta mặt tròn, người chắc nịch, hầu như lúc nào cũng mỉm cười. Thịnh thoảng bác cầm chiếc kim nhỏ xíu nghi ngoáy trong bộ máy đồng hồ, hoặc hát nghêu ngao, miệng há tròn xoe dưới bộ ria mép bạc. Ở cửa sổ bên kia là Z.Nebel. Bác này có bộ tóc

quần đen sẫm, chiếc mũi to hơi khoằm, cặp mắt thô lỗ như hai quả mận và bộ râu cằm nhọn hoắt. Người bác khô héo, gầy còm như một con quỉ, Bác cũng tháo tháo lấp lỏp những bộ phận nhỏ tí xíu và thỉnh thoảng đột nhiên kêu lên, giọng trầm trầm:

– Tra ta tam, tam, tam!

Sau lưng họ, ngổn ngang những hòm xiềng, máy móc, bánh xe, đàn hộp, quả địa cầu. Khắp nơi, trên các giá gỗ là những vật bằng kim loại đủ kiểu. Trên tường có treo nhiều đồng hồ quả lắc. Tôi sẵn sàng đứng suốt ngày xem hai người này làm việc, nhưng thân hình cao lớn của tôi thường che mất ánh sáng nên họ hăm hăm nhìn tôi và phẩy tay đuổi tôi đi. Khi bước ra khỏi cửa, tôi suy nghĩ với lòng ghen tị:

“Hạnh phúc biết bao, nếu biết làm mọi việc!”

Tôi kính trọng những con người này và tin rằng họ biết bí mật của tất cả máy móc, dụng cụ nên họ có thể chữa được mọi thứ trên đời. Đó mới thật là những con người sống cho ra sống!

Tôi không thích nông thôn, những bần nông thật khó hiểu. Các bà nhà quê đặc biệt hay than phiền về bệnh tật, nào là cái gì “đau nhói trong tim” “tưng tức trong ngực” và thường xuyên “đau quặn trong bụng”. Họ nói nhiều và thích nói đến những chuyện đó, nhất là vào ngày lễ, khi ngồi ở nhà hoặc trên bờ sông Volga. Họ dễ nổi nóng và chửi bới nhau vô cùng thậm tệ. Chỉ vì đánh vỡ một cái lọ bằng sành đáng giá mười hai kopek mà ba gia đình đã dùng gậy đánh nhau đến nỗi gãy tay một bà già và vỡ sọ một chàng trai. Những cuộc ẩu đả như vậy hầu như tuần nào cũng xảy ra.

Bọn con trai thường có thái độ trơ trẽn trắng trợn đối với các cô gái và hay trêu ghẹo họ. Bọn chúng thường đuổi bắt các cô gái ngoài đồng, tước váy họ lên trùm kín đầu rồi lấy vỏ cây gai buộc túm chặt gấu váy lại. Trò này gọi là trò “con gái khai hoa”. Bọn con gái, phần thân dưới không có gì che chắn, kêu thét lên, chửi bới om sòm. Nhưng hình như các cô có vẻ thích thú trò chơi này và thường cố ý gỡ váy xuống một cách chậm chạp. Ở nhà thờ, trong giờ cầu kinh, bọn con trai thường véo vào mông đít con gái;

có lẽ chỉ vì thế mà chúng đi nhà thờ cũng nên. Ngày Chủ nhật, cha cố từ trên tòa giảng nói xuống:

– Đồ súc sinh! Không có chỗ nào khác để tụi bay làm cái trò tầm bậy ấy hay sao?

– Ở Ukraina, người ta sống tử tế hơn và thái độ của họ đối với tôn giáo có vẻ thi vị hơn. – Romass kể. – Còn ở đây, tất cả những gì tôi nhìn thấy sau niềm tin vào Chúa là bản năng khiếp sợ và tính tham lam vô cùng thô bỉ. Anh biết đấy, dân ở đây không có được thứ tình yêu chân thành đối với Chúa, họ không khâm phục vẻ đẹp và sức mạnh của Chúa. Đó cũng có thể là một điều tốt, vì như thế họ càng dễ thoát khỏi tôn giáo. Tôn giáo là một thứ thành kiến vô cùng có hại, tôi có thể đoán chắc với anh như vậy!

Bọn con trai hay khoác lác, nhưng nhát gan. Đã ba lần bắt gặp tôi ở ngoài đường lúc ban đêm, bọn chúng định đánh tôi nhưng không đánh được; chỉ có một lần tôi bị bọn chúng dùng gậy nện vào chân. Tất nhiên tôi không nói với Romass những chuyện nhỏ nhặt ấy, nhưng nom thấy tôi đi khập khiễng, tự anh cũng đoán được chuyện gì đã xảy ra.

– Này, thế là anh cũng được ném quà của chúng rồi phải không? Tôi đã bảo mà!

Mặc dầu anh khuyên tôi không nên đi chơi ban đêm, thỉnh thoảng tôi vẫn mò ra bờ sông Volga, men theo phía sau vườn rau. Tôi ngồi dưới rặng liễu, nhìn sang cánh đồng cỏ bên kia sông, qua màn đêm trong suốt. Dòng Volga lững lờ trôi trông thật trang nghiêm, mặt trăng tẻ ngắt phản chiếu xuống mặt nước ánh sáng của vầng mặt trời không nhìn thấy được. Tôi không thích trăng, ở trăng có cái gì dữ tợn. Như một chú chó, thấy ánh trăng là tôi buồn phiền, muốn sủa rống lên một cách ai oán. Tôi rất vui mừng khi biết rằng mặt trăng không phát ra ánh sáng, rằng nó là một vật thể chết và trên đó không có và cũng không thể có sự sống. Trước kia tôi tưởng tượng trên mặt trăng có những người bằng đồng ở. Thân hình họ hình tam giác, họ chuyển động như những chiếc compa và phát ra tiếng leng keng kinh người như tiếng chuông nhà thờ trong tuần chay. Tất cả mọi thứ trên đó đều bằng đồng: Cây cối, động vật - tất cả đều không ngót kêu leng keng chói tai, có

vẻ như thù hằn trái đất và có ác ý chống lại loài người. Tôi lấy làm thú vị được biết mặt trăng là một nơi hoang vu, nhưng tôi vẫn muốn có một mảnh sao băng lớn đâm xuống mặt trăng thật mạnh khiến nó bốc cháy và chiếu rọi xuống mặt đất thứ ánh sáng của chính bản thân nó.

Nhìn dòng Volga lay động ánh trăng óng ánh như một dải lụa thêu kim tuyến, bắt nguồn ở nơi nào xa xăm trong bóng tối và biến mất vào bóng đen của bờ sông dốc, tôi thấy dòng ý nghĩ của mình trở nên mạnh mẽ và sâu sắc hơn. Vào những lúc như thế này người ta dễ nghĩ tới một cái gì khó tả bằng lời, một cái gì xa lạ với cuộc sống ban ngày. Khối nước khổng lồ thềm lặng chảy trôi. Một chiếc tàu thủy, giống như một con chim quái gỡ có bộ lông màu lửa, trượt trên con đường sông rộng đen sẫm, một tiếng động khe khẽ trôi theo sau như tiếng vỗ của đôi cánh nặng nề. Sát bờ sông phía cánh đồng cỏ, trên mặt nước, lập lòe một đốm lửa, từ đấy phát ra một tia sáng đỏ. Một ngư dân đang soi cá? Cũng có thể tưởng tượng đó là một vì sao thiếu nơi nương náu từ trên trời sa xuống sông và lơ lửng trên mặt nước như một bông hoa lửa.

Những điều học trong sách vở đã biến thành những ảo tưởng kì lạ, óc tưởng tượng không ngừng dật nên những cảnh đẹp không gì sánh được. Tôi thấy như mình đang bơi theo dòng sông trong bầu không khí dịu dàng của ban đêm.

Izot gặp tôi, ban đêm trông anh càng cao lớn và đẹp trai hơn.

– Anh lại ra đây à? – Anh hỏi tôi rồi ngồi xuống bên cạnh, im lặng hồi lâu, mắt chăm chú nhìn dòng sông và ngược lên bầu trời, tay vuốt vuốt bộ râu cằm vàng óng như tơ.

Rồi anh thổ lộ với tôi ước mơ của mình:

– Học xong, tôi sẽ đọc thật nhiều sách, tôi sẽ đi dọc theo tất cả các con sông và sẽ hiểu hết mọi nhẽ! Tôi sẽ dạy người khác! Đúng. Anh bạn ạ, san sẻ nỗi lòng với mọi người thật dễ chịu biết bao! Ngay cả với phụ nữ cũng vậy, nếu tâm sự với họ, họ cũng hiểu được ta. Hôm nọ, có một mục ngồi cùng thuyền hỏi tôi: “Khi chúng ta chết sẽ ra sao nhỉ? Tôi không tin có địa ngục, cũng không tin có thiên đường.” Thấy chưa? Anh bạn ạ, họ cũng...

Chưa tìm được từ thích hợp, anh im lặng và sau cùng nói thêm:

– ... Là những tâm hồn đầy sức sống...

Izot quen sống về ban đêm. Anh nhạy cảm với cái đẹp, hay nói về cái đẹp bằng những lời dịu dàng của một đứa trẻ mộng mơ. Anh tin vào Chúa Trời như một tín đồ nhưng không hề sợ hãi. Anh tưởng tượng Chúa Trời là một ông lão to lớn, đáng kính, một người chủ lương thiện và thông minh của thế gian, Chúa Trời không thể thắng được cái ác chỉ vì “Người không kịp trở tay, số lượng con người sinh ra quá đông. Nhưng không sao, Người sẽ đến kịp, rồi anh khắc thấy! Nhưng còn thêm cả Chúa Jesus thì tôi không thể nào hiểu nổi! Đối với tôi Chúa Jesus chẳng có nghĩa gì cả. Có một Chúa Trời, thế cũng đủ rồi. Đấng này lại thêm một vị Chúa nữa! Nghe người ta nói đó là con trai của Chúa Trời. Con trai của Chúa Trời thì quan trọng gì? Chúa Trời bất tử...”

Izot thường ngồi im lặng suy nghĩ về một điều gì đó, chỉ thỉnh thoảng anh mới thở dài và bảo:

– Đúng, nó như thế đấy...

– Chuyện gì vậy?

– Đây là tôi tự bảo mình...

Rồi anh lại thở dài, mắt nhìn về phía xa xăm mờ mịt.

– Cuộc sống thật là đẹp đẽ!

Tôi tán thành:

– Đúng, thật là đẹp đẽ!

Dải nước đen sẫm như nhung chuyển động mạnh. Những ngôi sao lớn lấp lánh trên mặt nước đang trải ra một dải Ngân Hà cong cong lóng lánh ánh bạc. Trái tim như khẽ hát lên những khái niệm phi lí trí về sự huyền bí của cuộc sống.

Xa xa, trên đồng cỏ, những tia nắng xuyên qua đám mây hồng, và đây, mặt trời xòe ra trên bầu trời cái đuôi công sặc sỡ.

– Mặt trời thật là kì diệu! – Izot vừa lẩm bẫm vừa mỉm cười sung sướng.

Những cây táo đua nhau nở hoa, khắp làng phủ đầy những đống tuyết màu hồng nhạt sực mùi cay cay. Mùi hương ấy tỏa rộng khắp nơi, át hẳn mùi dầu hắc và mùi phân. Hàng trăm cái cây từng bừng nở hoa. Khoác những tấm vải xa tanh hồng rực là những cánh hoa, chúng xếp thành từng hàng đều đặn chạy suốt từ làng ra tận cánh đồng. Vào những đêm trăng thanh gió mát, những cánh hoa rung rinh như cánh bướm, lao xao, nom như những làn sóng xanh mượt và màu vàng óng tràn ngập khắp ngôi làng. Chim họa mi cất tiếng hót say sưa. Ban ngày, sáo sậu trêu chọc nhau âm ỉ và chim sơn ca ở tít trên trời cao liên tiếp rớt xuống mặt đất những tiếng ngân dịu dàng.

Vào buổi tối những ngày lễ, các cô gái và những chị em đã có chồng vừa đi dạo ngoài đường vừa hát vang, miệng há to như những con chim non, mắt đăm đúi cười như người say. Izot cũng mỉm cười như người say rượu. Anh gầy tọp đi, cặp mắt biến thành hai cái hố đen ngòm. Khuôn mặt anh càng trở nên nghiêm nghị, đẹp như một bức tượng thánh. Anh thường ngủ cả ngày và chỉ xuất hiện ngoài đường vào chập tối, vẻ mặt lo lắng, hơi đăm chiêu. Kukushkin chế giễu Izot một cách suồng sã nhưng dịu dàng. Izot chỉ nhếch mép cười, vẻ bối rối:

– Thôi đừng nhắc đến chuyện ấy nữa. Biết làm thế nào?

Rồi anh tán tụng:

– Ôi, cuộc sống thật là êm ái! Cuộc sống dịu dàng biết bao, và lời nói của người ta cũng ngọt ngào làm sao! Có những lời nói đến chết anh cũng không thể quên được. Và nếu có bỗng dưng sống lại thì anh sẽ nhớ đến những lời ấy trước tiên!

– Coi chừng, kéo chồng họ sẽ nện cho anh một trận đấy. – Khokhol vừa mỉm cười dịu dàng vừa cảnh cáo Izot.

– Nện cũng phải thôi. – Izot đồng ý.

Hầu như hằng đêm, cùng với tiếng hót của chim họa mi, giọng hát cao vút, truyền cảm của Migun vang lên trong những khu vườn, trên cánh đồng và bờ sông. Bác hát những bài ca rất hay với giọng ca thật là tuyệt diệu.

Cũng nhờ những bài hát ấy mà những bần nông đã nhiều lần tha thứ cho các lỗi lầm của bác.

Vào các tối thứ Bảy, người kéo tới tụ tập ở cửa hiệu của chúng tôi mỗi lúc mỗi đông. Trong số họ thể nào cũng có mặt ông lão Suslov, Barinov, bác thợ rèn Krotov và Migun. Họ ngồi nói chuyện với vẻ đăm chiêu. Người này đi thì người khác lại đến, và cứ như thế cho đến tận gần nửa đêm. Đôi khi bọn say rượu làm om sòm, nhất là gã lính đã giải ngũ chột mắt và cụt hai ngón tay trái tên là Kostin. Gã xắn tay áo lên, rồi vừa hoa chân múa tay vừa bước tới gần cửa hiệu như một con gà chọi, gân cổ hét, giọng khàn khàn:

– Khokhol, thằng hiểm độc và ngoại đạo kia! Hãy trả lời đi: Tại sao anh không đi lễ nhà thờ, hả? Đồ dị giáo! Quân gây rối loạn! Hãy trả lời đi: Anh là người như thế nào?

Mọi người trêu chọc gã:

– Mishka, tại sao anh bắn đứt ngón tay của anh thế? Sợ quân Thổ Nhĩ Kỳ à?

Gã gây sự, nhưng mọi người túm lấy gã và vừa cười ồ, la hét vừa đẩy gã xuống khe. Gã ngã lăn lông lốc theo bờ dốc như một quả bóng, miệng thét lên nghe đến nhức óc:

– Cứu tôi với! Chúng nó giết tôi...

Sau đó gã bò lên, mình đầy bụi bặm, đòi Khokhol một chai rượu vodka.

– Vì lẽ gì?

– Vì tôi đã làm trò cười cho các anh. – Kostin đáp.

Đám bần nông lại cười ồ cả lên.

Một hôm, vào buổi sáng ngày lễ, lúc bà làm bếp vừa nhóm xong lò và đi ra sân, còn tôi đang ở cửa hiệu, bỗng trong bếp phát ra một tiếng “ùng” rất mạnh. Cửa hiệu rung chuyển, những hộp bánh kẹo bằng sắt tây rơi từ trên giá gỗ xuống, kính vỡ loảng xoảng, trên sàn nhà có tiếng rơi lộp bộp. Tôi nhảy xổ vào bếp, những luồng khói đen từ cửa bếp ùa vào phòng, và sau đó có tiếng nổ lép bép cùng tiếng kêu răng rắc.

Khokhol nắm lấy vai tôi:

– Đứng lại...

Ngoài cửa có tiếng kêu khóc của bà làm bếp.

– Ôi, mù ngọc...

Romass chui vào đám khói, kêu to, văng ra một câu chửi rất tục và hét:

– Im đi! Mang nước lại đây!

Trên sàn bếp, những thanh củi bốc khói, vỏ bào bốc cháy, gạch nằm ngổn ngang, miệng lò đen ngòm trống rỗng như mới được quét sạch. Tôi sờ thấy thùng nước trong đám khói mờ mịt, hắt nước vào lửa trên sàn rồi lại quẳng những thanh củi vào bếp lò.

– Cẩn thận! – Khokhol vừa nói vừa dắt tay bà làm bếp, đẩy bà ta vào phòng và ra lệnh:

– Khóa cửa hiệu lại! Phải cẩn thận đấy, Maksimich! Có thể còn nổ nữa... – Nói rồi anh ngồi xổm, xem xét những thanh củi mà tôi vừa mới quẳng vào lò.

– Anh làm gì thế?

– Chà! Trông đây này!

Anh giơ cho tôi xem một thanh củi tròn nứt toác, tôi nhìn thấy bên trong có một lỗ khoan ám khói trông rất kì lạ.

– Anh rõ chưa? Bọn quý sứ đã nhồi thuốc nổ vào củi. Đồ ngốc! Một funt thuốc nổ thì làm được cái quái gì kia chứ?

Anh đặt thanh củi sang một bên, vừa rửa tay vừa nói:

– May mà Aksinya đã đi ra ngoài sân, không thì giập xương mất...

Luồng khói đầy khí than đã tan, tôi thấy bát đĩa trong ngăn tủ bị vỡ, toàn bộ các ô cửa kính bị sức ép của vụ nổ bắn văng khỏi khung cửa sổ, gạch ở cửa lò cũng long ra.

Tôi không bằng lòng với sự bình tĩnh của Khokhol trong giờ phút này. Hình như cái việc ngu xuẩn ấy không làm anh tức giận chút nào. Ngoài đường, bọn trẻ con chạy loăng quăng và kêu inh ỏi:

– Nhà Khokhol cháy! Cháy!

Một mục nào đó khóc lóc than thở. Aksinya ở trong phòng kêu lên lo lắng:

– Mikhailo Antonich, người ta đang phá cửa hiệu xông vào!

– Này, này, khê chứ! – Anh vừa nói vừa lấy khăn mặt lau bộ râu cằm ướt sũng.

Những bộ mặt lông lá, nhăn nhó vì sợ hãi và tức giận ngó qua các ô cửa sổ để ngó, mắt nheo lại vì khói cay. Một người rú lên, vẽ kích động:

– Tổng cổ bọn chúng nó ra khỏi làng! Nhà chúng nó hay có chuyện om sòm lắm! Cái gì thế?

Một gã bần nông bé nhỏ tóc hung vừa làm dấu thánh giá vừa mấp máy môi và định chui qua cửa sổ, nhưng không chui lọt. Tay phải gã cầm chiếc rìu, còn tay trái thì run run nắm bệ cửa sổ, nhưng bị tuột tay.

Romass cầm thanh củi trong tay, hỏi gã:

– Mà định leo đi đâu?

– Vào chữa cháy, anh bạn ạ...

– Có cháy chiếc gì đâu nào...

Gã bần nông sợ hãi há hốc mồm, linh mất. Romass bước ra bậc tam cấp của cửa hiệu, giơ thanh củi lên và nói với đám người đứng đó:

– Trong các anh có người đã nhồi thuốc nổ vào thanh củi tròn này rồi nhét vào ống củi của chúng tôi. Nhưng thuốc nổ ít quá nên chẳng ăn thua gì cả...

Tôi đứng sau Khokhol, nhìn đám đông và nghe gã bần nông cầm rìu kể với vẻ sợ hãi:

– Nó dám vung thanh củi lên dọa tôi...

Gã lính Kostin say khướt hét toáng:

– Tổng cổ nó đi, đồ yêu quái! Lôi nó ra tòa...

Nhưng số đông đều im lặng, chăm chú nhìn Romass và hoài nghi nghe anh nói tiếp:

– Muốn làm nổ tung một căn nhà gỗ cần phải có nhiều thuốc nổ. Thôi, các người giải tán đi thôi...

Có người hỏi:

– Trưởng thôn đâu?

– Cần phải đi tìm cảnh sát thôn.

Mọi người giải tán chậm chạp, miễn cưỡng như tiếc rẻ một cái gì đó.

Chúng tôi ngồi vào bàn uống trà. Aksinya rót nước cho mọi người, lúc này trông bà dịu dàng và phúc hậu hơn bao giờ hết. Bà liếc nhìn Romass với vẻ thông cảm:

– Anh không kiện cho chúng một mẻ, thành thử chúng cứ tác oai tác quái mãi.

– Họ làm thế mà anh không tức giận à? – Tôi hỏi.

– Không có đủ thì giờ để tức giận từng hành động ngu xuẩn như vậy được.

Tôi nghĩ bụng: “Giá tất cả mọi người đều bình tĩnh giải quyết công việc của mình như vậy nhỉ!”

Nhưng anh đã chuyển sang nói chuyện sắp đi Kazan và hỏi tôi xem cần mang những sách gì về.

Đôi khi tôi cảm thấy trong tâm hồn anh có một thứ máy móc đang chạy như máy của một chiếc đồng hồ, nó đã được lên dây cót từ khi anh sinh ra và cứ thế chạy suốt đời. Tôi yêu mến Khokhol và rất kính trọng anh, nhưng tôi muốn anh bực tức với tôi hoặc với một người nào đó, muốn anh quát tháo và giậm chân, dù chỉ một lần thôi. Song hình như anh không muốn hoặc không thể bực tức. Khi người ta châm chọc anh bằng những hành động ngu xuẩn hoặc đê tiện, anh thường chỉ nheo cặp mắt xám với vẻ giễu cợt, nói một câu gì đó, thường là rất đơn giản và tàn nhẫn, bằng lời lẽ ngắn gọn và lạnh lùng.

Chẳng hạn như có lần anh hỏi Suslov:

– Lão già kia, lão sống đạo đức giả như thế để làm gì, hả?

Cặp má vàng bủng và cái trán của ông lão từ từ chuyển thành màu đỏ tía. Hình như chân những sợi râu bạc phơ của ông lão cũng biến thành màu đỏ.

– Việc đó nào có lợi gì cho lão đâu, mà lão còn mất uy tín là đằng khác.

Suslov cúi đầu đồng ý:

– Đúng, không có lợi thật!

Sau đó Suslov nói với Izot:

– Anh ta mới thật là người biết dẫn đường chỉ lối! Chúng ta cần phải lựa chọn những người như vậy làm quan mới được...

... Romass dạn dò văn tắt và rõ ràng những điều tôi cần phải làm khi anh đi vắng. Tôi có cảm tưởng anh đã quên việc người ta định dùng vụ nổ để dọa nạt anh như là người ta quên việc bị ruồi muỗi đốt vậy.

Pankov bước tới, anh nhìn quanh bếp lò và cau mày hỏi:

– Các anh không sợ à?

– Ồ, có gì đáng sợ đâu?

– Chiến tranh đấy!

– Ngồi xuống đây uống trà đã.

- Nhà tôi đang đợi.
- Anh ở đâu về thế?
- Đi đánh cá. Đi với Izot.

Anh trở ra. Khi đi qua bếp, anh nhắc lại với vẻ đăm chiêu:

- Chiến tranh đấy.

Anh thường nói với Khokhol bằng những lời vắn tắt y như họ đã nói hết với nhau từ lâu tất cả mọi điều quan trọng và phức tạp. Tôi nhớ có lần sau khi nghe Romass kể câu chuyện về triều đại Ivan Grozny, Izot nói:

- Một ông vua chán chết!
- Một tên đồ tể. – Kukushkin bổ sung.

Còn Pankov thì nói với vẻ quả quyết:

– Hãn chẳng lấy gì làm sáng suốt. Hãn đã sát hại các vương công và thay thế vào đó những tên tiểu quý tộc. Hãn còn rước về bọn ngoại quốc nữa. Như thế đúng là thiếu sáng suốt. Tiểu địa chủ tồi hơn đại địa chủ. Con ruồi không phải như chó sói; dùng súng không bắn chết nó được, nhưng nó quấy rầy còn khổ hơn là chó sói.

Kukushkin đến, tay xách thùng đất sét nhào với nước. Anh vừa lấy gạch xây lại bếp lò vừa nói:

– Lũ quý ấy cứ tưởng bở! Ngay đến con rắn trên mình cũng không thể giết được còn định đi giết người khác! Antonich, anh đừng chờ nhiều hàng về cùng một lúc, tốt hơn cả là chờ về in ít thôi, nhưng thường xuyên hơn, không có thì coi chừng đấy, người ta sẽ thiêu cả anh cho mà xem! Hiện nay anh đang tổ chức cái đó, anh hãy liệu mà đón lấy tai họa!

“Cái đó” ở đây ám chỉ nhóm của các chủ vườn hoa quả, “cái đó” làm cho bọn phú nông trong làng rất khó chịu. Khokhol nhờ sự giúp đỡ của Pankov, Suslov và thêm hai, ba bần nông biết điều, hầu như đã thu xếp ổn thỏa “cái đó”. Đa số những người trong làng bắt đầu có thái độ tốt với Romass, số người mua hàng ở cửa hiệu tăng lên rõ rệt, ngay cả những bần nông “vô dụng” như Barinov và Migun cũng cố gắng giúp đỡ Khokhol bằng mọi cách.

Tôi rất thích Migun, tôi yêu những bài hát hay và buồn của bác ta. Khi hát, bác thường nhắm mắt lại, lúc đó khuôn mặt đau khổ của bác không còn bị co giật nữa. Bác sống trong những đêm tối trời, khi bầu trời không có trăng hoặc ánh trăng bị những đám mây dày đặc che khuất. Có hôm, ngay từ chập tối bác đã bảo nhỏ tôi:

– Lát nữa ra sông Volga nhé!

Ra tới bờ sông, tôi thấy bác đang ngồi ở đuôi con thuyền độc mộc nhỏ của bác, hai chân đen sì và cong cong thả xuống mặt nước đen ngòm. Bác vừa sửa lại những dụng cụ bị cấm dùng để đánh cá tầm, vừa thì thầm:

– Khi mà bọn quý tộc nhạo báng tôi, thôi được, tôi có thể chịu đựng, chớ má thật, chúng nó có địa vị, biết được những điều mà tôi không biết. Nhưng khi một ông bạn bần nông chèn ép tôi thì làm sao tôi có thể chịu đựng được? Chúng ta khác gì nhau? Họ có trong túi đồng rúp, còn tôi chỉ có đồng kopek thôi, khác nhau chỉ có thế!

Khuôn mặt Migun giần giật một cách đau đớn, lông mày nhướn lên, ngón tay động đậy rất nhanh, bác vừa tháo vừa lấy giữa giữa nhọn những lưỡi câu, giọng nói chân thành của bác khẽ vang lên:

– Tôi bị coi là một tên ăn trộm, đúng, tôi là kẻ có tội! Nhưng tất cả mọi người cũng đều sống bằng nghề trộm cướp cả thôi, tất cả đều hút máu và cắn xé lẫn nhau. Thật vậy. Chúa không ưa chúng ta, nhưng quý lại nuông chiều chúng ta.

Dòng sông đen sẫm trườn bên cạnh chúng tôi, những đám mây đen bay ngang trời; trời tối quá, không thể trông thấy bờ bên kia của cánh đồng cỏ. Những gợn sóng khẽ dạt vào bãi cát ở bờ sông, rửa sạch chân tôi như muốn kéo tôi đi cùng vào bóng tối vô tận trôi về đâu không rõ.

– Con người ta cần phải sống chứ? – Migun vừa thở dài vừa hỏi.

Ở trên núi vọng xuống tiếng chó sủa buồn bã. Như qua một giấc mơ, tôi nghĩ: “Nhưng sống như bác thế này thì sống làm gì kia chứ?”

Mặt sông yên tĩnh, đen ngòm đầy ghê sợ. Bóng tối ấm áp bao trùm và trải dài vô tận.

– Người ta sẽ giết Khokhol mất. Coi chừng, họ sẽ giết cả anh nữa đấy. –
Migun lẩm bẩm, rồi đột nhiên khẽ hát một bài:

Mẹ tôi yêu mến tôi,

Người thường hay nói:

– *Yasha, con ơi,*

Con yêu quý của mẹ,

Con hãy sống lặng lẽ...

Bác nhắm mắt, giọng bác cất lên mạnh mẽ hơn và da diết hơn, ngón tay vừa tháo sợi dây câu vừa từ từ động đậy:

Tôi không nghe lời mẹ,

Ôi, tôi chẳng chịu nghe...

Tôi có một cảm giác kì lạ: Dường như đất dưới chân tôi bị dòng nước đen ngòm nặng nề xói lở, đang sụt xuống, còn tôi thì trượt và rơi từ mặt đất xuống một chốn tối om, nơi mặt trời vĩnh viễn bị vùi lấp.

Migun kết thúc bài hát cũng đột ngột như lúc bắt đầu. Bác lặng lẽ đẩy chiếc thuyền xuống nước, ngồi vào đó rồi gần như im lìm biến mất trong bóng tối. Tôi nhìn theo bóng bác và suy nghĩ.

“Những con người ấy sống để làm gì nhỉ?”

Tôi có một người bạn khác là Barinov. Tính anh ta bừa bãi, khoác lác, lười biếng, hay đặt điều và lang bạt không thể ở đâu yên. Anh đã từng sống ở Moskva. Anh vừa khạc nhổ vừa nói về Moskva như sau:

– Đây là một thành phố địa ngục! Hồ lớn. Nhà thờ có tới mười bốn ngàn lẻ sáu cái, còn dân chúng thì toàn bọn bịp bợm. Tất cả đều ghẻ lở như lũ ngựa, thật đấy! Bất chấp là thương gia, quân nhân hay tiểu thị dân – tất cả đều vừa đi vừa gãi. Đúng, ở đây có súng thần công, một vật khổng lồ! Chính tay Pyotr Đại đế đúc để bắn bọn phiến loạn. Có một mục quý tộc vì tình đã nổi dậy chống ông ta. Ông ta chung sống với mục đúng bảy năm, ngày này qua ngày khác, sau đó bỏ mục cùng với ba đứa con. Mục ta tức giận, và thế là nổi loạn. Ông anh có biết không, cứ mỗi lần súng thần công của ông ta nổ vào bọn phiến loạn là lập tức chín ngàn ba trăm linh tám

người bị chết. Ngay cả ông ta cũng hoảng sợ. Ông nói với đức tổng giám mục Filaret: “Không được, phải bít cái của khi ấy lại kéo nó cứ cám dổ!” Thế là người ta bít lại...

Tôi nói với Barinov rằng tất cả những chuyện đó đều nhằm nhí, anh ta tức giận:

– Trời ơi! Anh này mới khó tính chứ! Câu chuyện này là do một người thông thái kể tỉ mỉ cho tôi nghe, thế mà anh...

Barinov cũng đã từng tới Kiev “lễ thánh”, anh kể:

– Thành phố ấy cũng nằm trên đồi núi như làng ta, cũng có một con sông, nhưng tôi quên mất tên rồi. So với sông Volga thì con sông đó chỉ giống như một cái ao nhỏ! Nói thẳng ra, thành phố ấy rất hỗn loạn. Tất cả các đường phố đều quanh co và dộc. Dân ở đấy toàn là người Khokhol, nhưng không như Mikhailo Antonovich, mà là nửa Ba Lan, nửa Tatar. Họ chỉ nói lúng búng, không nói to. Người nào đầu tóc cũng rối bù, bấn thiêu. Họ ăn nhái, mỗi con nhái ở đó nặng khoảng mười funt. Họ cưỡi bò và thậm chí dùng bò để cày. Bò của họ thật là tuyệt, con bé nhất cũng to gấp bốn lần bò của chúng ta. Mỗi con nặng tám mươi ba pood. Ở đấy, có năm mươi bảy ngàn tu sĩ và hai trăm bảy mươi ba giáo chủ... Ồ, anh này rõ lạ chữa! Anh làm sao tranh cãi nổi với tôi? Tất cả cái đó chính mắt tôi đã trông thấy, còn anh, anh đã đến đấy chưa? Chưa đến. Đó! Ông anh thấy đấy, tôi ưa nhất là những điều chính xác...

Barinov thích dùng con số, tôi dạy cho anh biết tính cộng và tính nhân, nhưng anh lại không chịu học tính chia. Anh say mê nhân những con số lớn và thường hay bị nhầm lẫn. Anh lấy gậy viết lên cát một dãy số dài rồi nhìn những con số đó bằng cặp mắt tròn xoe ngây thơ đầy kính ngạc. Anh thốt lên:

– Con số này không ai có thể đọc nổi!

Anh là người luộm thuộm, đầu tóc rối bù, quần áo rách rưới, khuôn mặt anh có thể nói là đẹp, anh có bộ râu cằm loăn xoăn nom vui nhộn, cặp mắt xanh luôn nheo cười với nụ cười ngây thơ. Ở anh và Kukushkin hình như có điểm gì giống nhau, và có lẽ vì vậy mà họ xa lánh nhau.

Barinov đã hai lần tới biển Caspian đánh cá, anh luôn luôn mơ tưởng đến biển:

– Ông anh ơi, không thể ví biển với bất cứ cái gì được. Đứng trước biển anh chỉ như một con ruồi thôi. Nếu anh nhìn ra biển, anh sẽ có cảm giác như không thấy mình đâu nữa! Cuộc sống ở đây thật là thú vị. Mọi người đều đổ xô ra biển, ngay cả một ông tu viện trưởng cũng ra đó. Ông ta đâu phải loại thường, cũng là người làm việc. Lại có cả một ả làm bếp nữa, cô ta vốn là nhân tình của một ông biện lí. Anh xem, như vậy thì còn đòi gì nữa? Nhưng cô ả không chịu và đã nói với ông kia: “Anh biện lí ạ, anh đối với em rất tốt, nhưng dù sao thì cũng xin từ biệt anh!” Bởi vì rằng ai đã nhìn thấy biển, dù chỉ một lần thôi, người đó sẽ lại bị hấp dẫn tới đó. Ở đây rộng mênh mông như ở trên trời vậy, không có cảnh chen chúc xô đẩy nhau! Tôi cũng sẽ tới đó ở suốt đời. Tôi không thích đông người, có vậy thôi! Tôi muốn sống như một ẩn sĩ ở sa mạc, nhưng tôi chưa biết sa mạc nào tốt...

Anh ta giống như một con chó vô chủ chạy loăng quăng trong làng; mọi người khinh bỉ anh nhưng vẫn nghe những câu chuyện của anh một cách say sưa như nghe những bài hát của Migun vậy.

– Hẳn nói láo tài thật! Kể cũng hay!

Những chuyện bịa đặt của anh ta đôi khi làm chockả đầu óc những người thực tế như Pankov phải bối rối. Một hôm bản nông hay hoài nghi ấy đã nói với Khokhol:

– Barinov chứng minh rằng sách vở chưa nói hết về Grozny, còn nhiều điều bí ẩn. Hình như Grozny vốn là một con ma hiện hình, hay biến thành một con chim đại bàng. Do đó, từ thời hãn làm vua, người ta mới khắc chim đại bàng trên những đồng tiền để kỉ niệm hãn.

Đã bao lần tôi nhận thấy rằng người ta thích những chuyện bịa đặt kì quái, đôi khi được bịa ra một cách vụng về, hơn là những câu chuyện đúng đắn về cuộc sống thực.

Nhưng khi tôi nói với Khokhol điều ấy thì anh chỉ mỉm cười:

– Cái đó rồi sẽ qua! Chỉ cần mọi người học được cách suy nghĩ là họ khắc biết tìm đến chân lí. Anh cần phải hiểu cả những con người kì lạ như Barinov và Kukushkin nữa. Nên biết, đó là những nghệ sĩ, những nhà sáng tác. Có lẽ Jesus cũng là một con người kì lạ như vậy. Anh phải đồng ý với tôi rằng nhiều chuyện Jesus bịa cũng khá đấy chứ...

Tôi lấy làm lạ rằng tất cả những người này rất ít và không thích nói đến Chúa. Chỉ có ông lão Suslov là thường nói về tin chắc:

– Tất cả đều do ý Chúa!

Nhưng bao giờ tôi cũng nghe thấy trong lời nói ấy có cái gì tuyệt vọng, sống với những người này rất thú vị, trong những đêm trò chuyện tôi đã học được ở họ nhiều điều. Tôi có cảm tưởng rằng mỗi vấn đề Romass nêu lên giống như một cây cổ thụ đâm sâu rễ vào cuộc sống, ở đó, trong lòng cuộc sống, những nhánh rễ này bện chặt với rễ của một cây cổ thụ khác cũng to lớn như vậy, và trên mỗi cành cây đều nảy nở những ý nghĩ chói lọi, những lời nói ngân vang. Tôi cảm thấy mình lớn lên và hút được chất mật bổ dưỡng của sách vở. Tôi ăn nói đã vững vàng hơn, và nhiều lần Khokhol đã phải vừa mỉm cười vừa khen tôi:

– Maksimich, anh hành động khá lắm!

Tôi cảm ơn anh về những lời khen ngợi ấy biết chừng nào!

Pankov thỉnh thoảng cũng dẫn vợ đến. Chị ta nhỏ nhắn, khuôn mặt dịu dàng và cặp mắt xanh thông minh, ăn mặc “theo lối tỉnh thành”. Chị rón rén ngồi một góc, môi mím chặt với vẻ khiêm tốn, nhưng một lát sau chị há hốc miệng ngạc nhiên và cặp mắt mở to sợ hãi. Đôi lúc nghe thấy một lời sắc sảo, chị cười ngượng nghịu và lấy tay che mặt. Còn Pankov thì nháy mắt ra hiệu cho Romass:

– Cô ấy cũng hiểu đấy nhé!

Thường có một số người điệu bộ thận trọng hay lui tới chỗ Khokhol. Khokhol cùng với họ lên gác thượng, chỗ tôi ở, và ngồi đấy hàng giờ.

Aksinya đưa thức ăn và nước uống lên cho họ; họ ngủ ở đấy, không ai trông thấy cả, trừ tôi và bà làm bếp trung thành với Romass như một con

chó trung thành với chủ, bà luôn miệng cầu nguyện cho anh ta. Đêm đêm, Izot và Pankov chở thuyền đưa những vị khách này lên một chiếc tàu thủy đi ngang qua hoặc đưa họ tới bến tàu ở Lobyshki. Từ trên núi, tôi theo dõi chiếc thuyền bé bằng hạt đậu thấp thoáng trên dòng sông đen sẫm hoặc bàng bạc dưới ánh trăng, một ánh đèn lung linh trên mặt nước thu hút sự chú ý của viên thuyền trưởng. Tôi nhìn và cảm thấy như mình đang tham dự vào một công việc to lớn, bí mật.

Mariya Derenkova từ thành phố về, nhưng tôi không còn thấy ở cô ta cái nhìn đã từng làm tôi bối rối nữa. Bây giờ tôi thấy cặp mắt của cô là cặp mắt của một cô gái sung sướng vì biết rõ vẻ đẹp của mình và vui mừng vì có một người to lớn để râu cằm đang theo đuổi. Anh nói chuyện với cô cũng với vẻ bình thản và hơi có chút giấu cợt như với tất cả mọi người, chỉ khác ở chỗ là anh hay vuốt râu và cặp mắt của anh sáng lên một cách ấm áp hơn. Giọng nói thanh thanh của cô vang lên vui vẻ, cô mặc áo dài xanh, trên mái tóc vàng óng buộc một chiếc nơ xanh. Đôi bàn tay trẻ con của cô không lúc nào yên, dường như đang tìm cách nắm lấy một vật gì đó. Cô hầu như luôn miệng khe khẽ hát, miệng không há to, và lấy khăn mùi soa phe phẩy khuôn mặt hồng hào nom mệt mỏi. Ở cô như có cái gì khiến tôi phải bối rối khác trước, khó chịu và bức bối. Tôi cố sức tránh gặp mặt cô.

Vào trung tuần tháng Bảy Izot bỗng nhiên mất tích. Có tin đồn rằng anh bị chết đuối. Khoảng hai ngày sau, tin đó đã được xác thực: Cách làng khoảng bảy dặm xuôi theo dòng sông, người ta thấy chiếc thuyền của anh bị thủng đáy và mạn thuyền vỡ dạt vào phía bờ sông giáp cánh đồng cỏ. Người ta đoán tai nạn này có lẽ vì Izot ngủ quên và thuyền của anh đâm vào mũi ba chiếc sà lan đậu cách làng khoảng năm dặm xuôi theo dòng sông.

Khi xảy ra tai họa, Romass đang ở Kazan. Tối hôm đó, Kukushkin tới cửa hiệu tìm tôi. Anh ngồi xuống đồng bao tải, uể oải, lặng thinh nhìn xuống chân, rồi vừa hút thuốc vừa hỏi:

- Khi nào Khokhol về?
- Tôi không rõ.

Anh bắt đầu lấy lòng bàn tay xát mạnh vào khuôn mặt sứt sẹo, khẽ chửi những câu tục tằn rồi gầm lên như bị hóc xương.

– Anh làm sao thế?

Anh cắn môi, liếc nhìn tôi. Cặp mắt anh đỏ ngầu, hàm răng run cầm cập. Thấy anh không nói được, tôi lo lắng chờ đợi một tin buồn. Cuối cùng, anh nhìn ra ngoài đường, cố gắng lắm mới lắp bắp được mấy câu:

–Tôi cùng đi với Migun. Xem chiếc thuyền của Izot. Đáy thuyền có vết rìu bổ, anh rõ chưa? Nghĩa là Izotuska^[73] bị giết! Nhất định thế...

Anh vừa lắc đầu vừa chửi rủa không tiếc lời, giọng nói nóng nảy, khô khan của anh nghe như nước nở, sau đó anh im lặng và bắt đầu làm dấu thánh giá. Tôi không thể chịu nổi khi nhìn thấy bần nông này muốn khóc mà không khóc được và không biết sao để khóc. Toàn thân anh run lên, nghệt thở vì tức giận và buồn rầu. Anh đứng bật dậy, lắc đầu, bỏ đi.

Chiều hôm sau, bọn trẻ con tắm sông thấy xác Izot nằm dưới gầm một chiếc sà lan hỏng. Chiếc sà lan nằm chếch phía trên làng một chút, nửa đáy ghềch lên những tảng đá ở bờ sông, nửa kia ngâm dưới nước. Thân hình dài thườn thưỡn của Izot nằm sóng soài dưới chiếc sà lan, gần phần đuôi, người mắc vào chỗ bánh lái hỏng nát. Anh nằm úp mặt xuống đất, sọ bị bổ vỡ toang, trống rỗng, nước đã xói hết óc ra ngoài. Chàng đánh cá ấy bị người ta bổ rìu từ phía sau, gáy anh như bị một nhát rìu đẽo vạt. Dòng nước chảy lay động xác Izot, đẩy hai chân anh dạt vào bờ, làm động đập hai cánh tay. Có cảm giác như anh đang gắng sức bò lên bờ.

Khoảng hai chục tên phú nông đứng trên bờ, vẻ mặt đăm chiêu và cau có, còn các bần nông thì chưa đi làm đồng về. Viên trưởng thôn, một tên bất lương và nhút nhát, vừa chạy ngược chạy xuôi vừa vung vẩy chiếc ba toong. Hắn khịt khịt mũi và đưa ống tay áo sơ mi màu hồng lên quệt. Tên chủ hiệu Kuzmin to béo, bụng phệ, đứng dạng hai chân, hết nhìn tôi lại nhìn Kukushkin. Hắn cau mày hăm dọa, nhưng nước mắt đã ứa ra trong cặp mắt trắng dã, và tôi thấy bộ mặt rỗ của hắn có vẻ tội nghiệp.

– Ôi, thật là đểu giả! – Viên trưởng thôn vừa khóc vừa chạy lon ton bằng đôi chân không không.– Chao ôi, bọn bần nông tệ quá!

Cô con dâu của hắn, một cô ả béo ụt ịt, ngồi trên tảng đá, mắt lơ lơ nhìn xuống mặt nước, tay run run làm dấu thánh giá. Miệng cô ả mấp máy, môi dưới dày và đỏ choét trể xuống trông thật khó coi, nom như mồm chó, để lộ hàm răng vàng khè như răng cừu.

Đám con gái và trẻ con từ trên núi đổ xuống như những hòn đất; những bần nông, mình đầy bụi, vội vã đi tới. Trong đám đông có tiếng nói lao xao khe khẽ và dè dặt:

- Lão bần nông ấy hay gây sự lắm.
- Ai kia?
- Kukushkin, hắn là một tay hay gây sự...
- Một mạng người chết oan...
- Izot vốn là người hiền lành...
- Hiền lành à? – Kukushkin vừa xông đến chỗ đám bần nông vừa la lớn.
- Thế tại sao các người lại giết anh ta, hả? Quân dê tiện!

Đột nhiên có một mục nào đó cười rộ lên như người loạn thần kinh. Tiếng cười của mục giống như một cái roi mây quất vào đám đông. Đám bần nông thét lên, xông vào nhau, chửi bới, kêu gào ầm ĩ. Kukushkin nhảy bổ đến chỗ tên chủ hiệu, vung tay tát vào cái má xù xì của hắn.

– Này, đồ súc sinh!

Anh vung hai nắm đấm, rồi lập tức nhảy ra khỏi đám ẩu đả và cất tiếng gọi tôi, giọng gần như vui vẻ:

– Đi đi, họ sắp đánh nhau đấy!

Anh đã bị đánh. Anh nhổ máu ở chỗ môi bị rách ra, nhưng khuôn mặt anh ánh lên niềm vui sướng...

– Anh có trông thấy tôi tát thẳng Kuzmin không?

Barinov chạy đến chỗ chúng tôi, hoảng hốt nhìn đám đông đang xúm lại bên chiếc sà lan. Từ đám đông phát ra giọng viên trưởng thôn:

– Không, anh phải nói rõ, tôi nể nang ai nào? Anh nói đi!

– Ta phải chuồn ngay khỏi đây thôi.– Barinov vừa càu nhàu vừa đi lên dốc.

Buổi chiều hôm ấy thật là oi bức, không khí nặng nề, ngột ngạt làm người ta thấy khó thở. Mặt trời đỏ tía đã lặn vào đám mây xanh dày đặc, phản chiếu ánh đỏ lấp lánh trên các bụi cây. Đâu đây có tiếng sấm ì ầm.

Trước mặt tôi là cái xác của Izot đang động đậy. Trên cái sọ vỡ, những sợi tóc thẳng ra xuôi theo dòng nước như dựng đứng cả lên. Tôi nhớ lại giọng khàn khàn và những lời nói rất hay của anh:

“Trong mỗi người đều có cái ngây thơ, cũng cần phải dựa vào cái ngây thơ đó! Thí dụ như Khokhol chẳng hạn: Anh ta có vẻ sắt đá, nhưng tâm hồn lại rất ngây thơ!”

Kukushkin bước bên cạnh tôi, tức giận:

– Rồi tất cả bọn mình cũng đến bị như thế... Trời ơi, thật là ngu xuẩn!

Khoảng hai ngày sau, mãi khuya Khokhol mới về. Chắc anh rất hài lòng về chuyện gì đó, nên có vẻ dịu dàng khác thường. Khi tôi mở cửa cho anh vào nhà, anh vỗ vai tôi:

– Maksimich, anh lại thiếu ngủ rồi!

– Izot bị giết rồi.

– Sa-ao?

Đôi gò má anh phồng lên như những cái u và bộ râu cầm rung rung như những dòng nước chảy rờn rờn xuống ngực. Quên cả bỏ mũ, anh đứng giữa phòng, nheo mắt và lắc đầu:

– Thế đấy. Không biết ai giết chứ? Phải, tất nhiên... – Anh từ từ bước tới cửa sổ và ngồi ở đó, hai chân duỗi ra. – Tôi đã bảo anh ta rồi mà... Có cấp trên nào đến chưa?

– Hôm qua có viên trưởng thôn đến.

– Thế, kết quả ra sao? – Anh hỏi rồi lại tự trả lời. – Tất nhiên là chẳng được gì?

Tôi bảo anh rằng viên trưởng thôn, giống như mọi khi, đứng về phía Kuzmin và ra lệnh bỏ tù Kukushkin vì tội đã tát tên chủ hiệu.

– Hừ, thế thì còn biết nói gì nữa!

Tôi xuống bếp đun nước.

Trong lúc uống trà, Romass nói:

– Đám dân này thật đáng thương, họ giết chết những người ưu tú của họ. Có thể là họ sợ những người đó. Những người đó “không hợp rơ” với họ, như ở đây người ta vẫn thường nói. Lúc tôi bị đày đi Siberla, một người tù khổ sai đã kể cho tôi nghe một câu chuyện. Hãn làm nghề ăn cắp, hãn có cả một bọn năm người. Bỗng một hôm một người nói: “Các cậu ạ, chúng mình nên bỏ cái nghề ăn cắp này đi, dù sao thì cũng sống hoà sống khổ!” Thế là vì câu nói đó, bọn chúng đã bóp cổ anh ta khi anh ta say rượu ngủ mê. Người tù khổ sai không tiếc lời khen người bị giết, hãn nói: “Tôi không thương tiếc ba người mà sau này tôi đã trừ khử, cho tới nay tôi chỉ tiếc mỗi anh bạn ấy, anh ta là một người tốt, thông minh, vui vẻ, có tâm hồn trong sạch.” Tôi hỏi: “Vì sao các anh lại giết anh ấy, các anh sợ anh ấy tiết lộ chứ gì?” Hãn tỏ vẻ bức mình: “Không phải, anh ta sẽ không vì tiền hoặc vì bất cứ thứ gì mà tiết lộ đâu! Chỉ vì chúng tôi không hợp làm bạn với anh ta nữa, tất cả chúng tôi toàn là những người có tội, còn anh ta thì dường như là một người chính trực. Như thế không được!”

Khokhol đứng dậy và đi lại trong phòng, hai tay chắp sau lưng, môi ngâm tẩu, anh mặc chiếc áo sơ mi trắng kiểu Tatar dài đến tận gót chân. Anh giậm chân đến thành một cái rồi khẽ nói, vẻ trầm ngâm:

– Đã nhiều lần tôi thấy cái cảnh người ta sợ hãi người chính trực, người ta gạt bỏ người tốt ra khỏi cuộc sống. Có hai kiểu đối xử với những người này: Hoặc là người ta tìm mọi cách thủ tiêu họ sau khi đã săn đuổi họ rất khéo, hoặc là lấy lòng họ, khúm núm trước mặt họ như những con chó. Thái độ thứ hai ít gặp hơn. Còn học cách sống của họ, bắt chước họ thì người ta lại không thể làm được và không biết làm. Cũng có thể là không thích chẳng?

Anh cầm lấy cốc nước chè nguội lạnh, tiếp:

– Có thể là người ta không thích! Anh thử nghĩ xem: Người ta tốn nhiều công mới tạo ra được cho mình một cuộc sống yên ổn, họ đã quen với nếp sống ấy rồi, bỗng nhiên có một người nào đó phản đối họ và nói: “Các anh sống như vậy không được!” Không được à? Nhưng chúng tôi đã dốc hết phần sức lực dồi dào nhất của mình vào cuộc sống ấy rồi, anh rút đi cho rảnh mắt! Hãy nện cho ông thầy, người chính trực ấy một trận. Chớ có quấy rầy! Dù sao thì chân lí đầy sức sống vẫn thuộc về những người nói câu “Các anh sống như vậy không được!” Chân lí thuộc về họ. Như thế chính là họ đẩy cuộc sống tiến lên phía trước tốt đẹp hơn.

Anh chỉ tay lên giá sách và nói thêm:

– Đặc biệt là những cuốn sách này! Chà, giá mà tôi biết viết sách thì tốt biết bao! Nhưng tôi không có tài làm việc ấy, vì những ý nghĩ của tôi rất nặng nề và lộn xộn.

Anh ngồi vào bàn, chống khuỷu tay, hai tay bóp đầu:

– Thương Izot quá đi mất...

Rồi anh ngồi im lặng hồi lâu.

– Thôi, chúng ta đi ngủ đi...

Tôi trở về gác thượng, ngồi bên cạnh cửa sổ. Trên cánh đồng bông nổi lên những tia chớp nguồn bao lấy nửa bầu trời. Dường như mỗi khi vết sáng đỏ trong suốt loang ra trên bầu trời thì mặt trăng lại rung mình sợ hãi. Tiếng chó sủa nã nùng. Nếu không có tiếng sủa ấy thì có thể tưởng như mình đang sống trên một hòn đảo hoang vắng. Có tiếng sấm ì ầm xa xa, một luồng hơi ấm nặng nề ngọt ngào lùa vào cửa sổ.

Trước mắt tôi là hình ảnh xác Izot nằm trên bờ, dưới bụi liễu. Khuôn mặt xanh xao của anh hướng lên trời, còn cặp mắt trong sáng như thủy tinh mang ánh nhìn cương trực, hướng nội. Bộ râu vàng óng dính bết lại thành những cục nhọn hoắt, bên trong ẩn náu cái miệng há ra một cách kì quái.

“Maksimich ạ, cái chính là lòng tốt, là sự thân ái! Tôi thích ngày lễ Phục sinh, bởi vì đó là ngày lễ thân ái nhất!”

Chiếc quần dài xanh khô cong vì nắng gắt dính chặt vào hai bắp chân xanh lợt của Izot được nước sông Volga rửa sạch. Ruồi nhặng kêu vo ve trên mặt anh; từ cái xác ấy bốc lên mùi tanh lợm nồng nặc.

Có tiếng bước chân nặng nề trên cầu thang. Romass khom lưng chui qua cửa rồi bước vào, anh ngồi xuống giường tôi, một tay nắm bộ râu cằm.

– Anh có biết không, tôi sắp lấy vợ! Thật đấy!

– Phụ nữ tới đây ở, e không chịu nổi...

Anh chăm chú nhìn tôi, như chờ đợi xem tôi sẽ nói gì thêm. Nhưng tôi không tìm ra chuyện gì để nói. Những ánh chớp tràn vào phòng làm cho gian phòng tràn ngập một thứ ánh sáng huyền ảo.

– Tôi sẽ lấy Masha^[74] Derenkov...

Tôi bất giác mỉm cười, vì trước đây tôi chưa hề nảy ra ý nghĩ rằng cô gái ấy lại có thể được gọi là Masha. Tôi không nhớ bố hoặc anh em cô có gọi cô là Masha như vậy không.

– Anh cười cái gì thế?

– Có gì đâu.

– Anh tưởng tôi già so với cô ấy ư?

– Ồ, không phải!

– Cô ấy nói với tôi rằng anh cũng đã từng yêu cô ấy

– Có lẽ đúng.

– Thế bây giờ thì thế nào? Thôi rồi chứ?

– Vâng, có lẽ là như vậy.

Anh buông bàn tay đang nắm râu ra và nói khẽ:

– Đối với lứa tuổi các anh thì chuyện đó thường là “có lẽ”, còn đối với lứa tuổi chúng tôi thì chuyện ấy không phải là “có lẽ” nữa, vả lại cũng không có sức để mà suy nghĩ!

Romass mỉm cười, để lộ hàm răng chắc khỏe, anh nói tiếp:

– Antony^[75] sở dĩ thua bá vương Octavianus ở Actium vì đã bỏ hạm đội và nhiệm vụ chỉ huy của mình, quay thuyền chạy theo Cleopatra khi

Cleopatra sợ hãi rời bỏ trận địa. Đấy, sức mạnh của tình yêu là thế đấy!

Romass đứng dậy, vươn vai và như buột miệng nhắc lại:

- Thế là tôi sắp lấy vợ rồi!
- Bao giờ?
- Mùa thu này. Khi chúng ta thu hoạch táo xong.

Anh bước ra, lúc đi ngang qua cửa, đầu anh cúi thấp hơn mức cần thiết. Tôi lên giường, nghĩ bụng có lẽ tốt hơn cả mùa thu này tôi sẽ rời khỏi nơi đây. Anh ta kể về Antony để làm gì? Tôi không thích câu chuyện đó.

Đã đến lúc thấy những loại táo chín sớm. Năm nay được mùa táo, những cành táo nặng trĩu quả sà xuống tận mặt đất. Mùi hăng hắc tỏa khắp các khu vườn, bọn trẻ con ríu rít ở đó, chúng nhặt nhanh những quả táo bị sâu ăn và những quả táo màu vàng, màu hồng bị gió làm rụng.

Vào những ngày đầu tháng Tám, Romass từ Kazan trở về, mang theo một thuyền hàng hóa và một thuyền nữa chất đầy hộp. Một buổi sáng ngày thường, vào khoảng tám giờ, Khokhol vừa mới tắm rửa, thay quần áo xong, sửa soạn uống trà và vui vẻ nói:

- Ban đêm bơi thuyền trên sông thật là tuyệt...

Bỗng anh khịt khịt mũi và hỏi với vẻ lo lắng:

- Hình như có mùi gì khen khét thì phải?

Ngay lúc ấy, ngoài sân vang lên tiếng gào thét của Aksinya:

- Cháy nhà!

Chúng tôi lao ra sân và nhìn thấy bức vách nhà kho phía vườn đang bốc cháy. Trong kho có để dầu hỏa, hắc ín và dầu mỡ. Suốt mấy giây chúng tôi sửng sốt nhìn những lưỡi lửa vàng rực bị ánh mặt trời sáng chói làm bạc màu, đang liếm bức vách và uốn cong lên mái nhà. Aksinya mang tới một thùng nước, Khokhol đổ hết thùng nước lên bức vách đang bốc cháy, sau đó quẳng thùng xuống và nói:

- Hồng hét rồi! Maksimich, lăn các thùng gỗ ra ngay đi! Aksinya, chạy ngay vào cửa hiệu đi thôi!

Tôi vội lăn thùng hắc ín ra ngoài sân rồi ra ngoài đường, sau đó quay trở lại lăn tiếp thùng dầu hỏa, nhưng khi tôi vừa xoay thùng dầu hỏa thì thấy nút thùng bị mở tung và dầu chảy lên láng ra mặt đất. Trong lúc tôi đi tìm nút, những ngọn lửa nhọn hoắt như những cái chêm, không chờ đợi tôi, đã lách qua phòng ngoài bằng ván ghép của nhà kho; mái nhà nổ lộp độp và có tiếng gì vang lên như giễu cợt. Lăn thùng dầu vơi ra đến ngoài, tôi nhìn thấy ở ngoài đường đàn bà và trẻ con từ khắp nơi vừa chạy tới vừa kêu rú lên.

Khokhol và Aksinya khuân hàng hóa trong cửa hiệu ra, chuyển vào khe. Một cụ già tóc bạc vận đồ đen đứng ở giữa đường, vừa giơ năm đấm đe dọa vừa kêu the thé:

– A–a–a, đồ quỷ sứ!...

Chạy trở vào nhà kho, tôi thấy trong kho mù mịt những khói, trong đám khói có tiếng kêu âm âm, tiếng nổ lộp độp. Những dải lửa đỏ ngoằn ngoèo từ mái nhà buông thõng xuống. Bức vách đã biến thành một hàng rào sắt đỏ rực. Khói làm tôi nghẹt thở và tối cả mắt. Tôi gắng sức lắm mới lăn được thùng dầu tới gần cửa kho, nhưng thùng bị mắc vào cửa, không lăn tiếp được nữa. Những tia lửa từ trên mái nhà rơi xuống người tôi, làm cháy cả da thịt. Tôi kêu cứu, Khokhol chạy tới nắm lấy tay tôi và kéo ra ngoài sân.

– Chạy đi! Nổ bây giờ...

Anh nhảy bổ vào phòng ngoài, tôi cũng chạy theo anh rồi lên gác thượng, trên đó tôi có để nhiều sách vở. Sau khi quăng hết sách qua cửa sổ, tôi định quăng theo cái hòm mũ, nhưng cửa sổ hẹp quá không nhét vừa cái hòm, tôi lấy quả cân nửa pood đập khung cửa. Đột nhiên, một tiếng nổ đình tai, trên mái nhà có tiếng rào rào, tôi hiểu rằng thùng dầu đã phát nổ. Mái nhà trên đầu tôi bắt đầu bốc cháy, nổ lép bép. Luồng lửa màu hung vừa chảy ròn ròn bên ngoài cửa sổ vừa ngó nhìn vào phía trong. Nóng quá, không thể nào chịu nổi, tôi liền lao về phía cầu thang, nhưng những đám khói dày đặc đã bốc lên, những con rắn đỏ lòm bò theo bậc cầu thang. Phía dưới, trong phòng ngoài, có tiếng răng rắc nghe như hàm răng sắt của ai đang gặm gỗ. Tôi bối rối quá. Bị khói làm mờ mắt và ngạt thở, tôi đứng lì

ra trong mấy giây, mấy giây ấy dường như dài vô tận. Một khuôn mặt vàng vàng, râu hung hung, ngó vào chiếc cửa sổ tò vò phía trên cầu thang, nhăn nhó với vẻ lo lắng rồi biến mất. Ngay khi ấy, những ngọn lửa giống như những ngọn giáo đâm máu đã đâm thủng mái nhà.

Tôi nhớ là lúc đó tôi cảm tưởng rằng tóc trên đầu tôi nổ lép lép, ngoài ra tôi không nghe thấy tiếng gì khác. Tôi hiểu rằng chết đến nơi rồi, hai chân tôi nặng trịch trịch, mắt đau nhức, mặc dù tôi đã lấy tay che kín.

Bản năng sinh tồn đã mách cho tôi một lối thoát duy nhất: Tôi ôm lấy đệm gối và bó vỏ cây gai, lấy cái áo lông cừu của Romass trùm lên đầu rồi nhảy qua cửa sổ.

Khi tôi tỉnh lại ở bờ khe, tôi thấy Romass ngồi xồm trước mặt:.

– Có việc gì không?

Tôi đứng dậy, ngơ ngác nhìn căn nhà gỗ của chúng tôi đã tiêu tan, tất cả biến thành những đám vỏ bào đỏ rực, những lưỡi lửa đỏ hồng như lưỡi chó liếm mảnh đất đen phía dưới ngôi nhà. Các cửa sổ thò ra những luồng khói đen, trên mái nhà xuất hiện những bóng hoa vàng rung rinh.

– Sao, có việc gì không? – Khokhol kêu lên.

Khuôn mặt anh đầm đìa mồ hôi và nhọ nhem bồ hóng. Anh khóc, nước mắt đục ngầu chảy ròng ròng, cặp mắt chớp chớp có vẻ sợ hãi, vỏ cây gai lẫn lộn cả trong bộ râu ướt sũng. Tình cảm mãnh liệt dạt dào ấy khiến tôi cảm thấy như có một làn sóng tươi vui giội khắp người. Thấy chân trái đau nhức, tôi nằm xuống và nói với Khokhol:

– Tôi bị sái chân.

Anh sờ nắn chân tôi rồi thình lình giật mạnh. Tôi thấy đau nhói, nhưng sau vài phút tôi vui sướng không sao tả siết. Tôi khập khiễng mang những món đồ đã chạy được tới nhà tắm của chúng tôi. Romass, miệng ngậm tẩu, vui vẻ nói:

– Tôi cứ đinh ninh rằng anh đã chết cháy khi thùng dầu nổ và dầu vọt tung lên cả mái nhà. Lửa dâng cao như một cái cột, rất cao, sau đó trên trời

bỗng xuất hiện thứ gì giống như cái nấm và toàn bộ căn nhà gỗ lập tức chìm trong biển lửa. Tôi cứ yên trí là Maksimich đi đời rồi!

Anh đã trở lại về bình tĩnh mọi khi. Anh xếp đặt gọn gàng đồ đạc thành một đống rồi nói với Aksinya lúc đó mặt mày nhem nhuốc, đầu tóc rối bù:

– Bà ngồi đây canh giữ đồ đạc kéo mất cắp, tôi đi chữa cháy đây.

Trong đám khói dưới khe có những mảnh giấy trắng bay lá tả.

– Chà. – Romass nói. – Tiếc đống sách quá! Toàn là sách quý cả...

Bốn căn nhà gỗ đã cháy rụi. Ngày hôm đó lặng gió, lửa từ từ lan sang bên phải và bên trái. Những cái móc lửa mềm dẻo bám lấy các hàng rào và mái nhà như miễn cưỡng. Cái lược lửa đỏ rực chải các mái nhà tranh, những ngón tay lửa cong queo sờ soạng các hàng rào, nô giỡn trên đó giống như gậy đàn gusli vậy. Trong không khí mù mịt khói, vang lên tiếng ca của ngọn lửa và tiếng tí tách khe kẽ của gỗ cháy, ngọn lửa như rên rỉ cười trên nỗi đau khổ của kẻ khác. Những “con quạ” lửa vàng chói từ đám khói sà xuống mặt đường và các sân nhà. Đám bần nông và đàn bà chạy ngược chạy xuôi một cách vô tích sự, ai nấy đều lo cho nhà mình và luôn miệng la ầm ĩ:

– Nước! Nước!

Nguồn nước rất xa, mãi tận chân núi, dưới sông Volga. Romass nhanh chóng tập hợp các bần nông lại thành một khối, anh vừa nắm lấy vai họ vừa đẩy, rồi phân họ thành hai tốp và ra lệnh phá các hàng rào và các nhà xép ở hai bên khu vực bị cháy. Họ ngoan ngoãn nghe theo anh, và thế là cuộc chiến đấu khá khôn khéo với thần lửa đang nằng nặc muốn thiêu hủy toàn bộ “cơ đồ”, toàn bộ dãy phố, bắt đầu. Nhưng họ làm việc vẫn có vẻ dè dặt và không gắng sức, giống như làm hộ người khác vậy.

Tôi vui sướng, thấy mình mạnh mẽ hơn bao giờ hết. Ở cuối phố, tôi trông thấy một đám phú nông do viên trưởng thôn và Kuzmin cầm đầu. Họ đứng như những khán giả, không làm gì cả, vung tay, múa gậy và kêu la ầm ĩ. Một toán bần nông từ cánh đồng phi ngựa về, mình cúi rạp, khuỷu tay

cao đến tận mang tai. Cánh đàn bà hướng cả về phía họ kêu la, bọn trẻ con thì chạy lảng xảng.

Lại thêm mấy gian nhà của một hộ nữa bốc cháy, cần phải mau mau tháo dỡ bức vách chuồng bò. Bức vách này đan bằng những cành cây to và đã được trang điểm bằng những băng lửa đỏ rực. Toán bần nông bắt đầu chặt lớp cọc hàng rào. Những đốm lửa và than rơi xuống, họ vội nhảy tránh sang một bên, lấy tay đập lửa trên áo cánh.

– Đừng sợ! – Khokhol kêu.

Tiếng kêu đó chẳng ăn thua gì. Anh bèn lột mũ của một người nào đó chụp lên đầu tôi:

– Anh chặt từ đâu kia, còn tôi chặt ở đây!

Tôi chặt được một hai cái cọc thì bức rào bắt đầu lung lay. Tôi liền leo lên bức rào, tay nắm lấy đầu trên của nó, Khokhol vội kéo hai chân tôi. Thế là cả dãy hàng rào đổ ụp xuống, phủ lên người tôi gần lút đầu. Toán bần nông cũng xúm vào kéo hàng rào ra ngoài đường.

– Có bị bỏng không? – Romass hỏi.

Thái độ sẵn sàng của anh khiến tôi thêm mạnh và nhanh nhẹn. Tôi muốn trở tài trước mặt con người thân thiết ấy, và tôi làm việc như điên như dại, cốt sao xứng đáng với lời khen của anh. Trong khi ấy, những trang sách của chúng tôi vẫn đang bay lượn trong đám khói như những con bồ câu.

Ở phía bên phải, người ta đã dập tắt được một phần, không cho đám cháy lan rộng, nhưng ở phía bên trái, đám cháy vẫn mỗi lúc một lan rộng và đã lan đến ngôi nhà thứ mười. Sau khi phân công một số bần nông ở lại ngăn chặn mảnh khóc của “đàn rắn” lửa, Romass thúc một số đồng sang phía bên trái. Khi chạy qua trước mặt bọn phú nông, tôi nghe thấy một tên thốt lên, giọng tàn nhẫn:

– Một vụ đốt nhà!

Tên chủ hiệu nói:

– Cần phải lục soát nhà tắm của nó xem sao!

Những lời nói đó đã lọt vào trí nhớ tôi một cách khó chịu.

Tôi biết rằng sự kích động, đặc biệt là cảm giác phấn chấn, làm tăng thêm sức mạnh. Tôi được kích động nên đã làm việc quên mình và cuối cùng kiệt sức. Tôi nhớ là tôi ngồi trên mặt đất, tựa lưng vào vật gì nóng nóng. Romass lấy nước ở thùng tưới vào người tôi. Đám bần nông vây quanh chúng tôi, nói lúng búng với vẻ kính trọng:

- Thằng cha thế mà khỏe!
- Thằng ấy sẽ không phản bội ai...

Tôi nép đầu vào chân Romass và bắt đầu khóc một cách đáng hổ thẹn. Anh vuốt mái đầu ướt của tôi và nói:

- Anh nghỉ đi! Thôi đủ rồi.

Kukushkin và Barinov, cả hai cùng bị ám khói đen như quỷ sứ, dẫn tôi tới khe và an ủi:

- Không sao, người anh em ạ! Mọi việc đều xong cả rồi.
- Anh sợ à?

Tôi chưa kịp nghỉ ngơi cho lại sức và hồi tỉnh thì bỗng thấy khoảng mười tên “phú nông” đi xuống khe về phía nhà tắm của chúng tôi, đi đầu là viên trưởng thôn, tiếp theo sau là hai tên cảnh sát thôn đang kèm chặt tay Romass lôi đi. Anh không đội mũ, tay áo sơ mi ướt đầm rách toạt, miệng ngậm chặt tẩu, mặt cau có trông rất đáng sợ. Gã lính Kostin vung gậy, hét lên như điên dại:

- Đem tên dị giáo này quăng vào lửa thôi!
- Mở cửa nhà tắm ra...
- Bẻ khóa mà vào, chìa khóa mất rồi. – Romass nói to.

Tôi nhồm dậy, nắm lấy cái cọc dưới đất và đứng ngay cạnh Romass. Hai tên cảnh sát thôn lùi lại phía sau, còn viên trưởng thôn thì rít lên với vẻ sợ hãi:

- Những người thuộc chính giáo không được phép bẻ khóa!

Kuzmin vừa chỉ tôi vừa kêu:

- Kìa, lại thêm một thằng nữa... Nó là ai?

– Bình tĩnh, Maksimich. – Romass nói. – Họ tưởng tôi giấu hàng ở nhà tắm và tự tay đốt cửa hiệu.

– Cả hai đưa chúng mày!

– Bẻ khóa đi!

– Những người thuộc chính giáo...

– Chúng tôi chịu trách nhiệm!

– Trách nhiệm của chúng tôi...

Romass nói thầm:

– Anh đứng áp lưng vào lưng tôi! Kéo chúng nó đánh từ phía sau lại...

Ổ khóa cửa nhà tắm bị bẻ gãy, mấy tên lập tức xô vào rồi lại vội vàng lên ra ngay. Trong khi đó, tôi nhét cái cọc vào tay Romass và nhặt một cái cọc nữa ở dưới đất lên.

– Không có gì cả...

– Không có gì cả?

– Chà, lũ quỷ sứ!

Một tên nói, giọng sợ sệt:

– Công toi rồi, các bạn bần nông ạ...

Vài giọng nói đáp lại dữ tợn như say rượu:

– Công toi cái gì cơ?

– Đem quăng tội chúng nó vào lửa thôi!

– Quân gây rối loạn...

– Tội chúng định âm mưu tổ chức các nhóm sản xuất!

– Tội kẻ cắp! Cả lũ chúng nó đều là bọn kẻ cắp!

– Im đi! – Romass kêu to. – Các anh đã thấy đấy, ở nhà tắm của tôi có giấu giếm hàng hóa gì đâu, các anh còn cần gì nữa nào? Tất cả đều bị cháy hết, chỉ còn lại có thể, các anh thấy chưa? Tôi đốt tài sản của tôi thì được gì?

– Được bảo hiểm!

Lại một chục cái họng nữa thét lên dữ tợn:

- Còn nhìn chúng nó làm gì nữa?
- Đủ rồi! Chúng ta đã chịu đựng nhiều rồi...

Chân tôi run run và cặp mắt như tối sầm lại. Qua lớp sương mù đỏ đỏ tôi nhìn thấy một loạt những gương mặt hung dữ với những cái mồm nom như những cái lỗ đầy lông lá. Tôi khó nhọc lắm mới nén được ý nghĩ tức giận muốn đánh cho lũ này một trận. Bọn chúng nhảy xung quanh chúng tôi, miệng thét:

- A ha! Chúng nó cầm cọc kìa.
- Cầm cọc à?!
- Tụi chúng nó sẽ vạt râu tôi. – Khokhol nói, và tôi thấy như anh nhếch mép cười. – Maksimich ạ, anh cũng sẽ có phần đấy, chà! Nhưng phải bình tĩnh, bình tĩnh...
- Coi chừng, thằng trẻ có rìu đấy!

Quả thực, sau thắt lưng quần tôi có một chiếc rìu thợ mộc lòi ra mà tôi quên băng đi mất.

- Tụi chúng có vẻ nhát gan lắm. – Romass nói. – Nhưng anh không được dùng đến rìu, nếu...

Có một gã bần nông nhỏ bé và thọt chân mà tôi không quen biết bước tập tễnh trông thật buồn cười, miệng la hét như điên dại:

- Cứ lấy gạch đứng xa mà ném vào tụi chúng nó! Có giỏi đánh vào đầu tao!

Gã nắm lấy một hòn gạch vỡ, vung lên và ném vào bụng tôi. Nhưng tôi chưa kịp phản đòn thì Kukushkin như một con chim kền kền từ phía trên lao vào gã, hai người ôm lấy nhau và lăn vào khe. Theo sau Kukushkin là Pankov, Barinov, bác thợ rèn và khoảng một chục người nữa chạy tới. Ngay lúc ấy Kuzmin nói giọng trịnh trọng:

- Mikhailo Antonovich! Anh là một người thông minh, anh biết đấy: Đám cháy đã làm cho những bần nông phát điên lên được...

– Maksimich! Chúng ta ra bờ sông thôi, đi tới quán ăn. – Romass nói rồi rút tẩu ở miệng ra, nhét mạnh vào túi quần.

Anh lấy cốc chống và một nhọc lăm mới bò lên được khỏi cái khe. Kuzmin đi cạnh anh và nói gì đó. Romass không thèm nhìn hẳn, anh đáp:

– Cút ngay đi, đồ ngốc!

Ở chỗ căn nhà gỗ của chúng tôi có một đồng than vàng óng đang cháy âm ỉ, ở giữa nhà là lò sưởi, một làn khói xanh từ ống khói hãy còn nguyên vẹn bay lên bầu không khí nóng bỏng. Những cái chân giường bằng sắt đỏ rực nhô ra như chân nhện. Những cột chống cháy sém đứng sừng sững bên cạnh đồng lửa như những người gác cổng vận đồ đen, một cái cột đội chiếc mũ bằng than đỏ có những ánh lửa nhỏ ở trên trông như lông gà trống.

– Sách bị cháy hết cả. – Khokhol vừa thở dài vừa nói. – Thật đáng tiếc!

Tụi trẻ con lấy gậy lửa những thanh củi lớn bị cháy sém vào vũng nước bẩn ở ngoài đường như lửa đàn lợn con... Củi kêu xèo xèo và tắt ngấm, tỏa khắp không gian một thứ khói trắng trắng, mùi hăng hăng. Một đứa bé khoảng lên năm, tóc trắng, mắt xanh, ngồi ở vũng nước ấm, đen ngòm, lấy gậy nện vào chiếc thùng méo mó, say sưa với những tiếng gõ vào sắt. Những người bị cháy nhà bước đi buồn bã, họ thu dọn các món đồ dùng còn lại trong nhà thành một đồng. Các bà thì khóc lóc, chửi rủa, cãi nhau vì những khúc gỗ cháy sém. Cây cối trong các khu vườn đằng sau đám cháy đứng trơ ra, nhiều cây vì bị nóng lá đã biến thành màu hung, những cành táo trĩu quả đỏ thắm lộ ra càng rõ hơn.

Chúng tôi xuống sông tắm rửa rồi lạng lẽ ngồi uống trà ở cái quán trên bờ sông.

– Bọn cường hào đã hoàn toàn thất bại. – Romass nói.

Pankov đi tới, vẻ mặt trầm ngâm và dụi dàng hơn mọi khi.

– Cái gì thế, anh bạn? – Khokhol hỏi.

Pankov nhún vai, đáp:

– Ngôi nhà của tôi đã được bảo hiểm rồi.

Chúng tôi im lặng, đưa mắt chăm chú thăm dò nhau một cách kì lạ, như những người không hề quen biết.

- Mikhail Antonich! Bây giờ anh định thế nào?
- Để tôi suy nghĩ đã.
- Anh nên rời khỏi đây thôi.
- Để tôi xem sao đã.
- Tôi có kế hoạch rồi. – Pankov nói. – Chúng ta ra ngoài nói chuyện đi! Họ đi ra.

Tới cửa, Pankov quay lại bảo tôi:

– Anh, anh không phải là kẻ nhút nhát! Anh có thể sống ở đây được, bọn chúng sẽ sợ anh...

Tôi cũng đi ra phía bờ sông, nằm dưới bụi cây ngấm dòng sông.

Trời nóng bức, mặc dù mặt trời đã lặn về tây. Tất cả những chuyện xảy ra ở làng này mở ra trước mắt tôi như một cuộn giấy lớn, tất cả những việc đó dường như được vẽ trên dải sông bằng đủ màu. Tôi cảm thấy buồn. Nhưng chẳng bao lâu, mệt mỏi đã thắng và tôi ngủ thiếp đi.

– Này! – Có tiếng ai gọi trong giấc mơ và tôi cảm thấy như có ai lay và cố kéo tôi đi. – Anh chết rồi hay sao vậy? Tỉnh dậy đi!

Bên kia sông, một vầng trăng đỏ tía, to như bánh xe, tỏa sáng trên cánh đồng cỏ. Barinov cúi xuống, lay tôi.

– Về ngay, Khokhol đang đi tìm anh đấy, anh ấy đang lo!

Barinov đi theo tôi, cầu nhàu:

– Anh không được bạ đâu ngủ đấy! Nhờ có người đi lại trên núi, vô ý sẩy chân làm đá rơi vào anh thì sao? Cũng có thể có người cố ý làm như vậy. Ở chỗ chúng ta người ta không đùa đâu. Anh bạn phải biết, dân ở đây chỉ nhớ điều ác thôi. Ngoài điều ác ra, họ chẳng nhớ gì cả.

Trong bụi cây trên bờ sông có ai khẽ động làm cành cây rung rinh.

- Tìm thấy chưa? – Giọng nói ngân vang của Migun.
- Tôi đang dẫn về đây. – Barinov đáp.

Đi được khoảng mười bước, Barinov vừa thở dài vừa nói:

– Anh ta chuẩn bị ăn cắp cá đấy. Cuộc sống của Migun cũng chật vật lắm!

Romass đón tôi bằng một câu trách bực tức:

– Tại sao anh lại đi chơi như thế? Anh muốn người ta nện cho anh một trận hay sao?

Khi chỉ còn lại hai người chúng tôi, anh khẽ càu nhàu:

– Pankov đề nghị anh ở lại đây với anh ấy. Anh ấy muốn mở cửa hiệu. Tôi không dám khuyên anh. Còn tôi, tôi đã bán cho anh ấy tất cả những gì còn lại, tôi sẽ rời đi Vyatka và ít lâu sau tôi sẽ viết thư mời anh đến chỗ tôi. Anh có đến không?

– Để tôi suy nghĩ đã.

– Cứ việc suy nghĩ kĩ đi.

Anh nằm xuống sàn, loay hoay một lát rồi im lặng. Tôi ngồi bên cạnh cửa sổ, nhìn xuống dòng Volga. Ánh trăng phản chiếu xuống mặt nước khiến tôi nhớ lại những ngọn lửa của đám cháy. Sát phía bờ bên cánh đồng cỏ, một chiếc tàu kéo có bánh lái đậpphành phạch nặng nề xuống mặt nước. Ba ánh lửa trên cột buồm bơi trong bóng tối, đung phẩy các vì sao và thỉnh thoảng che lấp chúng.

– Anh giận những bần nông à? – Romass hỏi, giọng ngái ngủ. – Không nên. Họ chỉ là những người ngu xuẩn. Độc ác là ngu xuẩn.

Những lời nói của anh cũng không thể an ủi, xoa dịu được cơn tức giận và sự phẫn nộ sâu sắc của tôi. Tôi nhìn thấy trước mắt mình những cái mồm thú vật đầy lông lá đã văng ra tiếng thét độc ác: “Cứ lấy gạch đứng xa mà ném vào tụi chúng nó!”

Hồi đó, tôi chưa biết quên đi những gì mà tôi không cần nhớ. Thật vậy, tôi thấy trong số họ từng người riêng lẻ cũng không độc ác lắm, và thường là hoàn toàn cô độc. Thực ra, đó là những con thú lương thiện. Có thể dễ dàng bắt bất cứ người nào mỉm cười một cách ngây thơ, bất cứ người nào

cũng có thể nghe, với lòng tin thơ trẻ, những câu chuyện đi tìm lí trí và hạnh phúc, về những kì công của lòng độ lượng.

Đối với tâm hồn kì lạ của những người này thì tất cả những gì khêu gợi ước mơ về một cuộc sống dễ chịu theo ý muốn riêng đều đáng quý cả.

Nhưng ở những cuộc hội họp trong làng hoặc ở quán ăn trên bờ sông, khi những người này tụ tập lại thành đám đông đen kịt, họ giấu đi đâu tất cả những cái tốt đẹp của họ. Họ giống như cha cố khoác chiếc áo lễ dối trá và giả nhân giả nghĩa. Ở họ bắt đầu lộ ra sự khúm núm của con chó trước kẻ mạnh, và lúc đó nhìn họ thật đáng ghét. Hoặc cũng có khi lòng họ bỗng nhiên tràn ngập sự độc ác của giống chó sói, họ dựng tóc gáy, nhe răng, la hét một cách thô lỗ, sẵn sàng đánh nhau, và đánh nhau chỉ vì những chuyện bé mọn. Trong những phút giây đó, họ thật đáng sợ và có thể phá hủy cả nhà thờ mà tối hôm qua họ vừa đi lễ một cách hiền lành ngoan ngoãn như những con cừu đi vào chuồng. Trong số họ cũng có những người thích mơ mộng và những người có tài kể chuyện, nhưng họ không được ai yêu mến: Họ sống để làm trò cười cho làng xóm, không được giúp đỡ, bị khinh bỉ.

Tôi không biết sống và cũng không thể sống giữa những con người này. Tôi giải bày tất cả những ý nghĩ cay đắng của tôi cho Romass nghe hôm chúng tôi chia tay nhau.

– Anh kết luận khá sớm. – Romass nhận xét, vẻ trách móc.

– Nhưng tôi biết làm thế nào, nếu như kết luận này đã được hình thành rồi?

– Kết luận ấy không đúng! Không có căn cứ.

Anh dùng những lời lẽ nhã nhặn, cố làm cho tôi tin rằng tôi không đúng, tôi sai lầm.

– Không nên vội chê trách! Chê trách thì dễ thôi, anh không nên mê cái đó. Nên bình tĩnh nhìn nhận mọi chuyện, nên nhớ một điều: Mọi vật đều phát triển, mọi vật đều đi tới sự tốt đẹp hơn. Chậm ư? Nhưng vững chắc! Anh hãy nhìn khắp mọi nơi, hãy thăm dò mọi cái, hãy can đảm, nhưng chớ có vội chê trách. Thôi, tạm biệt anh bạn thân mến!

Cuộc tạm biệt này kéo dài khá lâu, mãi mười lăm năm sau chúng tôi mới có dịp gặp lại nhau ở Seidlitz, sau khi Romass lại bị đi đày thêm chục năm ở vùng Yakutsk vì vụ án “phái dân quyền”^[76].

Khi Romass rời khỏi Krasnovidovo, lòng tôi tràn ngập một nỗi buồn nặng trĩu như chì. Tôi bắt đầu lang thang khắp làng như con chó mất chủ. Tôi cùng với Barinov đi khắp các thôn xóm làm công cho những bản nông khá giả, đập lúa, dỡ khoai, dọn vườn. Tôi sống ở nhà tắm của Barinov.

– Này Aleksej Maksimich, ông tướng không có quân, cậu định thế nào, hả? – Anh hỏi tôi trong một đêm mưa gió. – Ngày mai chúng ta có nên đi biển không? Này! Ở đây làm quái gì kia chứ? Ở đây người ta không thích những người như chúng ta đâu. Hơn nữa, chưa biết chừng, một ngày nào đấy chúng ta sẽ bị rơi vào tay một gã say rượu cũng nên...

Không phải lần đầu tiên Barinov nói câu đó. Không hiểu tại sao anh cũng cảm thấy buồn rầu, hai cánh tay dài như tay vượn của anh buông thõng hai bên sườn, anh nhìn quanh với vẻ chán nản, như bị lạc vào rừng rậm vậy.

Mưa quất vào cửa sổ nhà tắm, một dòng nước tràn vào góc nhà rồi chảy ồ ồ xuống đáy khe. Những tia chớp nhợt nhạt của cơn dông cuối cùng lóe lên yếu ớt.

Barinov khẽ hỏi:

– Ngày mai chúng ta đi chứ?

Thế là chúng tôi ra đi.

... Đêm thu bơi thuyền trên sông Volga thú vị không thể tả được. Tôi ngồi ở phía đuôi sà lan, ngay cạnh gã điều khiển lái nom như con quái vật to đầu, mình đầy lông lá. Gã vừa lái vừa giậm chân thành thịch xuống sàn và thở thườn thợt:

– O..o..oop!... O..rrooop!...

Phía đuôi sà lan, làn nước mênh mông đặc quánh như nhựa, khẽ vỗ oàm oạp và chảy như một dải lụa. Trên mặt sông cuộn cuộn những đám mây thu đen kịt. Xung quanh chỉ thấy bóng tối từ từ chuyển động, xóa sạch đôi bờ. Mặt đất như tan vào bóng tối, biến thành một chất nước và khói. Cả cái khối ấy chảy mãi không ngừng tới nơi nào đó phía dưới, tới một khoảng hoang vu, nơi không có ánh mặt trời, không có trăng sao.

Ở phía trước, trong bóng tối ẩm ướt, một chiếc tàu kéo nom không rõ hình dạng. Chiếc tàu chuyển động nặng nề, thở phì phì như phải chống lại một lực kéo mạnh mẽ. Ba ánh lửa – hai ánh trên mặt nước và một ánh ở tít trên cao – đi kèm chiếc tàu. Gần phía tôi có bốn ánh lửa nữa bơi dưới những đám mây đen, giống như những con cá vàng. Trong số này, một ánh lửa là chiếc đèn treo trên cột buồm cái sà lan của chúng tôi.

Tôi thấy mình như bị giam trong một cái bong bóng lạnh lẽo và đầy dầu mỡ. Cái bong bóng đó đang khẽ trượt trên mặt phẳng nghiêng, và tôi bị dính chặt vào đó như một con ruồi con. Tôi cảm thấy sự chuyển động dần dần ngừng lại và sắp đến lúc dừng hẳn. Chiếc tàu thủy sẽ thôi rú và bánh lái sẽ ngừng đập trên mặt nước đặc quánh. Tất cả các tiếng động sẽ bay đi hết như lá rụng khỏi cây, sẽ bị xóa sạch như những dòng chữ phấn. Và lúc ấy, sự bất động, im lặng sẽ hoàn toàn vây chặt lấy tôi.

Lúc ấy, cái người to lớn, mặc chiếc áo tulup rách rưới, đội chiếc mũ lông cừu xù xù đang bước đi ở bên cánh tay lái kia cũng sẽ dừng lại, đứng im tựa như trúng bùa mê vĩnh viễn và sẽ không còn gằm lên những tiếng quái dị:

– Orr..oop! Oo..oorr!

Tôi hỏi gã:

– Anh tên là gì?

– Mà cần biết để làm gì? – Gã đáp, giọng khàn khàn.

Lúc hoàng hôn, khi sà lan rời khỏi Kazan, tôi nhận thấy con người với điệu bộ vụng về như con gấu này có bộ mặt đầy lông lá và chột một mắt. Gã đứng tựa vào tay lái, dốc một chai rượu vodka vào chiếc gáo gỗ rồi uống hai hơi cạn hết chỗ rượu như ta uống nước vậy, sau đó gã cắn một quả táo. Khi chiếc tàu kéo giật mạnh chiếc sà lan, gã vội nắm chặt lấy tay lái, nhìn lên vầng mặt trời đỏ rực, lắc đầu và nghiêm nghị nói:

– Lạy Chúa phù hộ cho!

Chiếc tàu thủy đi từ hội chợ Nizhny tới Astrakhan, kéo theo bốn chiếc sà lan chở đầy sắt tấm, những thùng đường và những cái hòm rất nặng, tất cả đều là hàng cung cấp cho Ba Tư. Barinov lấy chân đá đá vào những cái hòm, hít hít rồi suy nghĩ và nói:

– Chắc chắn là súng ống của nhà máy Izhevsk...

Gã lái sà lan liền thụi cho anh một quả vào bụng và hỏi:

– Việc gì đến mà nào?

– Tôi nghĩ bụng thế thôi...

– Hừ, mà có muốn ăn một quả đấm vào mặt không?

Chúng tôi không có tiền để mua vé đi tàu khách.

Nhờ “lòng nhân đức”, chúng tôi được đi nhờ trên một chiếc sà lan. Tuy chúng tôi cũng phải “luân phiên gác” như các thủy thủ nhưng những người trên sà lan vẫn xem chúng tôi chẳng khác gì một lũ ăn mày.

– Thế mà anh nói đây là “nhân dân”. – Barinov trách tôi. – Ở đây tôi chỉ thấy: Ai trèo cao thì được ngồi lên đầu kẻ khác, ai trèo thấp thì bị kẻ khác cưỡi đầu...

Bóng tối dày đặc đến nỗi không trông thấy rõ cái sà lan, chỉ lờ mờ những cột buồm nhọn hoắt được ánh đèn chiếu sáng trên nền những đám khói đen sặc mùi dầu lửa.

Thái độ im lặng và cau có của gã lái sà lan làm tôi tức giận. Tôi bị đội trưởng đội thủy thủ phái tới “gác” ở chỗ tay lái để giúp “con thú dữ” này. Đến các chỗ rẽ, gã theo dõi sự chuyển động của những ánh lửa và khẽ bảo tôi:

– Này, nắm lấy!

Tôi vội chạy lại và quay chiếc tay lái.

– Được rồi. – Gã càu nhàu.

Tôi lại ngồi xuống sàn. Khó lòng mà nói chuyện được với con người này, gã trả lời tôi bằng những câu hỏi: “Việc gì đến mà?”

Gã đang nghĩ gì? Khi chúng tôi đi qua chỗ dòng nước màu vàng của sông Kama đổ vào dải nước màu thép của sông Volga, gã nhìn về phía bắc và càu nhàu:

– Đồ vô lại!

– Ai cơ?

Gã không trả lời.

Đâu đây xa xa, trong bóng tối thăm thẳm, có tiếng chó sủa rống lên. Âm thanh ấy làm tôi nhớ đến những tàn dư nào đó của cuộc sống còn chưa bị bóng tối đè bẹp. Nó hình như ở xa lắm, không thể đi tới được và cũng không cần thiết.

– Lũ chó vô dụng. Chỗ nào cũng thấy chúng.– Gã cầm lái bỗng nhiên nói.

– Ở đâu, ở đây à?

– Khắp nơi. Ở chỗ tao chó thật y như thú dữ...

– Anh người ở đâu?

– Vologda.

Rồi những lời nặng nề, thô lỗ nối đuôi nhau tuôn ra như những củ khoai lột khỏi cái bao rách:

– Cái thằng đi cùng với mày là ai đấy, chú bác à? Theo tao nó là một thằng ngốc. Tao có một ông chú rất thông minh. Ông ấy ngang tàng lắm... Lại giàu có. Chủ bến tàu ở Simbirsk. Mở quán ăn ở bờ sông.

Gã nói ra tất cả những lời đó chậm rãi và hình như khó nhọc lắm. Sau đó gã hướng cặp mắt mờ đục về phía ngọn đèn treo trên cột buồm và ngắm nghía xem ngọn đèn giống như con nhện vàng ấy bò trong màn đêm như thế nào.

– Năm lấy, kia... Mày biết đọc biết viết phải không? Mày có biết ai viết ra pháp luật không?

Không đợi tôi trả lời, gã tiếp tục:

– Người ta nói linh tinh lắm: Có người bảo là Nga hoàng, có người nói là tổng giám mục, có người nói là Viện Nguyên lão (Cơ quan tư pháp và hành chính cao nhất của nước Nga cũ). Tao mà biết chắc là ai viết, tao sẽ đi đến chỗ hắn ta và bảo: Ngài hãy viết pháp luật làm sao để tôi không những không thể đánh người, mà còn không thể giơ nổi tay lên đánh nữa! Pháp luật phải như sắt mới được. Như chiếc chìa khóa ấy. Cứ khóa trái tim tôi lại, và thế là hết! Lúc đó tôi sẽ xin đảm bảo! Còn bây giờ thì tôi không thể đảm bảo được. Không thể!

Gã lẩm bẩm một mình, giọng mỗi lúc một khê và rời rạc hơn, trong lúc đó tay gã khê đấm xuống cán gỗ của tay lái.

Có người từ trên tàu thủy gọi loa xuống, và cái giọng khàn khàn của gã lái đâm ra thừa, giống như tiếng chó sủa đã bị đêm tối dày đặc hút mất. Hai bên thành tàu, những ánh lửa như bị nhấn chìm bởi dòng nước đen ngòm, chiếu sáng cảnh vật một cách yếu ớt. Những đám mây đen kịt sùng nước trôi trên đầu chúng tôi. Chúng tôi càng ngày càng trượt sâu vào trong lòng bóng tối âm lặng.

Gã lái sà lan cau có phàn nàn:

– Họ đẩy tôi tới đâu? Lòng tôi đau thắt lại.

Sự bàng quan đã xâm chiếm tôi, sự bàng quan cộng với nỗi buồn lạnh lẽo. Tôi buồn ngủ quá.

Ánh bình minh yếu ớt và âm đạm vắng bóng mặt trời khẽ rón rén lách qua những đám mây đen một cách khó nhọc, nhuộm nước sông thành màu chì và để lộ ra những bụi cây màu vàng trên bờ, những cây thông phủ một lớp gì như sắt gỉ với những cành đen sẫm, một dãy nhà gỗ của thôn quê và bóng một bồn nông trông hệt như tảng băng đá. Một con chim hải âu bay phía trên sà lan, đôi cánh cong của nó vỡ phành phạch.

Tôi và gã lái sà lan được đối kíp. Tôi chui xuống dưới miếng vải bạt và ngủ thiếp đi; nhưng chẳng bao lâu – tôi cảm thấy như vậy – tiếng giậm chân và tiếng kêu la đánh thức tôi. Tôi thò đầu ra ngoài miếng vải bạt và nom thấy ba thủy thủ đang ghì chặt gã lái sà lan vào vách “buồng lái”, la hét í ới:

- Petrukha, không nên thế!
- Chúa phù hộ cho cậu, không sao đâu mà!
- Thôi đi cậu ơi!

Gã lái sà lan bắt chéo cánh tay, ngón tay nắm chặt lấy vai. Gã đứng bình thản, chân dận một gói tay nải xuống sàn, rồi lần lượt nhìn tất cả mọi người và năn nỉ bằng giọng khàn khàn:

– Hãy để cho tôi thoát khỏi tội lỗi!

Gã đi chân đất, đầu không đội mũ, mặc áo cánh và quần dài. Mớ tóc đen rối bù dựng đứng trên đầu gã và buông thõng xuống cái trán dô bướng bỉnh. Dưới trán, cặp mắt chuột chù ti hí đỏ ngầu mang vẻ cầu khẩn và lo lắng.

- Khéo cậu chết đuối mất! – Có người bảo gã.
- Tôi ấy à? Không đời nào. Các cậu cứ buông ra! Nếu không buông ra, tôi sẽ giết lão ta! Khi nào chúng ta tới Simbirsk là tôi...
- Thôi đi nào!

– Ôi, các cậu ơi...

Gã từ từ dang rộng hai cánh tay ra và quỳ xuống. Hai tay áp vào “buồng lái” như người bị đóng đinh trên thánh giá, gã nhắc lại:

– Hãy để cho tôi thoát khỏi tội lỗi!

Trong giọng nói ồ ồ của gã như có điều gì rất xúc động. Hai cánh tay vươn dài như hai mái chèo, bàn tay run run, lòng bàn tay hướng về phía mọi người. Bộ mặt gấu với bộ râu xồm xoàm của gã cũng run run, cặp mắt chuột chù mù dờ nom giống hai hòn bi đen sì nhô ra từ hai hốc mắt. Hình như có một bàn tay vô hình đã nắm chặt lấy cổ họng gã và đang cố bóp cho tắc thở.

Những bần nông lặng lẽ tránh ra để nhường lối cho gã, gã đứng dậy vung về, nhắc tay nài lên và nói:

– Thế chứ, xin cảm ơn tất cả!

Gã bước tới gần thành sà lan rồi đột nhiên nhảy xuống sông một cách rất nhẹ nhàng. Tôi cũng lao ra phía thành sà lan và trông thấy Petrukha đang lúc lắc đầu, trên đầu đội tay nài trông như đội mũ vậy. Gã bơi xiên dòng sông tới phía bờ cát, ở đây các bụi cây bị gió đánh nghiêng ngả, tung những chiếc lá vàng xuống nước như đón chào gã.

Đám bần nông nói:

– Dù sao thì như vậy là hãn cũng đã tự kiếm chế được!

Tôi hỏi:

– Hãn điên à?

– Sao lại điên? Không phải, đó là hãn muốn tự cứu vớt linh hồn...

Petrukha đã bơi đến một chỗ nông. Gã đứng đấy, nước tới ngực, và vẫy gỏi tay nài trên đầu.

Anh em thủy thủ gào to:

– Từ biệt!

Có người hỏi:

– Hãn không có giấy thông hành thì làm thế nào?

Một thủy thủ tóc hung, chân khoằm, tồ vể thích thú kể cho tôi:

– Hãn có một ông chú ở Simbirsk, ông ta đối xử với hãn rất tàn ác và đã làm hãn phá sản. Do đó hãn có ý định giết ông chú. Nhưng chính hãn lại tiếc thân, nên đã tránh đi để khỏi phạm tội. Bần nông ấy giống như một con thú dữ, nhưng lại rất lương thiện! Hãn là một người tốt...

Lúc này bần nông tốt ấy đang bước trên dải cát hẹp, ngược dòng sông và sau đó biến mất trong một bụi rậm.

Anh em thủy thủ là những người tốt, tất cả đều là đồng hương của tôi, những người Volga chính cống. Đến tối, tôi đã cảm thấy mình như một người thân thuộc của họ. Nhưng đến hôm sau, tôi nhận thấy họ nhìn tôi với vẻ khó chịu và hoài nghi. Tôi đoán ngay rằng quý sứ đã kéo lờn Barinov ra và con người hay mơ tưởng hảo huyền này đã kể chuyện gì đó với anh em thủy thủ đây.

– Anh đã kể chuyện tôi rồi phải không?

Anh gãi gãi đầu với vẻ bối rối và thú nhận, cặp mắt đàn bà như khẽ mỉm cười:

– Tôi có kể một ít!

– Ra thế! Tôi đã bảo anh đừng nói gì cơ mà?

– Tôi đã cố im lặng, nhưng vì câu chuyện hay quá. Lúc ấy chúng tôi đã định đánh bạc, nhưng người bẻ lái giật mất quân bài. Buồn quá đi mất! Thế là tôi...

Sau những lời căn vặn, tôi mới vỡ lẽ rằng Barinov vì buồn chán nên đã thêu dệt ra một câu chuyện rất ngộ nghĩnh; cuối câu chuyện, Khokhol và tôi, giống như những người Viking thời xưa, đã dùng rìu bổ vào đám bần nông.

Đối với Barinov thì tức giận cũng vô ích, vì anh ta chỉ nhìn thấy chân lí ở bên ngoài thực tế. Một hôm, tôi cùng với anh đi tìm việc làm, trong lúc ngồi nghỉ ở bờ khe trông ra cánh đồng, anh khuyên bảo tôi với giọng tin tưởng và dịu dàng:

– Nên lựa chọn chân lí theo sở thích! Kia kìa, ở bên kia khe có một đám dê đang ăn cỏ, một con chó đang chạy, một người chăn súc vật đang đi đi lại lại. Nhưng những cái ấy có liên quan gì đến ta không? Những cái đó mang lại cho tôi và anh lợi ích gì? Anh bạn thân mến ơi, anh thử nhìn mà xem: Người ác sờ sờ ra đấy, còn người thiện thì ở đâu? Người thiện còn chưa được người ta tưởng tượng ra đấy thôi!

Tối Simbirsk, anh em thủy thủ đề nghị chúng tôi rời khỏi sà lan lên bờ với thái độ rất bất nhã.

– Các anh là hạng người không hợp với chúng tôi. – Họ nói.

Họ lấy thuyền chở chúng tôi vào bến Simbirsk, và chúng tôi cứ ngồi trên bờ hong cho khô quần áo, trong túi chỉ có cả thầy ba mươi bảy kopek.

Chúng tôi vào quán uống trà.

– Chúng ta sẽ làm thế nào bây giờ?

Barinov nói với vẻ quả quyết:

– Còn làm thế nào nữa? Nên đi tiếp.

Chúng tôi đi lậu vé tới Samara trên một chiếc tàu chở khách. Đến Samara, chúng tôi làm thuê trên một chiếc sà lan; bảy ngày sau thì tới bờ biển Caspian một cách thuận lợi. Ở đấy chúng tôi tìm được việc làm trong một làng chài nhỏ trên bãi đánh cá bần thủ Kabankul – Bai của dân Kalmyk.

HẾT

Chú thích

- [1] Lydia Seifullina (1889-1954), nữ văn sĩ Nga Xô viết.
- [2] Mikhail Mikhailovich Prishvin (1873-1954), nhà văn Nga Xô viết.
- [3] Stefan Zweig (1881-1942), nhà văn Áo.
- [4] Romain Rolland (1866-1944), nhà văn Pháp.
- [5] Nadezhda Konstantinovna Krupskaja (1869-1939), vợ và bạn chiến đấu của V. I. Lenin.
- [6] Hồi kí của Gorky về nhà văn Vladimir Korolenko (1853-1921).
- [7] Một trường đại học nổi tiếng ở nước Nga thời bấy giờ, có hơn một nghìn sinh viên, chia thành các khoa: Sử học, Triết học, Luật học, Toán học, Khoa học tự nhiên, Y học...
- [8] John Stuart Mill (1806-1873), nhà kinh tế học và nhà triết học người Anh. Quan điểm lí luận của ông ta trái với chủ nghĩa Marx - Lenin.
- [9] Puocault (1819-1868), nhà vật lí học nổi tiếng người Pháp.
- [10] La Rocheríoucauld (1613-1680), nhà văn Pháp.
- [11] La Rochejaquelein (1772-1794), thủ lĩnh của phái Bảo hoàng trong thời kì Đại cách mạng Pháp (1789-1793).
- [12] Lavoisier (1743-1794), nhà hóa học lớn người Pháp, trong thời kì Đại cách mạng Pháp ông bị bọn phản động giết chết.
- [13] Dumouriez, một võ quan thời Đại cách mạng Pháp. Sau năm 1793 y bắt đầu hoạt động phản cách mạng.
- [14] Đơn vị đo lường của Nga, bằng 16,38 kg.
- [15] Bret Harte (1839-1902), nhà thơ và nhà văn Bắc Mỹ. Để tài những truyện ngắn của ông thường lấy cảm hứng từ đời sống sinh hoạt của những tầng lớp dưới trong xã hội: những người lang thang và những kẻ đào vàng.

[16] Một trò chơi thông dụng ở Nga. Người chơi dùng một quả cầu nhỏ bằng gỗ ném vào những con ki, tức là những khúc gỗ ngắn tròn, cho đổ xuống để tính điểm.

[17] Nhạc cụ gảy nhiều dây lâu đời nhất của Nga.

[18] Funta: Đơn vị đo lường cũ của Nga, bằng 409 g.

[19] Món đồ dùng truyền thống của Nga, dùng để đun nước hoặc sưởi ấm.

[20] Túc Guri - cách gọi thân mật.

[21] Skobelev (1843-1882), một võ quan nổi tiếng trong thời chiến tranh Nga - Thổ (1877-1878).

[22] Chemyshevsky (1828-1889), lãnh tụ phong trào cách mạng dân chủ vĩ đại Nga, nhà triết học duy vật, nhà văn và nhà phê bình văn học.

[23] Thầy tu Hồi giáo, đảm nhiệm việc báo giờ cầu nguyện cho tín đồ.

[24] Pisarev (1840-1868), nhà phê bình và nhà dân chủ cách mạng người Nga.

[25] Cuốn sách của nhà bác học và nhà hoạt động chính trị nổi tiếng người Nga Aleksei Nikolaevich Bakho (1857-1946), viết năm 1883.

[26] Một đảng phái chính trị của giai cấp tiểu tư sản Nga. Phái này kêu gọi nông dân chống lại chính phủ Nga hoàng, chủ trương cải trang thành nông dân để đi xuống nông thôn, “đi vào quần chúng”. Vì vậy gọi là phái dân túy. Nhưng họ không thực hiểu rõ đời sống của nông dân, nông dân không đi theo họ. Vào những năm 90 của thế kỉ XIX, phái dân túy đi vào con đường thỏa hiệp với Nga hoàng, đại diện cho lợi ích của giai cấp phú nông, điên cuồng chống chủ nghĩa Marx.

[27] Herzen (1812-1870), nhà dân chủ cách mạng người Nga, nhà lí luận và nhà văn.

[28] Darvin (1809-1882), nhà sinh vật học người Anh.

[29] Garibaldi (1807-1882), anh hùng dân tộc của Ý.

[30] Tác phẩm của nhà triết học Đức Arthur Schopenhauer (1788-1860).

[31] Người Ukraina (theo cách gọi khinh miệt của người Nga thời Nga hoàng).

[32] Một vai trong vở nhạc kịch Rigoletto của Giuseppe Verdi.

[33] Những nhân vật phụ nữ trong tác phẩm của các nhà văn Ý và Pháp.

[34] Một trào lưu tư tưởng ở Nga, chủ trương “không nên dùng bạo lực để chống lại cái ác”, phủ nhận chính trị, dùng “đạo đức để hoàn thiện con người” thay thế cho đấu tranh giai cấp.

[35] Một thuyết sinh vật học duy tâm xuất hiện cuối thế kỉ XIX, chủ trương cơ năng của sinh vật là do một hoạt lực nào đó sản sinh ra chứ không phải do vật chất.

[36] Ngày thứ bảy trong tuần, người Do Thái dành để nghỉ ngơi và cầu nguyện.

[37] Đơn vị đo chiều dài của Nga bằng 0,711 mét.

[38] Cuối những năm 90 tôi thấy một tạp chí khảo cổ học đăng tin hai người Nga đã đào được một kho của: một xoong tiền Ả Rập (Chú thích của tác giả).

[39] Những loại bánh khác nhau.

[40] Một bộ tộc Mông cổ sống ở Nga.

[41] Theo Kinh thánh, nữ hoàng Sheba nghe tiếng vua Solomon, đã đem lạc đà chở hương liệu, đá quý và vàng bạc đến gặp Solomon để giải bày nỗi lòng của mình.

[42] Versta - một dặm Nga, bằng 1,06 km.

[43] Một đơn vị đo chiều dài của Nga, bằng 2,13 m.

[44] Nhóm Ý dân là một tổ chức bí mật của phái dân túy, thành lập năm 1879. Nhóm này chủ trương khủng bố cá nhân, đã từng hai lần mưu sát Nga hoàng, Plekhanov trước đây có tham gia vào nhóm Ý dân, năm 1880 ông ra nước ngoài tiếp thu chủ nghĩa Marx và cắt đứt quan hệ với nhóm Ý dân, bắt đầu dùng lí luận của chủ nghĩa Marx tiến hành cuộc đấu tranh kiên

quyết chống lại phái dân tụy. Cuốn sách Những ý kiến bất đồng giữa chúng ta do ông viết năm 1885.

[45] Những đường hầm dài và hẹp dưới lòng đất, dùng làm nơi ẩn náu khỏi sự truy nã, nơi hành lễ và nơi chôn cất người chết của các tín đồ Thiên Chúa giáo những thế kỉ đầu.

[46] Generalov và A. I. Ulyanov (anh ruột V. I. Lenin) là những sinh viên của trường đại học Petersburg, những người thuộc nhóm Ý dân đã tham gia vào vụ mưu sát Nga hoàng Alexander III, bị xử tử ngày 08/5/1887.

[47] N. E. Fedoseev (1871-1898), một trong những nhà cách mạng theo chủ nghĩa Marx đầu tiên ở nước Nga, sau này ông đã sáng lập ra nhóm Marxist ở Kazan, trong đó có Lenin tham gia.

[48] Vị vua đầu tiên của nước Nga chính thức xưng Sa hoàng. Vị Nga hoàng này được gọi là Ivan Bạo chúa hay Ivan Hung Đế vì những việc làm độc ác và tàn bạo.

[49] Bebel (1840-1913), một trong những người lãnh đạo Đảng Xã hội Dân chủ Đức và Đệ nhị Quốc tế, đã từng làm thợ mộc.

[50] Một loại đồ uống lên men của Nga.

[51] Draper (1811-1882), nhà hóa học, sinh học kiêm sử học người Anh

[52] Những người Pharisee là những người thuộc một giáo phái của nước Do Thái cổ đại, phần lớn xuất thân từ tầng lớp thành thị giàu có, họ là những người nguy thiện và khinh thường quần chúng nhân dân.

[53] Flavius Josephus (khoảng 37-95), nhà sử học và nhà hoạt động chính trị người Do Thái.

[54] Karonin (1853–1892), nhà văn Nga thuộc phái dân tụy. Vì tham gia phong trào dân tụy ông đã bị bức hại. Phần lớn tác phẩm của ông miêu tả sự thay đổi của sinh hoạt nông thôn.

[55] Zlatovratsky (1845–1911), nhà văn Nga thuộc phái dân tụy. Nội dung tác phẩm của ông chủ yếu miêu tả cuộc sống khổ cực của nông dân và tình hình phân hóa giai cấp ở nông thôn.

[56] Nekrassov (1821–1878), nhà thơ lớn người Nga, nhà dân chủ cách mạng.

[57] Buckle (1821–1862), nhà sử học tư sản tự do người Anh, nhà xã hội học theo chủ nghĩa thực nghiệm.

[58] Lyell (1797–1875), nhà địa chất người Anh.

[59] G. Leckl (1838–1903), nhà sử học người Ái Nhĩ Lan, nhà báo.

[60] Lubbock (1834–1912), nhà khoa học tự nhiên người Anh, nhà nhân chủng học.

[61] Taylor (1832–1917), nhà nhân chủng học người Anh, nhà xã hội học.

[62] Spencer (1820–1903), nhà triết học người Anh.

[63] Dobrolyubov (1836–1861), nhà dân chủ cách mạng vĩ đại người Nga, nhà triết học, nhà phê bình văn học.

[64] Goncharov (1812–1891), nhà văn Nga nổi tiếng.

[65] Hobbes (1588–1671), nhà triết học duy vật máy móc người Anh, chủ trương chính thể quân chủ chuyên chế, ông đem nhà nước ví với con hà mã và con cá sấu hung dữ và to lớn được nói tới trong hai cuốn Thánh kinh và Ước bá kí.

[66] Mackiaveli (1469–1527), nhà hoạt động chính trị người Ý, nhà sử học tư sản, chủ trương quân chủ chuyên chế. Cuốn Quốc vương viết năm 1513, công bố năm 1532.

[67] Trại của dân du mục, và cũng là tên gọi làng của một số dân tộc ở Siberia.

[68] Vladimir Korolenko (1853–1921), nhà văn nổi tiếng, nhà hoạt động xã hội người Nga.

[69] Giày cao su đen bọc ở ngoài một đôi giày khác để đi trên tuyết

[70] Tôi không nhớ rõ tên những người bần nông và có thể lầm lẫn nhớ sai (chú thích của tác giả).

[71] Ngày 19 tháng 2 năm 1861, Nga hoàng hạ lệnh bãi bỏ chế độ nông nô. Kể từ khi nông nô được giải phóng đến năm 1888 mới chưa đầy 28

năm.

[72] Ivan Grozny – tên tục của vua Ivan IV (1530–1584) – Nga hoàng đầu tiên.

[73] Tức Izot, cách gọi thân mật.

[74] Tức Mariya, cách gọi thân mật.

[75] Antony (sống khoảng năm 83–30 trước Công nguyên), nhà hoạt động chính trị La Mã, thân cận với nữ vương Ai Cập Cleopatra, dựa vào sự giúp đỡ của Ai Cập để cứu chính quyền La Mã. Năm 31 trước Công nguyên bị thất bại trong cuộc nội chiến ở Actium và tự sát năm 30 trước Công nguyên.

[76] “Phái dân quyền” là một chính đảng của giai cấp tiểu tư sản Nga do những phần tử trí thức và phần tử dân túy địa phương thành lập vào năm 1893, tuy hiệu triệu cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhưng không có quan hệ gì với giai cấp công nhân. Năm 1894, toàn bộ những phần tử chủ yếu của phái này bị cảnh sát của Nga hoàng bắt.

Table of Contents

LỜI GIỚI THIỆU

1
2
3
4
5